Tuyển Tập Nguyễn Khải

Nguyễn Khải

NGUYỄN KHẢI TUYỂN TẬP

Đánh máy : gio_mua_dong – TTVNOL

www.sahara.com.vn

vnthuquan.net

Mục lục :

Tự Bạch
Nằm Vạ
Mùa Lạc
Bố Con
Đứa Con Nuôi
Tầm Nhìn Xa
Người Mơ Mộng
Một Trường Hợp Ly Dị
Hai ông già ở Đồng Tháp Mười
Những cô gái đòi tự sát
Nắng chiều
Một Người Hà Nội
Đời Khổ
Người ngu
Nếp nhà
Má hồng
Bảy đô một đêm
Đàn ông
Đàn bà
Chị Mai
Buổi sớm mai

Bạn viết cũ
Ước gì tôi được trẻ lại

Tự Bạch

Cũng như nhiều người viết khác, tôi vào nghề văn bằng một truyện ngắn được đăng trên tạp chí Lúa Mới của Chi hội Văn nghệ khu Ba, khoảng cuối năm 1950. Năm sau lại viết một truyện vừa, năm 1955 lại viết một truyện vừa nữa. Cả truyện ngắn lẫn truyện vừa viết trong khoảng thời gian này đều thất bại, không le lói một chút tài năng viết lách nào, như một người không có duyên với văn chương. Không ngờ cuối năm 1956 lại viết được truyện ngắn nằm vạ, năm sau viết được tiểu thuyết xung đột, được bạn bè trong nghề bắt đầu chú ý. Nên tôi coi truyện ngắn nằm vạ là truyện chính thức trình làng, truyện vào nghề của mình. Từ bấy đến nay, trong bốn mươi ba năm, tôi viết được khoảng bảy chục truyện ngắn, nay tuyển lại được non nữa, in làm một tập để bạn đọc tiện theo dõi hành trình sáng tạo của một tác giả.

Trong ba mươi năm làm biên tập tạp chí Văn nghệ Quân đội, tôi được dành hầu hết thời gian cho việc đi và viết, là người viết chuyên nghiệp, không phải làm bất cứ việc nào khác của cơ quan. Nếu phải làm cũng là do bị ép buộc, làm đâu hỏng đấy nên không được anh em tín nhiệm, rút lại vẫn chỉ có một việc làm thông thạo là đi và viết cho tới tận bây giờ. Có những năm tôi vừa viết truyện ngắn cho tạp chí vừa viết tiểu thuyết, lại có những năm chỉ viết tiểu thuyết không viết truyện ngắn và có cả chục năm chỉ viết có truyện ngắn không hề đụng bút đến truyện dài. Đó là tùy sự cảm hứng của từng thời kỳ, tôi không bao giờ tự ép nếu không thấy thích, không thấy cần.

Nhưng tiểu thuyết và truyện vừa, truyện ngắn của tôi không bao giờ bắt đầu từ sự tưởng tượng hoàn toàn, từ sự mộng mơ hoàn toàn. Tôi chỉ có thể đặt bút viết nếu tôi được chạm vào người, vào việc và những cảnh ngộ có thật trong cuộc sống. Tất nhiên không phải nhìn vào đâu, gặp bất cứ ai, nghe bất cứ chuyện gì đều có thể viết thành truyện được cả. Mà chỉ những người, những việc, những cảnh ngộ có dính líu ít nhiều tới tiểu sử của tôi, những kỷ niệm xa gần của tôi hoặc một nguyện vọng, một mơ tưởng đã

khao khát từ năm còn trai trẻ. Mỗi lần đi tôi đều ghi chép rất tỉ mỉ như một nhà báo vì tôi có trí nhớ kém. Nhưng đó chỉ là sự bắt đầu, sự gợi ý, cái nháng lửa đầu tiên, còn khi ngòi bút đã lia trên trang giấy thì mọi nhân vật đều là những hóa thân của tôi cả. Tôi chỉ mượn có cái vỏ, cái xác của người này người kia còn cái hồn phải là của chính mình. ở cô Đào (Mùa Lạc), cái Tấm (Đứa con nuôi), Hòa (Bố con) đều có một phần tôi trong đó. Trong truyện ngắn Hai ông già ở đồng tháp mười, phần nào ao ước của tôi là ông già trưởng trạm máy kéo, phần đã có những năm tháng trải qua là ông già thư ký gặp nhiều bất hạnh. Cặp vợ chồng ở chân động từ thức thì tôi chính là anh thương binh mù dẫu rằng chưa bao giờ tôi phải sống trong cảnh ngộ đó. Nhưng cái tính khẳng khái của một người có quá nhiều lòng tự trọng nên phải nhận phần thua thiệt thì chính tôi đã có lúc được nếm trải. Trong Lãng tử, hình ảnh một anh chàng lãng du, thích sống một cuộc đời phiêu lưu, tự do, nhàn tản cũng là tôi nốt, nhưng là cái tôi của ao ước, của mơ mộng bởi cuộc sống hàng ngày của mình quá buồn, quá nhạt. Còn trong ông cháu, có lúc tôi là ông già, có lúc tôi là đứa trẻ, mỗi dòng đều có tâm sự của chính mình.

Nếu một truyện ngắn hoặc một cuốn tiểu thuyết chỉ có chuyện của mình thì mạng sống của nó không thể dài hơn một bài báo. Nó chỉ có thể cho người đọc một số thông tin nào đó, là cái báo chí có thể cung cấp đầy đủ hơn, người đọc biết xong là quên liền chứ không thể tạo được một ám ảnh lâu dài. Mọi truyện ngắn và tiểu thuyết của tôi, nói cho cùng đều là tôi cả hoặc có thể là tôi, nên có những truyện được viết cách đây đã trên dưới bốn chục năm, nay đọc lại vẫn đem lại cho tôi những cảm nghĩ của bây giờ, những xúc động của bây giờ.

Những truyện ngắn in trong tập này xếp theo thứ tự thời gian sáng tác. Những sáng tác lúc trẻ thì tươi hơn nhưng những sáng tác lúc về nhà lại chứa đựng nhiều chiêm nghiệm, nó là một đời người thấm vào từng con chữ.

Người viết có thể viết hay lúc trẻ mà cũng có thể viết hay cả lúc già, miễn là thời nào ra thời ấy, khi trẻ thì văn chớ nên quá già, lúc già đừng nên viết câu văn quá trẻ, phải luôn luôn là chính mình, lúc thơ ngây lúc

từng trải, lúc vui lúc buồn, bao giờ cũng tự nhiên, thành thực.

Một tác giả khi tuyển lại những tác phẩm của một đời viết thường nghĩ một cách chủ quan, một cách thơ ngây là những truyện đã chọn đều hay cả, đều xứng đáng giới thiệu với bạn đọc cả. Cho dù người ấy đã rất tỉnh táo cũng khó mà nhận ra những cái dở của văn mình. Thì các cụ đã nói: "văn mình..." Cái thói xấu ấy cũng rất "người", rất mong bạn đọc rộng lượng.

Tháng 12 năm 1998

NGUYỄN KHẢI

Nằm Vạ

Hễ nói gì đến mụ Bột là người ta đã có sẵn cái thành kiến: "Bà ấy hay lu loa gớm đấy. Xưa kia cũng vào hạng ăn vạ có nghề". Mụ năm nay dễ đã ngoài năm mươi, người sồ sề, tóc xén ngắn vừa che kín tai, kín gáy, mắt đột vẩy cá nên sự nhìn không được tinh tường. Nhiều người bảo mụ điếc nhưng không có gì làm bằng chứng. Có câu chuyện nói hai ba lần mụ vẫn gặng : "Nói to lên một tí, tai tôi kém", nhưng cũng có những câu chỉ nói thoảng qua mà mụ cũng đón lấy được đầy đủ và có lời lại ngay. Ngày trước người anh túng đói quá đi làm ăn xa có gửi lại mụ cái hòm gian. Đến khi ông ta chết, con về làng làm ăn có xin lại cái hòm đó nhưng mụ chần chừ không trả. Người ta cứ đến khiêng về thì mụ te tái chạy đến tận nhà chửi bới rồi nằm lăn ra cổng ăn vạ, vu cho đánh. Nằm từ sáng đến tối, đứa cháu điên tiết vác gậy ra đánh thật, không đánh cũng mang tiếng là đánh rồi, mụ không ngờ đến cơ sự ấy, bị đánh đau quá vén váy chạy mất. Trong giảm tô có người tố mụ lén bỏ thuốc độc cho gà ăn, khi đội rút mụ gây sự với người đó rồi cũng nằm lăn ra sân ăn vạ. Suốt hai đêm một ngày, con cháu mang cơm đến mụ nhất mực không ăn, kiến đen bò lên mồm cũng không động đậy. Người nhà đó cũng già gan, làm ăn như thường, tối khóa cửa lại sang hàng xóm ngủ. Sáng ngày thứ hai thì đói không chịu được mụ đành chống đòn gánh về.

Nhưng từ sau "vụ Hữu-vi" mà mụ là nhân vật chính thì tiếng tăm mụ càng lừng lẫy, không phải chỉ một thôn biết mụ mà cả năm xứ cũng biết mụ.

Câu chuyện đó xảy ra sau cải cách ruộng đất bốn tháng, vào dịp gặt mùa.

Hôm ấy trời nắng ấm áp. Ngoài đồng chỉ có hai sào của anh Khái là lúa dự chưa gặt, còn toàn là nếp, tám. Những bông lúa được nắng càng vàng ra, nặng thêm, trĩu cong xuống như cái liềm nhỏ. Hai sào của anh Khái nằm trong số năm mẫu lấy ra của nhà chung chia cho nông dân trong cải cách ruộng đất. Khi chia vào tháng sáu nên anh Khái cũng được hưởng cả hoa màu kèm theo. Một vài người không ưa chế độ dân chủ cộng hòa xui giục một số con chiên đứng ra đòi lại hoa màu vụ mùa này của hai sào

ấy lấy cớ trả nhà xứ đèn nến, bù lại số hoa màu tháng sáu anh Khái lấy không. Vì lẽ đó nên lúa chín đỏ mà vẫn rập rình chưa gặt về. Sau đó ủy ban xã có lệnh lúa ai cấy người ấy gặt, ruộng được chia là của mình thì hai vợ chồng anh Khái mới yên trí ra gặt.

Quá trưa thì mụ Bột từ trong làng đi ra, theo sau bảy, tám cô cầm hái. Đến ruộng Khái mụ ngồi thụp xuống đầu bờ, nói trõ xuống :

- Cái số lúa ở hai sào này bà con đã có ý kiến là anh cho lại để các thầy đèn nến ở thánh đường.

- Ruộng này đã chia cho tôi rồi, vợ chồng tôi xới ải, chăm bón mới được bông lúa thì chúng tôi phải gặt chứ. Lúa có tự nhiên mọc lên đâu.

- Đã đành thế, nhưng vụ tháng sáu anh đã lấy không ngót hai chục thúng thóc còn gì. Lúa ấy anh chăm bón hay nhà chung ?

- Đã có chính sách chứ. Sao trong cải cách bà không nói bây giờ bà lại sinh chuyện với tôi.

Mụ đứng thốc dậy, chít lại khăn vuông rồi quay lại bảo mấy cô đi theo :

- Đã thế cứ xuống gặt đi, tội vạ đâu tôi chịu !

Anh Khái mặt đỏ gay, vừa tức, vừa luống cuống :

- Người cùng giai cấp bần cố cả sao bà lại làm thế! Thế nào cũng còn có ủy ban chứ...

Từ lúc này mụ bắt đầu điếc đặc, các cô kia ngần ngừ một lúc rồi cũng ùa xuống gặt nốt. Anh Khái lên bờ đứng nhìn, ngón chân ngón tay máu chạy giần giật. Vợ Khái nước mắt chạy quanh, chạy một mạch về làng hô hoán. Một lát người kéo ra vây kín hai sào. Một tiểu đội bộ đội đóng gần đấy cũng chạy ra. Những người gặt bắt đầu bó lúa đội về. Vợ chồng Khái chạy theo giằng lại, thóc rụng xuống đường rào rào. Trước còn bốn người giằng nhau, sau thành sáu người, thành mười người, thành hai đám xô xát nhau. Bó lúa từ đầu người này quẳng xuống đất lại lên đầu người khác, lại quẳng xuống đất, mỗi lúc một nhẹ đi.

Người to tiếng nhất là mụ Bột. Mụ đội một bó lúa, một tay cầm hái, vừa chạy trước vừa hò hét :

- Cứ đem về nhà xứ! Chẳng đứa nào có quyền giữ lại!

Tiểu đội trưởng bộ đội đứng chắn ngang ngăn. Mụ ta đâm sấn đến rồi lùi lại :

- Việc này là việc của giáo dân chúng tôi chứ của các anh đâu mà ra ngăn ?

- Cụ nên nghe tôi để lúa lại chờ ủy ban đến sẽ hay.

- Không ai chờ được !

Rồi mụ dun anh đó sang một bên, chạy dướn lên. Anh đó cầm tay mụ giữ lại. Mụ lập tức vứt bó lúa ra đường rồi từ từ khu ng, lăn ngay xuống mé ruộng nằm cứng đờ. Một tiếng thét thất thanh :

- Bộ đội đánh chết bà Bột rồi !

Những bó lúa vứt chỏng chơ ra đường, mọi người quây lại cái xác chết. Đầu xác chết kê trên một hòn đất hơi dốc nên lật ra sau, một tia nắng chiếu thẳng vào mặt, nhưng có lẽ chưa chết hẳn vì thấy cái xác đó khe khẽ cựa quậy rồi lật nghiêng lại, đầu gối lên một cánh tay cho cao hơn, còn tay kia co lên che lấy mặt cho khỏi nắng, cái vạt áo đằng trước hếch lên để lộ cả một mảng bụng thở phập phồng. Những cô gái gặt lúa lúc nãy lại xô về phía bộ đội nói léo xéo :

- Bộ đội đánh chết người à ? Thế mà cũng là quân đội của nhân dân !

- Lấy tay thụi hay báng súng nện mà chết được ngay như thế ?

- Mắt tôi thấy rõ ràng là cái anh bộ đội đứng kia, anh ấy lấy tay thụi vào mạng mỡ bà lão, bà ấy ngã ra rồi anh ta còn thúc mũi giầy bồi thêm mấy cái nữa.

Lời phân trần của bộ đội, của một số người thấy rõ sự thật bị tiếng chuông nhà thờ đổ hồi và làn sóng công phẫn át đi.

- Bà ấy lại ăn vạ bộ đội đấy mà, chứng nào vẫn tật ấy.

- Ăn vạ bộ đội thì được cái gì, chết cứng đờ kia kìa. Không đánh sao chết?

- Đã chết đâu, còn thở rốc như con cá mè kia!

Một vài người lấy rơm che lên mảng bụng, rắc lên mặt mụ. Có một cô khóc rống lên :

- úi mẹ ơi, sao mẹ đã vội bỏ con bỏ cháu lên thiên đàng hở mẹ ơi !

Nhiều tiếng khóc khác ùa theo. Những người khóc toàn kêu là bà, là

mẹ, là bá, là thím cả.

ủy ban xã đến, y tá xã và y tá của bộ đội cũng đến. Người ở các xứ khác cũng đến. Người đứng chật đường kéo dài mãi tới đầu xóm Một, trèo lên các trụ đá, xúm quanh cái xác vẫn còn thở thoi thóp. Người ta hỏi nhau :

- Ai đấy ?

- Bà Bột !

- À, lại bà Bột.

Có người cúi xuống nhấc cánh tay lên để xem tận mặt. Lúc đầu cái tay còn dễ nhắc, sau nó bíu chặt lấy mặt, càng giằng tay càng cứng lại. Tiếng rên to hơn, cái đầu nhúc nhích, chân sẽ cựa quậy.

- Đã chết đâu?

- Cũng sắp chết!

- Từ dạo xưa đến giờ đã chết mấy lần nhưng có thấy đưa đám lần nào?

Thế là có người khóc lại có cả người cười. Sự việc càng thê thảm lại càng khôi hài. Ngay cả mụ Bột đã nằm xuống đó cũng mẩm thấy tình hình này không yên được rồi. Ai ngờ lại to chuyện đến thế. Những lần mụ giả chết trước người ta chỉ chú ý bình thường thôi, nhiều người còn chê bai nữa. Đã thế mụ càng muốn chết thật, càng nằm cho gan. Nhưng hôm nay người ta bảo mụ chết thật rồi, có người khóc mụ nữa. Câu chuyện lây ra cả bộ đội, cả ủy ban, cả năm xứ. Rồi mụ lo lắng nhỡ không chết thì sao, mà chết làm sao được, ai đánh mà chết...

Ủy viên của ủy ban hỏi mọi người :

- Nếu các bà định đem lúa về nhà chung vậy ai đứng ra ký nhận số lúa đó ?

Không ai trả lời, một số đùn lẫn nhau nhưng rút lại vẫn lặng im.

Ủy viên lại hỏi :

- Không ai nhận thì số lúa đó đem về trụ sở ủy ban đợi giải quyết sau, các bà các ông nghĩ thế nào?

Cũng không ai trả lời, sau đó một số không đồng ý nhưng phần đông đều thấy nên giải quyết như thế thì ổn hơn.

Còn mụ Bột, ủy viên đề nghị :

- Nếu bộ đội có đánh thật thì xin cho y tá khám nghiệm rồi cáng bà cụ về nhà.

Tiếng khóc lại bắt đầu bật lên, ồn ào : Bà ơi, mẹ ơi, u ơi, bá ơi...

Mụ Bột càng bối rối, ruột gan nóng như lửa. Việc gì phải y tá khám nữa, giá có ai dìu được mụ về thì hay quá, cho nó yên chuyện đi... Đầu mụ ngọ nguậy rồi khe khẽ nhấc lên, mấy cuống rạ rơi xuống, nắng chói vào mặt làm mụ phải mở mắt ra, nhấp nháy mấy cái. Một bàn tay đàn ông vít đầu mụ xuống, một giọng nói quen thuộc thì thào :

- Nằm xuống !

Mụ lại để đầu xuống nhưng đầu dốc quá nên càng khó chịu hơn trước, hơi thở cố nén mãi nay không giữ được nữa càng hổn hển. Võng đã đem đến, y tá lách vào, một vài người đẩy y tá ra đòi anh bộ đội đánh chết bà Bột phải ra nhận tội, xin lỗi trước nhân dân. Nhưng ai là người đã đánh chết? Tiểu đội trưởng bộ đội chăng ? Không phải. Anh chỉ cầm tay bà cụ giữ lại. Vậy ai thụi, ai đá, bắt người đó ra nhận tội và xin lỗi. Nhưng làm gì có ai ? Mà cũng không ai trông thấy sự hành hung đó nốt để làm chứng. Vậy làm thế nào ? án mạng xảy ra giữa ban ngày, trước đông người mà đã rắc rối, phức tạp không tìm ra đầu mối.

Tiếng khóc vừa lúc nãy ầm ĩ thế, giờ đã im hẳn, không có cả tiếng thút thít nữa. Kể ra tình hình này mà khóc cũng vô lý thế nào ấy.

Vòng người đứng sát bờ lúa bắt đầu rẽ ra về trước. Rẽ đến đâu thì vòng người bó chặt chung quanh cũng tháo tung ra đến đó. Lúc chạy đến họ gọi nhau í ới, mặt hớt hải, lo sợ thì lúc về họ lại chòng ghẹo nhau, nhại tiếng khóc, cười đùa ầm ĩ.

Rồi về hết, cả ủy ban, cả bộ đội nữa vì mọi người đã thấy rõ sự thật rồi.

Trời bắt đầu tối, rồi tối hẳn. Sương mù xuống trắng xóa. Mụ Bột trước còn nằm nghiêng, chân duỗi, sau co dần, co mãi, hai tay thu vào lòng mà vẫn không thấy ấm hơn. Mụ khẽ mở mắt, chung quanh tối đen, chẳng có người nào. Mụ nhấc đầu lên rồi chống tay ngồi hẳn dậy, lưng mỏi rừ vì cố nằm mãi một chiều suốt buổi. Người ta định bỏ mặc mụ hay sao đây, ngần này tuổi đầu mà còn bị chúng nó xúc siểm, xui dại. Mụ lần ra mép bờ, bò

lên rồi tập tễnh về nhà. Con dâu ngồi ẵm con ở ngưỡng cửa thấy mẹ về hỏi một câu :

- Bà đã về !

Y như bà đi làm đồng hay chơi ở nhà hàng xóm về chứ không phải bà vừa sống lại. Mụ ngồi ở thềm hè, cơn tức đã lên đến cổ :

- Chúng bay có để phần cơm tao không ?

- Định nấu cháo đem ra cho bà nhưng ông Lưu ngăn lại, ông ấy bảo cứ để bà nằm nốt đêm nay thì ngày mai có đứa chết.

Mụ quay lại rít lên :

- Ngày mai đứa nào chết, chỉ có đứa này chứ còn đứa nào? Chúng mày muốn cho bà chết nhưng bà còn sống để hưởng phúc Chúa, bà chẳng phải dại !

Rồi mụ cầm đèn vào buồng xúc bát gạo đi nấu cơm.

11-1956

Mùa Lạc

Sáng, mây bốc mù chân núi, vây quanh lấy cánh đồng Điện Biên, nhưng trên đỉnh chóp lại hết sức trong trẻo trông thấy rõ những thân cây đứng trơ trụi và thấp thoáng mấy vệt trắng của mái nhà người Mèo. Đằng đông ửng dần lên những mảng sáng óng ánh vàng như vỏ trai, và hơi gió rất mát mẻ lay động những ngọn lá lăn tăn của cây me dại và cây rút đồng.

Bãi trồng lạc ở cánh đồng phía tây Hồng Cúm trải ra từ chân khu nhà ở của đội sản xuất số "6" mênh mông cho mãi tới giáp rừng. Giữa cái màu xanh lặng lẽ của lá lạc, lá cỏ nghệ và rút đồng, nổi lên một điểm vàng sẫm của mấy mảnh gianh và lá cót đan lẫn lên nhau. Đấy là nơi sinh động nhất của toàn bãi: tiếng chân đạp trên bàn gỗ rình rịch, tiếng vòng trục quay ù ù của ba cái máy tuốt lạc, tiếng bàn cào rê lạo sạo trên mình vỏ lạc thu gọn lại ở khoảng giữa. Mùi hăng của thân lạc tươi mới nhổ xếp lớp lớp trên các cáng và mùi ẩm ướt nồng nồng của những cây lạc đã tuốt đánh đống phơi mưa suốt đêm qua. Bụi bốc mờ mờ từ cả mấy phía, và những chấm cánh nâu của con sâu ban miêu bay sè sè vụt qua vụt lại. Mồ hôi đã thấm hết lần áo ngoài những người đạp máy, khuôn lấy hình người, hằn rõ những mảng thịt ở ngực, ở bả vai và vế đùi. Chiếc máy giữa và chiếc máy ở phía tay trái do sáu người đạp còn chiếc máy bên phải chỉ có Huân tổ viên tổ 1 và Đào tổ viên tổ 4 đứng. Đào thuộc loại người gặp một lần có thể nhớ mãi, rất dễ phân biệt với chị em khác. Hai con mắt hẹp và dài đưa đi đưa lại rất nhanh, gò má cao đầy tàn hương, và hàm răng trên hơi hô một chút. Chị bịt đầu bằng chiếc khăn vải kẻ ô vuông buông một vạt dài ra phía sau khiến những nét thiếu hòa hợp trên mặt càng trở nên thô, càng đỏng đảnh.

Đứng cạnh người đàn bà ít duyên dáng ấy là Huân, một thanh niên chưa tròn hai mươi nhăm tuổi, khỏe và đẹp trai. Anh đưa cặp mắt màu nâu nhạt ẩn dưới đôi lông mày rất đen và mịn như nét vẽ sang phía Đào. Mồ hôi đã thấm ướt vành khăn, chảy từng giọt xuống kẽ mắt, sống mũi. Cái thân người sồ sề của chị như nở to ra, hổn hển, cặp chân ngắn đạp xuống bàn gỗ đã bắt đầu uể oải, nhưng hai bàn tay vẫn thoăn thoắt quơ ra phía sau lấy từng bó lạc, và bằng cử chỉ rất nhanh chị uốn hai cổ tay xiết những rễ cây đầy củ

lạc già lên vòng trục. Huân vứt những thân cây đã tuốt hết củ sang một bên, nói khẽ:

- Xem ra mệt lắm rồi nhỉ?

Đôi mắt dài lóng lánh của Đào liếc sang Huân, phần dưới mặt hếch hẳn lên:

- Hỏi mình ấy, ý chừng muốn nghỉ chứ gì !

Huân cười rất to, hai hàm răng đều trắng lóa.

- Trông đây này!

Anh dún mạnh chân trái xuống, lập tức nhịp đạp nhanh hẳn lên, vòng trục xiết vào rễ cây xin xít, củ lạc bắn rào rào xuống đống lạc ở khoảng giữa. Cả người Đào cũng bật lên theo, thớ thịt trên bả vai khẽ rung rung, hai bàn tay xoay đi xoay lại càng vội vã. Chị đã quá mệt nhưng hai gò má đầy tàn hương vẫn nhọn hoắt bướng bỉnh và đôi mắt nhỏ tí ánh lên thách thức. Vừa lúc đến giờ nghỉ mười lăm phút, Huân đã bước ra, Đào vẫn còn dún thêm mấy đạp, rồi hai tay chống vào cạnh sườn, chị nhìn mọi người lơ láo:

- Nghỉ hử, tại sao hôm nay lại nhức đầu thế, chân tay cứ bủn nhủn ra!

Chị quay sang nhìn mái tóc xanh mỡ của Huân, cười mỉm:

- Chịu thua thanh niên thôi!

Lâm, tổ trưởng tổ 1, nháy con mắt với Đào:

- Chị, à quên, cô cũng còn đang lứa tuổi thanh niên chứ đã già gì. Tương lai chán!

Đấy cũng là câu đùa cửa miệng của nhiều người đối với Đào, nhưng lần nào nghe nói câu nói ấy chị cũng buồn tủi như chợt được biết lần đầu về mình và chỉ trong chốc lát nét mặt chị đã thay đổi hẳn. Chị nhìn Lâm hờn dỗi, rồi ngồi dựa lưng vào đống thân lạc, giọng cay chua:

- Trâu quá xá, mạ qua thì, hồng nhan bỏ bị còn gì là xuân nữa hở các anh?

Lâm liếc nhìn Huân, cười tinh quái:

- Thế mà vẫn có nhiều người thương lắm đấy !

Huân vuốt tóc ra phía sau, cặp mắt rất đẹp của anh nhìn Đào trìu mến. Đôi gò má cao của chị ửng đỏ, đôi môi định mím lại nhưng không chặt,

vừa vui sướng vừa như cưỡng lại sự vui sướng ấy. Chị thở rất mạnh, với lấy một cây lạc bứt từng củ một:

- Các anh đã biết đời em rồi đấy. Mỗi năm một tuổi, cái tuổi nó đuổi xuân đi. Nồi nào vung ấy, em đã có bố cháu dưới xuôi rồi, mai nay bố cháu cũng lên đây xây dựng xã hội chủ nghĩa cùng với em đấy.

Rồi như chợt nhận ra trò chơi độc ác của mọi người bằng cách đem ghép chị là người xấu nhất của đội sản xuất với Huân, người đẹp trai nhất, chị tiếc sự thành thật của mình, việc gì phải tủi, phải nhún mình, người nào mà chẳng có cái phần tốt đẹp. Chị nhổm dậy, đi vài bước tới trước mặt Huân, ngâm nga:

- "Huê thơm bán một đồng mười. Huệ tàn nhị giữa giá đôi lạng vàng". Giá đôi lạng vàng chứ chưa vị tất đã bán đâu anh Huân ạ.

Chị còn định nói thêm vài câu nữa, nhưng khi Huân ngẩng mặt lên, nhe hàm răng trắng bóng ra cười thì chị lại muốn quên hết, lại ao ước mình được trẻ lại, như không bao giờ có cuộc đời đã qua, mà chỉ có lúc này, một nữ công nhân trên nông trường Điện Biên Phủ, một người có quyền được hưởng hạnh phúc như mọi người con gái may mắn khác.

Đào lên nông trường Điện Biên vào dịp đầu năm, ngoài Tết chừng nửa tháng, với tâm lý con chim bay mãi cũng mỏi cánh, con ngựa chạy mãi cũng chồn chân, muốn tìm một nơi hẻo lánh nào đó, thật xa những nơi quen thuộc để quên đi cuộc đời đã qua, còn những ngày sắp tới ra sao chị không cần rõ, đại khái là chẳng hơn gì trước mấy, có thể còn gặp nhiều đau buồn hơn. Quân tử gian nan, hồng nhan vất vả, số kiếp đã định thế, trước sau vẫn chỉ một con đường ấy, không thể nào tránh được. Chị quê ở Hưng Yên, nhà không có ruộng, vẫn làm nghề đậu phụ, thời địch tạm chiếm, lại xoay sang úp men, nấu rượu. Lấy chồng từ năm mười bẩy tuổi, nhưng chồng cờ bạc, nợ nần nhiều nên bỏ đi Nam đến đầu năm 1950 mới trở về quê. Ăn ở nhau được đứa con trai lên hai thì chồng chết. Cách mấy tháng sau đứa con lên sài bỏ đi để chị ở một mình. Từ ngày ấy chị không có gia đình nữa, đòn gánh trên vai, tối đâu là nhà, ngã đâu là giường, khi ra Hòn Gay, Cẩm Phả lấy muồng, khi ngược Lào Cai buôn gà, vịt, mùa tu hú kêu sang đất Hà Nam buôn vải, tháng sáu lại về quê bẻ nhãn. Khi thì ở chợ Cuối Chắm, ở

đò Tràng Thưa, khi lại về phố Rỗ, chợ Bì, chợ Bưởi. Mùa hè vài cái áo cánh nâu vá vai, mùa đông một chiếc áo bông đã bạc, ngày mưa, ngày nắng, bàn chân đã từng đi khắp mọi nơi không dừng lại một buổi nào. Cũng có ngày đau ốm, nằm nhờ nhà người quen, bưng bát cơm nóng, nhìn ngọn đèn dầu lại sực nhớ tới trước đây mình cũng có một gia đình, có một đứa con, sớm lo việc sớm, tối lo viêc việc tối. Còn bây giờ bốn bể là nhà, chỉ lo cho bản thân mình sao được cơm ngày hai bữa, chân cứng đá mềm. Mái tóc óng mượt ngày xưa qua năm tháng đã khô lại, đỏ đi như chết, hàm răng phai không buồn nhuộm, soi gương thấy gò má càng cao, tàn hương nổi càng nhiều. Muốn về sống lại ở quê, nhưng quê hương nào còn có ai. Thôi đành cứ đi mãi, ngày khỏe đã vậy, ngày ốm chưa biết ra sao. Muốn chết nhưng đời còn dài nên phải sống. Chị sống táo bạo và liều lĩnh, ghen tị với mọi người và hờn giận cho thân mình. Chị về đội sản xuất số "6" chưa đầy một tháng đã quen khắp mặt, duy chỉ thân có mỗi Huân, vì tuy anh chưa từng trải bằng chị, nhưng lại tỏ ra rất thông cảm với cuộc dời của chị. Lần đầu tiên hai người quen nhau vào một buổi chị đi qua dãy nhà bộ đội thấy Huân đang hí hoáy pha màu vẽ cho tờ báo tường. Chị đứng khuỳnh tay, ngắm nghía rồi khen: "Anh vẽ khéo nhỉ!" Huân nhìn chị cười: "Chị có bài thơ nào đưa lên báo không?" Câu nói ấy vừa nói cho vui, vừa hơi châm biếm. Chị gật đầu nhận lời ngay: "Được thôi, thế bao giờ đưa nộp?". Huân thầm nghĩ: "Cô này biết đùa đây", nhưng vẫn dặn thêm: "Phải là thơ hay đấy!" Chị trả lời ngang ngược: "à, chắc không đến nỗi dở lắm". Chị vốn biết chữ từ nhỏ, lại thuộc nhiều thơ cổ, các câu ca, hát ví xưa, khi nói chuyện chị cũng hay vận thành vần, ví von, nên chỉ có một buổi trưa chị đã làm xong bài thơ: "Đường lên nông trường Điện Biên". Ai ngờ bài thơ lại hay, đưa lên báo có vài buổi đã nhiều người ngâm nga đọc thuộc.Anh em thấy một đôi bạn trái ngược nhau cả về hình thức lẫn tính nết liền đem họ ra gán ghép. Song chẳng qua đặt chuyện cho vui để trêu chọc chị thôi.Vì kể về tuổi thì năm nay chị đã hai mươi tám, còn nhìn ngoài mà so sánh thì tưởng chị phải hơn Huân cả chục tuổi. Hơn nữa Huân đã có người yêu và cặp ấy rất xứng đôi, còn chị là gái góa chồng không hy vọng gì được yêu một người con trai chưa từng có vợ. Nhưng mỗi buổi đi làm, cùng nhổ lạc

ở một khoảnh, cùng đứng tuốt ở một máy, nhìn đôi cánh tay cuồn cuộn những thớ thịt cháy nắng đỏ rực của Huân thoang thoáng bên cạnh, chị lại bừng bừng nghĩ tới một cảnh gia đình hạnh phúc, lại hy vọng cuộc đời của mình chưa phải đã tắt hẳn, một cái gì đó chưa rõ nét lắm nhưng đầm ấm hơn, tươi sáng hơn những ngày đã qua cứ lấp ló ở phía trước. Có thể đấy là cuộc đời còn lại của chị chăng?

*

* *

Mặt trời đã lặn từ lâu. Trời xanh như ngọc thạch, những vệt mây màu khói, màu hồng nhạt, màu tím nhạt cứ ửng lên ở bốn phía, đan vào nhau, tô điểm cho nhau rồi nhạt dần đi, trong mãi, thành một mầu xanh mờ mờ, cao tít. Những ngọn đèn nhỏ dờn dợt vàng kéo thành một dãy dọc các khung cửa của khu nhà bộ đội thấp thoáng như một dãy phố nhỏ nào đó ở vùng quê.

Tối nay nghỉ học văn hóa, vì đồng chí giáo viên ở trung đội 1 được cử về Hà Nội thi vào trường Đại học Nông Lâm. Khu nhà nữ công nhân rộn rịp người ra vào, nhộn nhạo những tiếng cười, tiếng mời chào, tiếng tay đấm lên lưng thùm thụp. Đào không đi chơi đâu. Một lá thư mới nhận làm chị bàng hoàng. Ông trung đội trưởng già phụ trách lò gạch mới gặp chị có vài bận mà đã dám ngỏ lời táo bạo. Mới đọc được mươi dòng chị giận dữ tưởng như có thẻ xé vụn từng mảnh được, người ta coi thường chị đến thế kia ư. Nhưng khi gập lá thư lại thì một cảm giác êm đềm cứ lan nhanh ra, như mạch nước ngọt rỉ thấm vào những thớ đất khô cằn vì nắng hạn, một nỗi vui sướng kì lạ rào rạt không thể nén lại nổi, khiến người chị ngây ngất, muốn cười to một tiếng, nhưng trong mi mắt lại như đã mọng đầy nước chỉ định trào ra. Từ ngày góa bụa đến nay chưa ai nói với chị một câu nào yêu thương, một lời gắn bó, chưa ai khao khát đến chị, coi chị là nguồn hạnh phúc của họ, là niềm an ủi cho họ. Những dòng, những chữ trong bức thư xa lạ cứ ngân vang mãi trong lòng chị, vang dội đến tận những kẽ ngách sâu kín nhất, thức tỉnh nỗi khao khát yêu đương, khao khát hạnh phúc mà chị cố hắt hủi, vùi nén một cách bất lực từ ngót chục năm trời nay. Cho đến lúc này chị chưa có ý định gì rõ ràng với ông trung đội trưởng mới quen

biết, nhưng trong cái dòng nghĩ miên man thế nào chị lại hình dung ra cách đối đãi với đứa con riêng của người rồi đây sẽ gọi là chồng. Nó yêu quý chị hay thù ghét chị, chị sẽ để nó ở dưới xuôi, hay đem nó lên trên này. Và khi sự tính toán trở nên quá rõ ràng chị vội nhổm dậy, thầm chê trách mình: "Rõ hay chưa, đã ra thế nào mà nghĩ vớ vẩn".

Giường nằm của Đào kê sát giường của Duệ, cách nhau có một cái bàn đóng bằng tre. Duệ, một nữ thanh niên ở ngoại thành Hà Nội, cũng mới lên nông trường Điện Biên vào dịp ngoài Tết, đang ghé mặt sát vào gương cặp nốt một bên tóc, rồi đưa hai tay thoa thoa lên má, quay lại nhìn Đào cười ngượng nghịu:

- Chị không đi chơi à ?

Đào nhìn đôi mắt tròn to của Duệ có những sợi lông mi rất thưa và hai cái bím tóc nhỏ bằng ngón tay cái buộc chỉ đỏ ở hai đầu, khẽ nói:

- Anh ấy sắp xuống chơi đấy.

Duệ đưa mắt nhìn xuống năm đầu ngón tay còn thon thảó nhưng đã vàng sẹm, lặng im một lát:

- Mặc người ta chị ạ, em không thích nói chuyện ấy đâu.

Hai bên mép Duệ khẽ nhếch lên, đầu lắc lư rồi Duệ quay đi nhìn phía khác. Từ cánh cửa bên, Huân đã bước vào, tay cầm ống tiêu dài, chào mọi người rồi ngồi xuống cuối giường của Đào, nhìn Duệ hỏi không tự nhiên lắm:

- Duệ tập nốt bài "Tình ca Tây Bắc" hôm này còn hát chứ!

Hai cái đuôi bím buộc chỉ đỏ vẫn đưa đi đưa lại trên ngực. Huân nhắc lại:

- Thế nào?

Duệ đáp lí nhí:

- Em không tập đâu.

- Chịu khó một chút.

- Em không biết hát.

- Thì hát như hôm nọ là được, chỉ cần luyện thêm một chút nữa thôi.

Duệ thở dài:

- Em không hát được đâu.

Huân đưa tay lên vuốt ngược mái tóc óng mượt, anh định cười thật tự nhiên, nhưng môi đã đờ ra và hàm răng lạnh buốt.

- Cô giận tôi đấy ư?

- Anh có gì mà em giận.

Huân thở dài rất nhỏ, nhìn Đào nói gượng một câu:

- Chị không đi chơi một lúc cho đỡ buồn.

Đôi mắt hẹp của Đào loang loáng nhìn sang Duệ, cặp môi như mím chặt lại, gò má lại càng dồ lên đanh đá:

- à, khi buồn non nước cũng buồn. Khi vui gánh đá lên nguồn vẫn vui.

Lúc chị nhìn lại Huân định hỏi một câu thì anh đã chạy ra đến ngoài rồi.

Huân không về thẳng nhà, anh rẽ sang nhà kho, trèo lên cái bệ cao giát nứa, hai chân buông thõng xuống, chống tiêu lên đùi, nhìn ra cánh đồng lạc mờ mờ xanh nhạt ánh sao ở phía trước. Tình yêu giữa anh và Duệ mới nhóm lên đã nguội lạnh rồi sao? Ngay buổi đầu nói chuyện với cô gái mảnh khảnh, rụt rè, Huân đã có cảm giác rằng cô ta sống không thể thiếu anh được. Cái khỏe mạnh về tinh thần và thể chất của anh sẽ là chỗ dựa tin cậy cho cái vóc dáng mảnh dẻ của một người mới bước vào đời. Anh muốn đem lại hạnh phúc cho người yêu mà không đòi được trả lại. Nhưng chính cái trách nhiệm với người mình yêu đã đem lại cho anh sự say sưa làm việc chưa từng có, sự sung sướng được đưa tay ra nâng một người khác lên ngang tầm với mình, và lòng tự hào về cái tình yêu rất trong sáng đó.

Trăng đã bồng bềnh nổi lên qua dãy Pú Hồng. ánh trăng lọc qua lớp sương mỏng uyển chuyển như khói, khiến khung cảnh mờ nhạt một cách huyền ảo. Huân lại thổi tiêu bài ưa thích của mình "Tình ca Tây Bắc". Anh không thích hát, vì những bài anh thuộc đều nhạt nhẽo, vô vị, nhưng khi những chấm nhạc không có linh hồn được âm thanh của tiếng tiêu điêu luyện chắp cánh cho bay lên thì những kỷ niệm xa xưa tưởng đã quên lãng từ lâu phút chốc lung linh kéo đến... Qua dãy núi này, qua mấy cánh rừng nữa là sang đất Thượng Lào rồi. Đất Lào những ngày kháng chiến, hành quân trong rừng hàng trăm cây số, đêm ngủ lại bên những sườn núi chon

von, phải đào huyệt để giữ người khỏi lăn xuống vực thẳm. Những ngày rét buốt xương, há hốc mồm mà không thể nói, vê điếu thuốc lào không chặt, cầm que diêm rơi lúc nào không biết, có người đặt lưng nằm xuống là cứ nằm như thế mãi mãi... Cũng chẳng ai ngờ khu pháo binh tây Hồng Cúm của giặc năm xưa lại là bãi trồng lạc của đội sản xuất số "6". Mới mùa xuân năm ngoái đất này còn ngập lên một rừng cây chó đẻ, dây thép gai, mìn, vỏ đạn đại bác, nhừ nát vì những hố bom, những giao thông hào. Rải rác còn có những đoạn xương người, những mảnh vải nhựa, vài lưỡi xẻng hoen rỉ, một gói tiền bọc vải đã mục nát, những khẩu súng ngắn và tiểu liên, dấu vết còn lại của những người anh hùng Điện Biên ngày trước. Mấy tháng trời liền, lưỡi xẻng đi trước, vết chân người theo sau san rừng, đào cây, gỡ mìn. Có người đã hy sinh, có người mang thương tật, dây thép gai chọc nát bàn tay, mồ hôi thấm rách từng loạt quần áo, người héo lại vì nắng, vì gió Lào, mồm lở, chân phù vì thiếu rau xanh. Mùa xuân còn đầy thương tích chiến tranh, cuối hạ, đầu thu nước lũ tràn ngập, mùa đông sương giá. Một năm đã đi qua. Mùa xuân thứ hai đã đến. Màu xanh thẫm của đỗ, của ngô, của lạc, màu xanh non của lá mạ, màu đỏ tươi của ớt chín lấn dần lên các màu nham nhở, man rợ khác của đất hoang... Một mảnh sô trắng làm rèm che cửa, một giàn liễu leo có những chấm hoa đỏ thắm ở mé hiên phía trước, bóng lá loáng mướt của rặng chuối, màu vàng ửng của khóm đu đủ, mấy con ngỗng bì bạch ở mé nhà, tiếng guốc đi lẹp kẹp, bóng dáng nặng nề của những chị có mang ở khu gia đình, những ngọn đèn le lói, mảng khói thuốc bay qua ánh đèn trông rõ từng sợi xanh. Tiếng cười the thé, tiếng thủ thỉ, tiếng la hét, tiếng trẻ con khóc. Người ta làm việc, người ta thân thiết nhau, yêu nhau và làm cho nhau đau khổ. Những nỗi niềm, những tâm sự, những mong ước. Cuộc sống vĩ đại đã trở lại rồi. Nhìn công việc làm mỗi ngày tưởng như con người bất lực, nhìn lại cả một năm không ngờ sức vóc của mình có thể thay đổi được cuộc sống nhiều đến thế. Mỗi chiều đi làm về, ngâm mình xuống dòng sông Nậm Rốm, ngắm bộ ngực dồ cao, những thớ thịt tròn trĩnh, nhẵn nhụi, đỏ rực đầy tia máu, Huân không ngờ thân hình mình vẫn giữ mãi được vẻ đẹp ngày trước. Những mũi gai thép đâm, những vệt nứa cứa, những chấm đen ở lỗ chân lông của bệnh sốt

rét rừng, màu xanh của thiếu ăn và bệnh tật đều đã được những lớp tế bào mới, xóa mờ đi, thay thế. Soi mặt trong gương anh không thấy mình đổi khác mấy, có lẽ chỉ thêm vài vết nhăn hơi hằn ở mi dưới mắt, ở cạnh sống mũi, còn thì vẫn mái tóc dày mượt ấy, đôi mắt hơi nâu ấy, và hàm răng đều trắng. Nhưng ngồi nói chuyện với Duệ thì anh biết rằng anh đã thay đổi nhiều, chiến tranh, gian khổ, năm tháng đã luyện cho anh một nghị lực mà chỉ những lúc gặp khó khăn mới thấy được hết sức mạnh của nó, và sự hy sinh hồn nhiên, giản dị cho lý tưởng của mình, cho những người khác cùng đi với mình trên một con đường...

Chợt có tiếng chân giẫm sào sạo lên đống vỏ lạc ở phía sau, Huân giật mình ngừng thổi, quay lại. Từ mé trái của nhà kho nhô ra một bóng người thấp lùn mặc cái áo cánh trắng hớt vạt ra phía trước. Ai nhỉ? Bóng người tiến lại phía anh: Đào. Anh định nhảy xuống nhưng rồi cứ bối rối tự hỏi: "Chị này ra đây làm gì? Định gặp mình hay sao?". Đào đã đứng trước mặt anh, hỏi nhỏ:

- Anh thổi tiêu đấy ư, em thích nghe lắm đấy nhé!

Chắc vì tiếng tiêu nên chị mới biết ra đến đây, hỏi gì ỡm ờ thế, lại xưng em, cô này bắt đầu thiếu đứng đắn rồi. Đào đã đứng tựa người vào cột bương, cả thân người trên bị mái gianh che tối, tiếng nói dịu đi như một hơi thở:

- Anh Huân ạ, em muốn tâm sự với anh một câu chuyện.

Huân hầu như không nghe thấy gì, anh luống cuống vì nỗi lo: "Có người ra bắt gặp thì cả đôi tình ngay lý gian. Liệu mà về thôi !". Nhưng anh vẫn ngồi im. Tiếng của Đào lại phảng phất tới:

- Anh biết anh Dịu chứ?

- Ông thiếu úy lò gạch ấy à. Có biết. Sao?

Giọng nói của Đào càng rụt rè, khác hẳn với cách nói sống sượng thường ngày.

- Anh ấy viết thư cho em, định xây dựng gia đình với em, em khó nghĩ quá... Anh thấy anh Dịu là người thế nào?

à, ra là một câu chuyện khác. Anh là người đầu tiên được Đào thổ lộ cái tin vui ấy. Anh phải có trách nhiệm với sự tin cạy của người bạn gái.

Nhưng biết trả lời ra sao?

Đào đứng nhích thêm về phía Huân, chị vắt một tay lên sạp nứa, hơi thở dồn dập dưới cái áo cánh trắng còn thoảng mùi khét của xà phòng

- Em xem ra anh ấy cũng là người thành thật, còn con anh ấy thì mình qúy nó tất nó phải qúy mình. Chẳng ai ở vậy được suốt đời, chẳng ai muốn đi vất vưởng mãi, ai cũng muốn có một quê hương. Em nghĩ mãi rồi anh ạ, em định không về dưới xuôi nữa, em ở mãi đây với các anh. Anh nghĩ xem có được không?

Quê hương thứ nhất của chị ở đất Hưng Yên, quê hương thứ hai của chị ở nông trường Hồng Cúm, hạnh phúc mà chị đã mất đi từ bảy, tám năm nay ai ngờ chị lại tìm thấy ở một nơi mà chiến tranh đã xảy ra ác liệt nhất. ở đây trong những buổi lễ cưới, người ta tặng nhau một quả mìn nhảy đã tháo kíp làm giá bút, một quả đạn cối tiện đầu, quét lượt sơn trắng làm bình hoa, một ống thuốc mồi của quả bom tấn để đựng giấy giá thú, giấy khai sinh cho các cháu sau này, và những cái võng nhỏ của trẻ con tết bằng ruột dây dù rất óng. Sự sống nảy sinh từ cái chết, hạnh phúc hiện hình từ trong những hy sinh, gian khổ, ở đời này không có con đường cùng, chỉ có những ranh giới, điều cốt yếu là phải có sức mạnh để bước qua những ranh giới ấy.

Đầu thu với những hơi gió mát dịu bay lướt lên những khóm lá xanh thẫm của cây có nghệ, những cụm ké đồng tiền, những nụ hoa trắng của cây rau tàu bay, và những bông hoa rền tía đỏ thắm hình tháp bút. Mùa thu hoạch lạc đã vào chặng cuối. Những chiếc cáng chở đầy lạc từ các ngả ngất ngưởng theo những vệt đường mờ ngổn ngang những bụi cỏ bị nhổ đã héo rễ kéo về khu máy tuốt. Đào và Huân khiêng một cáng. Cái đầu bịt chiếc khăn ô vuông nhọn hoắt của chị thấp thoáng sau những đống lạc chất cao. Hai bàn tay to và đen choàng lấy ôm từng bó lớn chuyển lên cáng. Mồ hôi chảy từng giọt dài trên gò má nham nhở vết đất, những thớ thịt như căng ra muốn xé rách manh áo nâu mỏng mặc ngoài. Lúc nào chị cũng có cái dáng vừa thoăn thoắt, vừa lừng lững. Huân chạy ra trước cáng, anh quàng đoạn dây mây bằng vải bạt qua vai, cúi rạp xuống, chiếc quần ướt đẫm mồ hôi căng theo thớ thịt, khuôn lấy cặp đùi rất tròn của anh, hai bàn tay đỏ tía

giữ chặt lấy đầu cáng và anh nhấc bổng người lên. Chiếc cáng nhẹ bẫng lao về phía trước, cặp chân của Đào loạng choạng như bị kéo đi, cái thân hình chắc nịch của chị cứ lắc lư ở phía sau. Chị kêu lên:

- Ông mãnh ơi, đi ngắn bước chứ!

Gió vẫn thổi rào rạt khắp cánh bãi. Huân vừa bước những bước dài, vừa nói to:

- Gió mát quá nhỉ. Thế là năm nay ở đất Điện Biên không có gió Lào!

Cái đầu nhọn hoắt của Đào vẫn đưa sang phải, sang trái, chị đằng hắng rồi hát véo von ở phía sau:

... Tháng giêng phây phẩy gió may
Tháng hai gió bấc, tháng ba gió nồm
Tháng tư là gió dâng lên
Gió đóng cửa đền, gió động năm cung
Tháng năm cất gió đùng đùng
Bước sang tháng sáu gió rồng phun mưa
Tháng bảy thì gió vừa vừa
Bước sang tháng tám gió đưa đòng đòng...

Giờ nghỉ sáng nay có thêm một rá lạc luộc. Cả hai, ba tổ cùng kéo lại ăn chung trò chuyện cho vui. Lâm ngồi dạng chân, tay tách lạc, mắt nhìn Đào nhấm nháy:

- Thế nào cô em, có bao giờ cô em về dưới xuôi cho tôi gởi nhờ cái này.

Đào vênh hẳn một bên mặt, môi chúm lại, mắt đưa đẩy:

- Về là về cửa về nhà. Một trăm năm nữa mới đà về quê.

Lâm vỗ đùi thét lên :

- Cô em tôi thay đổi thái độ rồi ! Huân ơi, làm một tiết mục văn nghệ mừng bà chị, mày !

Huân bước ra, lật cái khăn bịt đầu khâu bằng vải trắng, cúi xuống rất thấp chào mọi người :

Đào liếc nhìn Huân cười tủm tỉm:

- Lại sắp, lại sắp...

Nét mặt Huân nghiêm trang hẳn lên, anh bước lên một bước, một tay

chống cạnh sườn, hệt như lối đứng của Đào, một tay uốn éo đưa ra phía trước, một đoạn kịch vui sắp bắt đầu. Duệ cùng hai cô nữa cắp giành đi mót lạc cũng vừa đến. Duệ đặt chiếc giành trắng xóa những mầm lạc tươi vào một góc, khẽ lách người đứng cạnh chiếc máy tuốt. Hai con mắt có những sợi lông mi thưa cứ chớp lia lịa. Mọi người quay lại nhìn Duệ cười rất có ý nghĩa. Lúc bình thường Huân hay có tính thẹn, nhất là trước mặt người mình yêu, nhưng khi đã bước ra khoảng trống, hàng trăm con mắt dồn vào, anh trở nên bạo dạn, hoạt bát. Tất cả những người đứng trước mặt chỉ là những khán giả ham chuộng tài nghệ của anh. Thấy Duệ nhìn mình Huân khẽ nhún đầu gối xuống, một mảng tóc đen nhánh xòa xuống trước trán. Tất cả vỗ tay coi như tiết mục mở màn.

Tôi lạy ông Cầu bà Quán
Phù hộ cho mẹ đĩ nhà tôi
Nó ăn nó chơi
Nó tươi nó cười
Như con ngựa ngáp
Làm ăn chậm chạp
Có tính nỏ mồm
Đi chợ bao nhiêu khoai lang củ từ cũng chứa
Vớt bèo thì ngứa
Xay thóc nhức đầu
Chăn trâu ngã nắng
Chồng giận chồng mắng, có tính hờn cơm
Ra chân đóng rơm
Cắn chắt trừ bữa
...

Duệ yêu Huân cũng bắt đầu từ những cuộc biểu diễn văn nghệ trong giờ nghỉ. Cô mê say anh bởi cặp mắt dịu dàng, quyến rũ, cái miệng rất có duyên, một thân hình khỏe mạnh, cân đối. Đôi khi cô cũng thích tâm sự với anh vì anh rất hiểu tâm tình của người khác, biết an ủi và khuyến khích đúng lúc. Nhưng ngoài những nét đáng yêu của Huân mà bất cứ ai mới gặp anh lần đầu đều nhận thấy ngay Duệ chẳng hiểu được thêm chút nào nữa.

Tình yêu của cô đối với Huân bồng bột và bề ngoài, dễ thay đổi. Có lúc cô thấy yêu Huân tha thiết, có lúc lại lưỡng lự vì câu hỏi: anh ấy có thể đảm bảo cho đời mình được sung sướng không, mình còn có thể gặp được một người nào hơn thế nữa? Cùng một trung đội với Huân, Duệ còn có cảm tình với Hào, trẻ hơn Huân vài tuổi, là giáo viên văn hóa của đội, lại sắp được về Hà Nội thi vào trường Đại học Nông Lâm. Hiện nay anh ấy chỉ là một chiến sĩ bình thường nhưng ba năm nữa anh ấy sẽ lả một cán bộ kỹ thuật, một kĩ sư biết đâu. Hai người cùng đi nhổ lạc với nhau nhiều buổi, đã trò chuyện với nhau mấy tối ở mé nhà kho. Nhưng Duệ vẫn lo lắng vì Hào tỏ ra quá khôn ngoan trong tình yêu, anh ta dè dặt ngay cả những lúc sôi nổi nhất. Anh khuyên Duệ chỉ nên coi anh như một người bạn, sau này anh tốt nghiệp rồi, có công việc rõ ràng rồi tới lúc ấy hai người bàn chuyện xây dựng cùng nhau cũng chưa muộn. Nhưng đến cái ngày xa xôi và mong manh ấy liệu anh còn nhớ đến lời hứa năm trước không?

Huân vừa đi quanh theo một đường tròn vừa nói lối, hai tay uốn éo, nhưng mặt vẫn tỉnh khô. Các cô cứ ôm lấy nhau cười rũ ra, nước mắt giàn giụa, còn những người khác thì vỗ tay làm nhịp cho câu nói.

Nay lần mai lứa
Mày giống tính ai

Lâm hất đầu về phía Đào, gào to: "Giống tính cô Đào!" Phải như mọi khi Đào đã bật lên, tìm một câu thật cay chua để đáp lại, nhưng hôm nay chị sẵn sàng tha thứ cho mọi câu đùa tinh nghịch. Tất cả đều là những người đáng yêu, tất cả đều vun xới cho hạnh phúc của chị, đấy là anh em, là người làng, là họ nhà gái cả. Duệ ngồi ghé lên trên nắp máy tuốt, hai chân đu đưa, cái đuôi bím buộc chỉ đỏ vẫn ngọ nguậy trước ngực. Cô chẳng để ý đến lời hát, cứ mỗi lần Huân bắt chéo sang phía khác, cô lại đưa mắt nhìn theo anh, nhưng khi Huân quay mặt về phía cô thì cô lại cúi xuống lúng túng và có cảm giác hai tai mình đỏ chín. Cái giọng cố làm ra ẽo ợt của Huân cứ loáng thoáng bên tai:

Nhà thì có giỗ
Luộc gà hai mề
Thổi cơm thì khê

Rang vừng thì cháy
Con mắt hấp háy
Ăn vụng rất nhanh.
...

Tối thứ bảy. Gian nhà của vợ chồng Lâm ở khu gia đình chật ních người. Một ngọn đèn dầu sáng vàng ánh vào đĩa kẹo lạc, kẹo vừng, bánh khảo, nước chè mạn nóng. Người ngồi vây quanh cái bàn nhỏ và trên chiếc giường đóng bằng tre rất vuông vắn. Huân ngồi ở một góc trịnh trọng uống từng hớp rượu nhỏ. Mỗi hớp môi anh lại mím lại, đôi lông mày mịn và đen nhánh khẽ nhướn lên. Ngồi cạnh anh là Lộ, tay lái máy kéo của nông trường, vừa đến đội sản xuất số "6" sáng nay để cày bãi lạc, chuẩn bị gieo ngô vụ thu. Nét mặt mọi người mờ đi sau làn khói thuốc lá. Có người đề nghị chị chủ nhà hát tặng anh em một đoạn chèo hoặc một khẩu tuồng gì đó, vì chị trước đã ở đội tuồng của xã. Lựu, vợ Lâm ngồi ở mé sau giường, tóc vấn trần đầy những cặp tóc lớn nhỏ sáng nhoáng vội vàng kéo cánh màn che lấy mặt mình. Cô em chồng lôi tay chị dâu năn nỉ:

- Kìa, chị hát một bài cho chúng em nghe nào !

Hai con mắt Lựu sáng rực lên lóng lánh, chị co dúm người lại, cười ngặt nghẽo:

- Ôi giời ơi, các anh ơi, em không biết hát đâu !

Cái giọng miền trong ỏn ẻn, lên bổng xuống trầm, mới nói thường đã dễ nghe. Lộ gật đầu:

- Cứ hát như câu vừa rồi là được, cũng còn hay hơn giọng chúng tôi nhiều.

Lựu đằng hắng, mím chặt môi để khỏi cười, nhưng các bắp thịt trên mặt chị vẫn động đậy.

- Vâng, vậy thì em xin hát hiến dâng các anh một bài.

Chị vừa hát được hai câu cải lương cô em chồng đã chạy vào một góc nhà bưng miệng cười rúc rích. Lựu không hát nữa, gục đầu vào vai người ngồi cạnh, rồi nằm lăn ra giường, hai tay bưng lấy mặt rên rỉ. Cô em chạy lại phát vào mông chị:

- Chị Lựu, chị làm trò hề đấy ư!

Lựu vẫn nức nở trong cơn cười bị nén lại.

- Ôi giời ơi, em ơi, sao em lại nỡ bảo chị thế !

Vừa lúc ấy, Đào và Duệ đứng lấp ló ở ngoài nhìn vào. Lâm đang pha nước liếc trông thấy vội đặt ấm xuống chạy ra, mồm mời liến thoắng, hai tay kéo hai người. Lựu cũng ngồi phắt dậy, vấn lại tóc.

- Chị Đào ơi, chị vào nhà em chơi, nay mai vợ chồng em lại đến nhà chị.

Đào mặc chiếc áo cán bộ cài khuy vải màu xanh nhạt, tóc búi trễ. Duệ mặc chiếc áo màu hồng nhạt, cổ bẻ vát, hai cái bím tóc vừa mỏng vừa ngắn ve vẩy ở phía sau. Đào ngồi ghé xuống cái ghế kê sát vách, mắt nhìn mọi người lừ lừ, nhưng môi vẫn chúm chím. Duệ thoáng nhìn thấy Huân ngồi ở một góc, chị bước vội qua ngồi vào một mé giường quay lưng lại phía bàn nói chuyện với Lựu. Nhưng hai người nói với nhau những gì Duệ chỉ còn nhớ mấy câu đầu. Mọi giác quan của cô hầu như bị tê liệt ở mặt trước, nhưng lại rất thính nhạy ở mặt sau. Cô cảm thấy rất rõ một ánh mắt đang ve vuốt hai cái bím tóc của mình, mơn trớn những sợi tóc tơ ở gáy, và chạy lướt lên những thớ thịt ở lưng. Bên tai Duệ chỉ còn lại có một tiếng thì thào rất quen thuộc : "Em ơi, em phải tin vào em, em phải tin vào anh. Em hãy vui lên đi !". Và trong lòng Duệ cũng muốn thủ thỉ : "Em không thể xa anh được, anh đừng để em sống một mình... anh nhé! Lựu nhìn nét mặt Duệ biến đổi rất lạ lùng, chị mỉm cười tinh quái :

- Cô Duệ người khó chịu có phải không ?

Tự nhiên nước mắt Duệ giàn giụa cả ra má, Duệ gục đầu vào cánh tay mình :

- Em về đây, người em làm sao thế này.

Lâm giúi vào tay Duệ mấy cái kẹo :

- Cô lại sợ chúng tôi bắt cô hát chứ gì.

Huân cũng ngước đôi mắt ánh nâu nhìn Duệ, nói dịu dàng:

- Hãy còn sớm Duệ ạ, ngồi chơi một lát đã.

Chỉ một cái nhìn trìu mến ấy, một lời nói thương yêu ấy Duệ đã thấy chân tay mình rã rời, và mặt cô nóng bừng. Duệ muốn kêu lên: "Em đến chơi với anh từ lúc nãy sao anh không nói với em một câu nào. Anh giận

em hay sao?". Nhưng Duệ không thể làm theo như ý mình, cô chỉ đưa mắt nhìn xuống và trả lời lạnh nhạt:

- Xin phép các anh, em phải về.

Tuy không ai nói, nhưng mọi người đều rõ câu chuyện của hai người. Trông đẹp đôi thế ai ngờ cũng có những trắc trở. Gian nhà đang ồn ào bỗng lặng hẳn đi. Lộ nhìn Đào cất tiếng hỏi trước:

- Chị Đào vẫn giữ lời thề ngày nọ đấy chứ ?

Đào đu đưa cái đầu, mắt chị lóng lánh:

- Thề gì nào ?

Tất cả cười phá lên. Lộ vẫn nói thủng thỉnh:

- Thề ở vậy suốt đời ấy mà.

Lựu hễ có dịp trêu trọc ai lại trở nên hoạt bát hẳn:

- Anh Lộ mà hỏi lần nữa thì chị ấy đã có cháu rồi.

Đào cũng mủm mỉm cười, gò má đỏ ửng. Lộ uống một hớp nước, nói tiếp:

- Chuyện ấy tôi đã rõ cả rồi. Thế mới phải. Anh ấy nói với tôi là định sau mùa lạc đấy. Chị nghĩ thế nào ?

Kể ra ở cái cảnh hàn nối cũng chẳng ai muốn kéo dài thời kỳ thư đi mối lại làm gì. Tình yêu của họ bao giờ cũng giản dị, rõ ràng và không cần nhiều thi vị. Nhưng sau mùa lạc thì vội vã quá. Hôm nay đã bắt đầu cày vỡ chuẩn bị cho đợt gieo ngô tới rồi.Chị lên đây mới được hơn nửa năm nhưng trong hửa năm qua đời chị thay đổi biết bao nhiêu, bàn tay của chị đã làm qua nhiều công việc. Mới gieo lạc ngày nào, bây giờ lạc đã được mùa lớn. Dạo đi trẩy đỗ chị mới gặp đồng chí thiếu úy lò gạch lần đầu, hai bên nói chuyện với nhau cũng dửng dưng. Thế mà hôm nay bắt tay vào vụ gieo ngô, số phận hai người đã gắn bó làm một. Chị nhìn mọi người với con mắt biết ơn vì mặc dù họ đùa bỡn, họ chế riễu nhưng tất cả đều hoan hỉ vun đắp hạnh phúc cho hai người. Chị nhìn Huân đang ngồi hút thuốc lá ở một góc, thầm nghĩ: "Anh Huân ơi, Duệ nó có hạnh phúc hơn tôi nhiều vì nó có được một người chồng như anh. Tôi hiểu lòng anh hơn nó, nhưng tôi không ghen với nó đâu. Nó có quyền được hưởng cái hạnh phúc tốt đẹp ấy. Nó yêu anh lắm, anh hãy bạo dạn lên đi".

Hồng Cúm 3/8/1959

Bố Con

Hôm ấy vào tối thứ bẩy. Mưa suốt một ngày, càng về tối mưa càng tầm tã. Nhìn ra ngoài chỉ thấy mờ trắng toàn hơi nước, và nổi lên lất phất những ngọn tre lá tỏe ra hai bên như cái chổi lông gà. Chúng tôi có ba người, pha một bình trà đặc nói chuyện với nhau. Đồng chí Nam, tổ trưởng một tổ sản xuất, và Hòa ở trong tổ máy kéo mới đến đây được một tuần để cày mấy chục mẫu đất chuẩn bị cho vụ gieo ngô mùa thu. Lần đầu tiên tôi quen Hòa vào một buổi sáng tôi xin ngồi nhờ đầu máy kéo. Anh nhìn tôi bằng con mắt rất dài và đen :

- Dầu máy giây vào quần áo khó giặt lắm đồng chí ạ.

Không hiểu vì lẽ gì tôi thấy mến anh ngay, và thầm nghĩ mình có thể trở thành bạn thân của anh được. Tôi leo phắt lên quàng tay giữ lấy cái lưng ghế bọc da, hỏi nhỏ :

- Đồng chí tên gì ?

- Hòa.

- Đã đến hai mươi tuổi chưa ?

Hòa quay nhìn tôi cười, hàm răng to và thưa, trắng bóng:

- Lính nông trường không còn trẻ lắm đâu, hai mươi ba rồi đấy.

- Cũng còn trẻ chán !

Tiếng máy nổ ầm ì nhưng rất vang khiến hai chúng tôi không thể nói chuyện tiếp được. Từ hôm đó hễ có dịp gặp nhau anh chỉ nhìn tôi cười mỉm, rồi lại bận bịu vào công việc, cho mãi tới tối nay.

... Khói thuốc lá, hơi nóng của nước trà, sức nặng của mưa rơi và cái im lặng của chung quanh dễ khêu gợi những kỷ niệm mà thường ngày bị chìm đắm trong những công việc kế tiếp nhau lướt đến. Nhưng chưa ai biết nên bắt đầu câu chuyện như thế nào, tôi lại hỏi Hòa cái câu thường lệ của những người mới làm quen nhau :

- Ông cụ bà cụ sinh ra đồng chí còn cả chứ ?

Ai ngờ cái câu tưởng như nhạt nhẽo ấy lại là đầu mối của một câu chuyện.

- Bố mẹ tôi còn cả, nhưng hai bố con tôi mới gặp nhau được có vài

năm nay.

Và cũng nhân cái không khí thuận lợi của một tối mưa, anh bắt đầu kể.

"Một tối thứ bảy vào cuối năm 1955 tôi nhận được thư của u tôi nhờ đứa cháu họ viết báo tin bố tôi đã về, hiện ở bộ đội và đề cả địa chỉ đơn vị của bố tôi. Chỉ một buổi tối mà tôi xem đi xem lại mấy dòng chữ đột ngột ấy có đến vài chục lượt, vừa nghi hoặc, vừa lạ lùng, mênh mang một ý nghĩ mơ hồ hình như bức thư này không phải gửi cho tôi, có lẽ của một người nào khác trùng tên họ. Trong đám sương mù của quá khứ thường hay lóe lên những tia chớp trong một lúc chiếu sáng nhiều đoạn hình ảnh thuộc về những kỷ niệm đã qua, song chưa bao giờ tôi thấy có một hình ảnh rõ rệt, đậm nét nào về người bố. Từ năm lớn lên tôi chỉ biết có một bà mẹ, một chị gái và một anh trai. Đấy là những người thân nhất, người của gia đình. Bà mẹ tôi thương các con, hy sinh vì các con, nể các con. Bóng dáng một người mẹ tần tảo, chịu đựng, hiền hậu xâm chiếm trái tim chúng tôi từ ngày còn thơ ấu, ảnh hưởng đến cả cách sống của gia đình, mẹ bảo ban các con, anh chị khuyên răn em, trìu mến lẫn nhau, thương xót nhau. Nếu đôi lúc có nghĩ tới một người bố xa lạ nào đó, thì tôi tin ngay rằng bố tôi đã chết từ lâu rồi, từ năm tôi mới đẻ. Nào ngờ bố tôi hãy còn sống, đã trở về tìm đến gia đình, và ông cụ cũng là một quân nhân (tôi vẫn không sao tin ngay được chuyện đó có thật). Sự xúc động lúc đầu thật mạnh mẽ, đến choáng váng, vừa sung sướng, vừa hãnh diện, nhưng liền sau đó một nỗi buồn mông lung, không duyên cớ cứ chập chờn quanh quất như vừa đánh mất một cái gì, nhưng cũng không thể rõ cái gì đã mất. Cái buồn ấy giống như một sự ganh ghét, một nỗi lo âu, vì tôi chưa quen nghĩ rằng mình phải có một người bố, gia đình mình phải có một người đàn ông đứng đầu. Cái tình cảm bố con hầu như chưa bao giờ nảy mầm ở trong tôi. Bao nhiêu lòng yêu thương tôi đã dồn về người mẹ cả. Hơn nữa bố tôi là người như thế nào đây, tính tình có giống như mẹ tôi hay hoàn toàn khác hẳn. Thêm sự có mặt của bố tôi liệu cái không khí đầm ấm của gia đình có bị nhạt loãng, nguội lạnh đi không.

"Đêm hôm ấy tôi trằn trọc vì những lời lẽ sẽ viết trong lá thư gửi bố ngày mai, nhưng trong lòng vẫn thấy lạnh lùng, thờ ơ thế nào ấy. Tôi sẽ

viết nhiều về công tác của tôi hiện nay, những thành tích mà tôi đã đạt được cốt để cho bố tôi hình dung ra đứa con trai của mình là một thanh niên cứng rắn, một chiến sĩ trong quân đội (bằng cách nào đó tôi phải để lộ cho bố tôi biết tôi đã là tiểu đội phó). Phải dùng những lời văn thật bóng bẩy, nếu cần sẽ có cả một bài thơ chúc mừng tình cha con sum họp. Nhận được thư hẳn ông cụ sẽ phải ngạc nhiên và tự hào vì có một đứa con giỏi giang, sẽ biết nể những ý kiến sau này của tôi, và trong quan hệ cha con ông cụ cũng sẽ đối đãi bình đẳng hơn.

"Sáng hôm sau tôi để anh em đi chơi hết, xin một tờ giấy viết thư và một phong bì thật đẹp. Mới đề được hai chữ "Thưa thầy !", mấy ngón tay cứ run bắn hầu như không phụ thuộc vào sự sai khiến của mình nữa. Bao nhiêu ý nghĩ trong đêm qua phút chốc bị xóa sạch, trước mắt cứ nổi lên mãi hai chữ "Thưa thầy !". Thời kỳ đóng quân ở Thái Bình, tôi đã nhận một ông cụ có con hy sinh trong chiến dịch Điện Biên Phủ làm bố nuôi, tôi đã gọi ông cụ bằng "thầy" rất vui vẻ, hồn nhiên, với ý định làm giảm bớt nỗi đau đớn của một người cha. Sáng nay cũng viết lại hai chữ quen thuộc ấy, dòng chữ, trang giấy trở nên thiêng liêng, nghiêm trọng. Tôi chỉ viết được hơn mười dòng, câu cú rất lộn xộn, dòng cuối cùng lại là cái câu mà tôi rất muốn tránh "con cảm động quá nên chẳng biết viết gì hơn thầy ạ".

"Lá thư được gửi đi với tấm ảnh mới chụp của tôi. Nửa tháng sau tôi nhận được thư của bố tôi từ Hà Tĩnh gửi ra, cũng kèm theo một tấm ảnh. Từ ngày nhận được tin bố, tôi vẫn tưởng tượng ra hình ảnh một ông già rất giống tôi nhưng khắc khổ hơn, từng trải hơn với hõm má sâu, cặp mắt tư lự và nửa đầu bạc trắng. Đến khi cầm bức ảnh tôi hoàn toàn thất vọng vì ông cụ hầu như chẳng giống tôi một chút nào, còn quá trẻ, đầu đội mũ, hai má rất đầy, đôi lông mày đen rậm. Nếu so ra thì bà chị cả còn già hơn bố tôi đến vài tuổi. Thế mà người này đã làm bạn với mẹ tôi trên ba chục năm nay, lại là bố của chúng tôi... Cứ mỗi lần ngắm lại người bố của mình có cặp má rất đầy, đôi lông mày rậm tôi lại thấy bứt rứt, bực dọc. Cuối cùng tôi cất tấm ảnh vào trong ví, không đưa một người nào khác xem, tự mình cứ tin rằng người bố chính là cái hình ảnh đã tưởng tượng ban đầu. Tâm trạng của tôi ngày ấy nửa muốn gặp mặt để xem hư thực thế nào, nửa lại

muốn kéo dài thời gian xa cách vì lo rằng rồi đây bố con ngồi giáp mặt nhau biết nói với nhau những gì.

"Đầu năm 1956 bố tôi báo tin phục viên về làng. Giữa năm ấy anh tôi viết thư kể chuyện đã về phép và gặp bố, mẹ ở nhà đang có mang, anh có giục tôi nên cố gắng về vào dịp cuối năm vì bố ở nhà rất mong. Cuối năm thì tôi được về phép.

"Tôi về đến xóm trại thì trời đã xẩm tối. Mấy người gặp tôi chỉ hỏi được về phép bao nhiêu ngày, còn không nói gì đến bố tôi. Tôi cũng nén sự tò mò để khỏi hỏi lại, cố giữ cái phút đầu tiên được gặp bố không bùng ra quá sớm. Tâm trạng tôi lúc ấy giống như một đứa bé lạc vào nơi hoang vu, vừa muốn hét to lên cho tất cả đều biết sự có mặt của mình để giảm bớt nỗi lo sợ, vừa muốn nín hơi thở, dón dén đi từng bước nhỏ để dò xét những sự huyền bí sắp xảy đến. Đấy là lần về phép đầu tiên sau ba năm đi bộ đội.

"Bước vào sân ngõ nhà bỏ hoang, không một ánh đèn, không một tiếng động nhỏ. Lên đến hè, tôi đứng lại khẽ đằng hắng, vẫn không có tiếng ai hỏi lại. Tôi lần theo hàng cột đến mép phản, đặt ba lô xuống, bật diêm châm đèn. Nhìn quanh quẩn thấy đồ đạc vẫn kê như ngày trước, chỗ nằm của mẹ tôi mắc một cái màn đôi còn mới, một cái bát điếu để trên cái hòm gian, mấy cái áo đàn ông treo giáp vách buồng. Trong vầng sáng nhạt mù mờ hơi mông mốc, phảng phất có một cái gì rất xưa cũ, quen thuộc, và cũng có một cái gì khác lạ, lạc lõng.

"Hàng xóm thấy tôi về lục tục kéo sang hỏi thăm. Nhà thì hẹp chỉ có hai gian rưỡi, cái nhà cuối cùng tôi cất lên trước khi đi bộ đội (bảy lần trước đều bị địch đốt phá trong các trận càn), nên nhiều người cứ đứng lố nhố ở ngoài hè hỏi vào. Qua câu chuyện tôi mới được biết mẹ tôi đã sinh một đứa em gái, hiện nay vẫn ở nhà hộ sinh trên tỉnh. Cách hai mươi năm nay mới sinh nở nên mẹ tôi bị băng huyết và sát dau. Bố tôi ở nhà ba hôm, lại lên tỉnh một hôm, con gái lấy chồng ở tỉnh khác, hai con trai đi bộ đội, ở nhà hai vợ chồng già, một khỏe, một ốm nên rất bấn. Người hỏi, người nói, nhưng nhìn nét mặt mọi người tôi thoáng nghĩ có lẽ bà con sang chơi không cốt chỉ để thăm hỏi, mà còn như chờ đợi một cái gì khác. Ngoài thềm hè nhiều tiếng xì xào đan đi đan lại nhưng nghe không rõ.

Chợt có tiếng lanh lảnh của một đứa con gái ở mé sau nhà tôi vọng ra đồng :

- Ông ơi, cậu cháu đã về !

Một giọng rất trầm từ trên đê dội lại :

- Cậu nào ?

- Cậu Hòa ấy !

"Bố tôi đã về ! Tim tôi co hẳn lại, nặng trĩu, mỗi nhịp đập cứ vang lên nghe rõ từng tiếng một, máu dồn lên mặt nóng bừng và đầu óc quay cuồng. Cái phút vừa mong đợi, vừa ngại ngùng từ hơn một năm nay đã đến. Tôi biết xử trí như thế nào đây. Từ phút ấy tôi vẫn nói vẫn cười, nhưng hoàn toàn không hiểu được mình đã nói những gì. Một phút qua, mười phút qua, mười lăm phút trôi qua, không thấy một người nào rẽ đám đông bước vào, tôi đưa mắt nhìn khắp lượt, không thêm một khuôn mặt nào mới. Nhưng không ai hỏi chuyện tôi nữa, tất cả đều im lặng. Tôi chưa kịp hiểu tại sao lại im ắng đến thế, thì ở vòng ngoài cùng có tiếng cười khúc khích, rồi chỉ một loáng ngay cả những người ngồi trước mặt tôi cũng cười. Có lẽ tôi vừa buột nói điều gì lầm lỡ ? Như có linh cảm, tôi quay người lại nhìn vào góc tối cạnh cái hòm gian, một người không quen mặt, mặc áo bông bộ đội, đang nhìn tôi chằm chằm. Tôi đứng phắt lên, đi lại hai bước, môi run bắn nhưng cố bật ra mấy tiếng :

- Có phải thầy đấy không ?

Người đó không trả lời, vẫn nhìn tôi, còn tôi không đứng nổi trên đôi chân nữa, ngồi ngay xuống mép phản, nước mắt đã trào ra giàn giụa. Bố tôi (đúng người đó là bố tôi) cầm lấy cái bát điếu, đi qua tôi ra góc phản tôi vừa ngồi. Vừa thông điếu, bố tôi hỏi, giọng miền Bắc nhưng rất nặng:

- Vừa về à ?

- Con về nhà được nửa tiếng rồi. Thầy đi đâu về ? (tôi gọi tiếng thầy vẫn ngượng ngịu)

- Tát nước mạ... Anh ăn cơm chưa ?

- Con ăn rồi.

"Bố tôi bật mảnh đóm vào cạnh bát điếu, rồi đưa đóm châm lửa, nhưng đến mấy lần đầu đóm cứ trượt ra ngoài vành bóng. Bố tôi quẳng đóm ra

cạnh, rờ rờ lên mặt phản rất nhanh, vơ vội lấy hộp thuốc lào, hai tay cứ xoay đi xoay lại cái nắp một cách không tự chủ. Bà con chào hỏi một vài câu rồi kéo về. Tôi mấy lần định nói một câu gì cho đỡ ngượng, nhưng lưỡi cứ đờ ra như nặn bằng đất sét. Thế là cả hai vẫn ngồi im. Bố tôi cũng không nhìn thẳng vào mặt tôi, cứ nhìn ngang ngang tầm ngực, và như đọng lại nhiều ở cái huy hiệu Điện Biên Phủ tôi đính phía trên nắp túi áo bông. Qua ánh đèn tôi ngắm bố tôi, và giật mình không hiểu vì lẽ gì mà trí tưởng tượng của tôi lại gần đúng với sự thật đến thế. Thật ra khuôn mặt bố tôi không giống ảnh chụp mấy. Tóc cắt ngắn sát da đầu, lấp loáng từng mảng trắng, đuôi mắt kéo xuống trông như một mí mòng mọng, lúc nhìn ngang cái màng ngoài rất đục, bắp thịt ở má cũng không tròn căng như trong ảnh mà đã nhẽo, hơi chảy, lớp da ở cổ đã bong ra khỏi thịt, nhăn lại. Mọi nét trên mặt đều mệt mỏi, duy chỉ có đôi vai rất rộng và hai bàn tay to có những ngón hầu như vuông lúc nào cũng động đậy là tỏ ra bố tôi hãy còn sức gánh vác nhiều công việc, chứ chưa cần phải nghỉ ngơi.

"Đêm ấy hai bố con ngủ với nhau. Ngọn đèn để nhỏ bằng hạt đậu trên cái hòm gian. Khi bố tôi quay mặt về phía tôi nói chuyện, khuôn mặt ấy bỗng dưng trở nên rất thân yêu quen thuộc, như vốn đã ở bên tôi từ ngày còn bé. Nhưng khi bố tôi nằm ngửa, chỉ thấy cái nét dồ lên của gò má, sống mũi, tôi lại cảm thấy khác lạ, như mình đang nằm cạnh một người chưa hề quen biết. Mùi thuốc lào, mùi rượu, mùi dầu xoa, và mùi mồ hôi lâu ngày cứ phảng phất góc này góc nọ. Chốc chốc tôi lại tự hỏi: mình đã về nhà chưa nhỉ ? Mình đã gặp bố chưa nhỉ ? Người nằm cạnh là ai vậy? Tiếng bố tôi vẫn thầm thì :

- U anh ở nhà thương đã được ba tháng rồi nhưng vẫn còn yếu lắm, mất nhiều máu quá... Mà mình tôi chạy đi chạy về thành thử việc đồng áng phải cạy tổ cả.

- Vụ mùa nhà thu được bao nhiêu thóc ?

- Nếu có công thì cũng được khá đấy. Năm nay lúa tốt. Nhưng nhà không có người, đến đập cũng phải mượn công nên còn lại chẳng được là bao, lại tiền thuốc men, tàu xe...

Rồi như sợ mình than vãn nhiều quá ảnh hưởng đến con, bố tôi hỏi lảng

sang chuyện khác :

- Anh đi bộ đội đầu năm 1954 à ?

- Trước ở nhà con đã là du kích rồi, đến đầu năm 1954 thì được bổ sung lên mặt trận Điện Biên. Từ năm ấy đến nay con vẫn ở nguyên một đơn vị.

- Hồi ngoài này đánh Điện Biên thì đại đội chúng tôi lại về hoạt động ở chiến trường Long Châu Hà.

Trong khi trò chuyện với tôi, bố tôi thường hay xưng tôi, chúng tôi, và gọi con bằng anh, từng lời đều có cân nhắc, thận trọng, đối xử với tôi bằng tình đồng đội đồng chí hơn là tình cha con. Thoạt đầu tôi rất ngượng và thầm nghĩ có lẽ ông cụ còn giữ kẽ, định dò xét thái độ của tôi ra sao đây. Nhưng càng nói bố tôi càng tỏ ra rất tin cậy ở con, nhiều lúc nghẹn ngào bố tôi lại dừng một lúc lâu rồi đưa tay lên dụi mắt, khi tôi nhìn cái gò má nhọn hoắt thấy nhấp nhoáng ướt. Cũng trong đêm ấy lần đầu tiên tôi được biết những câu chuyện trong gia đình thuộc về hơn hai mươi năm trước.

"Năm ấy bố tôi trốn con, bỏ vợ (tôi hãy còn nằm trong bụng mẹ) đi Nam chỉ vì cờ bạc nhiều, mang nợ đến vài trăm tiền mặt, sào ruộng cuối cùng đã bán, năm gian nhà gỗ xoan cũng đã dỡ gán cho chủ nợ, cũng tưởng rằng vào trong ấy kiếm ăn dễ dàng, rồi ra cũng có thể chắt chiu, dành dụm được một món trở về quê hương. Nhưng đặt chân đến nơi mới biết ở đâu cũng khó sống liền rủ một nhóm người cùng tỉnh đang thất nghiệp lập một gánh chèo đi hát ở tỉnh nhỏ và vùng quê. Gánh chèo vỡ, hết kế sinh nhai, cùng đường bố tôi đành ký giao kèo vào làm phu cho sở cao su Nam Kỳ. Trong những ngày tủi cực nhất bố tôi được giác ngộ cách mạng, sau khởi nghĩa gia nhập quân đội ngay. Từ bấy đến ngày tập kết, đúng mười năm trời, khi chiến đấu ở chiến trường Đồng Tháp Mười, khi lại về hoạt động ở vùng Vĩnh Trà Bến rồi Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu...".

Bố tôi kể tiếp :

"- Thầy bỏ nhà ra đi năm ba mươi ba tuổi, đến nay vừa đúng hai chục năm (từ lúc này bố tôi xưng thầy, và gọi tôi bằng con). Suốt hai mươi năm một nỗi ân hận cứ dằn vặt trong lòng : thầy đã đang tay giết một vợ với ba con. Một mình ra đi lưu lạc nay đây mai đó, hai bàn tay làm đổi lấy miếng

cơm, kể ra cũng không sung sướng nỗi gì nhưng thầy nghĩ u con ở nhà còn khổ sở gấp trăm lần : món nợ của thầy còn đó, hai con còn thơ, bụng mang dạ chửa, bố mẹ không còn, họ mạc hai bề xem ra cũng không ai giúp đỡ được, làm sao sống nổi qua những năm đói kém trước cách mạng. Hoặc giả nếu u con có còn sống, thì chắc đã đi bước nữa, các con có lẽ đứa sống, đứa chết hoặc đem cho những nơi có bát ăn làm con nuôi, đứa ở, gia đình tan nát chứ không thể toàn vẹn được. Ngày ở trong ấy, các bà má thấy thầy đã có tuổi mà lại chưa vợ con, có lòng thương cứ mai mối giúp. Nhưng thầy đều từ chối, vì nghĩ rằng mình không xứng đáng nhận cái hạnh phúc mới, mình phải chịu lấy hình phạt ở vậy suốt đời để chuộc lại cái tội ngày xưa. Tháng tám năm ngoái thầy được về Hà Nội dự lễ tuyên dương Anh hùng quân đội vì năm ấy thầy được bầu là chiến sĩ thi đua của sư đoàn. Sau đó tranh thủ về phép mấy ngày thăm quê. Trước sau thầy vẫn đinh ninh rằng gia đình chắc chẳng còn ai, nhưng càng tin thế mối hy vọng được sống lại cảnh đoàn tụ ngày trước càng nung nấu và càng lo sợ nếu sự thực đúng như mình đã phỏng đoán. Ngày xưa đây gọi là xã Kiên Trung thuộc tổng Nhữ Xá, nhưng nay lại đổi là thôn Hữu Trung, thuộc xã Hồng Quảng, nên khi đến cống Quải lạc đường hỏi thăm không ai biết. Về đến quán Búc thì gặp chị Duật đi chợ về đang ngồi nghỉ. Sau vài ba câu chuyện biết chị người cùng làng, thầy hỏi dò chi cánh bà Tư Bần có còn ai, rồi lại hỏi thêm bà Hoán có còn sống không.Hỏi xong cái câu ghê rợn nhất ấy thầy tưởng như mặt mình mất hết máu. Chị ấy đáp : "Bà thím tôi vẫn khỏe, chú tôi đi Nam Kỳ hơn hai mươi năm nay chẳng có tin tức gì, các con bây giờ đã lớn, cô gái cả lấy chồng bên Hưng Yên, còn hai cậu nó đi bộ đội cả". Thầy định kêu lên : "Chúng nó vẫn còn sống cả ư, tôi là bố chúng nó đây !" nhưng cố kìm lại khoác ba lô đi một mạch. Thầy không ngờ nhà ta vẫn ở khu đất cũ. Bước vào sân, thầy nhận ra u con đang ngồi dạm lại cái rá ở đầu hè. Thấy thầy vào u con nhìn lên nhưng không nhận ra. Sau thầy bước gần lại, bỏ mũ, nói khẽ : "Nhà còn nhớ tôi không?". U con nhìn thầy một lúc rồi mếu máo gọi tên thầy lúc còn ở nhà : "Anh Chẩn hãy còn sống về với vợ với con đấy ư anh!" Cả hai đều đã trên dưới năm chục tuổi, tóc bạc gần nửa, răng rụng vài ba chiếc, những ngày sống còn lại có thể tính năm

được mới lại gặp nhau, mới hiểu hết lòng nhau... Thầy cảm ơn u con đã vì thầy chịu đựng mọi tủi cực, thiếu thốn nuôi nấng các con, gây dựng cho các con nên người. Đời thầy vất vả đã nhiều, nhưng u con còn vất vả gấp trăm lần, ơn ấy sống để dạ, chết mang đi...

"Bố tôi quay vào trong vách hỉ mũi, mãi một lúc lâu mới quay sang phía tôi.

"... Thầy cũng cảm ơn chế độ ta, cảm ơn cách mạng **đã đào tạo các con khác hẳn với thầy ngày xưa... Thầy cứ nghĩ ngày thầy bỏ đi đến nhà cũng phải dỡ gán cho chủ nợ, thước đất cuối cùng cũng phải bán, trong nhà không còn đến một hào bạc. Còn con mới mười bảy, mười tám tuổi đầu, một tay dựng lại tám lần nhà ở. Ngày đi bộ đội còn để lại cho u con hơn trăm thùng thóc ăn dần. Thầy biết uống rượu, biết đánh bạc từ năm mười chín tuổi, còn con mới mười tám tuổi đã thành chiến sĩ Điện Biên Phủ. Mỗi đời một khác là thế đấy con ạ. Đời thầy không thể sánh với đời các con được. Thầy cống hiến cho cách mạng chẳng được bao nhiêu nhưng cách mạng đã đem lại cho thầy cái hạnh phúc lớn nhất mà thầy không bao giờ dám ao ước. Cứ mỗi lần nhận được thư của con, của anh con thầy vừa sung sướng, vừa tủi hổ, tự nghĩ mình không xứng đáng là bố những người con như thế... Thầy yêu thương các con, thầy kính trọng các con, con cũng hiểu cho lòng thầy...**

"Tôi nằm sát lại bố tôi, một tay tôi quàng qua ngực nắm lấy vai bố. Bố tôi cũng đưa bàn tay ram ráp những chai sạn nắm lấy tay tôi, khẽ nói :

- Thôi, con ngủ đi không mệt, khuya lắm rồi!"

"Hôm sau tôi theo bố tôi lên tỉnh thăm mẹ và em gái. Nhân lúc bố tôi rẽ vào nhà người quen chơi, tôi lẻn ra phố bán chiếc đồng hồ mới mua năm trước. Còn một hôm nữa thì phải trả phép, tôi tính lại số tiền **dành dụm được cả thảy mười lăm vạn đưa cho bố tôi chi dùng thuốc men cho mẹ và lấy lương ăn cho đến chiêm. Bố tôi cầm gói tiền nhìn tôi rồi òa khóc. Tôi cầm lấy tay bố an ủi : "Con đi bộ đội không cần đến tiền. Thầy đừng nên nghĩ ngợi nhỡ ốm nằm đấy thì lấy ai săn sóc, chúng con đi vắng cả".**

"Sáng hôm tôi đi, bố tôi dậy rất sớm, nấu niêu cơm nếp, kho ít tôm gói

vào cái mo, cẩn thận như một bà mẹ và dặn tôi :

- Đi đường lúc nào đói thì ăn, thỉnh thoảng viết thư cho thầy u.

"Tôi đã bước sang bên kia chiếc cầu **tre đi vòng lên mé đê, vẫn thấy bố tôi đứng vịn vào thân cây vối nhìn theo, một dáng người cao lớn, hơi cúi về phía trước, cái áo bông bộ đội màu xanh nhạt và chiếc quần nâu...**

"Từ ngày ấy bóng dáng người bố, đêm tâm sự đầu tiên đã trở thành những hình ảnh khắc sâu nét trong tâm hồn tôi. Bố tôi bảo đời sau bao giờ cũng hơn đời trước, nhưng tôi nghĩ những người già đều có sự khôn ngoan của mình, cái hạnh phúc lớn nhất mà cách mạng đem đến cho gia đình tôi phải qua câu chuyện của bố tôi, tôi mới hiểu hết được**. Cách mạng đã thay đổi những con người và những con người ấy đã đem lại hạnh phúc cho nhau".**

Hồng Cúm 16-9-59

Đứa Con Nuôi

- Thế nào, cháu đã mỏi chân chưa ?

Cừ, chủ nhiệm chính trị nông trường dừng lại hỏi rất âu yếm đứa con gái chừng mười ba, mười **bốn tuổi đi sau anh vài bước. Đứa bé hai tay xắn lấy quần, chăm chú tránh mấy vũng nước, rồi ngẩng lên, ngước đôi lòng đen rất sáng nhìn người hỏi :**

- Mới đi được có mấy bước bác đã sợ cháu mỏi chân... Có bác mỏi chân thì có.

Cừ để cho đứa bé đi trước mìn**h, nhìn cái dáng nhỏ nhắn của nó cứ chao đi chao lại trên mặt đường nhầy nhụa bùn vì cơn mưa đêm trước. Lượt vải chiếc áo sơ mi nâu may quá rộng trườn qua trườn lại trên cái lưng rất ngắn, một mái tóc cắt đến gáy cũn cỡn, hai cái bụng chân rất gầy, tất cả cái vẻ đằng sau của đứa bé sao mà tội nghiệp và trái tim Cừ như bị thắt lại vì những ý nghĩ thương xót. Quê nó ở Hà Đông, bố mẹ đã hy sinh trong kháng chiến, từ đó nó đi ở cho hết nhà này đến nhà khác, cuối cùng theo vợ một đồng chí cán sự ở châu lên Điện Biên, giúp đỡ chị ấy khi sinh nở. Nó đã ở với gia đình nọ được nửa năm, sau không hiểu vì lẽ gì lại bị đuổi, bơ vơ mất mấy ngày ở ngoài phố. Chuyện ấy đến tai Cừ, anh nảy ra ý định nhận đứa bé ấy làm con nuôi. Anh đón nó về ban chính trị trưa hôm qua, và sáng nay nhân ngày chủ nhật anh đưa về chỗ vợ ở đội sản xuất số 6. Đồ đạc của nó vỏn vẹn chỉ có một cái ba lô đã sờn hết mép (không hiểu ai đã cho nó), chăn màn không có. Ngay chiếc ba lô anh đeo trên vai đây cũng rất nhẹ, tuy các cạnh rất vuông vắn. Anh lại hỏi :**

- Cháu có áo rét không ?

- Cháu chẳng thấy rét bao giờ bác ạ, có một cái áo trấn thủ nhưng cũng không mấy khi cháu mặc đến.

- Rét Điện Biên không như ở dưới xuôi đâu, mặc phong phanh là dễ ốm lắm đấy.

Hai người đến bờ sông Nậm Rốm thì đã gần trưa. **Đứng bên này chiếc**

cầu bắc bằng những miếng sắt lát sân bay ngày trước, nhìn sang bên kia bờ Cừ ngạc nhiên vì mới có nửa tháng không qua đây mà khung cảnh đã như đổi mới hẳn. Tre măng mọc vút lên, vượt hẳn những lớp lá lăn phăn của bụi tre già. Mo nang ở các đốt tre ôm chặt lấy từng gióng, vàng nượm như bụng rắn, ở các đốt đã chìa ra những nhánh rất nhỏ, mấy chiếc lá non bám vào mỏng mảnh như những nét phảy. Những cụm cỏ nghệ mới đây còn xanh tốt như rừng, bây giờ đã bắt đầu vàng sẹm, chùm hoa ở giữa gốc màu tím điều cũng héo hon, sắp hết mùa cỏ dại rồi.

Bước qua cầu, Cừ đi sát cạnh đứa con nuôi, và bỗng nhiên anh thèm muốn được gọi nó là con, nhưng con bé vẫn coi anh như người xa lạ, nó gọi anh bằng bác với cái vẻ tự nhiên, vốn đã là một cách xưng hô quen **thuộc của nó đối với nhiều người. Anh mỉm cười gượng gạo, nói khẽ :**

- ở đây hơi xa phố cháu đừng buồn nhé.

Con bé lặng im một lát, mãi nó mới nói, giọng rất đanh như người lớn tuổi :

- Cháu ở đâu cũng được bác ạ.

Trò chuyện với một đứa con gái mới mười bốn **tuổi trong một buổi tối và suốt dọc đường từ nông trường bộ về đến đây, Cừ luôn luôn ngạc nhiên vì những câu trả lời bất ngờ của nó. Anh vừa thương hại, vừa khó chịu vì nó đã khôn ngoan quá sớm, nó già hơn tuổi vì những lời lẽ đối đáp rất tinh khôn, và tính toán chi li đến từng câu trả lời. Nhìn những mái nhà nổi lên thành một dải vàng nhạt trên những ngọn me dại, xoan và những cây chó đẻ, con bé khẽ kêu lên :**

- Đến rồi hở bác, chóng quá nhỉ, cháu tưởng còn đi xa nữa.

- Ta rẽ ra đồng thăm lúa một chút. Chỉ **vài hôm nữa ở đây vào gặt rồi. Bận lắm đấy.**

Trèo qua một cái giá tre có bực thang dựng lên trên hàng dây thép gai ngăn trâu bò là khu vực trồng lúa nương của nông trường. Những cây lúa cao ngợp đầu người, ngả ra che kín cả con đường mòn chạy ở giữa. Bông **lúa đã sạm vàng, nhiều bông đã gục mặt, đôi bông mới uốn câu. Mép trấu hé mở để lộ ra những bao phấn mỏng mảnh nắng đã se dần màu**

trắng, ở những chẽ trên mép trấu đã ngậm lại còn lòi ra một chút đầu bao phấn hoe hoe vàng nhạt. Trong gió hanh tiếng lúa cọ vào nhau nghe rất nặng, vừa khô vừa sắc. Cừ lách mình vào giữa rừng lúa, vừa đi vừa cúi xuống nâng những cây ngả gạt sang hai bên. Hai cánh mũi anh co giãn rất nhanh, một thứ hương vị nồng nhạt, thoảng thơm phảng phất khắp mọi chỗ. Đi theo mãi cái vách thành kết bằng những hạt lúa dày kín ấy, hai người chợt bước ra một khoảng đất trồng lạc rộng mênh mông. Lạc ba tháng đã ra hoa, hoa lạc ẩn dưới gốc vàng chói, chập chờn như những cánh bướm, màu lá lạc được mưa xanh mỡ, trông non và ngọt như cốm. Và khu nhà trống để máy kéo cũng đã kề sát ngay phía đầu bãi bên kia.

Ngày chủ nhật, bộ đội và anh chị em công nhân ra chơi phố và đi thăm các đội bạn gần hết. ở mỗi nhà còn chừng mươi người đánh cờ tướng, tu-lơ-khơ, hoặc đẽo cán liềm, gắn lưỡi hái, chuẩn bị cho vụ gặt**. Cừ vừa đi ngang sau khu nhà trung đội I, có tiếng gọi giật lại :**

- Anh Cừ về chơi đấy ư ?

Cừ ngoảnh lại, Quang tổ trưởng một tổ sản xuất đang nhìn anh cười, trước mặt ngổn ngang đến chục cây giang và một bó lạt đã chẻ.

- Lâu lắm mới lại gặp nhau. Lấy gỗ **xong hôm nào thế ? Không đi chơi đâu à ?**

- Lại về đội được nửa tháng rồi anh ạ... Cũng định ra phố một tí nhưng các cô tiểu thư lại nhờ chẻ hộ lạt. Mai vào gặt rồi... Cháu nào thế ?

Cừ chưa kịp trả lời thì con bé đã nghiêng đầu nhìn Quang, cười rất tự nhiên :

- Cháu về đây để gặt giúp các chú mấy buổi.

Quang cười to :

- Ra thế, vậy chú xin xung phong cõng cháu ra ruộng nhé... Tối anh có rỗi tôi lại chơi.

- Thì về chơi chứ có về họp đâu mà không rỗi. Tối đến nhé, mình mới mua được gói chè hương.

Chị Lụa mấy hôm nay bị đau bụng nên nghỉ ở nhà. Chị ngồi một mình đang hí hoáy bóc lạc. Cừ đứng sững ngay ở ngưỡng cửa nói to :

- Đến nhà rồi đây !

Chị giật mình quay ra thấy chồng đang nghiêng mặt nhìn về phía sau.

- Ai đến chơi thế !

Vừa lúc ấy một cái đầu nhỏ bé, **tóc cúp ngắn ló vào :**

- Chào bác ạ.

Cừ đặt ba lô lên giường, giới thiệu :

- Đây là bác gái cháu, còn đây là cháu Tấm.

Chị Lụa ngắm một lượt đứa bé xa lạ mới đến :

- Con ai mà nhớn nhỉ ?... Cháu mới ở quê lên hôm nào đấy?

Cừ gõ gõ điếu thuốc lá xuống bàn, c**ười :**

- Con tôi chứ còn con ai, bố con tôi ngủ nhờ bà chủ đêm nay nhé...

Tấm liếc nhìn cả hai người, rồi nó bưng miệng cười, hai con mắt sáng lên rất ranh mãnh. Bằng một cử chỉ rất nhanh, nó chạy lại đầu giường xách chiếc ba lô để lên một góc cái hòm gỗ, t**hành thạo như đã từng đến đây vài ba lần. Chị Lụa vẫn còn đang theo dõi nó bằng con mắt dò xét thì nó đã cúi xuống gậm giường, hỏi :**

- Nhà còn đôi guốc nào cho cháu mượn rửa chân với. Và không đợi người chủ nhà trả lời, nó đã lôi ra một đôi guốc mộc, quai **dù từ góc một chân niễng :**

- Đây rồi, quai này là bền lắm nhé. ở trên kia có chú tích trữ đến hai đôi, cháu hỏi xin một đôi chú ấy nhất định không cho... Sao có người độc bụng đến thế.

Mới phút đầu con bé đã ăn nói quá lém lỉnh, chị Lụa đặt giá lạc lên bàn**, nét mặt lạnh nhạt hẳn, hỏi chồng :**

- Có ăn cơm nếp không để tôi lấy thêm gạo ?

Cừ cởi áo mắc vào chiếc đinh đóng trên tường, anh thấy vợ không vồ vập, ân cần đối với con bé nên lựa lời giới thiệu thêm:

- Con bé thông minh, nhanh nhẹn lắm, tôi nhận nó làm **con nuôi đấy. Quê nó ở Hà Đông, bố mẹ chết cả, đi ăn đi ở từ bé. Mình hiếm hoi có nó cũng vui...**

Anh định nói thêm thì tiếng Tấm đã léo xéo ở đầu chái :

- Cháu là người nhà bác Cừ đấy ạ. Chốc nữa mời chú sang chơi.

Nó định bước vào trong nhà thì chị Lụa g**ắt lên rất đột ngột:**

- Lại tha đất vào đầy nhà bây giờ...

Nó đứng sững ngay lại, nét mặt đờ ra, nhưng rồi khẽ cúi đầu xuống đập đập đôi guốc vào thềm hè. Từ lúc ấy nó không nói một câu nào, ngồi im lặng trên cái ghế dài kê sát tường, lặng lẽ ngắm bà chủ nh**à tính tình không lấy gì làm vui vẻ lắm...**

Trong khi Tấm tính toán thầm với riêng nó thì Cừ cũng để ý xem xét thái độ của đứa bé khôn ngoan ấy đối với vợ mình ra sao. Càng nhìn anh càng ngạc nhiên vì cái khuôn mặt kỳ lạ của đứa con nuôi, phía trán hóp lại **gần như nhọn, dưới cằm lại bành rộng ra theo hình vuông khiến nét mặt mất hết mọi vẻ thơ ngây, cái miệng rộng, hàm răng to và đều như hàm răng của người con gái dậy thì, hai con mắt đắn đo, dò xét, lấp lánh một vẻ tinh khôn, lanh lẹn đặc biệt.**

Đột nhiên chị Lụa hỏi nó :

- Cháu năm nay mười mấy tuổi ?

- Tính cả tuổi mụ là mười bốn, cháu tuổi Sửu đấy. Tuổi Sửu là vất vả lắm.

Cừ mỉm cười :

- Cháu còn bé mà đã tin ở tướng số rồi à ?

Bữa cơm chiều Tấm tranh làm gần hết mọi việc. Mới đầu chị Lụa cũng giữ kẽ với c**hồng không cho làm. Nhưng sau thấy nó cứ nằn nì, quanh quẩn không chịu đi đâu, hơn nữa cơn đau bụng lại bắt đầu âm ỉ nên chị dặn dò một chút rồi đi nằm. Mâm cơm dọn lên rất ngon lành, rau sào, đậu phụ rán, lại thêm một đĩa rau thơm, hành sống. Vào bàn ăn Tấm cũng dành ngồi ngoài xới cơm. Vừa ăn nó vừa hỏi chị Lụa ở đây có vại muối dưa không, có lọ to để ngâm dấm đu đủ không, có biết cách làm đậu phụ nhự của miền Nam không ?**

Cừ nghe nó hỏi cặn kẽ mọi việc như một người nội trợ đảm đang, anh bật cười :

-Có làm được không mà hỏi lắm thế ?

- Cháu vẫn làm mà lại.

- Vậy bác đề nghị bổ sung cháu vào tổ nuôi quân nhé.

- Nhưng lò bếp của các chú ấy đắp cao quá bác ạ.

Trong bữa cơm chị Lụa đã nhìn Tấm bằng con mắt dịu dàng hơn, con bé tuy ít tuổi nhưng làm ăn đâu vào **đấy. Dù có phải nuôi mỗi tháng mất vài chục bạc nhưng khi ốm đau đã có người săn sóc, đỡ đần... Chỉ phải tội mặt mũi nó trông láu lỉnh, xảo trá quá. Rồi chị cứ miên man suy tính thiệt hơn, có lúc thấy nó cần thiết cho mình, có lúc lại thấy nó là gánh nặng cho mình, cho nên chị cũng không hẳn tỏ ra cởi mở, dễ dãi, nhưng cũng không đến nỗi lạnh nhạt, cau có như lúc đầu. Còn Tấm không phải chỉ hỏi một cách vô tư, nó cũng nghĩ về nó, về thái độ của hai người chủ nhà, và tự bảo thầm : "Mình ăn mấy vực cơm nhưng đã làm cho bà ấy cả buổi chiều, mình không ăn xin, nay mai bà ấy không thể kể ơn với mình được..."**

Lên đèn được một lúc, chị Lụa đã đun sôi ấm nước thì Quang cầm một cây mía bước vào.

- Mía tăng gia của tổ đây, trồng được mấy bụi ăn phí ăn hoài gần hết cả, **còn được vài cây phần anh.**

- Có ngọt không ?

- Mía Điện Biên còn phải nói... Cháu có ăn mía không hay sợ sún răng ?

- Chú làm cháu như là trẻ con không bằng.

- Aỏi chà, thì người nhớn được với ai.

Cừ liếc nhìn Tấm ngồi thu lu ở một góc giường, định nói : **"Nó bé nhưng có khi còn khôn hơn chú đấy", nhưng lại thôi. Chị Lụa đã đắp chăn đi nằm. Cừ lấy một lọ trà đưa ra trước đèn khoe với Quang :**

- Cậu thử nhìn xem là nhãn hiệu gì ?

Quang nhìn chăm chú rồi cười ầm :

- Sao lại đựng trà vào lọ thuốc điều kinh của **bà ấy ?**

- Đấy ông xem, vợ thì thuốc điều kinh, chồng thì trà hương hảo hạng, cái này đựng vào cái nọ, hết lọ nhớn đến lọ bé làm gì mà không tiêu ma cơ nghiệp.

Quang nhìn đồng chí chủ nhiệm, người anh và cũng là người bạn tâm phúc từ ngày anh vào bộ đội đến **nay. Sáu, bảy năm rồi, con người ấy**

hầu như không thay đổi mấy. Vẫn hàm râu quai nón không mấy khi được nhẫn nhụi, cái cười sảng khoái, rộng rãi, chan chứa thương yêu. Vẫn lối nói thẳng thắn, không e nể một ai, không giấu giếm một cái gì. Vẫn cách sống ồn ào, sôi nổi, thích đùa cợt.

Cừ dốc một ít trà vào lòng bàn tay, khẽ nghiêng nghiêng mé tay soi vào ánh đèn, rồi hỏi Quang:

- Uống đặc được chứ ! Hôm nay nói chuyện lâu một tí, cần gì ngủ sớm.

- Anh còn nhớ hồi đi chiến dịch nấu nước trà bằng ống cát cút không ?

- ừ, ừ... thế mà lúc uống vẫn say sưa, thú vị nhỉ. Mình cứ nhớ một cái ống cát cút bọc giấy báo đút vào túi áo ca-pốt, đến chặng nghỉ múc ít nước suối, móc hai quai vào cành cây, ông "con rể" đốt một bó đuốc hơ, chỉ năm phút nước đã sôi ùng ục, cho **vào một dúm trà búp, cái thứ trà chiến lợi phẩm ấy mà. Thế là bố con, bạn bè quây lại xuýt xuýt, xoa xoa, đến hay... Nhân nói chuyện xưa lại nhớ đến thằng "con rể", nó hy sinh ở Mường Khoa nhỉ. Thằng ấy còn sống thì không chừng cũng trở thành cán bộ kỹ thuật hạng cừ. Uống đi không nguội... Cháu Tấm có uống được nước trà không... không dám uống à... Cũng phải. Chè chén nên nhường cho bọn già... Thế nào, kỳ về phép vừa rồi có được vui vẻ không ? Kết quả tốt đẹp chứ?... Không khéo cậu lại vượt vợ chồng mình cũng nên... Căn bản là phải trẻ mới ăn thua, chứ má đã răn, gối đã mỏi thì thuốc giời cũng đừng hòng.**

Quang hớp một ngụm nước, nét mặt hơi buồn buồn :

- Anh cũng rõ hoàn cảnh gia đình của tôi rồi đấy. Từ ngày con bé cháu mất nhà tôi cứ ngơ ngơ ngẩn ngẩn, mấy năm nay lại mắc chứng đau bụng, đi khám họ bảo bị viêm tử cung, nhà nghèo bệnh trọng là thế. Thành thử một tháng nằm nhà đến hai chục buổi. Một mình đã vậy, nhưng còn hai đứa em, một đứa lên mười, một lên bảy. Chúng nó là con ông chú ruột tôi, cả bố lẫn mẹ đều hy sinh trong kháng chiến, họ hàng chỉ còn mỗi vợ chồng tôi là gần. Dù rau cháo nhưng anh em đùm bọc lấy nhau vẫn hơn đi ăn đi ở cho người khác... Mỗi lần về trông thấy chúng nó tôi không sao cầm được nước mắt. Thằng nhớn đi học về rời quyển sách là đâm đầu vào bếp đun nấu, thằng em thì đi tha thẩn khắp xóm, mặt mũi lem luốc như thằng quỉ.

Tội nghiệp, chúng nó biết là anh chị nghèo nên ăn thế nào cũng được, mặc thế nào cũng xong, được cái cả hai anh em nó đều có sức nên ít đau ốm. Tôi nghiệm ra những đứa bé đã từng nếm mùi cơ cực, lớn lên đều có chí cả, quẳng vào chỗ nào cũng sống nổi... Không hiểu các cậu khác về phép có nhàn nhã không chứ tôi thì vất vả gấp mười lần ở đơn vị. Vợ ốm, em thì bé, không xoay trần ra tranh thủ mấy chục điểm rồi đến mùa thì ăn gì. Kể ra nếu ngày ngày thắng bộ quần áo mới, đi đôi giày vải lấp ló hai cái cổ bít tất trắng, một bao Hoàn Kiếm hoặc Bông Lúa đút túi quần, la cà nhà này nhà khác, thăm hỏi trò chuyện, giảng giải chính sách thì trông ra vẻ anh bộ đội về phép hơn. Đằng này mới từ mờ đất trên giường đã lăn xuống đất rồi, chẳng kịp đánh răng rửa mặt gì, ăn vội vài bát cơm nguội, ngậm điếu thuốc lá là ra đồng ngay. Buổi đầu thì dỡ khoai, buổi thứ hai thì tát nước, từ buổi thứ ba trở đi là cày liệt vị, vì đang dịp cày mùa. Lại nói cái tối tâm sự trước ngày lên đường. Vợ tôi cũng thuộc vào loại cứng rắn, đảm đang, nhưng có điều cô ta chỉ cứng rắn được khi vắng mặt chồng, còn tối hôm ấy thì cứ khóc sướt mướt như trẻ con. Cô ta kể lể ra nhiều nỗi lo lắng lắm, nào vợ chồng ăn ở với nhau đã tám chín năm trời bây giờ một mụn con không có; nào là ốm đau luôn, cảnh nhà lại túng thiếu, anh em kiến giả nhất phận, các em thì bé, gượng được thì khá, rồi ra không gượng được nữa sẽ biết nhờ cậy vào ai. Tôi lại phải kiên nhẫn gỡ ra từng mối một, nhưng cũng là giải quyết quanh thôi, động viên tinh thần là chính, vợ vì thương chồng nên cũng dịu dần... Về nhà được mười lăm hôm tính ra những giờ được ngồi trò chuyện với vợ, với em chẳng được bao nhiêu. Suốt ngày phơi mặt ở ngoài đồng, tối họp hành xong về thì cũng đã khuya, đặt lưng nằm xuống là ngáy bằng sấm... Vợ nó thấy cái cảnh ấy chắc nó cũng chán.

- Nếu đem so với hoàn cảnh của cậu thì vợ chồng mình còn là dễ chịu hơn. Bây giờ định giải quyết ra sao... Mình có thể đóng góp được gì trong cái việc này không ?

- Bây giờ đưa vợ và em lên đây thì cũng dở dang, vợ ốm, hai em dại, có miệng ăn mà không có tay làm, phụ cấp của tôi thì cáng sao nổi. Còn có nên nhờ anh em, nhờ tổ chức hay không thì tôi nghĩ chưa nên, mới bị cái gai đã kêu ầm lên là xổ ruột, người khác không cười thì tự mình cũng khinh

mình là thằng nhát gan. Rồi ra đâu vào đấy cả... ở thời buổi này không nên quá lo xa...Nếu tôi có nghĩ ngợi là chỉ lo cho hai đứa em thôi. Nhưng tôi đã dặn dù thế nào chăng nữa nhất định phải cho thằng lớn đi học, và cả hai đều phải được ăn đủ, mặc ấm. Thiếu thốn đâu tôi sẽ trợ cấp thêm.

Câu chuyện về phép của Quang hấp dẫn con bé đặc biệt, mắt nó nhìn người nói không chớp và hình như nó cũng bị xúc động. Khi Quang nói xong nó khẽ thở dài, ngồi dựa vào vách liếp :

- Thế các em không phải làm gì để giúp thím à ?

- Chúng nó còn bé thì đã cất nhắc được gì.

- Bé !... Cháu bằng tuổi chúng nó đã phải làm đủ mọi việc rồi đấy.

Quả nhiên con bé là một tay làm ăn khá, không thua kém người lớn là mấy. Khi đưa Tấm về tổ thanh nữ, đồng chí đội trưởng đã căn dặn Quang, người phụ trách tổ đó, không nên để Tấm làm việc nặng, có thể chỉ nên cho làm nửa ngày còn nửa ngày học văn hóa. Một tháng qua đi, khi phân công hàng ngày, chính Quang cũng đã quên rằng Tấm mới mười bốn tuổi, bất cứ việc nào con bé cũng làm được thành thạo, gọn ghẽ. Nó cũng bắt chước các chị lớn tuổi, lấy một mảnh vải bịt tóc, quấn mùi xoa vào cổ tay lau mồ hôi, sau giờ làm nó kỳ cọ tay chân rất tỉ mỉ, lấy kim băng nạy từng hạt đất nhét vào vết nẻ ở gót, chải chuốt, ngắm nghía, hầu như không có một chút mệt mỏi nào, không cần một sự cố gắng nào, bình thường, tự nhiên như vốn đã là một nếp sống từ ngày bé. Tấm dành một tình cảm rất đặc biệt đối với Quang, vì anh ấy là anh của hai đứa em mồ côi, anh ấy lại là người tốt nhất nó chưa bao giờ được gặp, gia đình neo bấn mà vẫn nuôi nấng hai đứa em được đầy đủ, không bắt chúng nó phải làm lụng vất vả, không hành hạ, đánh mắng. Nó tin anh, thích được tâm sự với anh, và ao ước có được một người anh trai như thế.

Một buổi đứng đạp máy tuốt lúa cùng với Quang, Tấm chợt hỏi :

- Cháu làm như thế này đã được coi là công nhân chính thức chưa hả chú ?

Quang thầm nghĩ chắc con bé này muốn tỏ cho mọi người biết mình đã là người lớn rồi đây, muốn thành nữ công nhân để đi lấy chồng chăng. Anh mỉm cười :

- Nào có ai bảo cháu là bé đâu.

Nét mặt nó vẫn nghiêm trang, nó ngập ngừng một lát rồi hỏi tiếp :

- Như thế thì cháu có được chính phủ cấp lương cho không?

Quang đờ mặt ra không trả lời được, khi phân công anh coi nó như một người lớn, nhưng lúc trò chuyện anh vẫn nghĩ nó còn là một đứa trẻ con, làm được chút nào hay chút ấy, còn ăn uống, may mặc đã có vợ chồng anh Cừ rồi.

- Cháu cần tiền tiêu vặt à, ăn uống đã có nơi rồi còn gì.

- Không, cháu muốn tự kiếm lấy, cháu không thích ăn nhờ vào bác Cừ.

Chắc lại có chuyện gì xích mích giữa chị Lụa và con bé đây. Anh gợi chuyện :

- Bác Lụa là người tốt lắm đấy, chú xem bác ấy cũng rất quý cháu...

Nó lặng im, nhưng rồi khẽ "xì" một tiếng nhỏ :

- Tốt, cháu chẳng tin ai tốt cả. Các cô ấy làm được tiền còn may sắm cái này cái nọ, cháu muốn mua thước vải cũng chẳng biết xin ai.

- Cháu không nên giữ kẽ thế, thiếu gì phải nói các bác ấy mới biết.

- Cháu nói riêng với chú nhé, chú đừng nói lại với ai đấy... ở đây cháu thấy chỉ có chú là tốt thôi. Bác Cừ đưa cháu về cũng là muốn cháu hầu hạ vợ bác ấy. Nói là nhận làm con nuôi nhưng lại làm quá người ở. Cháu đi ở nhiều nơi rồi cháu biết. Bây giờ, cháu còn làm được thì nhận làm bố con, bác cháu, nay mai cháu thử ốm xem là người ta sẽ tìm cách đuổi đi ngay đấy... Chú ơi, chú thử hỏi cấp trên xem như cháu thì có được hưởng tiền lương không. Nếu có tiền cháu sẽ thổi cơm lấy, ăn uống thật tằn tiện, dành dụm được ít nhiều thì đỡ lo những ngày ốm đau...

Vừa nghe Tấm kể lể, Quang vừa nhìn hai cổ tay gầy guộc rám đen của nó xoay đi xoay lại lượm lúa, hai cái bả vai hơi co lên, nhìn qua những kẽ ô thưa của thứ vải mặc đã lâu ngày thấy lờ mờ những chấm trắng của da thịt, tự nhiên mắt anh cay xè, phía trong hai cánh mũi nóng ran xộc lên đến đỉnh óc. Anh định nói thêm một câu gì nhưng không thể nói được nên cứ cắn môi im lặng. Con bé vẫn nói miên man về những lo lắng của nó :

- Ví thử như cháu ốm thì có phải mua thuốc không hả chú, hay là được chú y tá phát? Cháu sợ ốm lắm chú ạ, ốm vừa buồn, lại hay tủi thân, nhưng

cháu chẳng khóc bao giờ... Mấy cô ở đây mới đau bụng một tí đã khóc ầm lên để bao nhiêu chú phải đến dỗ, rồi nào thuốc uống, nào thuốc tiêm. Như cháu ấy à... cháu cắn răng lại mà chịu, không phải là cháu không muốn khóc đâu, không muốn rên đâu, nhưng nếu rên khóc người ta sẽ cho là ốm nặng, sẽ đưa cháu đi nhà thương, ở đấy chết không ai biết, cháu cứ nghĩ như thế là lại chịu đựng được, và rồi cháu vẫn không ốm...

Một buổi sáng chủ nhật, hai chú cháu Quang rủ nhau vào rừng đào măng. Đằng đông mặt trời vẫn nằm trong cái túi mây, nền trời trắng nhạt như cái bong bóng lợn. Bỗng nhiên giữa cái màu xám xịt ấy xuất hiện một vệt nắng vàng óng chạy dài suốt các bản dọc chân núi phía tây, và những cái mái nhà hình thang sáng rực lên như tách khỏi nền đất đen sẫm, bay lơ lửng. Quang vừa đi vừa giảng giải những vẻ đẹp mà anh rất mê say ở thung lũng Điện Biên này, buổi sáng như thế nào, vào lúc trưa như thế nào, tối đến khung cảnh lại biến đổi ra sao. Rồi anh hỏi Tấm :

- ở quê cháu có đẹp được bằng đây không ?

Nó ngập ngừng một tí :

- Cháu cũng chẳng biết nữa.

- Thế cháu lên đây có nhớ nhà không ?

- Nhớ mấy cái bà mà cháu ở ấy à. Cháu ghét cay ghét đắng. Đi được là thoát. Toàn những người bóc lột.

- Họ là địa chủ à ?

- Không, không phải là địa chủ đâu chú ạ. Một bà làm bún, một bà gói bánh chưng đem bán các chợ... Nhưng họ ác lắm. Cháu vẫn tức cái bà làm bánh kiếm được nhiều lãi thế nhưng cho cháu ăn uống thật khổ, cơm một phần, sắn trộn vào đến bốn phần. Vậy mà cũng không được ăn no đâu. Thức ăn toàn cà ủng, dưa khú, không sao ăn được. Tính nết bà ta lại quắt quéo, ăn cắp như ranh. Có hôm bà ấy ra ruộng cà chua giả vờ đi ngoài, rồi vừa ngồi vừa vặt cà chua đùm vào váy. Một hôm cháu ốm bà ấy phải đi đưa bánh cho các hàng đặt. Đợi bà ta đi được một lúc, cháu lấy cặp tóc nậy khóa chiếc hòm gian mở ra xem. Chú có biết trong hòm bà ấy cất giấu những gì không? Một thúng gạo dự nhé, một niêu cá kho với thịt nhé, cà chua đi lấy cắp cũng còn rất nhiều xếp đầy một góc hòm. Thì ra bà ấy vẫn

ăn giấu cháu, hễ cháu đi chợ là ở nhà bà ấy thổi cơm gạo dự ăn với thịt. Thảo nào lúc ăn với cháu bà ấy và nhỏ nhẹ, chỉ hai lưng xới đã đứng dậy. Cháu thì xanh rớt, còn bà ấy thì béo đỏ... Hôm ấy cháu tức quá, đã định đổ hết niêu cá đi, hay bỏ đất trộn vào cho bõ ghét. Sau lại sợ bà ấy biết sẽ đuổi cháu, nên cháu thôi... Bây giờ cháu chỉ ao ước làm được nhiều tiền, may mấy bộ quần áo thật đẹp như các cô ở đây, rồi cháu sẽ về quê chơi cho các bà ấy biết mặt. Nhất định là cháu không chết đói nhé, cháu lại làm được ra tiền. Lúc ấy rồi lại xun xoe, cháu cháu, thím thím ngay đấy, để xin xỏ, vay mượn mà. Đừng có hòng cháu cho vay, họ vay được là họ nuốt trôi ngay, mình bé cãi lại làm sao được...

- Bây giờ ở quê cháu chắc cũng vào hợp tác xã cả rồi. Đời sống các bà ấy khấm khá lên thì rồi tính nết cũng thay đổi, chứ không đến nỗi như cháu nghĩ đâu.

- úi giời, tính họ ác thì đến chết cũng vẫn ác. Cháu hỏi chú nhé, nhà chú cũng nghèo tại sao chú vẫn nuôi được hai em cháu, chú vẫn cho các em được đi học.

- à, à...

Anh định trả lời vì đó là hai đứa con của những cán bộ đã hy sinh trong kháng chiến, anh phải có trách nhiệm với chúng nó. Là vì anh là một quân nhân không thể giống một bà bán hàng rong, nhưng lại sợ sẽ làm nó tủi thân, nghĩ ngợi thêm... Quang vừa đi vừa chăm chú ngắm nghía những bụi tre rất dày, mo nang rơi đầy ở gốc óng ánh màu trắng ngà. Tấm xách cái túi vải người Xá đi tung tăng phía trước, chốc chốc lại ngoảnh lại hỏi :

- Bụi này có măng không chú !

- Đi sâu vào tí nữa, ở đây họ lấy hết cả rồi.

Đến một bụi rất rậm, anh dừng lại cắm lưỡi thuổng xuống đất, bẻ những cành gai sang hai bên, nghiêng nghiêng ngó ngó một lúc rồi nói to :

- Đưa cái thuổng cho chú !

- Chú cho cháu xem chú lấy như thế nào... Cháu chẳng trông thấy gì cả...

Những mầm măng nhú lên trên mặt đất màu xanh thẫm sát những gốc tre mốc trắng, Quang lách lưỡi thuổng qua những thân tre, luồn vào đúng chỗ

có mầm, ướm ướm mấy cái rồi lao mạnh mũi thuổng xuống đất, chiếc măng khẽ nẩy lên, rung rung một chút rồi lại đứng ngay ngắn, anh khẽ lắc lắc tay cán, chiếc măng lùi dần vào phía trong rồi nằm dài dọc theo chiều lưỡi, và rất nhẽ nhàng anh rút thuổng ra qua những kẽ hở, cầm lấy cái măng đưa cho Tấm.

- Đây, măng đây... nhưng phải bóc lượt vỏ ngoài ra, lấy cái nõn trắng ở trong thôi. Để chú bóc thử cháu xem.

Anh rút lưỡi dao ngắn đeo ở sau lưng chặt phía đầu vỏ ngoài bọc kín nhọn như búp sen, rồi lại rạch một đường thẳng nữa, bóc lượt vỏ ngoài. Nõn măng thật đẹp, những sợi lông xếp lại, mịn màng, nhóng nhánh trắng như bọc bằng xa tanh. Cái Tấm không bỏ qua một cử chỉ nào của Quang, nó trầm trồ:

- Đẹp quá chú nhỉ, mà cũng dễ lấy thôi.

Quang vừa luồn lưỡi thuổng đào những chiếc măng khác, vừa giảng giải :

- Cháu có trông thấy những cái vai trâu bằng tre không. Không phải do mình uốn đâu nhé, tự nó uốn nó đấy thôi. Cháu xem, bụi tre dày thế kia, chen chúc nhau thế kia, mầm măng muốn lớn lên là phải lách theo những kẽ hở, cho nên sau này gốc nó mới bị cong queo. Âởy vậy mà đi tìm vai trâu phải mất hàng mấy buổi chưa chắc đã chọn được cái vừa ý. Dùng vai trâu bằng tre thì bền hơn vai gỗ nhiều... Được mấy chiếc rồi?... Thôi, sang bụi bên kia... Chiều nay hai chú cháu ta sẽ ngồi thái mỏng ra xâu dây phơi độ vài nắng là cẩm như măng bán ở Hà Nội ngay.

Con bé vẫn chăm chú theo dõi Quang, còn Quang thì vừa làm vừa kể những câu chuyện thuộc về những kỷ niệm đã qua :

- Ngày cháu lên trên này, cháu có để ý đến những rừng bương ở quãng giữa Mộc Châu với Yên Châu không ?

- Có lẽ có nhưng cháu không để ý. Đến hôm nọ vào bản Cộng cháu mới được trông thấy cây bương đấy, ở quê cháu không có bương.

- ở Yên Châu thì nhiều rừng bương lắm. Ngày mở chiến dịch Tây Bắc cuối năm 1952, đơn vị chú toàn trú quân ở rừng bương. Những cây bương to bằng cái cột cái ấy, cứ đẵn một khúc băm ra làm giát vừa một người

nằm, lợp lán cũng lấy mo nang của nó, chứ làm gì có thì giờ đi cắt gianh. Các chú đặt tên cho khu ấy là "khu mo nang". Mùa đông có sương muối thì lá rụng hết, còn trơ lại những chùm quả lủng lẳng bằng cái nón một... Cháu đưa túi chú xách cho, được ngày đi chơi chú bộ đội lại bóc lột sức lao động.

Tấm hơi nghiêng nghiêng đầu, một mảng tóc xòe ra che gần kín nửa mặt, chỉ thấy đuôi mắt nó sáng lên óng ánh :

- Chú Quang này, chú đi bộ đội từ bé à ?...

- Thôi, ta về đi, lấy thế đủ rồi... Đi thong thả chứ, vừa đi vừa nói chuyện cho vui... Chú đi bộ đội từ năm mười tám tuổi, năm nay chú đã hai mươi bảy. Có chắc sống được hai mươi bảy năm nữa không nhỉ ? Tuổi thì mười tám nhưng chú chỉ nhỉnh hơn cháu một tí thôi, thế mà đã vợ con đàng hoàng rồi... cũng tại các cụ cả. Chú nhập ngũ được một tháng thì được đi chiến dịch Tây Bắc lần thứ nhất ngay. Ngày cháu mới lên đây cháu có nhớ đồng bằng không ?... Lại không à ... Cháu thì chẳng nhớ đến ai, chẳng vương vấn một cái gì. Bây giờ tiếng là cháu lên Tây Bắc nhưng lại ở cái đất Điện Biên này thì có khác gì đồng bằng. Còn như ngày ấy sao chú nhớ dưới xuôi đến thế. Bốn mươi lăm ngày toàn hành quân trong rừng, trời mưa tầm tã, chỗ nào hơi có ánh sáng rọi vào trong bụng đã mừng khấp khởi, chắc mẩm sắp được giải phóng con mắt đây, sắp ra đến đồng bằng rồi đây. Chẳng ngờ lại quặt vào những chỗ bóng tối còn dày đặc hơn, núi vây quanh còn cao hơn. Có đêm đồng chí đại đội trưởng đơn vị chú tuyên bố đêm nay chỉ đi mười hai cây thôi, chú đã nghĩ ngay đến giấc ngủ ngon lành khi đến chỗ trú quân mới, vì mười hai cây, chứ ngay đến hai mươi cây nào đã mùi gì, cùng lắm chỉ một hai giờ đêm là đến nơi. Ai ngờ đêm ấy vẫn đi suốt cho đến sáng, chú vừa đi vừa tấm tức, bụng bảo dạ : đã làm đến cấp chỉ huy mà còn nói dối chiến sĩ. Cháu có biết đêm ấy bộ đội đi được bao nhiêu đường đất không, chắc nhiều lắm hả, không đâu, chỉ đi được có sáu cây số thôi. Đường rừng mà. Anh em thì họ biết cả, chỉ riêng chú vì là tân binh, lần đầu sống đất rừng núi nên mới nghĩ khờ khạo như vậy...

Đã thế lại phải cái tội hay ngủ, đang sức ngủ mà không được ngủ người nó cứ mụ mẫm đi, chân vẫn bước theo anh em, nhưng tâm trí đã mê man

chẳng còn hay biết chuyện gì xảy ra chung quanh nữa. Chú tuy là tân binh nhưng đã láu, hễ bộ đội dừng lại năm mười phút qua cầu, qua suối là chú tranh thủ ngủ ngay, ngủ đứng thôi, nhưng tay vẫn đặt lên ba lô người đi trước, bên trên họ chuyển động là mình thức tỉnh ngay. Một đêm chú cũng làm theo cái mẹo ấy, và cứ yên trí ngủ, ngủ mãi, rồi do linh tính con nhà binh hay sao, tự nhiên mở mắt ra, thấy tay mình hình như vẫn còn bíu lấy một vật gì, nắn lại kỹ... ai ngờ lại hóa ra mấu cây ổi cạnh đường, ngơ ngác nhìn trước nhìn sau cũng chỉ còn lại một cây ổi với một chú... còn anh em thì họ đã đi đâu từ lâu rồi...

- Ngày cháu ở cho nhà bà bún cháu cũng thèm ngủ lắm chú ạ. Làm bún dùng đến là tốn nước. Nhà có hai cái ang rất to, mỗi ang đổ bốn gánh nước chưa đầy. Cháu phải gánh từ tờ mờ sáng cho đến quá trưa mới tạm đủ nước dùng, hai xương vai cứ tê đi. Đến chiều lại vắt bún, đi đưa hàng, tối về nấu cám lợn chẳng được nghỉ một phút nào gọi là có. Lắm tối ngồi băm rau cháu chặt cả vào ngón tay, máu chảy lênh láng. Có buổi cháu đang nấu cám thế mà ngủ thiếp ngay lúc nào không biết, rơm cháy lém cả ra ngoài, đến lúc bà chủ đi qua lấy que cời nện vào giữa đỉnh đầu cháu, cháu mới sực tỉnh, nhưng đau quá không sao há mồm nói được. Đánh lúc đang ngủ là dễ chết lắm đấy chú ạ. Thế mà từ ngày cháu lên đây lại không thấy buồn ngủ nữa, trưa cháu cũng chỉ thích đi chơi, bữa nào ngủ được một tiếng lúc dậy mắt cứ sưng húp như người khóc ấy.

Nó kể cái câu chuyện không lấy gì làm vui ấy với vẻ mặt rất bình thản. Đối với nó những hành động tàn nhẫn của người khác không có gì là lạ lùng, họ vốn là như thế, còn nó, nó sinh ra để mà chịu đựng và chỉ ước ao sao mau lớn lên, khỏe mạnh ra để chịu đựng được bền bỉ hơn. ở đời này làm gì có được mấy người tốt, còn đời nó thì chắc là không thể sung sướng như người khác được.

Không hiểu vào cái hôm nào đó thì Tấm bắt đầu thấy yêu chỗ ở của nó. Hồi nó mới về đây chỉ độc có mỗi cái ba lô đã bạc, dăn dúm, còn ngoài ra không còn đồ đạc nào khác. Nó có thể đặt vào bất cứ cái giường trống nào, hoặc ở nhà bác Cừ nó, hoặc ở văn phòng của đội sản xuất, hoặc ở tổ thanh nữ. Điều đó chẳng có quan hệ gì, và cũng chẳng làm cho nó nghĩ ngợi gì,

đâu nằm được là nó có thể yên tâm rồi. Nhưng dần dần đồ đạc của nó cứ nhiều thêm ra. Trước tiên chú Quang đẽo cho nó một đôi guốc bằng gỗ lồng mực, đóng quai dù, đôi guốc trắng mịn, nét đẽo đều đặn, cân đối, thật đẹp. Chú Khôi đội phó đổi cho nó một cái ba lô còn mới, màu xanh biếc, vải rất dày. Chú Tý quản lý cho mượn một cái màn và một mền chăn. Rồi đến chú Khang ở tổ mộc ghép mấy mảnh ván lại đóng cho một chiếc hòm nhỏ, bào nhẵn nhụi, có cả ổ khóa làm bằng vỏ đạn hẳn hoi. Lần đầu tiên trong đời nó có một cái đựng quá rộng và chắc chắn. Cách ít lâu bác Lụa may cho nó một đôi quần láng đen Trung Quốc, hai cái áo sơ mi trắng, một chiếc khăn sợi quàng cổ. Các cô ở tổ thanh nữ cũng tặng nó những chiếc kẹp ba lá không dỉ, vài cái vòng bằng hạt cườm. Tất cả những thứ ấy nó đều cất vào trong hòm, và không quên bỏ vào mấy hạt băng phiến. Bây giờ thì chỗ nằm của nó đã đẹp mắt và giàu có rồi. Một cái chiếu dệt hoa cạp vải, đầu giường chăn, màn, gối thơm tho, sạch sẽ, trên nắp hòm một lọ hoa bằng quả mìn nhảy quét lượt sơn xanh và vẽ chim hòa bình. Hễ lúc nào rỗi nó lại sửa sang chỗ nằm cho đẹp mắt hơn, quét quáy khắp gian buồng cho sáng sủa hơn và mở nắp hòm lôi ra tất cả những đồ vật nhỏ bé nhưng thật đáng quý, xem xét, ngắm nghía. Và cái công việc trẻ con ấy đã gây cho nó sự thích thú rất mới lạ. Nó bắt đầu yêu chỗ ở của nó, yêu cái gian nhà nhỏ bé mà nó chiếm một khoảng giường.

Cho nên buổi trưa hôm ấy khi nó đi gánh cát về thấy ngay trên giường mình để ngổn ngang một cái tay nải rất to bằng vải xanh, một bọc chăn chằng dây ngoài rất kỹ thì không thể không bực mình. Nó treo cái nón lên vách rồi nói to :

- Đồ đạc của ai mà để mất trật tự thế này ? Nó ghé đầu vào gian buồng phía trong thấy một người đàn bà rất lạ mặt đang thì thào nói chuyện với bác gái nó. Nó chào lí nhí rồi quay vội ra. Chị Lụa nói với người đàn bà kia :

- Cháu Tấm đấy, cháu nó ở với vợ chồng tôi được hơn hai tháng rồi. Có nó cũng vui cửa vui nhà.

Người đàn bà kia nhìn theo Tấm bằng đôi mắt buồn rầu, không nói gì cả. Người mới đến chơi là chị Lộc, vợ đồng chí Tề, trung đội trưởng ở

tiểu đoàn 3, đơn vị cũ của Cừ. Cả hai vợ chồng đều là người Thổ Lạng Sơn, lấy nhau từ năm khởi nghĩa, nhưng ăn ở với nhau thì chưa đầy vài tháng. Chị lên Điện Biên với chồng đã được nửa năm, nhưng nửa năm ấy chồng lại đi tuyển tân binh ở Hải Dương mất ba tháng, về đơn vị được vài hôm lại đi học văn hóa. Rồi bị phù vì bệnh xưng thận phải về quân y viện ở Hà Nội điều trị. Cách đây vài hôm Hà Nội đánh điện lên báo tin bệnh tình anh ấy trở nên trầm trọng và mong vợ về thăm. Tiền riêng của hai người chỉ có hơn chục bạc, anh em trong đơn vị giúp thêm được hai chục nữa. Đi ô tô thì chậm, đi máy bay thì không đủ tiền. Trong lúc nguy ngập, bối rối chị tìm đến vợ chồng Cừ nhờ sự giúp đỡ. Suốt bữa cơm, Tấm hết sức chú ý đến người khách buồn rầu này. Cô ấy cũng phải trên ba mươi tuổi, răng bịt vàng ba, bốn chiếc, mặc cái áo cánh màu xanh trứng sáo, quần vải thô ruộm bùn, một tay đeo chiếc vòng nhựa màu đỏ. Cô ấy chỉ ăn được có hơn bát đã buông đũa đứng dậy, mắt cứ hoe đỏ, mòng mọng như sắp khóc. Gần tối thì Cừ đạp xe về. Vừa trông thấy Cừ, chị Lộc đã nức nở :

- Anh ơi, nhà em nguy mất anh ạ... Hà Nội họ đánh điện lên.

Rồi chị móc túi lấy ra một mảnh giấy màu xanh đưa cho Cừ. Anh cầm lấy xem rất kỹ, rồi khẽ hỏi :

- Chú ấy về nằm Hà Nội được gần tháng chưa nhỉ ?

- Mới có mười tám ngày.

Chính Cừ cũng ngờ rằng người bạn chiến đấu cũ của mình khó mà qua khỏi, nhưng biết làm thế nào. Chị ấy đang cần những lời khuyến khích, những câu nói tràn đầy hy vọng để lấy thêm sức chịu đựng cho những ngày tới. Anh làm ra vẻ vô tư :

- Họ đánh điện như vậy là thường chứ có phải trường hợp đặc biệt lắm đâu. Tôi cho là chú ấy muốn cô về phục vụ cho tiện đấy thôi.

- Không biết có phải thế không... Chắc anh ấy cũng biết đi về tốn kém như thế nào, làm gì có tiền. Ai lại muốn cho vợ về phục vụ mà lại đánh điện bao giờ. Em khóc suốt mấy ngày hôm nay... Em chỉ lo bơ vơ một thân một mình.

- Đừng có nghĩ vớ vẩn, vậy cô định bao giờ về dưới ấy.

- Nếu chỉ là về phục vụ cho anh ấy thôi thì em sẽ đi ô tô. Chậm vài hôm nhưng đỡ tốn.

Cừ vẫn đi đi lại lại, anh nghĩ ngợi một cách đau đớn nhưng lại phải giấu dưới vẻ mặt bình thản : "Đi máy bay ngày mai thì may ra kịp. Từ hôm nhận được điện đến hôm nay cũng đã ba bốn hôm rồi. Liệu vợ chồng có được nhìn nhau lần cuối không. Tề ơi, nếu cậu mất đi thì cô ấy sẽ sống ra sao đây. Con cái không có..."

- Em đi ô tô vậy anh nhé ?

- Đi ô tô xóc lắm không được đâu, thôi đi máy bay vậy. Ngày mai có chuyến đấy.

Thấy chị ngần ngừ, Cừ hiểu ngay:

- Thiếu tiền phải không, cô không lo, tôi sẽ biếu cô một cái vé máy bay. Còn lượt lên thì hai vợ chồng đi ô tô cũng được rồi.

Mặt người đàn bà tuyệt vọng kia sáng hẳn lên, không phải vì được một cái vé máy bay, mà vì chị nghĩ đến lượt lên của hai vợ chồng.

- Cứ miễn là nhà em còn sống là may - và chị buột nói một câu đầy tin tưởng - nhưng có khi cũng phải hơn nửa tháng nữa chúng em mới lên được.

Khi chị đi ra ngoài rửa chân, Cừ gọi vợ vào gian trong khẽ hỏi (nhưng Tấm vẫn nghe rất rõ):

- Nhà còn tiền không ?

- Còn, cần lấy bao nhiêu ?

- Đủ mua một cái vé máy bay, sáu chục.

- Thế thì thiếu mất hai chục, thôi được... giật tạm chị Vần đến tháng trả, cũng chỉ vài hôm nữa là lĩnh lương rồi.

- à, nếu chị ấy còn tiền thì cứ giật thêm ba chục, còn một chục để cô ấy ăn đường. Chốc nữa sang hỏi ngay đi thôi. Mai cô ấy đi sớm... Sáng mai có gì ăn chưa ?

- Còn cá kho.

Rồi chị Lụa gọi Tấm :

- Tấm ơi, tối nay cô ấy ngủ với cháu nhé... có chật không? Trời rét nằm hà tiện một tí càng ấm.

Tấm mắc màn thì Cừ đẩy cửa bước vào :

- Cô Lộc này... cứ yên trí mà ngủ đi. Tôi đã gọi điện ra sân bay nhờ xếp chỗ rồi. Sáng mai ăn cơm xong, thủng thỉnh lên là vừa. Một giờ máy bay mới cất cánh kia.

- Vâng, em xin cảm ơn anh.

Suốt đêm ấy, hễ lúc nào Tấm thức giấc nó cũng nghe thấy tiếng xụt xịt rất kín đáo của người đàn bà nằm cạnh. Riêng nó cũng thao thức, trằn trọc vì những ý nghĩ lạ lùng. Cuộc sống của nó tuy còn ngắn ngủi, nhưng nó đã được chứng kiến nhiều nỗi thương đau, chỉ duy tình thương yêu, sự chăm sóc thành thực của những người chung quanh đối với kẻ không may mắn là chưa từng được thấy. Nó thường nghĩ đến cách đối xử của những bà chủ mà nó ở, của những người trong cái làng nhỏ bé mà nó đã quen biết. Sao những người ở đây chẳng giống chút nào với những người nó đã từng gặp. Bảy chục bạc đâu có phải ít! Chưa bao giờ nó dám ao ước được có một số tiền lớn như thế. ừ, nếu nó có thật nó sẽ biết dùng làm gì nhỉ ? Nó có thoáng nghĩ đến một số vốn riêng và những chuyện phòng xa. Ô hay, tại sao những tính toán vốn đã rất cụ thể, rất chi li qua nhiều lần tưởng tượng của nó, đã thành một nếp nghĩ rất quen thuộc ở trong nó, trong đêm nay lại hóa ra mờ nhạt đến thế, hầu như không còn gây được sự thích thú như những lần trước nữa... Vậy nó sẽ dùng làm gì nếu có số tiền ấy ? Hay là nó sẽ may mấy bộ quần áo thật đẹp... Thì cũng đến một cặp quần thâm, vài chiếc áo sơ mi trắng. Những thứ ấy bác Lụa nó đã may cả rồi, nó đã mặc rồi và như vậy cũng đã đủ. Rồi những băn khoăn của nó cứ lẫn lộn, vừa như thật vừa như giả, cho đến lúc nó ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Sáng hôm sau ăn cơm xong, chị Lụa cầm bảy chục đưa cho bạn dặn :

- Về Hà Nội tiêu dè dặt một chút, không thì tốn lắm đấy.

Chị Lộc hai tay đỡ lấy tiền, đầu ngón tay cứ run bắn :

- Em xin anh chị.

Cừ hơi cười, nói một câu cốt để chị yên tâm thêm :

- Hai vợ chồng có lên thì nhớ lại qua đây nhé, tôi có mấy việc muốn nhờ chú ấy.

Nhưng qua một đêm suy nghĩ chị càng thấy hy vọng của mình rất mỏng manh, chị chỉ còn ao ước được gặp mặt chồng lần cuối.

- Em cũng mong thế nhưng chắc chẳng được đâu anh ạ. Lần này em xin chào anh chị thôi. Về Hà Nội chôn cất cho nhà em xong em cũng về Lạng Sơn ngay. Không biết đến ngày nào lại được gặp anh chị.

Cừ ngồi lặng đi, anh khẽ lắc lắc đầu rồi nói nhỏ :

- Cho vợ chồng tôi hỏi thăm chú ấy...

Chị Lộc đứng dậy lấy đòn gánh xóc một đầu vào bọc chăn, và đầu kia tay nải, với lấy cái nón, nước mắt ròng ròng chảy xuống hai bên má :

- Em xin chào anh chị. Anh chị giúp đỡ em lúc này em chẳng bao giờ quên. Cháu Tấm ở nhà nhé...

Thấm thoắt cái Tấm đã ở với vợ chồng Cừ gần bốn tháng. Những ngày đầu tiên chị Lụa không mến con bé lắm. Nó đi làm suốt ngày, tối đến lại học văn hóa, hoặc dự các buổi sinh hoạt chung, về mắc màn một lúc đã ngủ. Nó ít trò chuyện với chị, và nhìn chị bằng con mắt né tránh. Nhưng dần dần cách sống của nó đối với chị cũng trở thành quen thuộc. Một ngày hai bữa nó đi lấy cơm về, hai bác cháu cùng ăn với nhau, nó muối dưa cà, thái đu đủ ngâm dấm, quét quáy nhà cửa, ngày nghỉ lại giặt giũ chiếu chăn, có khi cả quần áo của chị. Có hôm nó xin trên văn phòng được một chồng báo cũ, quấy hồ dán kín những chỗ vách lở, cắt những tranh ảnh ở các tờ họa báo trang trí ở đầu giường. Nhìn chỗ nào cũng thấy có dấu vết của nó, rồi dần dần một cái bóng nhỏ bé ra vào, một mái tóc ngắn đen nhánh thấp thoáng đã trở thành hơi ấm của căn nhà, là hình ảnh không thể thiếu được trong sinh hoạt hàng ngày. Buổi nào nó đi làm về muộn phải chờ cơm, tối nào nó không về sớm, chủ nhật nào nó đi chơi cả ngày, chị bắt đầu thấy nhớ, và khi bóng nó xuất hiện ở khung cửa, chị thấy trong lòng mình rộn rã hẳn lên, muốn bật ra một câu âu yếm : "Con đã về đấy ư ?". Chị ao ước được là mẹ, nhưng chưa bao giờ chị là mẹ, bóng dáng nó đã đánh thức trong lòng chị tình mẫu tử. Chị vá quần áo cho nó, để phần cơm nó, mua cho nó một cái cặp tóc, một cái khăn len với sự cần thiết rất tự nhiên, không gượng gạo, tính toán, và những lúc ấy trong lòng chị trở nên ấm áp, vui sướng lạ lùng.

Cừ thì ít có dịp được gần gũi đứa con nuôi, mỗi tuần anh chỉ về nhà được một hoặc hai lần. Nhưng mỗi lần về anh đều chú ý đến cách sống của

con bé. Anh thích được nghe nó nói chuyện, xem xét rất tỉ mỉ quan hệ của nó đối với chung quanh. Ngoài tình bố con mà anh ấp ủ, anh còn thấy mình có trách nhiệm đối với một thế hệ đang lớn lên. Phải gây cho nó có lòng tin yêu, có cách sống thẳng thắn, cởi mở thì sau này nó mới trở nên một công dân tốt của cái xã hội hết sức mới mẻ. Anh là một cán bộ chính trị, lại là người từng trải, nên anh rất am hiểu những nguyên nhân của mọi hành động tội lỗi mà anh đã từng phải giải quyết. Hầu hết những con người đáng thương ấy đã bị những thành kiến xấu xa của cái xã hội đang chết đi đục khoét từ ngày còn thơ ấu. Họ sống và hành động theo những thói quen tai hại mà tự họ đôi lúc cũng nhận thấy nhưng lại không có nghị lực cưỡng nổi. Mỗi lần gặp những trường hợp đau đớn như thế trong lòng anh lại sôi nổi một ý nghĩ : phải chú ý đến trẻ con, phải giáo dục và cải tạo chúng nó, phải làm cho chúng nó được sống trong cái không khí hoàn toàn mới mẻ của thời đại xã hội chủ nghĩa. Đấy là phương pháp tích cực nhất có thể ngăn ngừa những tội lỗi sau này. Đấy là mối lo âu duy nhất hợp lý về hạnh phúc của con cái, giúp chúng nó thoát khỏi những tấn bi kịch thương tâm mà tự chúng sẽ gây ra...

Hôm ấy anh về đến nhà vào khoảng năm giờ chiều. Nhà đi vắng vì đang vụ gieo hạt. Khi anh mắc áo lên chiếc đinh đóng ở đầu giường Tấm, chợt thấy một cái làn mây nhỏ đan rất cầu kỳ chung quanh lại dán những bông hoa cắt bằng giấy xanh đỏ. Anh mở nắp làn giơ ra ngoài ánh sáng thấy ở trong có hai cái kén vàng và một cái kén trắng gài vào búi rơm nếp. Cái trò trẻ con này chắc chỉ là của Tấm. Bỗng dưng trong lòng anh lóe lên một niềm vui sướng lớn lao. Dẫu sao nó vẫn còn là một đứa bé, và cái phần trong trắng, thơ ngây ở trong nó chưa phải đã mất hẳn . Ăn xong bữa cơm chiều, Cừ pha một bình trà đặc, lấy ra một cái bánh nướng, và ít kẹo để trên bàn. Và khi gian buồng nhỏ bé lên đèn anh càng thấy nỗi vui sướng ngấm ngầm trong lòng mình lớn lên mãi.

Cái ước ao thầm kín đã từ lâu trong anh là có một đứa con, hạnh phúc tuy bé nhỏ, nhưng lại gần như hoang đường. Khi nói chuyện với vợ, anh có thói quen tránh những chuyện gì dính líu đến hạnh phúc của hai người, nhưng những cặp vợ chồng **đã lấy nhau gần hai chục năm nay mà không**

nói với nhau về chuyện con cái thì cũng chẳng có gì để nói với nhau nhiều. Những buổi tối bên ngoài gió rét, một ngọn đèn để giữa, vợ ngồi khâu vá, và anh vừa xem sách vừa suy nghĩ mung lung. Đúng cái lúc ấy, lúc hai người im lặng theo đuổi công việc và ý nghĩ của mình, anh thường bắt gặp đôi mắt buồn rầu của vợ, đôi mắt ảo não như người có lỗi, và chính anh, anh cũng phải cố kìm mình lại để khỏi buột ra cái câu : "Nếu chúng ta có một đứa con". Tuy anh không dám nói, và vợ anh cũng không nói, nhưng cả hai lại như đều than thở với nhau rất nhiều. Từ ngày Tấm về ở với vợ chồng anh, thêm sự có mặt của nó ở gian buồng này, mỗi lần anh về cũng thêm những câu chuyện mới. Xen vào những giọng nói trầm lặng, quen thuộc, nổi bật lên giọng nói thanh thanh, ríu rít, tiếng nói của đứa trẻ. Cho nên mặc dầu nó vẫn sống rụt rè, giữ gìn, nó vẫn gọi vợ chồng anh là bác trai, bác gái, nhưng anh vẫn thấy sung sướng mỗi lần nghĩ tới nó, và càng ngày càng thấy gắn bó với đứa con nuôi. Qua mỗi lần về, anh lại thấy mắt con bé nhìn anh như thắm thiết hơn, quyến luyến hơn, và tiếng reo của nó "Bác đã về" cũng hồn nhiên hơn, thành thật hơn. Hình như nó đã bắt đầu yêu anh, tin anh, và hai tháng gần đây sự thay đổi ở nó càng rõ rệt. Nó nói nhiều hơn trước, kể cho anh nghe các thứ chuyện, toàn những chuyện vớ vẩn, những chuyện của trẻ con.

Tối nay sau khi Tấm kể lại rất nhiều chuyện bỗng nhiên nó hỏi Cừ :

- Bác có thích ăn bún không ?

- Cái con bé này, cháu làm như bác là người ăn uống khó khăn lắm **đấy hử!**

- Nhưng bún ở trên này họ làm xấu lắm, sợi vừa to, vừa cứng lại đen xì. Để hôm nào cháu làm thì phải biết. Hồi ở nhà cháu vẫn làm bún mà... Thế bác đã được tắm nước vắt bún bao giờ chưa? Nó hơi chua chua, thơm thơm, rất bở ghét bác nhá!

Thế rồi nó tính toán ở đây nhà nào có nồi to có thể mượn ngâm gạo được. Nếu không có nồi thì ngâm vào chậu vậy. Nhưng lại không có cối xay bột. Chẳng nhẽ lại vốc từng nắm gạo cho vào cái mũ nhựa giã thì lách cách quá. Có công giã bột thà làm bán**h trôi ăn lại thích, trên này đường**

bánh có rất nhiều. Nếu hai bác nó không thích bánh trôi thì nó quấy bánh đúc. Bánh đúc chan riêu cua thì còn phải nói. Nhưng bây giờ lại chưa phải là mùa có cua... Và cuối cùng nó bắt sang chuyện khác :

- Bác ơi, tháng này cháu được lĩnh lươn**g rồi. Đấy, có bác gái cháu biết, cháu làm có kém các cô ấy đâu, các cô ấy còn đau bụng, nhức đầu nghỉ luôn, chứ cháu thì chỉ nghỉ có mỗi buổi. Hôm ấy cháu bị dây thép gai đâm vào chân sâu đến đốt ngón tay, chảy bao nhiêu là máu. Cháu cứ lo nó sưng tấy lên rồi thì què. Thế mà chỉ đến chiều cháu lại đi làm được. Da cháu lành lắm kia.**

- Lương cháu thì được mấy chục ?

- Chú Tý bảo cháu là được ba mươi đồng.

- ừ, bác mừng cho cháu. Cháu đã định dùng số lương tháng làm gì chưa ?

Những tia vui sướng trong mắt con **bé bỗng tắt phụt ngay, cái nhìn trở lại dò xét, nghi hoặc. Nó ngắc ngứ một chút rồi đáp :**

- Cháu sẽ đưa cả hai bác.

Cừ nhìn vợ, mỉm cười :

- Cháu không để tiêu riêng à ?

Nó nói một cách tiếc rẻ :

- Cháu cũng chả cần tiêu đến cái gì.

- Các bác không lấy ti**ền của cháu đâu, mua sắm cái gì đã có bác cho, số tiền ấy cứ dành lại mà làm vốn. Cháu bằng lòng không ?... Nhưng bây giờ bác muốn nói với cháu một câu chuyện.**

Nó thu người lại, vẻ mặt lo lắng. Chuyện gì thế, bác ấy không muốn mình ở đây nữa ư?

- Cháu làm được ra tiền là rất đáng khen. Cháu hãy còn ít tuổi mà đã có thể sống tự lập được, không cần ăn bám vào ai. Nhưng theo bác thì bác không muốn cháu đi làm, vì ăn mặc của cháu đã có hai bác lo, lớn lên cháu cần gì thì tùy theo khả năng **của bác, bác sẽ chu cấp đầy đủ. Bác chỉ muốn cháu được đi học, bây giờ cháu không học thì rồi lớn lên cháu vẫn phải học. Thà rằng học bây giờ có phải chữ nó dễ vào đầu hơn không. Cháu đã nghe ra chưa? Năm nay cháu mới mười bốn tuổi, bác sẽ cho cháu học đến năm hai mươi, nếu cháu còn có sức học nữa thì cứ**

học cho đến năm hai lăm, hai sáu rồi ra phục vụ xã hội cũng vẫn vừa. Sau này các bác không cung cấp được đủ cho cháu thì đã có chính phủ cung cấp. Cứ lo mà học cho tấn tới, còn ăn đã có người khác lo, có xã hội lo... Thế nào, ý cháu ra sao ?

Thấy con bé cứ cúi gằm mặt xuống, Cừ biết ngay nó đang xúc động, anh nói rất nhẹ nhàng :

- Thế thì chiều mai bác cháu ta lại lên đường về nông trường bộ nhé. Trường ở ngoài châu đến thứ hai thì mở. Giấy bút bác đã sắm cho cháu đủ cả rồi.

Chị Lụa đã hơi ngân ngấn nước mắt vì không ngăn nổi sự nhớ thương của mình đối với đứa con nuôi. Nó ở với chị thấm thoát đã được gần bốn tháng. Nó đã đem lại cho cuộc sống cô quạnh của chị những niềm vui chưa từng có. Bây giờ nó lại đi, **và một mình chị ở lại cái gian buồng nhỏ bé này, cái gian buồng mà bất cứ chỗ nào cũng thấy dấu vết của con bé để lại.**

Chiều hôm sau, trên con đường cái rộng nằm giữa thung lũng Điện Biên, Cừ đạp xe rất thong thả đi trước, sau yên xe buộc chiếc ba lô của Tấm và một cái mền bông. **Tấm đi sau cùng với chú Quang nó. Nó mặc chiếc áo sơ mi trắng, cổ bẻ tròn, một bên mái tóc là chiếc cặp có giát những miếng đá xanh, đỏ, tay cầm cái làn mây dán giấy hoa.**

- Đêm nay chú ngủ lại trên ấy chứ ?
- Chú ở chơi với cháu một lúc rồi chú về ngay.
- Đêm mới về đến nhà à ?
- Chân chú có ngắn như chân cháu đâu.
- Cháu với chú bước thi nào.

Rồi nó bước dài chân ra, sau nó bước ngắn lại nhưng đi rất nhanh gần như chạy, và nó đã thấy thích thú ngay cái trò chơi mới mẻ vừa nghĩ ra. Quang chạy vượt lên một **quãng rồi dừng lại, cười :**

- Đi chậm thôi cháu ạ, có chuyện gì kể cho vui đi.

Những bụi ké đồng tiền ở dọc đường đã rụng hết lá, chỉ còn để lại trên nhành cây mảnh dẻ những nụ hoa vàng nhỏ như cúc áo. Một cây vông vang mọc xen vào giữa bụi tre dại, hoa nở **ra mướt vàng, nhị đỏ màu mận**

chín. Bày sẻ bay từng đàn vụt qua đầu hai người rồi đậu trên những ngọn xoan thẳng tắp và kêu ríu rít trong đám lá xoan non đỏ ửng vì ráng chiều. Xa xa những cánh cò trắng lóa, cánh cong như vòng cung bay rập rờn lướt trên màu tím thẫm của dãy núi. Khung cảnh lặng lẽ và thơ mộng. Và lần đầu tiên, bộ mặt mỹ miều đầy sức quyến rũ của thiên nhiên đã rung động được tâm hồn con bé Tấm. Nó quay lại nhìn Quang bằng đôi mắt đen nhanh nhánh:

- Chú Quang ơi, ở Điện Biên đẹp quá chú nhỉ ?

30-3-1960

Tầm Nhìn Xa

I

Giữa năm 1959, một công trường đến lấy một trăm sáu mươi mẫu đất thuộc xã Đồng Tiến để xây dựng nhà máy. Khu đất tạm mượn để dựng lán ở cho công nhân và khu đất làm nhà máy đều được trả hoa lợi cho các chủ ruộng trong ba năm. **Khi chủ tịch xã nói lại tin đó ở cuộc họp xóm Đông Chấn thì một bà bỗng nằm ra ở thềm đình rũ tóc, đập tay lên mặt gạch, kêu to lên: "Nông dân sống vì đất chứ không sống vì tiền. Không có đất thì lấy gì mà nuôi nhau, hở trời!". Một tháng sau những đội công nhân xây dựng đầu tiên đã kéo đến về ở các xóm đo đạc đất đai, chuyên chở vật liệu. Ngày ấy ở xóm Đông Chấn chỉ có hai giếng. Tuy Kiền, chủ nhiệm hợp tác xã xóm đó ra lệnh cho các xã viên lấy nứa rào lại, treo lên một cái biển đề: "Cấm người lạ mặt vào gánh nước, tắm rửa". Dọc đường đến công trường có một khu trồng mía rộng khoảng một mẫu, một số công nhân hay rẽ vào đấy để đi đại tiện, đôi khi còn bẻ cả mía ăn. Tuy Kiền làm ra vẻ không chú ý đến những chuyện vặt đó, nhưng một buổi sáng chính ông chủ nhiệm đầy mưu mẹo ấy đã nấp vào một bụi mía, chờ cho kẻ thù của mình ngồi xuống liền xô lại hết sức nhanh nhẹn. Không may người bị bắt quả tang lại là nữ sinh viên về công trường thực tập. Tha hồ cho người con gái non nớt và đáng thương lạy van khóc lóc, ông chủ nhiệm vẫn hét ầm lên: "Công nông đoàn kết là thế đấy hả! Đồ phá hoại! Tao phải lôi mày lên tận ban giám đốc!". Rồi Tuy Kiền bắt phải lập biên bản, có cả hai xã viên đến làm chứng, và gửi một bản khiếu nại hết sức dài dòng kèm theo đưa lên công trường.**

Nhưng mới được nửa năm mối quan hệ giữa đôi bên đã thay đổi khác hẳn, thân thiết với nhau còn hơn ruột thịt. Là vì anh nông dân đã nhận ra cái mối lợi to lớn mà "các đồng chí công nhân xây dựng" hết sức rộng rãi kia đưa đến tận tay mình. **Người đầu tiên biết lợi dụng triệt để cái tình hình thuận lợi đó lại chính là chủ nhiệm hợp tác xã Đông Chấn. Hằng ngày ông ta đưa hàng trăm xã viên ra làm việc cho công trường: khuân**

chuyển gỗ và những khung sắt dựng nhà, san nền, đào móng, mỗi ngày công có thể được tới bốn, năm đồng. Những cô gái của hai xóm Đông Chấn, Bình Chánh bắt đầu may áo chật khoét cổ vuông, mặc quần lụa sợi "phíp", buộc tóc bằng mảnh khăn màu, chép bài hát trong cuốn sổ tay bé tí và viết thư cho người quen bằng những tờ giấy mỏng. Số người làm cho công trường ngày một tăng, họ rủ nhau đi mỗi buổi hàng mấy trăm người ùn ùn kéo qua chiếc cổng gỗ như một đám rước: các bà quẩy một đôi sọt đi gánh đất, các ông mang con dao ra dựng lán, đan liếp che cửa và làm giường nằm. Mỗi toán đều có công nhân kỹ thuật do công trường cử đến để chỉ dẫn, giám sát. Nhưng những anh chàng công nhân đẹp trai và hết sức đáng yêu kia đã bị những cô gái rất mực duyên dáng vây chặt lấy rồi. Họ bắt chuyện với nhau dễ dàng, nói bóng gió một cách thi vị, đùa bỡn nhau, trêu chọc nhau đầy thân ái cho tới lúc kẻng báo giờ nghỉ. Chủ nhiệm Tuy Kiền bèn bàn giao công việc đồng áng cho phó chủ nhiệm, còn chính mình thì biến hóa thành một sợi dây bền chắc để thắt chặt tình hữu nghị nghìn năm có một giữa công trường với hợp tác xã.

Đầu năm 1962 khi các hợp tác xã của sáu xóm liên hợp lại thành hợp tác xã Đồng Tiến, Tuy Kiền được bầu làm phó chủ nhiệm, phụ trách các ngành nghề. Không thể có sự phân công nào hợp lý hơn. Cả ngày Tuy Kiền chỉ có mặt ở nhà vào hai bữa cơm, còn **ông ta đạp xe lang thang từ chỗ nuôi cá giống ra đến lò gạch, tạt qua trạm bơm, và dành số lớn thì giờ lượn quanh con mồi béo bở. Anh em công nhân cán bộ công trường thoạt đầu cũng ghét Tuy Kiền, vì lão ta có vẻ bên ngoài đặc biệt ranh ma và hám lợi, nhưng một năm sau họ rất tin yêu ông phó chủ nhiệm, một con người tuy tinh khôn nhưng cũng rất đỗi thơ ngây, tính toán chi ly, nhưng trong quan hệ bạn bè lại hồ hởi, rộng rãi và ông ta có thể làm được tất cả mọi việc miễn sao hoàn thành trách nhiệm của mình.**

Chính Tuy Kiền đã nói chuyện với họ một cách thẳng thắn: **"Tôi biết các anh chẳng ưa gì tôi, cho tôi là một thằng trục lợi, nhưng tôi không làm giàu cho tôi, mà tôi chỉ biết làm giàu cho hợp tác xã. Tôi không xin xỏ các anh, thuận mua vừa bán, chẳng hạn đối với các anh**

thì các thứ ấy chỉ là của vứt đi, nhưng đối với chúng tôi có khi nó... lại là vàng".

"Những của vứt đi" ấy là lá cọ lợp lán nay dỡ ra, vôi, sơn dùng còn lại, cống dẫn nước, xi măng, sắt vụn. Xã viên cứ việc khuân vác mặt hàng đã quy định lên xe bò, còn Tuy Kiền thì **tự cho phép mình được tha khẩn khắp mọi xó xỉnh, nhòm ngó, xem xét, xin xỏ từ đôi ủng đã rách mũi, vẹt gót, những chiếc mũ nan đã tuột cạp, cho đến những đoạn dây thép dùng dở, những đầu mẫu gỗ, và ông giải thích cái hành động thiếu đường bệ của mình với mọi người: "Không thừa, không thừa, rồi của nào việc ấy hết!" Để tỏ lòng biết ơn sự rộng rãi của những người phụ trách công trường, thì Tuy Kiền lại mua giúp họ các loại nông sản khan hiếm. Cả đôi bên đều gọi mối quan hệ mua bán ấy bằng một danh từ hết sức đẹp đẽ là: "Liên minh công nông".**

Tuy Kiền rất có ý thức về vai trò của mình trong số các ủy viên quản trị khác đến nỗi ông ta đã nghĩ một cách thành thật rằng: "Nếu như không có bàn tay của mình thì bọn họ sẽ xoay xở ra sao nhỉ?"

Bất cứ một cuộc họp nào Tuy **Kiền chỉ dự một lúc đầu sau đó ông ta lại biến mất với cái lý do: "Còn phải xoay, ngồi nói suông mà ra tiền được hử?" Bất cứ một dự kiến nào ộng cũng đòi mọi người phải lập tức chấp nhận: "Một đống tiền đấy, còn trù trừ nỗi gì, nếu thua thiệt thằng này xin chịu". Còn như đứa nào tỏ ý phàn nàn, chê trách cách làm ăn của ông phó chủ nhiệm, thì ông ta sẽ dõng dạc tuyên bố: "Tôi xin từ chức, thử xem cái người thay tôi họ sẽ tính toán như thế nào!".**

Nhưng một con người đã có bao nhiêu công lao làm giàu cho tập thể, lại được mọi người tín nhiệm, thì cũng có quyền được ghé gẩm chút ít cho riêng mình. Đó là chuyện mua gỗ đầu năm 1963. Có biết bao nhiêu thứ gỗ mà công trường cần bán lại cho hợp tác xã trong thời kỳ bàn giao lại toàn bộ công trình đã xây dựng cho bộ phận sản xuất. Những cột mắc dây điện bằng gỗ hồng sắc (nay được thay thế bằng cột đúc xi măng). Những hòm gỗ thông đựng máy và gạch chịu lửa, những ván cốp pha, những loại gỗ lim, sến không đúng quy cách phải để lại, những cây gỗ bị mối mọt ở bên trong, những bắp gỗ, đầu mẩu đã loại ra làm củi. Đối với nhà máy thì những đống

gỗ lớn, gỗ nhỏ ấy hoàn toàn vô dụng, những đối với anh nông dân thì tất cả lại đều có ích, vì không thể vào cột được thì dùng làm xà, không thể làm mè rui được thì xẻ ra làm kẻ, làm khuôn cửa. Tất nhiên ông phó chủ nhiệm phụ trách ngành nghề phải biết trước mọi người cái nguồn lợi đặc biệt đó, và ông ta đã nhân danh ban quản trị hợp tác xã đến điều đình mua số gỗ nọ làm vật liệu xây dựng trụ sở ban quản trị. Đó cũng là thời kỳ bí thư Đảng ủy xã và hai ông phó chủ nhiệm phụ trách tài vụ và ngành nghề đều đang chuẩn bị gỗ để dựng nhà mới. Hơn ba chục xe bò chở gỗ mua của công trường kéo theo con đường mới mở rộng từ đường cái vào đến trụ sở, và số gỗ được chia làm bốn phần: hai mươi xe để lại ở sân trụ sở là của chung, còn mười xe khác thì chia về ba nhà đã đặt tiền mua trước.

Nhà của Tuy Kiền ở đầu xóm Đông Chấn, cách trụ sở chưa đầy trăm thước. Những cán bộ của huyện, của tỉnh, và các cơ quan trên trung ương có việc về xã đều đến nhà Tuy Kiền vì chỗ ở vừa rộng, lại tiện lối đi về. Còn những nhà báo, nhà văn về tìm hiểu phong trào thì không thể rời Tuy Kiền đến nửa bước, vì ở con người ấy có bao nhiêu là cá tính đặc sắc.

Hai tháng trở lại đây, nhà của ông phó chủ nhiệm đã trở thành một công trường nhỏ. Những cây gỗ xoan lẫn với lim, sến để ngổn ngang dọc con đường từ trạm xá đến nhà ở, một giá xẻ gỗ dựng lên ngay cạnh lối đi, và mấy ông thợ đang tíu tít bào đục, đóng các cánh cửa dưới chiếc bóng điện mắc ngay lối ra vào. Trong một ngày Tuy Kiền chỉ có được một khoảng nghỉ ngơi rất ngắn ngủi sau bữa cơm chiều trước giờ họp buổi tối. Ông ta ngồi thu lu trên chiếc ghế dựa đóng rất kiểu cách, nhưng lại mặc chiếc quần vải xanh quá bẩn thỉu, cái áo cánh nâu đã bở rách một bên vai, so với những đồ đạc choáng lộn bày biện trong nhà thì ông chủ chỉ đáng mặt là khách trọ. Nhưng ai mà biết được cái kiêu hãnh thơ ngây trong ý nghĩ của ông ta khi co đôi chân đen nhẻm đầy bụi đất lên mặt ghế quang dầu bóng loáng: "Dù tao có mặc rách rưới như thằng ăn mày thì ra đường tao vẫn là ông phó chủ nhiệm hợp tác xã, về nhà tao vẫn là bố chúng mày". Đó là sự sung sướng, thoải mái của một người cảm thấy mình đang có đầy đủ quyền hành, không bị lệ thuộc vào bất cứ một ai, có thể làm gì cũng được. Ngồi tiếp chuyện với Tuy Kiền là một anh cán bộ của Ty Kiến Trúc, còn rất trẻ

nhưng cố giữ một vẻ mặt nghiêm trang, hơi sầu muộn của người từng trải. Anh ta khoanh hai tay lên trên bàn hết sức trịnh trọng, cái đầu rất đẹp với mớ tóc đen ướt hơi cúi về phía cây đèn, nói nhỏ nhẻ:

- ...Ngay như bà con ở nông thôn ta thích xây sân gạch trước nhà cũng là điều bất lợi. Nắng chiếu vào sân gạch, mặt sân sẽ hắt nóng vào trong nhà. Nếu trước nhà lại là một vườn cây ăn quả chẳng hạn có phải mát mẻ biết bao nhiêu không.

Tuy Kiền đưa một bàn tay lên chống má, thoáng nhìn người nói chuyện qua kẽ ngón, trả lời thủng thẳng:

- Cái khó bó cái khôn đấy thôi, miếng đất ở bằng bàn tay chẳng xây sân trước nhà còn xây chỗ nào.

Anh cán bộ vẫn giảng giải một cách kiên nhẫn cái ý định tốt dẹp của mình:

- Trong thời gian còn công tác ở xã ta, tôi sẽ xin vẽ biếu bác một kiểu nhà thật đẹp. Chỉ cần một gian tiếp khách là đủ, còn sẽ dành hẳn bốn gian làm buồng riêng cho các anh các chị ấy sau này. ở nông thôn ta bố mẹ con cái ăn ở lẫn lộn cùng một chỗ cũng không được tiện lắm.

- Hai vợ chồng già với mấy đứa bé thì không cần phải có buồng riêng rồi - Tuy Kiền quay lại nhìn thẳng vào mặt anh cán bộ, cặp mắt ánh lên cái vẻ riễu cợt - Mới lại chúng tôi có hay ngồi trong nhà như dân tỉnh đâu, lang thang suốt ngày ở ngòai đồng, có về nhà thì cũng tha thẩn làm việc này việc nọ. Này, một cái nhà mà lắm buồng thế thì... như nhà chứa trọ còn gì?

Vừa lúc ấy thì Biền, chủ nhiệm hợp tác xã bước vào, nom anh càng trẻ ra trong chiếc áo sơ mi màu xanh nhạt cụt tay:

- Lại bàn về kiểu nhà phải không. Ông này vớ được anh là tốt duyên lắm đấy!

Biền ngồi xuống bên cạng anh cán bộ của Ty Kiến trúc, anh này hơi xoay người lại, gò má bỗng nhiên đỏ lên.

Tuy mở ngăn kéo ra lấy một nửa gói chè hương, rồi nói vọng sang buồng bên:

- Anh Kiền đặt hộ thầy ấm nước nhé!

Biền hỏi:

- Tối nay ông ở nhà hử?

- Có tối nào được ở nhà. Chốc nữa lại phải xuống họp với anh em lò ngói... Mấy hôm nay tôi đến chết dở về chạy cái khoản dầu cho khuôn máy. Nhưng mà ổn rồi.

Bao giờ nói chuyện với những đồng chí trong ban thường vụ đảng ủy xã, Tuy Kiền cũng phàn nàn về những khó khăn trong công việc của mình, nhưng nhờ tài tháo vát của người phụ trách (tuy ông ta không nói hẳn là thế) nên mọi việc đều đã được giải quyết tốt đẹp. Nhưng cách nghe của ba người trong thường vụ cũng có khác nhau: Mão, chủ tịch xã, đưa cặp mắt đục lờ nhìn ông phó chủ nhiệm phụ trách ngành nghề trong một thoáng, vẻ mặt khinh khỉnh: "Trò hề, nếu không có anh thì sẽ có người khác ra gánh vác công việc đó". Sĩ, bí thư đảng ủy thì chỉ mủm mỉm cười (Tuy thường bảo đó là cái cười nham hiểm), im lặng một lúc lâu, rồi mới nói nhỏ nhẻ: "à, việc gì mà chẳng gặp khó khăn". Chỉ có Biền là biết ve vuốt lòng tự hào của người nói chuyện bằng cái nhìn hết sức thân thiết: "Cảm ơn ông, ông là cánh tay đắc lực của chúng tôi đấy nhé!".

Mỗi lần đến nhà Tuy Kiền, Biền đều cảm thấy ở đây có cái không khí đặc biệt mà các gia đình cán bộ xã khác không thể có: Đó là sự dư dật, thừa thãi, cái không khí làm ăn phát đạt, thịnh vượng. Một hình ảnh vừa khó chịu, vừa hài hước đã in sâu vào ấn tượng của Biền trong một lần anh đến nhà Tuy. Lần đó vào buổi sáng. Vừa len qua những chồng gỗ đang bào dở để ngổn ngang ở ngay lối ra vào, Biền nhìn vào ngách nhà ngang đã thấy các anh thợ mộc và thợ xẻ ngồi quây quanh một cái rá lớn khói bốc nghi ngút. Anh hỏi đùa Tuy:

- Nhà này ăn cơm ba bữa hử?

Tuy chạy vội ra vẻ hốt hoảng:

- Cơm đâu, còn ít ngô chia hôm nọ mỗi sáng đem đồ lên một ít cho anh em lót dạ đấy thôi.

Tuy sới một bát mời Biền, ngô trồng ở bãi mới bẻ, lại pha thêm ít nếp nên vừa dẻo vừa thơm. Đứa con trai út của Tuy Kiền đã lên bảy, nằm tồng ngồng giữa giường lúc ấy vừa ngủ dậy. Nó vẫn nằm, đưa hai chân dài nghêu ngao đập chan chát xuống thang giường, hét ầm ĩ: "Bầm! Bầm đâu

rồi!" lập tức bà mẹ từ dưới bếp tất tả chạy lên, đôi khuyên vàng đeo ở tai lúc la lúc lắc: "Thằng chó con đã dậy đấy hử? Bầm lấy nước con súc miệng nhé!". Trong khi thằng bé ưỡn ẹo, quát tháo, thì cả nhà đã xúm quanh nó, người đưa chén nước, người cầm một bát xôi trắng đầy, van nài, mời mọc: "Em súc miệng đi!", "Súc miệng ăn xôi rồi bầm cõng con đi chơi nhé!" Biền đưa mắt nhìn toàn thể cái cảnh tượng đặc biệt đó, mủm mỉm cười với chính mình: "Phú quý sinh lễ nghĩa, bây giờ lại học đòi cách sống của những nhà đại gia đây!".

Người vợ của Tuy Kiền xách ấm nước đun sôi lên pha vào tích, những chấm lửa còn cháy đỏ ở đít ấm nhấp nháy, trong hơi khói đã phảng phất mùi thơm của hoa nhài. Biền thầm nghĩ một cách thèm muốn: "Nếu mình có được một gói chè ngon thì cũng chẳng thể pha uống một cách nhàn rỗi như ở đây được". Rồi anh hỏi Tuy:

- Nhà này bao giờ thì ông cho dựng?

Tuy Kiền lấy khăn lau thong thả từng cái chén một liếc nhìn Biền, trong bụng đã phân vân: "Thằng này tuy mới ở bộ đội về nhưng cũng tinh khôn chẳng kém gì mình đâu. Nó hỏi vậy chắc là đã có ý gì!".

Ông ta rót một lượt nước, và đã tìm được câu trả lời thích hợp:

- à, được mùa thì làm rấn lên, mất mùa thì lại thong thả, việc gì mà vội.

Biền hớp một ngụm nước, nói với anh cán bộ Ty Kiến trúc:

- Anh có nhận thấy ông phó chủ nhiệm của chúng tôi làm nhà khác đời không. Nhà dưới làm trước, nhà trên làm sau, cánh cửa đóng trước, khung nhà dựng sau. Đến là ma quái. Tôi thì biết tỏng cái mẹo của ông rồi.

Mồm Tuy Kiền hơi há ra như cười, ông ta nhìn Biền hết sức thơ ngây:

- Mẹo gì, thế là anh có thành kiến với thằng này rồi nhé - Tuy quay sang phía anh cán bộ phân trần - Sở dĩ phải làm cái bé trước, cái lớn sau cũng là do rút kinh nghiệm làm nhà của ông bí thư đấy thôi. Chẳng là lực mình có hạn, có khi nhà xây gạch, lợp ngói hẳn hoi mà lại chịu không làm được bộ cửa, vì hết gỗ, hết tiền rồi. Chi bằng làm theo cái cách của tôi tuy có dềnh dàng, nhưng nhà đã dựng lên là lập tức kín ngay.

Rồi Tuy nói tránh sang chuyện khác.

- Ngày anh Sĩ mua gỗ chuẩn bị làm nhà tôi đã đến xem xét một lượt, rồi tôi bảo: "Dựng nhà năm gian mới có từng này gỗ là thiếu đấy!". Anh chàng còn nói kháy tôi: "Tớ hãy còn thừa mấy cây xoan, bên cậu có thiếu tớ để lại". Khốn khổ, dân bộ đội mới về đã biết tính toán chuyện làm ăn là thế nào. Nửa tháng sau tôi mới nhắc: "Định để cho tôi mấy cây đấy!". Lúc ấy mặt ông bí thư mới nhăn lại: "Cánh thợ mộc làm ăn thế nào hóa ra thiếu bét cả". Đấy, làm nhà mà tính toán không chặt chẽ thì có khi phải trả nợ hết đời... Tôi mà là thằng xỏ lá, tôi khuân mẹ nó mấy cây xoan về thì đã làm gì được tôi tốt.

Tuy nghiêng mặt về phía anh cán bộ, nét mặt rạng rỡ hẳn lên vì sự khôn ngoan của mình:

- Anh được cấp trên cử về giúp đỡ anh em chúng tôi, chúng tôi cảm ơn các anh lắm. (Biền nghĩ: lão này đang vui vẻ đến tột bực đây). Cho nên tôi cũng chẳng dám giấu giếm anh điều này. Tôi thì văn hóa rất kém anh ạ, nếu anh bảo tôi đặt lên giấy một con tính cộng chẳng hạn chưa chắc tôi đã làm nổi. Nhưng tính nhẩm thì phải biết - Tuy cười rất to - dù có phải tính toán một lúc hàng trăm khoản, tôi cũng không nhầm bao giờ. - Ông ta lại quay sang Biền- Hôm nọ thằng Bài ra cho tôi một bài tính đố, cái loại tính trẻ con ấy mà, nó đọc vừa xong thì mình đã nghĩ ngay ra đáp số, nhưng đặt con tính rành mạch, thứ tự lên trên giấy thì chịu, cái thằng mất dạy, nó bắt tôi ngồi cắn bút cả một buổi. Trời ơi, tôi chỉ cần ngồi một tiếng, hợp tác xã cũng đã thiệt bao nhiêu là tiền rồi.

Biền khẽ bấu vào tay anh cán bộ Ty Kiến trúc:

- Ông ấy vẫn chưa hở cái ngón chính ra với anh đâu.

Anh kia chỉ mỉm cười e thẹn. Chuyến đi xuống xã đầu tiên của anh đã có những kết quả tốt đẹp, người ta đã yêu mến anh, đối đãi với anh hết sức bình đẳng, coi anh như một cán bộ của xã, lại còn mời anh tham dự vào một câu chuyện thầm kín của bọn họ.

Tuy vừa có vẻ giận dữ, vừa cười cợt:

- Còn ngón nào nữa. Anh đa nghi như Tào Tháo ấy.

Biền cuộn một điếu thuốc rời, cười mủm mỉm:

- Chỉ có lão Sĩ là dại thôi. Bây giờ cả xã này họ đồn nhau là nhà ông Sĩ

to nhất xã, nhưng theo tôi thì nhà ông Tuy Kiền mới to nhất xã.

Tuy xoay người trên ghế rồi duỗi một chân ra:

- Bậy! Bậy!

- Lại chẳng phải ư. Nhà ông Tuy chỉ cọc cạch đóng mấy cái cánh cửa, lên ngói cho hai gian nhà dưới, thật là khiêm tốn nhé. Nhưng một lúc nào đó, trong dư luận bớt xôn xao cái chuyện làm nhà của cán bộ chẳng hạn, thì chỉ trong vòng mươi hôm thôi, ông sẽ cho dựng toàn bộ năm gian nhà lên nhanh chóng, gọn ghẽ như có phép tiên vậy. Đến lúc ấy hàng xã mới ngã ngửa ra, nhưng... nhưng "tao đã làm xong tất cả rồi, chúng mày làm gì nổi được tao".

Tuy vụt đứng dậy, kéo cái điếu lại phía mình, lấy mảnh bẹ dừa quét tàn thuốc bám lên bát điếu, nói bằng thứ giọng rất trầm:

- Vậy ông chủ nhiệm bảo tôi là một thằng gian chứ gì. Vì gian nên mới phải dùng mưu mẹo để lừa người chứ sao nữa. Hỏng, hỏng thật đấy! Cũng vì hợp tác xã mà tôi chót mang tiếng là thằng xảo quyệt mất rồi.

Biền lơ đãng nhìn vào điếu thuốc đưa lên ngang mặt, một mẩu tàn trắng xốp rụng xuống mặt bàn. Tuy cầm mảnh giẻ lau với sang, nói làu bàu:

- Cơm nhà việc nước đến vợ cũng không thể nhờ giã được cối gạo. Nói có hai anh, nếu tôi chỉ là anh xã viên thường thì còn có thể làm được nhà gạch mười gian kia.

Biền vẫn giữ được nụ cười rất trẻ của anh:

- Cán bộ xã này kể cũng hay thật. Từ ông bí thư trở xuống hễ bị chạm một tí là đã có thể nổi giận lên, xin thôi công tác được rồi. Như người đi làm mướn cho Nhà nước hay sao ấy...

Tuy cướp lời:

- Làm mướn thật đấy, lại chẳng được đồng công nào, còn biết bao nhiêu những chuyện bực mình khác. Theo tôi cứ đem cột cổ những thằng nói láo lại là êm hết...

- Nhỡ những chuyện họ nói lại có thật thì sao?

- Thì ra đến chính ông chủ nhiệm chũng tin là có tham ô tập thể ư? Nếu vậy thì tội ông còn nặng hơn chúng tôi nhiều.

- Tham ô thì không có nhưng lợi dụng chút ít thì cũng có.

Tuy đã gần như phát cuồng lên:

- Đừng có giở thứ giọng lấp lửng ấy ra nữa. Anh thử vạch mặt những thằng lợi dụng hợp tác xã cho tôi xem nào.

- Cái việc mua gỗ của công trường thì rõ ràng là lợi dụng rồi.

Giọng nói của Tuy hơi dịu đi:

- Xã ta mua, các xã khác họ cũng mua, bàn dân thiên hạ đều mua. Còn tôi với anh Sĩ, anh Khuyến mua được mười xe là vì lúc ấy công trường họ cũng bán cho cá nhân, còn sau này họ lại không bán nữa thì đó là quyền của họ. Sao lại đổ lên đầu chúng tôi. Mới lại đổ thế nào được, mua gỗ thì trả tiền, còn hóa đơn đây, công vận chuyển cũng thanh toán với tài vụ hợp tác xã không thiếu một xu... Ai dám thắc mắc nào...

Biền không cười nữa, hai gò má của anh đã hơi ửng đỏ:

- Ông cũng biết đấy, xã viên họ không thiếu tiền, họ chỉ thiếu gỗ thôi. Có đủ gỗ bán thì xóm này lên ít nhất mươi cái nhà mới nữa. Tôi nói thực: nếu ông là xã viên thường, tôi thách ông mua nổi một lúc ba bốn xe gỗ tốt như thế đấy. Những người đứng đắn thì họ phàn nàn rằng chúng mình làm việc thiếu rành mạch, còn những đứa xấu thì phao tin cán bộ xã lấy tiền công mua gỗ tư, chọn gỗ tốt cho mình, loại gỗ xấu cho hợp tác xã. Ai mà thanh minh cho hết được. Một sự đã không tin thì trăm sự khác cũng không thể hoàn toàn tin. Khi đã mất lòng tin thì có bảo gì nhau cũng khó. Người ta sẽ chán nản, sẽ phân tâm, sẽ tính toán đến chuyện ra, chuyện ở. Người lãnh đạo có muốn nói chuyện với họ cũng ngượng mồm, có đấu tranh với những đứa xấu cũng thiếu kiên quyết. Mối nguy là ở chỗ đó.

Tuy Kiền im lặng một lúc lâu, rồi ông ta thở dài sườn sượt, mắt nhìn đi phía khác, nói lủng bủng:

- Lắm chuyện! Thật lắm chuyện!

Biền đã trở lại bình tĩnh hơn, anh nói bằng cái giọng thì thầm tâm sự:

- Hôm nọ tôi ra lò gạch thấy hai bố con ông bủ Sắc đang chọn gạch vỡ, mỗi người cầm một cái dùi sắt gõ cành cạch vào mặt gạch, viên nào chắc thì lấy, viên nào non quẳng ra. Họ xếp lên xe bò từng viên một, đẩy xe đi không lúc lắc một chút nào. Có ba đồng một xe gạch vỡ, thật rẻ, vừa bán vừa cho còn gì. Nhưng xã viên họ mua thì được, còn nếu một anh cán bộ

xã nào đó mà lại vớ được một xe gạch tốt như thế thì hôm nay người ta đã đồn âm lên rằng chúng ta lợi dụng quyền hành cướp lấy món hời. Ngay đến một việc rất nhỏ nếu không giữ ý thì cũng có thể trở thành tiếng đồn lớn. Như trưa hôm nay tôi đi họp trên tỉnh về, vừa đạp xe đến đầu xóm đã thấy một đám người xúm quanh lấy nong thịt trâu vừa mổ, vòng trong, vòng ngoài, có dễ đến hàng chục bàn tay cùng đặt vào một miếng thịt. Tôi đã xuống xe, định bụng vào mua một miếng, thức ăn đang khem, có ít thịt kho lên cho trẻ ăn cũng được vài bữa. Nhưng nghĩ đi rồi nghĩ lại, lại thôi, vì chỉ cần tôi nói với vào một câu: "Ông Lụng để cho tôi một cân nhé" là lập tức ông lão sẽ chọn một miếng ngon nhất đưa ra. Nhưng nhìn theo miếng thịt ấy sẽ có hàng trăm con mắt, và sau đó sẽ là hàng trăm lời bàn tán xì xào. Miếng thịt không đáng là bao, cũng không cướp giật từ tay người nào, nhưng có thể từ sau lúc tôi cầm cân thịt người ta sẽ nhìn tôi bằng con mắt khác, nghe tôi nói với cái tai khác, nghĩ về tôi với những ý nghĩ khác. Đấy, vị trí của chúng ta khó khăn là thế đấy, cho nên phải có tầm mắt nhìn xa hơn mọi người, đừng để những mối lợi vặt vãnh nó ràng buộc mình.

Có thể Tuy Kiền đã nghe ra, nhưng chẳng nhẽ lại chịu một cách dễ dàng cái thằng kém mình những hơn chục tuổi, mới chân ướt, chân ráo trở về xã lên mặt dạy dỗ mình, bày cách lãnh đạo cho mình, nên ông ta vẫn giữ vẻ mặt khó khăn và trả lời hết sức gay gắt:

- Chẳng phải đến hôm nay tôi mới được biết những chuyện này. Người ta vẫn chửi cạnh tai tôi đấy. Họ còn viết cả gạch non lên tường chuồng tiêu ở trụ sở rằng: "Đ. mẹ thằng Tuy Kiền, mày chết đi để chúng ông được sống". Song tôi lại nghĩ: "Dân không biết công cho mình thì Đảng sẽ biết công của mình" nên tôi vẫn làm việc, làm hết sức mình. Nhưng đến bây giờ thì Đảng cũng nghi ngờ tôi nốt, mọi tội đều đổ lên đầu tôi. Còn các người thì trong sạch. Vậy xin nhường các người cáng đáng lấy việc dân, việc nước, tôi xin rút về - Tuy quay lại, cố giữ một vẻ mặt hoàn toàn lãnh đạm - Ngày mai xin đồng chí chủ nhiệm cắt cử người khác ra phụ trách lò ngói, lò gạch, ban cá, từ rày tôi còn có nhận việc gì tôi chỉ là giống con chó.

Biền nhìn Tuy rồi nhe răng cười, chỉ một chút nữa thì Tuy cũng cười nốt, nhưng ông ta vội vàng cau mặt lại và càng hét to hơn lên:

- Lần này thì dứt khoát, chịu đựng với hợp tác xã như thế là đủ rồi. Tôi không dọa dẫm các anh đâu.

Anh cán bộ nhìn Biền hơi kinh ngạc: "Lại to chuyện đến thế ư?". Nhưng cái nhìn của Biền vẫn hết sức bình thản: "Tính ông ấy vốn thế, kệ ông ta!".

Tối hôm ấy đáng lẽ Tuy Kiền phải ra họp ngoài lò ngói, nhưng sau khi Biền và anh cán bộ của Ty Kiến trúc về rồi, ông sai con nấu một nồi chè đỗ, rồi vừa ăn ông vừa tự khen mình: "Chẳng mấy lúc được rảnh rỗi ngồi ăn bát chè. Kể cũng sướng!". Ăn xong, Tuy Kiền buông màn, vừa dặn con trai, vừa như giao hẹn với tất cả mọi người: "Mai, chúng mày để tao ngủ muộn nghe không!".

Đó là cái tâm trạng đặc biệt của một người đang được khiêu khích kẻ khác (mặc dù họ không có mặt) vì những công lao to lớn của mình, nhưng cũng pha lẫn cả sự hờn dỗi, bực dọc, nghi ngờ, nếu như: "Chúng nó cũng không cần mình nữa thì sao, bao nhiêu đóng góp của mình vậy là bị giũ sạch ư?". Chính vào cái lúc đó, những ngày hoạt động đầy rẫy những khó khăn và bực dọc vừa qua đã trở thành những kỷ niệm xa xôi, nhưng vô cùng đẹp đẽ, gắn bó ruột thịt với cuộc đời của mình, tưởng như rời bỏ nó, không có nó thì người ta không thể sống nổi vì cuộc sống đã mất hết màu sắc, ý vị. "Biền nó nói cũng phải, việc gì mình phải nổi giận với nó. Nhưng thằng ấy nó biết tính mình nó không để ý những chuyện vặt đó đâu". Nhưng giấc ngủ sau một ngày làm việc mệt nhọc đã kéo đến, nên Tuy Kiền không kịp nghĩ ngợi gì nhiều hơn, và chỉ một lúc sau ông ta đã ngáy rất vui vẻ như một người vô tư lự.

Cũng trong đêm ấy Biền chỉ chợp mắt được rất ít mặc dù khi đặt lưng nằm xuống anh cảm thấy mệt mỏi, đau nhức đến từng đốt xương. Từ ngày ở bộ đội về, rất ít đêm Biền được ngủ một giấc đầy đủ, vì vợ chồng anh có những bốn đứa con, suýt soát hơn nhau một tuổi, mà đứa bé nhất mới được có bốn tháng. Ngày nào cũng thế, sau khi đã nạt nộ, quát tháo, dỗ dành bốn đứa con từ lúc ăn cơm chiều cho đến khi lừa được chúng ngủ là vừa vặn đến giờ họp buổi tối. Và gần như đêm nào đi họp về, Biền cũng được nghe tiếng nói đầy lo âu của vợ vọng ra từ bên trong lá màn: "Người cái Hiền

nóng quá bố ạ..." hoặc "Thằng Cầu lại đau bụng đi ỉa đấy!" hoặc "Thằng Minh nó kêu đau tai, thử xem tai nó có sưng không?". Thế là lại tiếp tục cuộc vật lộn âm thầm từ nửa đêm cho tới mờ sáng hôm sau.

Buổi sáng hôm ấy Biền vẫn dậy rất sớm như mọi khi, vì còn có bao nhiêu việc phải làm trước giờ ra trụ sở: giã cối gạo đã xay, sàng từ tối hôm trước, đặt những bó hành mới dỡ lên giàn bếp, nấu nồi cám lợn và luộc ít khoai ăn sáng cho mấy đứa con. Sau khi đã làm xong mọi việc, ăn vội mấy củ khoai, uống hớp nước nóng chuẩn bị đi thì vợ Biền hỏi chồng:

- Có đèo thằng Cầu lên trạm xá hỏi xem cái tay nó có phải chữa thuốc gì không?

- ừ, ừ, nhưng chắc không phải là sai khớp đâu.

- Không sai khớp mà lại sưng to như cái bắp chuối ấy. Rõ khốn khổ. Ra đưa tay cho bố mày xem nào!

- Thôi, để đến chiều vậy, sáng nay còn bao nhiêu là việc.

- Lúc nào cũng việc, việc trọng hơn người hử, con mình đẻ ra chứ có là hòn đất nặn lên được đâu.

- ừ, đã bảo đến chiều tôi sẽ đưa nó đi. Sáng nay chót hẹn người ta đến làm việc với mình rồi.

Người vợ không nói thêm gì nữa, Biền nhìn vào trong buồng thấy vợ ngồi quay lưng lại, đầu cúi xuống đứa bé đang cho bú, cái gáy vỏng cao lên mảnh khảnh, cạnh đó là ba đứa nằm chụm đầu lại nhau, đứa kêu đau bụng, đứa kêu nhức tay, còn một đứa thì đang đòi mẹ nó lấy cơm nguội.

Ngày thứ hai và ngày thứ sáu, tại văn phòng của ban quản trị bao giờ cũng chật người. Các đội trưởng đến báo cáo tình hình phân giống của vụ lúa hạ thu và dụng cụ chuẩn bị cho vụ gặt chiêm sắp tới; những người trong ban cá đến thanh toán tiền chuyển cá giống đến các hợp tác xã bạn; xã viên đến mua gạch xin phiếu xuất và trả tiền; và biết bao nhiêu thứ việc linh tinh khác đòi hỏi phải giải quyết.

Biền vừa đạp xe đến cổng trụ sở thì mấy người đang đứng nói chuyện trước cửa văn phòng của ban quản trị nhìn ra, và một người nói to lên:

- Ông chủ nhiệm đã đến kia rồi!

Đó là lời chào mở đầu của một ngày làm việc. Một người khoảng ba

chục tuổi rất gầy, nước da xanh tái, mớ tóc trên đầu bù lên, nói với Biền bằng cái giọng não nuột:

- Cái số em lại không gặp may ông ạ. Phen này không khéo phải bù tiền nhà mất.

Biền mời con người bị thua thiệt đó vào ngồi một góc nhà, ba bốn người khác lập tức vây quanh lại. Người kia nhìn Biền thở dài sườn sượt, rồi bắt đầu kể:

- Mọi khi anh em chuyển cá giống lên Yên Bái vẫn trót lọt cả, cước phí tính phân minh không thiếu một xu. Dù có nộp lại ban quản trị nửa số tiền kiếm được thì trong tay cũng vẫn còn năm, sáu chục bạc. Nhưng lần này thì...

Một người giục:

- Thôi vào vấn đề đi. Nó cứ than vãn từ nãy nhưng có ai biết đầu đuôi ra sao đâu.

- ừ, thì cũng phải nói từ gốc đến ngọn chứ. Em với thằng Bài, mỗi thằng gánh sáu nghìn con, toàn cá bốn năm phân cả, cầm cái vợt múc lên ai trông cũng thích. Ông trưởng ty Nông nghiệp Yên Bái đã bảo chúng em đổ cá ra lò rồi, chỉ còn đợi lấy séc chuyển khoản là anh em có thể xuôi tàu ngay chiều hôm ấy. Chẳng ngờ... đúng là tại cái số mình nó không ra sao, bốn, năm năm nay có gặp được điều gì gọi là may mắn, hết vợ chết, đến con chết, lại cháy nhà...

Biền mỉm cười:

- Từ sáng đã hớp ngụm rượu nào chưa đấy?

Anh chàng kia ngoẹo đầu về một bên, cặp mắt đục lờ của anh nhìn mọi người càng thê thảm:

- Tiền đong gạo còn chạy chưa ra, lấy tiền đâu mua rượu. Nhà em hết gạo từ nửa tháng rồi, bác chủ nhiệm ạ. Em có báo cáo với đội, đội lại bảo vẫn thấy bà em xay gạo làm bún, thực tình là xay thuê cho người bà con ở ngoài chợ đấy thôi... Vâng, em xin kể tiếp... Vậy là chúng em vấp phải một ông cán bộ ở trên về, sau mới biết ông ta cấp bộ cũng cao, ở cục... cục gì nhỉ... cục Thủy sản. Em thấy đi cùng với ông ta có dễ đến năm, sáu cậu bảo vệ. Đúng vậy... Vì chỉ có mỗi ông ấy nói chuyện với chúng em, còn những

cậu kia ngồi im cả. Ông ta hỏi giá cá gáy bán tại bờ là bao nhiêu. Em đáp: "Một nghìn cá là mười sáu đồng". Ông ta gật. Vậy là chịu một điểm. Sau lại hỏi: "Vậy cá chuyển lên đây giá bán một nghìn là bao nhiêu?" Em trả lời: "Vẫn là mười sáu đồng, nhưng phải chịu thêm tiền cước vận chuyển". Ông ta mời em ngồi cạnh, giọng nói cứ ngọt lịm đi: "Thế tiền cước các anh tính như thế nào?". Trong bụng em đã bực: quan hệ gì đến ông mà ông hỏi vặn vẹo tôi nhiều thế. Nhưng em vẫn giữ được bình tĩnh nhé, vì họ đã ngọt với mình thì mình không thể nói xẵng được: "Tiền cước thì cứ tính đúng như đã qui định trong hợp đồng, chín xu một trăm con một cây số, vậy một vạn con là chín đồng, một cây số". Ông ta xem lại tờ hợp đồng tính toán một lúc rồi nói với ông trưởng ty Nông nghiệp: "Như vậy là những hăm nhăm đồng một nghìn cá phải không?" Rồi ông ấy quay lại nói với em: "Tiền cước tính như thế là đúng, nhưng là đối với những người phải chuyển cá bằng đường bộ kia, còn xã Đồng Tiến các anh đi có năm cây số là ra đến ga Tiên Kiên rồi, có phải không, leo lên tàu thì chỉ còn việc móc thúng lên mà ngồi lắc chứ mệt nhọc gì. Vậy mà các anh lại còn tính tiền cước theo giá chín xu một cây số ư, như vậy sao gọi là công bằng được". Rồi ông ta lắc vai em, cười cười: "Không được đâu anh bạn ạ, buôn bán như thế là theo lối cũ đấy! - Người nói chuyện quay sang phía mấy người đứng chung quanh, đôi mắt anh ta lóng lánh hẳn lên - Nhưng mình đâu có chịu, mình cứ cãi: "Ông là ai tôi không biết, tôi cứ biết theo ý ban quản trị chúng tôi thôi. Mới lại hai bên đã có hợp đồng với nhau rồi". Chúng em nói với ông ta đến hết lời, đang cơn tức mà, nhưng họ vẫn ngọt ngào như không. Đến bữa cơm ông ta mời cả hai anh em cùng ngồi ăn, mình từ chối thế nào cũng không được, vừa ăn ông ấy vừa giảng giải: "Của cải của hợp tác xã với của cải Nhà nước xét cho cùng cũng chỉ là một, để hợp tác xã bị thiệt tức là Nhà nước cũng thiệt, mà để Nhà nước bị thiệt thì hợp tác xã cũng thiệt, làm sao cho cả hai bên đều có thể làm giàu được, nhưng đừng có bên nào bớt xén bên nào, như vậy mới gọi là quan hệ hợp tác, tương trợ, có đúng thế không?". Họ đã nói đến mình còn biết trẻ lời ra sao... Ngồi tàu xuôi hai thằng bảo nhau: "Ăn được bữa cơm thì lại bị thiệt mẹ nó hai trăm đồng, bát cơm quá bát yến!".

Biền vừa lắng nghe vừa tự phân tích những ý nghĩ của mình. Chính Biền cũng biết, biết từ đã lâu kia, rằng tiền cước phí vận chuyển cá giống như vậy là không hợp lý. Nhưng chính sự không hợp lý đó đã đem lại bao nhiêu mối lợi cho ngành kinh doanh cá giống. Cán bộ xã cũng thay phiên nhau đi chuyển cá giống bằng đường tàu trong một hai ngày, lấy một số tiền mua công điểm của hợp tác xã và chi tiêu trong gia đình. Lương tâm của một đảng viên đòi hỏi phải thủ tiêu cái lối làm ăn mờ ám đó, nhưng cách tính toán khôn ngoan của một anh nông dân lại muốn trì hoãn, lại muốn kiếm lợi bằng cách đục khoét những sơ hở của các cơ quan Nhà nước. Vả lại đó còn là sự sinh sống của hàng ngàn con người, của chính bản thân mình, nguồn lợi khổng lồ của một hợp tác xã. Ngay đến Mão, chủ tịch xã, một con người có tiếng là thẳng thắn, cương trực cũng đã phải bảo Biền: "Đừng có đưa vấn đề đó ra , xã viên họ sẽ phản đối đấy!" Tất nhiên khi nói câu đó cả hai người đều không dám nhìn thẳng vào mặt nhau, vì chính họ cũng hổ thẹn vì những ý nghĩ không chính đáng của mình.

"Con người gặp những chuyện không may" vừa ra về, những ý nghĩ bực dọc của Biền còn chưa kịp xóa mờ đi thì đồng chí cán bộ cửa hàng Nông thổ sản của huyện đã hiện ra ở khung cửa. Anh ta tiến thẳng đến chỗ Biền, vẻ mặt mừng rỡ, đưa mắt nhìn mọi người:

- Quen cả, xin cứ bắt tay cho vui vẻ. Chào anh, chào bác, chào bủ ạ...

Anh ta ngồi ở chiếc ghế đối diện với Biền, cặp mắt tròn xoe đưa đi đưa lại nhanh nhẹn, nói năng rất lưu loát, tự nhiên:

- Quả thật tìm ông chủ nhiệm còn khó hơn tìm đồng chí bí thư huyện ủy. Hôm nọ trên hỏi tôi đã tổng hợp xong số hợp đồng trong huyện chưa, tôi trả lời: chỉ còn chờ có xã Đồng Tiến, vì đồng chí chủ nhiệm đi họp chưa về (nói đến đấy mắt anh ta hơi nhướn lên, một bên cánh mũi nhay nháy như có vẻ: tôi nói dối như thế để giữ uy tín cho xã này đấy nhé!)

Biền trả lời lạnh nhạt:

- Thì đi họp thật đấy thôi, mới về trưa hôm qua.

- Thật à - Anh cán bộ của cửa hàng cười rất hồn nhiên với lấy cái điếu đặt trên đùi mình, mở sáp thuốc, hỏi Biền lơ đãng - Dự kiến đỗ tương ở đây mỗi sào là bao nhiêu?

- à, trước định là hai mươi cân, nhưng chưa chắc đã được... Quả nhiều nhưng không có hột.

Anh cán bộ cửa hàng rít một hơi thuốc, nói qua đám khói:

- Vậy mà có xã được những hăm hai cân đấy!

Rồi anh ta đặt điếu lên bàn, đẩy sáp thuốc sang người ngồi bên cạnh:

- Hút đi bủ, bên Xuân Huy là nơi đỗ kém nhất cũng được mười bảy cân một sào kia mà.

- Chúng tôi trồng có ba chục mẫu, nhưng lại trồng xen với ngô. Năm nay bán đỗ cho Nhà nước thế nào đây?

- Cũng như mọi năm thôi, đỗ các loại bán năm mươi phần trăm, đỗ tương thì bảy mươi cho đến bảy mươi nhăm phần trăm. Như xã ta đây là lá cờ đầu của huyện thì có thể bán cho Nhà nước bảy mươi nhăm phần trăm... Này, tỉnh chỉ đạo những mười lăm cân đỗ tương một sào, mà ở đây chỉ được có mười cân thôi hử... Đỗ bãi là phải tốt lắm chứ lại...

Biền không hiểu vì lẽ gì mà sáng nay mình trở nên buồn bã và khó tính đến thế, cái vẻ khó chịu của Biền chính anh cán bộ cửa hàng của huyện cũng nhận thấy, nhưng anh lại nghĩ: "Cái loại cán bộ thu mua có bao giờ được người ta tiếp đãi một cách vui vẻ!". Nên anh ta rất bình tĩnh và còn cư xử hết sức đáng yêu nữa.

- Mong các đồng chí thông với chúng tôi nhé. Hợp đồng đã làm được trong toàn huyện rồi, chỉ còn có xã ta thôi, mà không làm đủ thì ngân hàng không xuất tiền, còn một tuần nữa đã phải mua hai mươi tấn thuốc lá của Việt Hùng mà hiện nay một xu không có. Vây các anh định bán cho chúng tôi bao nhiêu tạ đỗ tương, có được ba mươi tạ không?

- Xin được bán một nửa thôi: mười lăm tạ.

Anh cán bộ cửa hàng nhìn Biền, rồi cười rất to:

- Ôi giời, các anh trồng ba mươi mẫu đỗ mà chỉ bán được có mười lăm tạ. Ai mà tin được!

Liễn, kế toán trưởng, ngồi đằng sau cái bàn lớn, vươn cái cổ rất dài về phía anh cán bộ cửa hàng:

- Chúng tôi không giấu giếm gì đồng chí đâu, ai lại còn thủ đoạn với Nhà nước. Xưa nay trồng đỗ đông xuân là dễ mất cả vốn lẫn lãi, chỉ còn

trông mong có vụ thu thôi.

Rồi Liễn hỏi lập lờ:

- Thế các ngài ký hợp đồng hôm nay chứ?

Anh cán bộ cửa hàng hút một điếu thuốc nữa, nụ cười đã trở nên gượng gạo:

- Chúng tôi chỉ đợi được ký với các anh thôi mà. Chiều mai đã phải ra huyện để duyệt hợp đồng rồi. Nhưng... này... chỉ bán có mười lăm tạ thôi hử, người ta cười cho đấy.

Anh kế toán trưởng cầm cái quản bút cũng dài nghêu ngao chấm ngòi bút vào bình mực, tiếp tục viết những dòng chữ chi chít trên cuốn sổ cái:

- à, họ cười thì ai mà cấm được, mặc họ chứ!

Anh cán bộ cửa hàng đứng dậy, chìa tay ra cho Biền:

- Thôi, chào anh, đề nghị các anh cân nhắc kỹ lại cho. Tin tưởng ở các anh đấy.

Biền đáp lại mệt mỏi:

- Nhất định là bán thôi. Chúng tôi làm nghĩa vụ với nhà nước có lần khân bao giờ.

Anh cán bộ cửa hàng vừa ra khỏi thì Liễn đã ngẩng lên nhìn Biền hơi cười, nụ cười của những kẻ đồng tình trong một hành động ám muội nào đó.

- Thằng cha ấy làm ra vẻ đấy thôi, đến mai là cũng phải ký. Các xã khác họ cũng khôn chán.

Chưa bao giờ Biền lại tự ghét mình, ghét người khác bằng lúc này. Anh cúi mặt xuống cuộn một điếu thuốc lá. Tiếng của Liễn vẫn thẻo thớt một bên tai:

- Thực ra thì đỗ bãi năm nay cũng chỉ hơn năm ngoái được tí chút.

- Hừ, năm ngoái mười hai cân một sào, thì năm nay cũng phải được mười bốn, mười lăm cân.

- Đừng nói trạng, cứ tính mười ba cân một sào thôi. Mà đã chắc được chửa!

Biền quay lại nhìn Liễn, mắt anh long lên dữ tợn:

- Dù sao cũng phải bán cho họ hai mươi tạ.

Liễn chống hai tay vào cạnh bàn, cái lưng dài đuỗn hơi cúi về phía trước:

- Đã tính chia cho mỗi hộ hai cân chưa?

- Một cân rưỡi thôi!

- Anh nên tính cho kỹ. Từ ngày nhà máy họ về đây, đến rau muống cũng phải mua một hào một bó. Không có ít đỗ làm tương thì ăn bằng gì. Ăn uống khem khổ quá rồi thì ốm hết đấy.

- Chia cho bao nhiêu hộ nhỉ?

- Tám trăm hộ!

- Trời ơi, mới có nửa năm mà mọc đâu ra nhiều hộ mới thế ?

- Rồi anh xem, đến khi lên phương án chia thóc sẽ biết. Chẳng lẽ mình cấm họ không được cho con cái ra ở riêng hay sao?

- Dù thế nào cũng phải bán hai mươi tạ. Nếu mỗi nhà không được cân rưỡi thì một cân vậy, không được một cân thì bảy tám lạng vậy. Thà mình ăn ít còn hơn phá kế hoạch của Nhà nước.

Liễn không nói gì thêm nữa, anh ta tì cằm lên tay trái, chiếc quản bút vẫn ve vẩy trên đầu mấy ngón tay phải, đôi mắt nhìn lơ đãng ra ngoài sân, nghĩ một cách giễu cợt: "Rồi thì cái thực tế ở nông thôn sẽ làm ông mở mắt ra, ông bộ đội ạ".

Đã gần trưa. ở văn phòng của ban quản trị hợp tác xã vẫn còn lại hai người: một chủ nhiệm và một kế toán trưởng đang duyệt lại những con số chủ yếu của bản phương án chia hoa lợi vụ đông xuân. Giọng đọc của Liễn thì thào, đều đặn, những con số tròn trĩnh, không có màu sắc, tẻ nhạt, nối tiếp nhau vo ve bay ra:

- ...Kê ba mẫu, thu được bốn tạ rưỡi, tính thành tiền là một trăm ba chục; thầu dầu mười mẫu, nhưng thu hoạch được có ba mẫu, tính thành tiền: trăm rưởi. Rau xanh ba mẫu, dự thu ba ngàn đồng... Về trồng trọt, tổng thu được một trăm mười lăm nghìn, ba trăm đồng; về giống cá thu năm mươi ba nghìn, so với năm 1962 vượt được ba nghìn, nhưng so với kế hoạch là thụt mất năm nghìn...

Biền ngắt lời:

- Chủ yếu là so với kế hoạch xem đã đạt được hay chưa, còn so với

năm ngoái làm gì, cái gì của năm ngoái thì đã ăn nhẵn nhụi rồi còn đâu.

Liễn ngừng một lát, bật ngón tay khe khẽ lên trang giấy, rồi lại đọc những chuỗi con số tiếp theo.

Mảnh sân lát gạch chỉ trước trụ sở về trưa càng hắt nắng lên chói chang. Mấy ông già sơn thúng đựng cá giống đã ngồi lên trên thềm hè, cái lưng còng gập xuống giữa hai đầu gối im lặng một cách lạ lùng, chỉ có một bên khuỷu tay gầy guộc là khẽ đưa lên đưa xuống đều đặn. Từ phía nhà kho có tiếng lách cách của chìa luồn vào ổ khóa, rồi tiếng cánh cửa nghiến rin rít, mấy tiếng nói lao xao của bọn con gái:

- Đấy, mấy cái bao ở góc trong cùng ấy!

- Xi măng chúng mày ạ.

- Không phải đâu, vỏ bao xi măng nhưng đựng phân đạm hết.

- Cân đâu hử?

Giọng đọc của Liễn mỗi lúc trở nên xa xôi. Biền chỉ còn nghe được phảng phất những con số rời rạc: tích lũy: mười ngàn tám trăm hăm sáu đồng, tỷ lệ năm phần trăm; công ích: bốn nghìn ba trăm đồng, tỷ lệ hai phần trăm...

Bỗng một tiếng kêu vọng ra từ trong nhà kho:

- Chuối đã chín đâu mà chúng mày lôi ra ăn thế, lũ quỷ cái!

Có lẽ là giọng nói của Hiềm, người phụ trách đài truyền thanh của hợp tác xã. Không nghe có tiếng trả lời, rồi vẫn lại tiếng của Hiềm hét lên:

- Bỏ ra, đừng có đùa, mỗi đứa ăn một quả thôi!

Một giọng nói rất cao, trong trẻo, át đi:

- Còn để phần cho cái Nhuận phải không, cứ cho chúng tớ ăn đi, chúng tớ làm chân trong cho!

Rồi những bước chân chạy nhẹ nhàng trên mặt sân, những tiếng cười rất trong đuổi nhau ở phía cổng trụ sở, và Hiềm hiện ra ở khung cửa, mặt đen cháy, răng trắng nhởn, đưa cặp mắt thiểu nạo nhìn Biền và Liễn:

- Có ít chuối rấm đã giấu dưới mấy lớp bao tải mà cũng bị những con ranh lôi ra, chốc nữa, mỗi anh đem mấy quả về cho trẻ ở nhà, không rồi là hết nhẵn đấy!

Đó là mấy cô gái trong tổ khoa học kỹ thuật đi gánh phân bón lúa thí

nghiệm vụ hạ thu. Họ là nguồn vui và cũng là niềm tự hào của hợp tác xã. Được dự những buổi sinh hoạt của các chi đoàn, lúc trở về bao giờ Biền cũng cảm thấy mình vui vẻ hơn, tự tin hơn, và những dự kiến táo bạo của anh cũng thường nảy nở qua những buổi họp đó. Biền còn nhớ mãi một hình ảnh, với cặp mắt của người ngoài thật chẳng có gì đáng để ý, nhưng với anh thì nó lại có thể rung động đến đáy lòng. Đó là vào một buổi xuôi tàu về Hà Nội, chuyến tàu bốn giờ sáng. Anh đạp xe đến ga mới hơn ba giờ. Dưới ánh sáng vàng nhạt và buồn tẻ của ngọn điện, hành khách chờ tàu nằm ngủ trên những chiếc ghế dài, và cả trên nền đất trong phòng đợi. Gần đến giờ bán vé, bỗng có tiếng ai gọi Biền ở phía sau. Anh ngoảnh lại, Nhạn, một nữ đoàn viên thanh niên vừa ngồi nhỏm dậy ở một chiếc ghế dài kê lùi vào một góc tối.

- Cô cũng xuôi Hà Nội đấy à?

- Không, em chỉ đến ga Phú Đức thôi.

- Thăm ai dưới ấy thế?

Nhạn che miệng cười:

- Thăm ông "phân xanh", đi những bốn đứa, chúng nó nằm ngủ ở kia kìa...

Theo tay chỉ, Biền nhận ra ba cô đoàn viên thanh niên khác nằm ôm lấy nhau trên nền đất, một mảnh khăn vuông phủ lên ba cái đầu chụm sát lại.

Nhạn vừa chải đầu vừa nói liến thoắng:

- Mấy giờ rồi anh... thế thì lúc chúng em đi không khéo mới chỉ nửa đêm. Cả mấy đứa đi họp chi đoàn về đã hơn mười một giờ rồi, em ngủ được một giấc, tỉnh dậy cứ tưởng sắp sáng cứ thế chạy tong tong đi gọi bọn chúng nó, rồi kéo một mạch ra đến đây... Quyên, dậy đi mày, con gái gì vừa đặt lưng nằm xuống đã ngáy om lên rồi !

Mấy cô kia ậm ự một lát rồi mới oằn oài dậy, uốn lưng, vặn tay, rồi chợt nhìn thấy Biền, các cô liền rúc đầu vào vai nhau cười rinh rích.

- Đi cắt phân xanh mà đi tàu kia à?

Nhạn vẫn là người lém nhất bọn:

- Cơ giới hóa từng bước mà lại.

- Chiều về tàu mấy giờ?

- Lúc về chúng em gánh bộ, đi lối tắt, khoảng nửa đêm thì cũng về được đến nhà.

Từ lúc đó cho đến lúc lên tàu cả bốn cô chỉ nhìn nhau cười, như những người không thể kìm nổi sự vui vẻ trong lòng. Có nói chuyện với họ Biền mới cảm thấy giữa mình với lớp thanh niên kia đã có một khoảng cách, tuy tuổi anh chưa hơn họ là bao. Họ có thể rất vui chỉ vì được chờ đợi một tối chiếu phim, được rủ nhau đi cắt phân xanh bằng đường tàu, được tổ chức lễ cưới cho một người bạn. Được sống khỏe mạnh, được học tập và làm việc, được chúng bạn yêu mến, đoàn thể tin cậy, đấy là những mong ước của họ, họ không cần gì nhiều hơn, họ nghĩ một cách tự hào rằng tương lai là của họ, chủ nghĩa xã hội là của họ, cả đất nước này là của họ. Tại các cuộc họp chung họ rất ít nói, hoặc có nói lại toàn những câu cứng nhắc, sách vở, nhưng đừng nên trách móc họ cái điều đó, vì tất cả đối với họ đều dễ hiểu, đều trong suốt: "Có gì đáng phải bàn cãi nhiều đến thế!". Đã có lần Biền nói đùa với Tuy Kiền: "Ông thì xã hội chủ nghĩa có một phần ba, tôi mới được một nửa, còn cánh thanh niên mới là những con người xã hội chủ nghĩa hoàn toàn".

Cũng vì dỗi hờn nên sáng nay Tuy Kiền không có mặt ở văn phòng ban quản trị, nếu không chắc chắn sẽ có một cuộc xô xát nhỏ giữa ông ta với anh cán bộ thu mua của huyện, và Tuy Kiền sẽ lại nắm tay mà hét lên như mọi lần: "Còn phải để xã viên chúng tôi được ăn chứ, làm bao nhiêu bán bấy nhiêu rồi xã viên họ róc thịt chúng tôi ra à, lấy gì mà động viên họ tích cực sản xuất".

Từ phía con đường rẽ về xóm Đông Chấn, chợt vẳng lại một giọng nói đặc biệt quen thuộc, đã gần như không thể thiếu được trong guồng máy hoạt động của hợp tác xã:

- Xe chở nặng mà các anh đặt càng xe buông thõng xuống như trời giáng ấy thì gãy càng, long trục còn gì. Không cúi cái lưng xuống được một chút nữa hay sao! Đóng một cái xe mất vài trăm bạc đấy, các ông tướng ạ.

Một lúc sau đã có tiếng bàn đạp đập lạch cạch vào thềm hè, và Tuy Kiền bước vào, mặt đỏ gay, mồ hôi đã thấm đen hai bên vai áo. Ông ta không nhìn Biền, đi thẳng đến chiếc ghế dài kê cạnh cửa sổ, rút chiếc khăn

sợi đen nhẻm ở túi quần lau qua mồ hôi ở trán và cổ. Biền chỉ đưa mắt nhìn theo Tuy Kiền nhưng vẫn tiếp tục bàn bạc với Liễn. Tuy Kiền ngồi im lặng một lúc rồi nói buông lửng:

- Cái số vôi mỗi sào mười lăm cân ấy mà, thì chỉ riêng vụ thu này cũng phải mua tới một trăm bốn mươi nhăm tạ. Hợp tác tính bỏ tiền túi ra mua hay sao đấy?

Biền mủm mỉm cười nhưng vẫn không quay lại. Bao nhiêu bực dọc chất chứa trong một buổi sáng phút chốc tan đi và bỗng dưng anh thèm khát những câu nói vui vẻ, những tiếng cười sảng khoái.

- Không bỏ tiền mua thì dễ xin được của trên chăng?

Tuy Kiền vênh mặt nhìn đi chỗ khác, mặt ông ta vẫn đỏ tía lên vì nắng, và cả vì sự bực dọc:

- ừ, thì cũng tưởng là đồng chí chủ nhiệm đã có cách giải quyết cái số vôi đó rồi.

Lúc này Biền mới quay lại, nụ cười vẫn ở trên môi anh:

- Vậy, ông đã có cách gì thế?

Tuy Kiền đứng bật dậy, tiến lại ngồi đối diện với Biền, nhưng mắt vẫn nhìn xuống:

- Tôi rất tức là các anh không đồng tình với tôi về việc làm lò vôi. Anh sợ việc không thành chứ gì, thì hãy cứ giao cho tôi xem nào. Chỉ cần anh gật đầu một cái là chỉ trong vài ngày nữa đá sẽ vào lò nung ngay.

Biền hỏi khẽ:

- Đá lấy ở đâu?

- à, lấy đá ở đâu thì mặc xác tôi. Tôi sẽ có cách xoay, gọi là ăn cắp cũng được. Nhưng ăn cắp vì tập thể cũng chẳng sao. Tôi sẽ khoán công điểm cho xã viên rồi đâu sẽ vào đó cả. Trèo dừa mà sợ ngã thì biết bao giờ mới được uống bát nước dừa. Không phải nói phét chứ một chuyến ra lò đầu tiên cũng phải được trên ba mươi tạ. Mới lại trước mắt cũng phải kiếm việc làm cho đội vận chuyển, họ đang kêu om lên là nhàn rỗi kia!

Tuy với điếu rít một hơi thuốc, tay cầm xe điếu vắt lên thành ghế, thở khói một cách khoan khoái, rồi nói thong thả:

- Tôi biết là các anh rất khinh tôi. Cứ nhìn vẻ mặt của đồng chí chủ

nhiệm thì biết. Vừa mới tối qua còn thề bồi thế này thế nọ, hôm nay đã lại ngửa tay xin việc mới rồi. ấy, cái thân tôi nó lại khổ vậy... Nhưng các anh đừng có nghĩ rằng sở dĩ tôi phải bám lấy cái chức vụ hiện nay để tiện bề xà xẻo đâu. Chính cái chức vụ này nó trói buộc tôi nhiều chứ, dù có làm gì, nói gì thì cũng phải nghĩ tới mình còn là anh phó chủ nhiệm... Sở dĩ tôi phải lăn vào với hợp tác xã, vì tôi không thể ngồi đấy mà nhìn anh em khác hoạt động được. Cơm đủ ăn rồi, áo đủ mặc rồi, con cái nhà cửa đề huề, thật tình cũng chẳng phải ao ước gì nhiều nữa, chỉ còn mong được đóng góp cho phong trào, cho xã, được hoạt động cùng với các anh. Nó là nguồn vui của tôi, sống chết cũng phải gắn bó với nó. Trừ phi các anh bảo với tôi rằng: "Mày là thằng tham ô, là thằng phá hoại, chúng tao không cần đến mày!" thì tôi đành phải lạy các anh mà lui về giữ nhà, trông con... Nhưng đã đến cái nước ấy thì cũng chẳng nên sống làm gì, chẳng nên trông thấy mặt ai ở cái xã này nữa.

Đấy, ông ta dễ bực mình vì những cớ rất nhỏ nhặt như một người chỉ quen suy nghĩ nông nổi, nhưng cũng đột nhiên lại thổ lộ được những lời hết sức chân thật, đẹp đẽ mà chỉ những người luôn luôn nghĩ ngợi về cuộc đời của mình, biết rõ cái ý nghĩa của công việc mình đang làm mới có thể nói được.

Rồi Tuy Kiền ngoảnh sang hỏi Liễn, giọng nói vẫn hết sức tự nhiên, như chưa bao giờ ông ta có ý định từ bỏ những công việc mình đang phụ trách cả:

- Này, nghe nói bọn đi Yên Bái gặp khó khăn phải không?... Nếu các ông ấy làm khó dễ quá thì ta lại chuyển cá vào các vùng trong vậy, còn vô vàn nơi tiêu thụ, chưa biết ai đã cần ai.

Biền đưa mắt nhìn tránh đi phía khác:

- Đã đến lúc phải chấm dứt cái lối buôn gian bán lận đó thôi, cái khoản tiền cước phí ấy mà...

Tuy Kiền quay phắt lại nhìn Biền, nét mặt hơi nhăn nhó:

- Sao lại gọi là gian lận, dễ thường số tiền ấy đút túi mấy thằng trong ban quản trị hẳn?

- ờ, đã đành là không phải thế... nhưng, không nên vẽ đường cho hươu

chạy ông Tuy ạ. Tôi đã nghĩ mãi rồi, mình làm ăn còn mập mờ thế thì bảo sao người khác phải phân minh. Tôi không lo không tìm được nguồn lợi khác, chỉ lo chúng mình biến thành những kẻ lừa lọc thì hỏng cả.

Tuy Kiền co một chân lên ghế, cái bàn tay với những ngón xương xẩu, luôn luôn hoạt động, đập khe khẽ lên mặt bàn:

- Đấy, đấy... hừ... anh nói thế là có ý nghĩa sâu xa lắm, tôi không phải là người ngu đâu mà bảo không hiểu. Tôi biết là anh đã bắt đầu khinh tôi rồi mà.

Biền thở dài buồn bã: "Tôi không nghi ngờ gì về sự tận tụy của ông đối với hợp tác xã đâu, nhưng cách nhìn của ông còn nông cạn quá, rồi thì cái tầm mắt thiển cận của chúng ta sẽ có ngày dồn chúng ta vào chỗ bế tắc thôi!" nhưng anh không nói.

Tuy Kiền ngồi lại một lúc nữa, vẻ mặt trầm ngâm, rồi ông đứng lên, cầm lấy cái mũ rộng vành đã cũ, bảo Biền:

- Tôi phải chạy ra ngoài lò gạch một chút. Kể ra còn nhiều chuyện muốn nói với anh nữa, thôi, để lúc khác vậy... Còn vấn đề cá mú ấy mà, phải cân nhắc cho chín chắn, một món tiền không nhỏ đâu.

Tuy Kiền bước ra đến cửa, Liễn mới chợt nhớ tới một việc quan trọng:

- Có phải ông ký hợp đồng với bên Cao Thắng bán gạch củ đậu cho họ phải không?

Tuy Kiền đứng sững lại, nghiêng mặt hỏi:

- Sao, họ không mua nữa hử?

Liễn vẫn nhe răng cười:

- Không, họ đem tờ hợp đồng đến bảo tôi viết thêm vào là chỉ lấy loại gạch già thôi. Thằng cha ấy nom cũng róc tợn.

- ừ, thì viết thêm vào vài chữ có sao. Ngoài lò làm gì có gạch non.

- Nhưng tôi biết đâu cái chuyện mua bán giữa hai người. Nhỡ ra...

- Nhỡ ra thế nào. Họ mua gạch vụn đổ chân móng thì phải bán loại gạch già chứ. Rõ thật... Vậy họ đi đâu rồi?

- Biết được đi đâu. Kể ra với người khác thì tôi viết ngay đấy, nhưng với ông...

Liễn định nói: "Nhưng với ông thì ai mà biết được ông còn có mưu mô

gì", nhưng vội im ngay. Nhưng Tuy Kiền vẫn biết, ông ta nhăn mặt lại, nhìn Biền bằng đôi mắt não nuột:

- Đấy, anh xem, tôi chỉ hay tợn mồm chứ thực ra đã lừa đảo ai bao giờ. Tại sao cứ nghĩ đến tôi là họ nghĩ đến một thằng đầy mưu mẹo, xảo trá. Tôi xin báo cho các anh biết rằng đó là loại gạch củ đậu rất già, đổ chân móng thì nhất hạng, bán cho họ có tám đồng một thước là tôi còn... hớ đấy!

Biền và Liễn đều cười rất to về sự "hớ hênh" của ông phó chủ nhiệm. Tuy Kiền cũng cười, hàm răng ám khói thuốc đã đen lại mới dễ thương làm sao, ông ta nhấp nháy đôi mắt nhìn chung quanh, đội mũ lên đầu rồi đi khuất về phía dãy nhà kho. Một lát sau Biền nhìn qua khung cửa sổ đã thấy bóng Tuy Kiền ngồi lom khom trên chiếc yên xe để rất cao, hai cẳng chân ngắn ngủi, đen trũi đưa lên đưa xuống mệt nhọc theo bàn đạp. Biền cứ nhìn theo mãi cái bóng dáng quen thuộc đó, anh mỉm cười quay lại bảo Liễn:

- Thế nào xã viên họ cũng cho ông phó chủ nhiệm một mẻ. Họ sẽ chửi cẩn thận đấy. Có món gạch vỡ cũng không để rẻ cho họ, lại còn vơ vét bán cho xã bạn... Làm anh cán bộ xã thế mà khó!

II

Đã một tháng qua kể từ cái buổi tối Biền nói chuyện với Tuy Kiền về số gỗ mua của công trường, và anh đã nghĩ một cách sôi nổi rằng cần phải làm rõ tất cả, phải sửa đổi lại cách thức làm việc của những người lãnh đạo, phải, phải... ôi, có bao nhiêu việc cần phải tiếp tục làm nữa. Nhưng những dự định của Biền mới chỉ thực hiện được rất ít, và tai hại hơn là chúng đã gần như mất dần cái ý nghĩa bức thiết rồi. Thoạt tiên Biền đã trình bày rất cặn kẽ những dư luận không tốt đang xì xào trong quần chúng về chuyện gỗ lạt của cán bộ với thường vụ Đảng ủy, và anh đã đề đạt những cách giải quyết dứt khoát nhất. Sĩ, bí thư đảng ủy, ngồi nghe một cách lặng lẽ, đôi mắt của anh nhìn mơ hồ vào một điểm không rõ rệt, và cuối cùng anh chúm chím cười: "Cậu lại hoảng hốt rồi, vốn nó là bé thì đừng nên phóng cho to ra, rồi tự mình lại nát mình". Còn Mão lúc đầu cũng hăng lên, anh bảo: "Đấy, tôi đã nói, không tin được cái thằng Tuy Kiền

đâu, nó như con dao hai lưỡi, dùng phải cẩn thận, không thì đứt tay có ngày". Nhưng lúc sau anh lại thay đổi ý kiến: "ừ, bảo nhỏ nhau thôi, cũng là vô tình cả, tôi sợ nhất là để nội bộ mất đoàn kết".

Đến khi Biền bàn sang tiền cước cá giống và những ý kiến riêng của anh, thì Sĩ cười rất to: "Cậu suy nghĩ nông nổi quá. Cho mình hỏi: có phải lần chuyển cá nào cũng tiện đường tàu cả đâu, có khi chỉ đi tàu có hai chục cây, nhưng đoạn đường từ ga gánh bộ vào đến nơi giao cá lại những năm chục cây thì sao, chẳng qua cái "hơn" này đem bù vào chỗ "thiệt" nọ chứ béo bở gì cho lắm".

Biền đỏ mặt lên, nín lặng, thế là buổi hội ý kết thúc. Bây giờ thì đã sang đầu tháng năm rồi, tháng năm với bao nhiêu công việc: gặt chiêm và cày bừa theo luôn để cấy vụ lúa hạ thu, bẻ bắp và làm cỏ đỗ ngoài bãi... Thời kỳ có thể rảnh rang được chút ít, có thể nói chuyện được với nhau một cách dài dòng đã qua rồi, bây giờ mờ sáng Biền đã ra đi, nửa đêm mới về đến nhà, có khi họp xong anh ngủ luôn tại chỗ vì quá mệt mỏi.

Một buổi sáng, Biền đạp xe ra bãi để kiểm tra công việc bẻ ngô. Anh đạp thong thả theo con đường cái lớn xuyên giữa những vạt lúa đã hoe vàng hoa mơ bồng bềnh theo chiều gió, những lá lúa đã héo trắng, xơ xác, chạm vào nhau trong tiếng rì rào khô nhẹ, cái tiếng động êm ái ấy cứ lan mãi ra lẫn với mùi thơm mơ hồ của vô vàn hạt sữa đang chín dần dưới nắng.

Cùng đi trên con đường ấy mỗi buổi sáng với Biền là những chiếc xe bò của đội vận chuyển lăn bánh ầm ầm qua những mô đất, vòng bánh vẽ một đường ngoằn ngoèo từ bên này sang bên kia đường, cả người kéo lẫn người đẩy vừa chạy vừa kêu thét lên vui vẻ; là những bà gánh thõng thẽo một đôi quang sọt, dặn dò, mắng chửi con cái ầm ĩ khi chúng lếch thếch dắt bế nhau theo sau, tốp năm, tốp ba bàn bạc thì thào bao nhiêu thứ chuyện mặc dù họ chỉ cách mặt nhau trong có một đêm; là những ông trong đội nề, cưỡi trên những chiếc xe đạp bóng loáng, thước gấp đút túi quần vừa đạp, vừa trả lời hết sức ngọt ngào: "Vâng ạ, xin bủ cho đến tuần sau chúng tôi đến", "Chưa xong bà ạ, gỗ gạch càng để lâu càng tốt, không mòn đâu mà sợ". Đội quân lao động cứ kéo đi nườm nượp và đến chỗ ngã ba họ chia

tay nhau: Biền ra trụ sở của hợp tác xã, đội vận chuyển đẩy xe thẳng đến lò gạch, các bà mang quang sọt men theo mương nước xuống lò ngói, còn mấy ông thợ nề thì vẫn đạp thong thả đến khu sân phơi đang lát dở.

Buổi sớm hôm nay Biền cảm thấy mình cởi mở hơn mọi ngày, nếu như mọi hôm anh chỉ đáp lại nhựng lời chào bằng một câu cụt ngủn: "Vâng, chào bủ, chào bà" thì sớm nay anh còm kèm theo một câu đùa: "Đẻ nhanh lên bà ạ, đang lên phương án chia hoa lợi đấy!" hoặc: "Bủ Hòe ơi, bây giờ được ăn no rồi, sống một mình mãi cũng buồn bủ ạ!". Khi xe Biền đạp lướt qua bọn nữ thanh niên kéo nhau sang bãi làm cỏ đỗ, những câu đùa, chèo kéo vẫn quấn quít lấy anh như mọi khi: "Hôm nay ông chủ nhiệm mặc áo sơ-mi trắng trông đẹp trai gớm!" "Cho em đi nhờ một quãng xe, anh!". Rồi những bước chân chạy theo sau, những bàn tay đặt lên lưng anh, lên vành xe, nhưng anh không gắt như mọi lần: "Lũ ranh, có để tao đi không!" mà còn dừng xe lại, mời mọc: "Cô nào ngồi lên, tôi đèo đến chỗ ngã ba". Thế là xảy ra sự tranh chấp và một cô to béo nhất bọn đã gạt được mọi đối thủ, gắn chặt vành mông lên chiếc khung sắt đèo hàng, hai tay ôm vòng lấy lưng Biền, phả một hơi thở nóng rực lên sống lưng của anh, nói nhỏ nhẻ: "Nào, anh đạp đi nào!".

Những ý nghĩ vui ở trong Biền vẫn liên tiếp được nhen lên. Một năm trước đây tìm đâu được một cảnh tượng rộn rịp của sự làm việc tập thể, đến một con đường vừa lọt bánh xe bò cũng không thể có. Thế mà hôm nay tất cả đã biến đổi, và Biền đã nghiễm nhiên trở thành một nhân vật quan trọng. Anh chỉ cần xuất hiện thấp thoáng ở bất cứ một cơ quan nào đó trên tỉnh là lập tức đã có tiếng mời chào: "Đồng chí Biền sang đây uống nước chè nhé!", "Tối nay ông Biền đã định ngủ ở đâu chưa?", "Vào đây, có vài việc muốn hỏi anh một chút". Biền chỉ còn biết gật đầu chào lại mọi người, hứa hẹn một cách đáng yêu và trong lòng thỉ rạo rực những cảm xúc kiêu hãnh. Bây giờ dù Biền có đến họp muộn một chút, và đồng chí bí thư tỉnh ủy có khiển trách anh một cách trìu mến: "Đồng Tiến đấy hả, sao chậm chân thế !" _ thì anh có thể đáp lại lém lỉnh: "Thưa đồng chí, nếu xã cách tỉnh hai chục cây thì tôi phải lên từ tối hôm qua, nếu cách tỉnh tám cây thì tôi đến đúng giờ, nhưng nó lại ở lưng chừng nên tôi phải đến muộn một

chút ạ". Vì Biền là người đứng đầu một hợp tác xã nổi tiếng nên người ta đã giải thích những lời lẽ ba hoa của anh theo một cách khác: "Phải có những thằng cha hoạt bát, sôi nổi thì làm ăn mới khá được!". Với đà đi lên của phong trào, với năng lực làm việc đang thời kỳ phát triển của bản thân Biền thì có thể nghĩ một cách lạc quan rằng: "Mọi việc ở đây sẽ còn tốt đẹp hơn nữa, chúng tôi sẽ xứng đáng với lòng tin cậy và sự khen ngợi của tất cả mọi người".

Biền từ trên đê theo bậc chân trâu đi xuống bãi, một trận gió mát lạnh thổi ào tới hất chiếc mũ của anh đang đội ra phía sau. Mấy mẫu kê trồng ngay rìa đê đã uốn bông, hung hung đỏ, thấy bóng người, một bầy di đá ẩn dưới gốc kê nháo nhác bay rạt về một phía, tiếng cánh khoan không khí nhọn và mạnh. Qua khu vực trồng kê là bãi cát non mới bồi, cát trắng phau, rải rác những bẹ ngô đã héo quắt, mấy cụm nhể gai đâm ra mươi cái lá xanh mướt như lá đay, và những vũng nước đục lờ, dấu vết còn lại của lòng sông năm trước. Nhìn xa hơn, trên dải đất của bãi giữa đã thấy hàng trăm cái nón trắng lấp ló trong đám rừng ngô màu vàng nhạt. Biền cảm thấy cái hơi dịu mát, mềm mại từ những hạt cát còn ướt sương đêm thấm qua lượt da chân của mình, và anh vừa đi vừa vục sâu những ngón chân vào lòng cát một cách thích thú. Từ một tuần nay, các đội sản xuất của hợp tác xã đều chia người sang bãi bẻ ngô, làm cỏ đỗ, gieo lúa mộ. Những cây ngô đã héo khô, túm hoa trên ngọn xác xơ như trấu khẽ lay động theo hơi gió, đeo hờ hững những cái bắp đã gục xuống vì sức nặng, và chỗ bẹ bị cuốn lên phô ra những hạt ngô đỏ chói. Từ trong những thửa ngô còn xanh óng, mỡ màng, loáng thoáng những mảnh áo trắng, áo nâu của những người làm cỏ đỗ tương, những bó cỏ non bó lại gọn ghẽ từng lượm để ở dọc các bờ. Biền tiến lại phía các bà đang bóc bẹ ngô và ngắm nghía một cách say mê những đống ngô khổng lồ, màu sắc chói lọi như tự chúng đang phát ra ánh sáng. Anh hỏi:

- Liệu một sào có được bảy chục cân hạt không các bà?

Một bà bụng chửa ngồi trên một chồng thân ngô xếp cao, bóc nốt những lá bẹ non trong cùng, giơ lên một bắp ngô lực lưỡng, chắc nịch như bắp chuối, hạt to và xếp đều xít nhau như răng ngựa, trả lời:

- Chưa có năm nào ở cái bãi này có được cái bắp to như vậy. Phải đến tám mươi cân đấy anh chủ nhiệm ạ.

Biền ngồi xuống một bờ ruộng, anh lật mũ ra cầm ở tay cho gió sông lùa vào tận chân tóc:

- Vụ này chúng tôi dự tính những lao động chính có thể ăn được hăm tám, hăm chín cân thóc một tháng đấy. Không còn kêu đói vào đâu nữa nhé. Nhưng mà đã chắc gì được mùa mãi. Làm nông nghiệp thì được mất có khi chỉ trong vài ngày. Cho nên cái khoản ngô này không nên ăn rang, mà độn với cơm ngay từ đầu đi. Rồi đến lúc thiếu lại chửi chúng tôi không chịu lo lắng đến đời sống của các ông các bà.

Một bà ngồi ở xa, nói với lại bằng cái giọng đùa cợt:

- Chúng em thì có bao giờ chê sắn, chê ngô, chỉ lo không có cái mà độn thôi. Có bà chủ nhiệm nhà ông ấy, hôm nọ lại khoe là dù có thiếu thốn đến mấy cũng vẫn ngày hai bữa cơm vậy đàng hoàng. Chả là bà chị em neo người nên ngại giã mà...

Mấy bà khác quay mặt đi nhìn nhau cười. Biền cũng cười, nhưng mặt anh đã nóng bừng lên, anh chống chế lúng túng:

- Tôi xin nhận khuyết điểm, là vì cũng còn ít thóc lưu lại từ mấy vụ trước, mấy lại vài đứa trẻ chúng nó ăn cũng không bao nhiêu.

Một bà khác liền kể thêm một câu chuyện:

- Nhà ông Mão cũng chẳng mấy khi chịu ăn độn, có ăn độn ngô vài bữa thì ông ấy đi đâu cũng kêu bị đau bụng, đang ăn cơm trắng nay ăn trộn ngô lẽ gì mà không đau bụng. ấy là cũng đi ăn đi ở từ tấm bé đấy.

- Các bà đừng nghĩ oan cho ông ta, ông ấy vốn bị bệnh kiết, đau bụng là do đi kiết chứ không phải vì ăn cơm trộn đâu.

Rồi Biền đứng lên, anh nói đùa một câu, nhưng cũng vẫn gượng gạo:

- Đến là phục các mẹ đấy, sao mà biết lắm chuyện thế. Vậy khi ngồi họp cấm có chịu nói đâu.

Bà có giọng nói đùa cợt lúc nãy, cười rất giòn giã:

- Nếu ông chủ nhiệm năng hỏi han chúng tôi thì còn biết được nhiều chuyện lạ lắm nữa kia!

Biền đi về phía nhà bủ Tròn, người coi bãi, thầm nghĩ: "Đấy, còn có

việc gì mà người ta không biết, người ta chỉ nói khi nào cần thiết thôi. Không có cái gì giấu nổi được họ đâu..".

Nhà bủ Tròn ở ngay giữa bãi, ngoảnh mặt về phía những vạt đất mêng mông trồng đỗ xanh. Nhà chỉ có hai gian và một chái làm bếp. Trước nhà là cái bể xây cũng bé tí tẹo, trên bắc một giàn trầu không, cạnh bể là một bụi sói nở mươi cái hoa hạt hãy còn xanh. ở đây không thể có bóng nắng vì quanh nhà là một vườn chuối hầu hết đã trổ buồng, và xa hơn là một rừng xoan, cây cao vót, ánh nắng lọt qua những chùm lá lưa thưa in những chấm sáng loang lổ trên thân cây và trên khoảng đất sạch bóng, mát rượi. Biền vừa bước vào sân thì một đàn gà có tới một trăm con từ những bụi củ riềng lộc cộc chạy ra, nối đuôi nhau đi diễu qua sân như một đạo quân mang giáp trụ rực rỡ. Biền ngắm chung quanh thầm ao ước: "Được sống ở chỗ này mới thảnh thơi làm sao chứ !". Rồi anh hỏi to:

- Bủ tròn có nhà không đấy?

Từ trong nhà một giọng còn trẻ đáp lại:

- Có, vào đây!

Bủ Tròn ngồi trên một tấm phản mộc, đầu đội chiếc mũ biên phòng đã bỏ hết lượt bông trong, nhăn nhúm, một chòm râu dài muối tiêu, hai gò má cao nâu bóng và đôi mắt đặc biệt lanh lợi. Biền nhìn vào cái chén con cáu vàng để ở bên cạnh và một tay ông lão cầm một mẫu ngô nướng, hỏi:

- Nhắm rượu với ngô hả bủ!

- Nhắm với ngô đã khá, xưa kia còn nhắm với cả bọ xít đen thì sao.

Cả Biền lẫn bủ Tròn đều cười. Xưa kia cái nghiện rượu của ông Tròn đã nổi tiếng khắp hàng tổng. Hai vợ chồng có mấy sào đất bãi, nhưng được ít hoa màu nào đưa về nhà thì các chủ nợ bảo nhau kéo đến vét bằng sạch vì ông chồng đã vay tiền của họ uống rượu từ mấy tháng trước rồi. Thỉnh thoảng người chồng lại vác dao đuổi vợ dọc bãi đòi chém, chỉ vì vợ không xoay được tiền mua rượu. Đi cày bãi ông cũng đeo cút rượu sau lưng, thỉnh thoảng lại hớp một ngụm rượu nhỏ, chỉ uống rượu trắng cũng có thể nhịn cơm làm suốt ngày. Mùa nước lên, trâu chết đuối đã trương phềnh trôi lập lờ theo dòng sông là ông Tròn đã bơi vội thuyền ra xẻo một miếng thịt, bất kể chỗ nào, về nướng nửa sống nửa chín nhắm rượu. Cùng lắm thì có

thể nhắm cả bọ xít rang khô, miễn là có cái gì nhai kèm với hớp rượu. Hiện nay đời sống của bủ Tròn đã đề huề lắm rồi, bbà vợ thì ở với người con trai cả trong làng, trông cháu cho vợ chồng nó, đứa con út mới đi bộ đội và bủ trở thành người coi bãi của hợp tác xã, vẫn ở hai gian nhà của ngày xưa nhưng đã lợp lại, trồng một vườn chuối, nuôi một đàn gà, suốt ngày lang thang khắp mọi chỗ với tư thế của một ông chủ, hò hét, dặn bảo bất kỳ người nào mà ông lão thấy xâm phạm đến của cải của bãi.

Bủ Tròn uống một hớp rượu bảo Biền:

- Năm nay nước lên muộn, chuyển ngô không phải dùng thuyền cũng đỡ nhiêu khê... Ngồi chơi một lát rồi ta đảo quanh ra khu trồng đỗ nhé. Cây lên đến đẹp!

Uống hết chén rượu, bủ Tròn đứng lên lấy mu bàn tay quệt hai bên mép, cất chén lên mặt hòm, buộc con dao dài có vỏ gỗ ra sau hông, nói một cách tự hào:

- ấy, vắng mặt mình một lát là lắm sự lôi thôi. Có bà đàng hoàng chặt luôn cả một cây chuối non, có hỏi lại trả lời: xin bủ về làm ghém ăn cho mát ruột. Mát ruột bà, nhưng xót ruột cho hợp tác xã. Rồi khi thì cây mía, khi thì cái bắp ngô, nếu đêm mưa to gió lớn, mình ngại, ngồi ru rú ở trong nhà thì coi như sáng hôm sau huề cả làng.

Ông lão xăm xắn đi trước, hai bắp chân quắt đen khoẻ mạnh nhảy nhót từ rãnh luống này sang rãnh luống kia, một tay vung lên chỉ trỏ :

- Đấy! Đỗ con gieo chưa được một tuần mà đã lốm đốm xanh suốt lượt rồi, chỉ dăm hôm nữa là lá đã xòe ra che kín mặt đồng. Những cây đỗ năm ngoái trông mà chẳng đẹp à, đến là nhiều quả, vậy mà hạt có được bao nhiêu đâu.

- Các ruộng đỗ đã tra lúa mộ cả rồi chứ, bủ ?

Ông lão quay lại nhìn Biền một thoáng, ánh mắt mới tinh quái làm sao, rồi lại đi cun cút về phía rẻo đất giáp sông

- Năm nay thì chắc là các anh đã rút được kinh nghiệm rồi. Cứ gieo thẳng như thế dù mai nước ngập trắng phải cấy lại cả cũng không sao. Mất thêm ít công chứ mấy, còn như nước kéo lên rồi lại rút ngay, phủ được một lớp phù sa mỏng vào chân lúa thì cứ việc dọn nhà kho mà tải thóc về. Làm

ăn ở bãi phải dự trữ cả hai đằng thì mới không bị mất trắng được.

Câu chuyện của hai người có liên quan đến một thất bại đau đớn của hợp tác xã vào vụ mùa xuân năm ngoái. Trước đây đất bãi thuộc hợp tác xã của xóm ngoài, nên khi sáp nhập thành hợp tác xã lớn, trong ban quản trị rất ít người có kinh nghiệm làm bãi. Một hôm, Biền ra thăm bãi, bủ Tròn có bảo anh:

- Liệu mà gieo lúa mộ đi các anh ạ, năm nay xem chừng nước muộn lắm, nếu đợi nước sa lên mới cấy lúa thì không khéo hỏng ăn cả.

Biền về bàn với đột trưởng đội sản xuất ở bãi (một anh chàng bộ đội mới phục viên, còn rất trẻ) nhưng anh ta gạt phắt:

- Không lo, nước có lên muộn thì cũng chỉ muộn dăm bữa nửa tháng thôi, tội gì mà gieo lúa mộ.

Biền nói lại ý kiến của bủ Tròn, anh chàng kia cười:

- Ôi chào, ông bủ ấy thì biết quái gì, nếu kinh nghiệm sản xuất giỏi thì xưa kia đã làm nên cơ nghiệp.

Họ quải đủ mạ cấy ba lần, tính ra tới hăm sáu tạ lúa giống, và ngồi chờ con nước lên. Tháng bảy đã qua nước vẫn chưa ngập lên bãi giữa, và cho đến hết cả tháng tám, rồi đến giữa tháng chín, nước có lên thật, nhưng chỉ quét qua, còn lúa sớm trong đồng thì đã bắt đầu trỗ rồi. Thế là bỏ. Mạ đem cho trâu bò ăn, còn những vạt đất mênh mông đã cày bừa chờ cấy lúa thì cỏ mọc lên ngút ngàn.

Hai người đi men theo bờ sông, dòng sông đầy cát sa ngầu đục màu son, giữa sông nổi lên một dải cát non nâu sẫm, lở ra ở rìa cạnh ánh lên mỡ màng tưởng có thể ăn được. Về phía bến đò Kênh, một con đò bằng nan, mũi đò vênh hẳn lên, nhẹ nhàng, đu đưa tưởng một con gió nhẹ cũng có thể lật úp được tất cả, vì đò và người đều mỏng mảnh như cắt bằng giấy. Bên kia sông là những rặng vải màu xanh thẫm đầy bí ẩn, những cây gạo vươn lên vừa oai vệ vừa thanh thoát, và những mái nhà đơn độc ló lên qua mặt đê màu vàng nhạt mới thơ mộng làm sao.

Biền nói với lên với bủ Tròn:

- Ngồi đây một lát đã, bủ. Khung cảnh còn đẹp hơn trong tranh. Đời bủ là sướng nhất đấy!

Ông lão dừng lại, ngồi lên đám cỏ lau, hai chân buông thõng xuống khoảng đất lở:

- Sướng thật chứ, chẳng thế ông Tuy Kiền dụ dỗ tôi ra làm ngoài lò gạch, một ngày công hai đồng, nhưng tôi có thèm ra đâu. Tính ra tôi sống ở bãi này năm nay vừa đúng ba mươi năm rồi, bây giờ có đi đâu cũng khó.

Biền mỉm cười:

- Kể ra thì chúng cháu cũng muốn bủ trông nom cái bãi này mãi mãi, vì còn có ai thay chân bủ nữa, nhưng cháu phê bình bủ không chịu đi họp, đã ở đây mà không năng đi họp thì chẳng biết gì về tình hình chung cả, như người sống biệt lập ấy còn gì, anh hùng nhất khoảnh mà lại.

Ông lão ngồi im lặng một lúc, khẽ nghiêng một bên mặt nhìn Biền, nét mặt trở nên hóm hỉnh:

- Có đúng thật là tôi không biết gì về tình hình chung của hợp tác xã không?

- Thì cũng có biết, nhưng không thể bằng những người năng đi họp được.

- Anh nói thế là chủ quan đấy, tôi còn biết được nhiều việc hơn cả anh kia.

Thấy Biền chỉ tủm tỉm cười, ông lão nói thêm:

- Các anh thì có bao giờ tin những ông lão lẩm cẩm. Nhưng năm ngoái anh tin ở tôi thì có lẽ hợp tác xã cũng được lợi nhiều.

Mặt Biền nóng bừng, anh chống chế:

- Sao lại không tin, bao giờ chúng tôi cũng phải lắng nghe ý kiến của mọi người.

- Thế thì mọi người đang bàn ầm lên những chuyện gì anh biết chưa?

- à, chắc lại vấn đề mấy xe gỗ của công trường chứ gì!

- Chuyện ấy đã qua rồi, những chuyện mới kia.

- Bủ cứ nói, cháu xin nghe.

Ông lão ngồi xích lại, co chân lên, bẻ rộng hai đầu gối ra, hai cánh tay ôm vòng lấy, đằng sau lượt da đã nhăn nhúm, khô héo vẫn còn bắp thịt, những bắp thịt hình dài, không mỡ màng nhưng rắn lại, dai chắc như một cây mây già.

- Thỉnh thoảng ông Mão cũng ra đây nói chuyện với tôi, ông Sĩ cũng thế, nhưng tôi cứ giả câm giả điếc, bảo sao nghe vậy, hỏi gì nói nấy là vì tôi chưa hiểu rõ bụng các ông ấy như thế nào, nói ra có khi mang thù mang oán. Còn với anh thì tôi coi như thằng cả nhà tôi, tôi biết anh là người tốt, nhưng anh cả tin quá.

Vẻ mặt ông lão trở nên nghiêm trang, và Biền cảm thấy đây là câu chuyện hết sức hệ trọng.

- Cứ như ý tôi thì các anh không thể dùng Tuy Kiền được đâu. Ông ấy cũng là người của Đảng đấy, cũng đóng góp nhiều cho hợp tác xã đấy, nhưng công không bù được tội. Làm ăn trí trá, gian giảo quen thói đi rồi. Tôi hỏi: anh có biết ông Sang trong ủy ban mua gỗ ở đâu làm khuôn cửa không? Anh thì không thể biết được đâu. Cũng của Tuy Kiền nó dúi cho cả. Chẳng là hôm đi mua lại mấy gian lán của công trường về lợp trạm xá lão ta thấy có mấy bắp gỗ ở cạnh nhà kho, mắt trước mắt sau đút luôn vào xe bò, phủ lá cọ lên, nhưng có giấu được nổi ai. Rồi lại cái khoản bốn chục chiếc hòm gỗ thông nữa?

- Hòm gỗ thông thì tất cả mọi nhà đều mua, không riêng gì ông Tuy Kiền đâu.

- Nói vô phép, anh cũng không được tinh tường cho lắm. Nói là mọi nhà cùng mua, nhưng toàn là xóm Đông Chấn cả, toàn là chi cách nhà Tuy Kiền cả. Ai mua: anh nó mua, em nó mua, cháu nó mua, mỗi người mua một cái, còn một mình lão ta mua một chục cái. ý đồ to lắm: mua hòm về, tháo ván ra, quét một lượt sơn lên lát trần nhà thì có đến mấy đời cũng không bị mối mọt. Họ tính toán kể cũng đã gớm. Lại còn cái khoản sắt nữa, anh đã biết chưa nhỉ?

Những câu trả lời của Biền mỗi lúc mỗi nhỏ dần:

- Chưa.

- Lại chưa, ông phó chủ nhiệm mua trộm sắt của công trường, ông chủ nhiệm lại không biết. Nhà nước mà biết chuyện thì cả đứa mua lẫn đứa bán đều vào tù. Rồi những chuyện cá mú nữa, chuyến nào có thể kiếm được thì bố xí phần cho con, anh tranh phần cho em, họ hàng dắt díu nhau, còn đâu đến lượt anh đứng ngoài. Có người đã bảo với tôi: "Phải như ngày xưa thì

cái chuyện cá mú ấy có thể chém nhau được rồi...". Cả cái chuyện anh cho bủ Sen vay một tạ thóc người ta cũng phàn nàn nhiều. Nhà ông ấy có thiếu gì cho cam... Họ bảo rằng vì ông ta ở trong ban quản trị, lại là trưởng ban cá nên anh nể, ấy, có người còn nói anh muốn mua chuộc.

Biền cãi lại:

- Có nể nang gì đâu, vì ông ta mới cưới vợ cho con, cô kia là người xã khác, lại có một con riêng, không cho vay một tạ thóc thì họ ăn bằng gì.

- ấy, cứ kể hoàn cảnh thì hàng trăm người hỏi vay có hàng trăm hoàn cảnh, hoàn cảnh nào cũng khó khăn cả, còn đã không cho hàng trăm người vay thì cũng không thể cho một người vay. Phải nói là anh cũng có nể, không nể làm sao được... Có phải không?

Biền chỉ cười:

- Làm anh cán bộ xã thế mà khó đấy bủ ạ.

- ờ, nếu không khó thì tôi làm chủ nhiệm cũng được chẳng phải cậy đến các anh.

Biền nín lặng rồi anh đứng dậy, nhưng ông lão giơ một bàn tay vẫy anh ngồi xuống, hỏi một cách bí mật:

- Tôi hỏi anh một câu này anh đừng giận tôi nhé. Những việc ông Tuy Kiền làm chẳng lẽ các anh lại không biết thực à?

Biền trả lời ầm ừ:

- Cũng có biết ít nhiều chứ!

- ừ, thế là cũng có biết, nhưng tại sao các anh không phê bình, rồi cái việc các ông lãnh đạo mua gỗ sao các anh cũng không phê bình.

- Có phê bình đấy chứ !

- Mấy người phê bình với nhau thì xã viên chúng tôi biết thế nào được. Sao đã phê bình rồi mà ông Tuy Kiền vẫn làm ăn như thế. Nghe đâu ông Sĩ còn định mua mấy thanh sắt của Tuy Kiền về làm song cửa thì phải. Thế thì bảo nhau thế nào được. Hôm qua có mấy bà ở xóm Bình Chính ra đây làm cỏ đỗ nói với nhau như thế này: "Mấy ông ấy chắc cũng là cùng cánh cả, xấu chàng hổ ai nên ăn nói mới ấp úng đến vậy".

Trước khi Biền về, ông bủ Tròn còn bảo anh nửa đùa nửa thật:

- Này, những chuyện tôi nói với anh, câu nào đúng thì anh nghe, câu

nào sai thì anh để ngoài tai cho nhé, đừng để bụng với ông lão lẩm cẩm mà tội nghiệp.

Một buổi trưa Biền vừa đạp xe đến văn phòng ban quản trị thì Liễn đã ở trong nhà chạy ra, da mặt tái lại vì bị kích động:

- Sao anh đến muộn thế, vào đây...

Biền dựa xe vào trong hè, bước vội vào, trong người đã rờn rợn, anh hỏi theo:

- Lại chuyện gì rồi? Đến khổ!

Trong văn phòng chưa có ai, nhưng Liễn vẫn kéo Biền lại gần bàn làm việc của mình, thầm thì một cách bí mật, còn đôi mắt thì đảo quanh lấm lét:

- Công an tỉnh về tóm thằng Hựu ở trạm bơm rồi!

- Sao, vấn đề trị an à?

- Chắc không phải, có thể hệ trọng hơn, anh ngồi xuống đây.

Biền kéo ghế ngồi xuống như một cái máy, bàn tay của anh vẫn đặt trên chiếc cặp bìa cứng, nhưng những ngón tay đã run lên khe khẽ.

- Tôi lo là vấn đề dầu mỡ của nhà máy

- Có phải số dầu Tuy Kiền vay của nhà máy cho trạm bơm dạo đầu năm phải không?

- Đúng thế. Hôm đã lâu lão Hiểu thọt hỏi tôi: "Cái số dầu Tuy Kiền lấy của nhà máy đã thanh toán với hợp tác xã như thế nào nhỉ?". Tôi làm như không biết: "Làm gì có dầu nào mà thanh toán". Lão ấy nói luôn: "Vậy nó ăn cắp dầu để làm gì thế ?". Tôi vẫn cãi: "Làm đếch gì có dầu nào, số dầu ở trạm bơm là mua của Ty Thủy lợi đấy chứ!". Lão ta cười cười: "Thế thì phen này thằng cha ấy đi tù rồi. Chính bốn thằng lăn dầu từ nhà kho về trạm bơm ba lượt cả thảy kia mà".

Biền mím môi lại, ngẫm nghĩ một lát rồi bảo Liễn :

- Chúng mình làm ăn không đứng đắn tất phải hứng lấy cái kết quả tai hại này thôi. Trốn tránh vô ích, vì có cái gì lại có thể giấu giếm mãi được.

Liễn liếc nhìn Biền, nói ngập ngừng :

- Kể ra cũng chưa đáng lo lắm, vì trong sổ sách mình có khoản chi nào cho số dầu mua của nhà máy đâu... Chỉ còn e thằng Hựu nói tuột ra với công an thì hỏng cả.

Biền thở dài :

- Bây giờ chỉ còn có một cách có thể cứu vãn được tình thế là trình bày rõ ràng lại tất cả, trước sau rồi cũng phải một lần. Càng để lùng nhùng càng nguy hiểm.

Thật ra số dầu vay của nhà máy rất kín đáo và vô cùng êm thấm, đến nỗi người ta đã có thể quên đi được rồi. Ai ngờ nửa năm sau nó lại xuất hiện một cách đột ngột và hết sức gay gắt. Từ tháng chạp năm 1962, đến cuối tháng hai năm 1963 không có một trận mưa nào ra hồn, những tháng khô hạn nối tiếp nhau, và các cánh đồng đều nứt nẻ. Hai máy bơm của hợp tác xã phải làm việc suốt đêm ngày, do đó số dầu dự trữ cho cả vụ đã dùng hết trong vòng hơn một tuần. Hơn nữa trên Ty Thủy lợi cũng không còn dầu. Trong lúc khó khăn ấy thì trạm bơm của nhà máy đã đến cứu họ. Cũng là chỗ quen biết nhau trước, lại do Tuy Kiền làm người trung gian nên họ bằng lòng cho Hợp tác xã vay sáu trăm lít. Cùng dịp đó công trường phải bàn giao toàn bộ công trình đã xây dựng cho nhà máy, trong đó có trạm bơm, nên số dầu cho hợp tác xã vay được ban phụ trách trạm bơm đưa ra ngoài số dầu phải trả, coi như một món quà hữu nghị tặng hợp tác xã. Tất cả sự sắp đặt này đều do Tuy Kiền điều khiển, và được sự đồng ý của cả ban quản trị. Đó là một tặng vật rất lớn nên ngay người cương trực nhất cũng không thể phản đối, vì trong việc này không ai là người ăn cắp cả. Tất nhiên anh em có đề nghị số dầu tặng phẩm ấy không nên cho nhiều người biết vì phòng tài vụ của nhà máy có thể làm lôi thôi. Lúc ấy mọi người đều nghĩ một cách ngây thơ rằng: việc gì đã định không cho ai biết thì mọi người sẽ không bao giờ có thể biết.

Thế là cái việc không ai ngờ rằng đến thì đã đến, và đóng vai trò đặc biệt quan trọng: nó chấm dứt tình trạng mập mờ, không dứt khoát hiện tại, buộc mọi người phải trả lời những câu hỏi đặc biệt gay gắt và khó chịu: hoặc là thế này, hoặc là thế kia. Đã đến lúc ấy thì những người lãnh đạo cũng không thể tùy ý lựa chọn, tùy ý trì hoãn, vì tình hình đã ràng buộc họ, thúc đẩy họ, buộc họ phải có những kết luận hết sức thẳng thắn trong mọi việc làm, phân rõ phải trái một cách nghiêm chỉnh.

Tối hôm ấy, Biền, Sĩ, Mão trong ban thường vụ đảng uỷ hẹn nhau họp

ở nhà Mão, ngoài xóm Tuy Thượng. Mão thắp sáng cây đèn ở giữa nhà. Biền cởi áo ngoài, mặc chiếc áo trong đã thủng lỗ chỗ phô ra những bắp thịt tròn, mây mẩy dưới lớp da rám hồng. Mão đứng ngắm Biền với cái vẻ thèm muốn:

- Sáng hôm qua mình vác cuốc ra thăm đồng, chợt nhìn lên dãy núi Tam Đảo thấy rõ từng sườn núi một, bỗng rùng mình. Sao mà ngại thế. Vậy mới biết là đã già, Tết này vừa tròn năm mươi rồi đấy. Thời còn trẻ, nhìn thấy núi là háo hức: "Sẽ có ngày leo lên bằng hết từng ấy ngọn cho sướng". Kể ra mười năm đi bộ đội cũng đã leo đến hàng trăm ngọn núi rồi, có lẽ không có cái đèo nào ở Tây Bắc mà mình lại chưa đặt chân tới.

Sĩ cũng đã đến, nét mặt hơi băn khoăn, anh nhìn ngọn đèn quá sáng, bảo:

- Thắp cái đèn to ấy làm gì.

Một lát sau, Sĩ lại nhắc:

- Thắp cái đèn nhỏ thôi, đỡ tốn dầu.

Mão nói bô bô:

- Sống dầu đèn, chết kèn trống, làm gì thì cũng cho nó sáng sủa, chứ thậm thụt thì không thể chịu được.

Vừa lúc ấy thì Hựu bước vào, chiếc áo sơ mi của anh ta đang mặc đã đẫm ướt mồ hôi:

- Nguy to rồi các anh ạ!

Cái giọng nói ấy lúc này mới to, mới vang làm sao.

Sĩ khoát tay ra hiệu:

- Nói sẽ chứ, thế nào?

Hựu kéo ghế ngồi, Biền đứng bên cạnh anh ta, còn Sĩ và Mão thì chụm đầu lại đối mặt với Hựu. Tất cả những nét mặt ấy đều biểu lộ một cái vẻ vừa hoảng hốt, vừa sợ hãi nhưng lại núp sau cái bề ngoài bình thản.

- Họ biết tất cả rồi anh ạ. Không thể giấu được một cái gì.

Sĩ hơi gắt:

- Thì có gì mà phải giấu!

Hựu bụm môi lại, mắt trợn tròn:

- Có giấu cũng chẳng được, cái số dầu vay ai ngờ to chuyện quá. Các

anh ấy hỏi: "Hợp tác xã có vay dầu của trạm bơm không?". Em trả lời: "Tôi không biết". Họ vặn lại em: "Anh là người chuyển dầu mà không biết à?" "Tôi không chuyển dầu của nhà máy bao giờ" - "Thế cái đêm hôm mồng... anh... anh... và anh lăn một phuy dầu hai đai từ nhà kho về lối cầu sắt thì là dầu nào thế?". Đấy, họ nói rõ ràng đến thế thì còn cãi làm sao được. Họ vẫn hỏi tiếp: "Vậy hai phuy dầu đó bây giờ ở đâu?" - "Tôi không biết". "Sao cái gì anh cũng không biết thế, vậy máy bơm của các anh chạy bằng nước lã hử?" - "Chúng tôi chạy bằng dầu ma-dút của Ty Thuỷ lợi" - "Dầu của Ty hết từ tháng chạp năm ngoái còn đâu". Chịu, chịu, chẳng có gì qua mắt được họ nữa. Cuối cùng, một anh người rất nhỏ nhắn, trắng trẻo, bảo em, giọng ngọt ngào: "Anh có biết hiện nay xã viên người ta đang nghi ngờ là trong ban quản trị có tham ô tập thể không? Có đứa đã lợi dụng tình thế ấy để xúi giục họ làm đơn xin chia hợp tác xã ra đấy, vì dại gì làm còng lưng cho "chúng nó" xây nhà gạch...".

Mão ngắt lời, giọng anh đã nghẹn ngào vì tức giận:

- Được, xin cấp trên cứ phái người về kiểm tra, tôi sẽ trình bày với các đồng chí ấy tất cả. Xưa kia ở đây khổ sở ra sao, nay đã mở mày mở mặt như thế nào. Xưa kia cả xã này chỉ có hai xe bò, nhà thằng lý Hy là một, nhà thằng chánh hội Quyền là hai, nay chúng tôi có hàng trăm cái, lập hẳn ra một đội vận chuyển. Vậy là có khác trước không. Sẽ mời các đồng chí ấy đi tham quan lò gạch, lò ngói, trạm bơm, khu vực nuôi cá giống, nếu chúng tôi là những thằng tham ô chúng tôi lại xây được một cơ sở sản xuất lớn như thế ư? Cậu Ngọ ấy, về đây làm công tác cải tiến quản lý hợp tác xã mấy tháng trời, trước khi rút hắn bảo tôi: "Trước đây các cậu có nhiều lúng túng trong việc tổ chức lao động và xác định phương hướng sản xuất, còn các mặt khác thì phải nói là rất cừ".

Biền chống tay vào má, lặng lẽ một lúc, rồi hỏi lại Hựu:

- Có thế thôi à. Còn gì nữa không?

- Không, chỉ hỏi có thế.

Sĩ giục:

- Cậu về ngay đi nhé... Này, đừng ra lối cổng chính, đi rẽ qua nhà bủ Hoạt mà về.

Hựu ra đến thềm, Sĩ còn bước theo dặn:

- Tuyệt đối không nói lại với ai, hiểu chưa, mà cũng không được nói là đã gặp chúng tớ, nghe không?

Khi Sĩ quay lại, anh bảo nhỏ Mão:

- Dặn cái Lý đứng ở ngoài cổng chơi, xem có ai đến thì báo.

Mão nói cau có:

- Như là buổi họp của một tổ chức phi pháp ấy nhỉ!

Biền đáp lại:

- Vì việc làm của ta phi pháp mất rồi.

Sĩ cố giữ điềm tĩnh cần thiết:

- Đã đến lúc này thì việc quan trọng nhất là phải tìm mọi cách mà bảo vệ lấy tiếng tăm của xã, không nên câu nệ... - Sĩ định nói rõ thêm cái ý của mình nhưng lại thôi- Tôi có ý kiến như thế này, chúng ta trước sau (Sĩ nhấn mạnh hai chữ: trước sau) vẫn chủ trương vay dầu của trạm bơm tính vào số tiền dự chi cho thuỷ lợi trong vụ Đông Xuân. Có chứng cứ hẳn hoi: đồng chí Mão viết thư hỏi vay một lần, còn lần sau do đồng chí Biền viết. Còn như sau này họ cho không mình để tiện việc bàn giao thì đó là lỗi của mấy anh phụ trách trạm bơm, ta không xúi bẩy họ, mà cũng chẳng xin xỏ gì họ... Số tiền dự chi cho thủy lợi là bao nhiêu nhỉ?

Biền đáp cộc lốc:

- Ba nghìn năm trăm đồng, nhưng nợ của Ty mất ba nghìn tám trăm đồng rồi

- Sao nợ nhiều thế?

- Máy chạy tính bốn đồng tám một giờ mà lại.

- Còn đâu mà trả tiền dầu cho nhà máy?

- Họ đã bảo cho thì còn dự chi làm gì.

Sĩ cau mặt lại

- Nhưng bây giờ thì lại phải tính là trong số ba nghìn rưởi tiền thủy lợi, có năm trăm đồng mua dầu của nhà máy để tỏ ra mình không định lấy không của họ.

Biền hỏi vặn:

- Vậy tại sao đến bây giờ vẫn chưa trả.

Sĩ trả lời một cách đắc thắng:

- Thì mình đã thanh toán tiền thuê máy bơm với Ty đâu, nhưng hôm nay khi báo cáo phương án chia hoa lợi vụ đông xuân trước Đảng bộ, trong số chi phí về thủy lợi phải nói dứt khoát là có dành một số tiền mua dầu của nhà máy. Nói công khai đi, cho tất cả mọi người đều biết rằng chúng ta mua bán rất rành mạch.

- Vậy cũng là một thủ đoạn đối phó chứ gì?

Sĩ nhìn Biền vừa khó chịu, vừa ngượng ngập:

- ờ, sao lại gọi là thủ đoạn, sự thực là thế.

Mão đã tươi tỉnh hơn, anh nói dối với mình hết sức thành thật:

- Đúng là thế. Chưa bao giờ mình có ý định ăn không cái số dầu ấy cả... kể ra mấy cậu ở trạm bơm làm ăn cũng vô nguyên tắc thật.

Rồi Mão đứng lên, với lấy cái điếu, nói hể hả:

- Nói thực với các đồng chí, về khoản tiền nong tôi có thể tự hào là rất trong sạch. Một nửa năm trời ở mặt trận Điện Biên tôi vừa làm thủ quỹ, vừa làm thủ kho cho trạm vận tải, trong tay giữ hàng trăm triệu bạc, tiền năm nghìn nhét đầy mười ba cái dó buộc chéo chữ thập sáng khuân ra hầm, tối lại khuân vào; cầm chìa khóa cả một kho hàng, từ gà, vịt, sữa, đường đến hộp dầu con hổ, cái kim, một tay xuất nhập hết, nhưng không hề tơ vương một đồng nào, trong khi đó cũng ối người bị hạ tầng, bị cảnh cáo cũng vì chuyện tiền nong.

Sĩ thở dài, than vãn:

- Gây dựng được một phong trào có phải là dễ đâu, rất khó. Bây giờ, đi đâu được giới thiệu là người lãnh đạo của xã Đồng Tiến cũng vinh dự, người ta hoan hô mình cũng mát dạ hả lòng. Có lên huyện, lên tỉnh yêu cầu cái gì mình cũng có cái thế, mà các ông ấy cũng không nỡ gạt đi. Trải qua mấy tháng cải tiến quản lý hợp tác xã cũng không có vấn đề nghiêm trọng gì. Ôi chao, bỗng dưng sinh ra cái chuyện chết tiệt này, làm không khéo để vỡ lở nay mai đến tai Trung ương thì mất hết. Nghĩ mà dại!

Biền chống tay đỡ lấy hai bên má, không nói năng gì, anh muốn hỏi Sĩ thật thẳng thắn: "Liệu có bảo vệ nổi phong trào với lối giải quyết đầy mưu mẹo đó không?". Rồi Biền tự thúc giục mình: "Hãy nói đi chứ, can đảm lên

chứ, dù có bị hiểu nhầm cũng còn tốt hơn là sẽ phải đứng trước một tình hình còn bế tắc hơn thế này".

- Tôi mong các anh sẽ hiểu tôi - Biền nhìn Sĩ và Mão bằng đôi mắt thảm thiết - Chúng ta đừng chỉ nghĩ tới chuyện đối phó với bên ngoài nữa, mà đã đến lúc phải giải quyết một cách triệt để và thẳng thắn những vấn đề trong nội bộ của mình đi - Biền đưa mắt nhìn vẻ mặt đã trở nên lạnh ngắt của Sĩ - Đâu phải chỉ còn là chuyện mấy xe gỗ, mà đã có bao nhiêu chuyện khác đã xảy ra rồi.

Biền kể lại những sự việc mà bủ Tròn đã nói lại với anh trong một buổi sáng anh ra thăm bãi:

- Đến một ông lão quanh năm chỉ ở bãi, ít khi bước chân vào đến làng mà còn biết được rành rọt như vậy thì quả tình chúng ta cả tin ở nhau quá, tin một cách mê muội. Hôm nay tôi còn được biết thêm anh Khuyến mới mua mấy súc gỗ của dân ven sông vớt trộm được của Công ty Lâm sản từ vụ vỡ bè năm ngoái, một súc gỗ có hơn bốn chục bạc, đáng ra phải hơn bốn trăm đồng. Đấy, những việc mới cứ đẻ thêm mãi ra, vì đã có cách gì ngăn chặn. Cho đến hôm nay tôi vẫn cam đoan với các anh rằng trong nội bộ ban quản trị không thể có tham ô tập thể, nhưng còn những việc làm mờ ám bằng cách này hoặc bằng cách khác của từng cá nhân thì đã ai dám nói hẳn là không có. Nếu chúng ta không đấu tranh thì chúng ta sẽ trở thành những kẻ đồng lõa. Cho nên tôi không thể đồng ý với cách giải quyết của anh Sĩ được, vì tôi tin rằng mọi việc mờ ám trước sau đều bị phơi trần trước sự thẩm xét của xã viên, không có cách gì giấu nổi họ, ngay cả đến bữa cơm ăn trong gia đình mình, những chuyện mình chỉ bàn bạc với vợ, với con. Theo tôi, người lãnh đạo thẳng thắn, thực thà là người lãnh đạo khôn ngoan nhất, có bản lĩnh nhất, luôn luôn chủ động và không bị kẻ xấu lợi dụng. Đấy, chúng ta hãy chọn đi: hoặc là ta bịt êm số dầu này, mấy anh ở trạm bơm dù có nguyền rủa chúng ta là bạc bẽo, nhưng rút lại bọn họ sẽ chịu tội hết, còn chúng ta là người đứng ngoài, bình yên vô sự. Nhưng có chắc rằng sau vụ này sẽ không còn xảy ra vụ nào khác nữa? Đến lúc ấy chúng ta sẽ trả lời với xã viên, với các cơ quan nhà nước như thế nào? Hoặc là phải mở cuộc đấu tranh thật thẳng thắn trong nội bộ, các đảng ủy

viiên sẽ tự phê bình, các ủy viên trong ban quản trị sẽ tự phê bình, trước hết thường vụ đảng ủy sẽ kiểm điểm toàn bộ việc làm của mình trong sáu tháng qua. Chỉ có cách giải quyết đó là hay nhất, vì nó sẽ làm chúng ta hiểu nhau hơn, và toàn thể đảng bộ hiểu ta hơn, chúng ta đúng chỗ nào, sai chỗ nào. Những thằng phá hoại, những đứa tung tin đồn nhảm sẽ lập tức bị vạch mặt, vì những cái gì trước đây thuộc về tranh tối tranh sáng, mập mờ, úp mở, lẫn lộn đều đã được phơi bầy đến chân tơ kẽ tóc, rành mạch, quang minh... Tôi đã nói hết, tùy các anh quyết định, nhưng tôi kiên quyết giữ ý kiến của tôi đến cùng.

Có thể vì lần này Biền trình bày những ý kiến của mình với ý thức tự phê bình, vì trách nhiệm của anh đâu phải là nhỏ, nên lời lẽ của anh tha thiết, cảm động, khiêm tốn, hoặc vì những ý kiến của Biền đã được chứng thực bởi cái tình thế mà mỗi người đều biết là hết sức gay gắt và nguy hiểm, tuy họ vẫn giữ cái vẻ bên ngoài điềm đạm nên chỉ trong chốc lát Sĩ và Mão đều đồng tình với cách giải quyết đó. Vì cũng chỉ còn có con đường đó...

III

Tuy Kiền vẫn tiếp tục sống cuộc đời vui vẻ và vô tư lự của mình. Ông ta vẫn đạp xe đi suốt ngày theo những con đường quen thuộc: trạm bơm, lò gạch, lò ngói, và các khu vực nuôi cá giống, có điều ông không còn mất quá nhiều thì giờ để lượn quanh công trường nữa, vì anh em ở công trường đã đi đến một nơi khác xa hơn (ông thầm nghĩ: xã nào vớ được cái bọn này thật bở). Còn với nhà máy thì rõ ràng chẳng có cách gì đẽo gọt được họ , vì mọi công việc của họ đều được tổ chức quá chu đáo, quá trật tự và hết sức nghiêm chỉnh. Họ chỉ bàn bạc với hợp tác xã những vấn đề thuộc về công tác chính trị, công tác tư tưởng của đôi bên, tức là những "món hàng không bán ra tiền được" như Tuy Kiền thường nói. Nhưng trước khi công trường rút hẳn, Tuy Kiền còn mua được vài chục chiếc hòm gỗ thông và một ít sắt. Ông ta có nói chuyện với Biền một lần nào đó về những cái hòm gỗ "bán có hai đồng một chiếc", nhưng vì ông luôn luôn bận nhiều công việc, nên không thể có nhiều thì giờ miêu tả thêm đó là những hòm gỗ thông, ván dày có thể xẻ đôi được, dùng đóng hòm đựng thóc hoặc đóng tủ

đều rất đẹp. Cho nên khi Biền đạp xe qua nhà Tuy Kiền, thấy thằng Kiền đang lúi húi nậy những cái đanh còn sáng bóng ở những mảnh gỗ vuông vức, dày dặn, và cạnh đó là những hòm gỗ lớn chằng đai sắt thì anh rất ngạc nhiên: "Hòm mua ở đâu thế?" - "Hòm gỗ của công trường bán hai đồng một chiếc ấy mà" - "ờ, mình lại ngỡ loại hòm đựng xà phòng nên mới bán cái giá ấy, những mấy nhà mua?" - "Cả xóm này mua". Trái ngược với tính người bố hay phung phí lời nói, đứa con lại hết sức tằn tiện, hắn chỉ nói để người khác đủ hiểu, và thường phê bình bố: "Rồi cái mồm của ông cũng có ngày rước vạ cho cả nhà". Còn các thanh sắt đã được mua như thế nào thì rất ít người biết, kể cả những ủy viên trong ban quản trị. Nhưng vì Tuy Kiền đối xử với bạn bè quá rộng rãi, nên ông ta đã nhượng vài thanh cho người thợ cả làm lò ngói, và ông này đã đưa sắt về quê theo đường xe lửa. Người kiểm soát ngoài ga đã giữ ông lại cùng với những thanh sắt khả nghi, cho đến lúc Tuy Kiền phải mang hóa đơn của mình, cùng với giấy chứng nhận của ủy ban đến phân giải mọi chuyện mới trót lọt. Thế là thanh sắt không còn là vật kín đáo nữa, và những việc nửa kín nửa hở lại càng khêu gợi lòng tò mò và trí tưởng tượng của mọi người.

ít lâu nay tại những cuộc họp của đội sản xuất và của chi bộ xóm Đông Chấn, người ta luôn luôn đả động đến Tuy Kiền. Khi thì ông ta đối xử với xã viên quá hống hách, khi thì con trâu nhà ông ta thiếu người chăn dắt nên hay phá các bờ khoai, hoặc cả xã này không nhà nào được thắp điện, tại sao nhà ông phó chủ nhiệm lại được bắc một ngọn, nói tóm lại mỗi buổi họp phải có dăm ba ý kiến về Tuy Kiền, có việc nói đúng, có việc nói sai, chẳng qua cũng là một cách họ bộc bạch sự bực tức của mình, vì đằng sau những bực tức vụn vặt ấy lại là những thắc mắc lớn, nhưng họ chưa tiện nói, họ còn chờ cơ hội.

Một buổi chiều Tuy Kiền đùng đùng đạp xe về nhà (thường thì ông ta chỉ về nhà lúc trời tối mịt, và ăn cơm sau), bảo vợ:

- Thôi, tôi lại dứt khoát rồi đấy!

Vợ hỏi:

- Dứt khoát gì?

- Dứt khoát xin thôi chức phó chủ nhiệm, xin thôi tất, làm anh xã viên

thường.

Người vợ cười:

- Ông nói khẽ chứ, rồi sáng mai ông có cắp mũ ra trụ sở cũng đỡ xấu hổ với làng xóm.

- ừ, cái tính mình vốn thều thào, nhưng chết vì cái thều thào ấy mà.

Ông vừa nói, vừa đi đi lại lại, tiếp tục cởi áo ngoài, cởi quần dài, rồi cởi cả cái áo lót đen nhẻm vắt lên ghế, vứt lên giường, chỉ còn trơ lại mỗi cái quần cộc:

- Ông Mão ấy, ông ấy có thành kiến với tôi mà lại. Ai đâu dám mở miệng nói: sở dĩ vừa qua thường vụ phạm nhiều sai lầm là vì cả tin ở ông Tuy Kiền quá. Vậy là họ đổ lỗi vào đầu mình, bắt mình phải chịu cả, còn họ đứng ngoài.

Ngồi ngẫm nghĩ một lát rồi Tuy Kiền cười nhạt:

- Nhưng tôi có mồm của tôi chứ. Chẳng phải một mình tôi lợi dụng, nếu xếp ra thì cũng được một xó đình... Đấy, họ chỉ cho tôi một vụ có bảy chục công, nhưng hỏi thử tôi làm cho mỗi người biết bao nhiêu của cải, chỉ riêng những của tôi xin xỏ, bòn mót của công trường cũng phải được ba, bốn trăm công rồi. Mình làm tay sai cho họ vẫn không xong, vẫn mang tiếng là thằng ăn cắp.

Đến tối Kiền đi làm về, hắn ngồi im lặng nghe bố than thở, rồi hắn mới nói thủng thẳng, như người vừa nói vừa mỉm cười:

- Ông già rồi mà còn dại. Con đã bảo ông bao nhiêu lần là ông yếu rồi, ông cứ ở nhà ẵm cháu, chúng con sẽ nuôi ông. Ông không nghe, việc gì cũng nhúng vào, bây giờ việc gì người ta cũng gọi đến tên ông, đổ lỗi cho ông, tội ông nhiều đến thế chỉ có nước đi tù chứ cứu vãn làm sao được.

Ông bố càng lồng lộn vì những lời đay nghiến cay độc của đứa con:

- ừ, tao đi tù, tao đi tù thì bí thư, chủ nhiệm cũng bị án treo.

Gần nửa đêm, Biền đi họp ở trên xóm Tuy Thượng về qua nhà Tuy Kiền thấy vẫn còn sáng đèn, anh liền rẽ vào mời ông ta đến dự buổi kiểm điểm công tác của thường vụ trong ngày mai, vì sự có mặt của ông ta rất cần thiết. Bà vợ và anh con trai hãy còn thức, đang nói chuyện xì xào với nhau, thấy Biền bước vào, Kiền đứng lên lảng ra ngoài, còn bà vợ chào

sượng sùng:

- Có việc gì thế bác, ông nhà tôi lại ra ngoài lò ngói rồi.

- Đi từ lúc nào hở bà?

- Không, họ vừa mời ra ăn cháo gà, nói mãi ông ấy mới chịu đi. Còn từ mai thì chưa dễ bước chân ra khỏi cửa đâu.

Biền mỉm cười:

- Lại có chuyện eo sèo gì rồi?

Bà vợ vẫn trả lời kín đáo:

- Cũng tại mình cả thôi bác ạ, ông ấy già rồi, lẫn cẫn rồi, làm một hỏng mười nên người ta kêu cũng phải.

Biền pha trò một câu nhạt nhẽo:

- Đã già thế nào, phải như thời xưa thì cũng có thể cưới thêm bà hai nữa.

Bà vợ Tuy Kiền khẽ cười, nhưng mắt vẫn nhìn xuống, miệng nhai trầu bỏm bẻm.

Kiền đi quanh quẩn trong sân một lát, rồi bước vào nhà, ngồi trước mặt Biền, vẻ mặt lặng lẽ không sao dò đoán nổi hắn đang nghĩ gì, hắn sắp nói gì. Đó là một đứa con hoàn toàn xứng đáng với chí hướng của người bố. Không những hắn thừa hưởng một cách trọn vẹn cái lọc lõi, cái tinh khôn, và cả sự say mê tiền bạc của Tuy Kiền, mà còn biết bổ sung những cái thiếu sót hết sức hoàn hảo. Nếu như người bố ăn nói nông nổi, thì hắn lại suy nghĩ chi li trước khi cất lời. Nếu như người bố hoàn toàn tin ở bạn bè, cởi mở với họ, rộng rãi với họ, sẵn sàng giúp đỡ họ thì hắn lại chủ trương rằng: không thể tin ai bằng tin mình, không thể lo cho người khác bằng lo cho bản thân, thà bị chịu tiếng chắc lép còn hơn bị người khác lừa đảo. Đôi lúc (nhưng cũng rất hiếm), tuy Kiền có phàn nàn với Biền rằng con ông ít bạn bè quá, nó sống cô độc quá, thì Biền đều nói với ông ta rất thành thật: "Nó ít bạn là phải, vì nó biết nói gì với bạn nó, bạn nó biết nói gì với nó. Chính ông làm hại nó đấy!". Tuy Kiền cũng nghe rất chăm chú, và ông ta chép miệng thở dài: "Đời mình phải tính toán, phải khôn ngoan là do cái cảnh của mình buộc phải thế, xưa kia thật thà quá làm sao sống nổi. Nhưng nó được sinh ra vào cái thời này thì cần gì phải tính đếm quá nhiều". Và

lúc ấy có một cái gì như là sự thất vọng, sự hối hận chạy thoáng qua trên những nét nhăn của khuôn mặt Tuy Kiền. Nhưng cũng chỉ là một thoáng thôi.

Xưa nay Kiền rất ngại chạm mặt với đồng chí chủ nhiệm, có lẽ vì anh ấy còn rất trẻ, hơn mình không bao tuổi mà đã làm chủ nhiệm hợp tác xã, còn mình thì con đường đến với Đoàn cũng còn dài dằng dặc, cho nên hình ảnh của Biền ít nhiều cũng gợi lên sự hổ thẹn ở trong hắn. Hơn nữa Biền hay hỏi hắn những chuyện về chính trị, những chuyện hắn không muốn nghe, không muốn trả lời, vì có biết gì mà trả lời. Nhưng đêm nay Kiền lại tự mình ra mắt, thái độ có vẻ đàng hoàng nữa, không đợi Biền phải hỏi trước, hắn đã nói:

- Em xin thưa với bác một câu chuyện...

Biền ngước mắt nhìn Kiền, khuôn mặt còn trẻ măng, mà lại "thưa với bác một câu chuyện...", tại sao lại không nói một cách tự nhiên hơn, trẻ trung hơn: "Anh Biền, em hỏi anh cái này...".

- Chẳng là... - Kiền nói một cách dài dòng và úp mở - người ta cứ tuyên truyền rằng bố em tham ô của hợp tác xã...

Biền hỏi chặn ngay:

- Ai nói?

- Thưa bác, nhiều người nói, đến như chú Hiềm còn là nền em của em, mà dám phê bình bố em làm việc mờ ám. Nếu em không nể mọi người thì em dám vào lôi nó ra, nện cho nó một trận vì cái tội hỗn láo của nó.

- Trong cuộc họp thì phải đối xử với nhau theo tình đồng chí chứ ai lại đối xử với nhau theo thứ bậc trong họ hàng. Bố mẹ có lỗi, con cái cũng có quyền phê bình.

- Vâng, đành là thế, nhưng sao lại dám nói là mờ ám.

- à, vì họ chưa hiểu nên họ cho là mờ ám, vậy mình phải giải thích chứ sao lại đánh.

- Vâng em có bồng bột, sôi nổi và có khuyết điểm trầm trọng, nhưng... (Kiền muốn dùng lời lẽ thật văn hoa để tỏ ra mình không đến nỗi quá dốt nát như sự đánh giá của mọi người).

- Anh đã đánh đâu mà khuyết điểm trầm trọng, chỉ mới là nghĩ sai thôi.

- Vâng...

Biền vừa bực mình, vừa thương hại, cái thằng mới lạc hậu làm sao, đúng là cậu cả sinh ra không gặp thời rồi, rõ khốn khổ!

Kiền cứ lúng túng vâng dạ một chập rồi ngồi đực ra như tự giận cho thân mình.

Biền uống hết chén nước, anh đứng dậy, nói hết sức vui vẻ:

- Không có chuyện gì nhiêu khê lắm đâu bà ạ, nếu mình đúng người ta nói sai thì việc gì mà sợ, còn nếu như mình sai thì mình phải sửa chứ sao. Chốc nữa ông ấy về bà nói lại hộ tôi nhé... Đúng bảy giờ sáng đấy, không rồi lại la cà chỗ cá mú một tí, lò gạch, lò ngói một tí là trưa mất.

Biền dắt xe ra đến ngoài, bà mẹ bảo con:

- Tính nết bố mày cũng đồng bóng thế nào. Lúc thì làm, lúc thì không làm, rồi lại làm, như trò trẻ con.

Thằng con cũng đứng dậy, nói làu bàu:

- Mặc xác! Ông ấy dại cho ông ấy chết!

*

* *

Sáng hôm sau Biền từ nhà đạp xe ngang qua khu vực nuôi cá giống đã thấy một đám người đứng chen nhau dọc mấy cái bờ khoai, đến con đường cái rẽ vào trong ao anh nhận ra ngay chiếc xe quen thuộc của Tuy Kiền dựng vào một gốc duối. Biền dựng xe của mình ra ngoài xe của Tuy, xắn quần, đi men theo cái bờ vừa nhỏ, vừa lầy lội vì trận mưa đêm trước. Từ xa đã nghe giọng nói khàn đặc của Tuy Kiền vẳng lại: "Ông đi cá sao không nói cho tôi biết trước, không báo trước thì nhất thiết không có cá. Làm gì cũng phải có kế hoạch chứ!". Tuy Kiền quần xoắn đến bẹn ngồi ở một đầu ao, nét mặt quầu quạu. Cạnh ông là Tín, thư ký tài vụ, vẻ mặt cũng nhăn nhó. Đằng sau hai người là ông Vị ở xóm Đông Chấn, hai tay chống nạnh, đứng nhìn những người lấy được cá với cái vẻ tức tối. Dưới ao bủ Sen, trưởng ban cá, tóc bạc phơ, cởi trần, phơi một mảng lưng đen rám, cầm cái xe móc vớt cá trong cái rá to, rồi nhón lấy đáy lưới hất khẽ vào cái bát đóng do người khác cầm, cá đổ ra đầy phè lên vàng ngậy. Vừa giao cá, ông lão vừa cằn nhằn:

- Bảo lấy có một vạn, ra đến bờ ao lại đòi hai vạn là không xong với tôi đâu.

Anh chàng nhận được cá, đun thúng vào, mặt mũi hớn hở:

- Vâng, có bao nhiêu khuyết điểm cháu xin nhận cả.

Thấy Biền đến, ông đứng chống nạnh lại bắt đầu to tiếng:

- Thì hôm qua tôi đã nói với chú Tín là hôm nay để cho tôi tám nghìn, chú đã ghi vào sổ kia mà!

Tuy Kiền bảo Tín:

- Vậy anh cứ giở sổ ra xem nào, cho nó được rõ ràng.

Tín cười gượng gạo:

- Làm gì có.

Ông Vị càng hét lên:

- Tôi nhớ là tôi có nói, còn ông Tuy lại bảo là không nghe thấy thì tôi cũng chịu chứ làm thế nào. Ông ấy thì xưa nay vốn khó khăn với tôi mà lại!

Tuy Kiền đứng bật dậy, mặt ông ta tím bầm lại vì sự nhịn nhục:

- Tôi thề với ông rằng nếu tôi làm khó dễ ông tôi chỉ đáng làm giống con chó. Hôm qua, tai tôi không nghe tiếng ông nói, mà tôi chắc rằng ông cũng không nói. Tại sao bây giờ ông bảo ông lấy là vì ông thấy cá đẹp, cá năm phân trở lên cả, còn nếu cá ba phân thì chắc đã ỉa vào rồi đấy. Tôi nói vậy đã đúng chưa? Ông đã sai, ông lại bắt tôi chiều theo cái sai của ông thì không khi nào tôi chịu, nhất là chiều nay có người đuổi cổ tôi ra khỏi hợp tác xã, hoặc có réo năm đời mười đời thằng Tuy Kiền mà chửi thì tôi vẫn không thể đồng ý được với ông. Tôi vạch ra cho biết thế... Bủ Sen ơi, thôi, bủ để cho ông ấy tám nghìn con vậy!

Từ đấy đạp xe đến nhà Mão, Tuy Kiền không hé răng nói một câu nào, và ông ta cũng tránh đạp sóng đôi với Biền, hoặc ông vượt lên trước, hoặc ông tụt lại sau, đến cổng nhà Mão, ông ta mới hỏi một câu:

- Họp lâu hay chóng?

- Cũng phải một ngày.

Sĩ thấy Tuy Kiền đã đến, rất mừng.

- Đang lo...

- Đang lo tôi bất mãn chứ gì.

Sĩ cười xòa:

- Không, chỉ sợ ông la cà quên mất thì nhỡ cả.

- ối chào, phải ngồi với các anh một buổi sáng nay là cũng nể lắm.

Biền nói theo:

- Đáng lẽ không bước chân ra khỏi cửa kia.

Tuy Kiền lúc này cũng cười:

- Cũng cứ phải đi thôi, sáng nay còn phải đi nhiều hơn cả mọi sáng, bao nhiêu là việc.

Mão nói hơi châm biếm:

- Trông thấy người là thấy việc, làm như chỉ một mình anh nhiều việc.

Tuy Kiền nhìn chòng chọc vào mặt Mão rồi ông ta "xì" một tiếng rất to:

- Tôi phải tâng công với các anh à, tôi kể cho anh nghe nhé: giao thúng sơn cho cửa hàng là một này, hướng dẫn caách đánh cây ngô là hai, bàn kế hoạch với đội xe thồ là ba, còn gì nữa nhỉ, những năm việc kia..., ấy, nhớ rồi, sau đó ra huyện xin ít củi bàng, củi me lấy thức đun cho lò gạch, cuối cùng là một việc nhỏ thôi, nhưng cũng phải chạy, mua một ít đinh để đóng khuôn đỡ ngói. Đã đúng là năm việc chưa, hả?

Rồi ông ta hút một điếu thuốc, ngửa mặt lên thở khói, nói hể hả:

- Còn chiều nay thì nhàn nhã quá, chỉ có mỗi một việc, nhưng không có tôi cũng không xong: mời các đồng chí trong thường vụ đảng ủy ra khánh thành lò ngói để anh em được đốt lửa.

Mão nhìn ra ngoài, bỗng anh nói to:

- Đưa xe vào trong hè anh ạ, chờ anh mãi.

Quang, bí thư huyện ủy, dựa xe vào trong hè, bước vào chào bốn người:

- Sáng nay chắc là gặp may, xuống họp xã mà không phải chờ.

Quang để chiếc cặp da vào trong góc giường, cởi áo ngoài vắt lên tay ghế, bảo Sĩ:

- Cố thu vén họp trong buổi sáng thì hay, chiều mình lại phải xuống dưới Xuân Huy.

Tuy Kiền cười vui vẻ:

- Hợp với ý tôi quá, dân chạy mà phải buộc vào ghế một ngày thật khổ.

Mão hỏi:

- Cái đài con của anh đâu?

- Hỏng rồi, đang đưa đi chữa. Này, có cái đài mang theo làm công tác dân vận tốt đáo để. Ông Mão biết vợ lão chủ nhiệm Xuân Huy chứ gì, đâu như người dưới này thì phải. Mình đến nhà luôn nhé, vậy mà cũng chưa lần nào được nhìn vợ hắn cho rõ mặt, thoáng thấy bóng cán bộ là đã lẩn đi rồi. Hôm nọ tớ đem đài đến vặn lên lại đúng vào giờ ca nhạc, toàn dân ca thôi, được một lát thì bà ta rón rén bước vào, trước còn ngồi góc ở thật xa, sau cứ nhích dần lại. Ôi chao, vừa nghe vừa khen: "Nhịn ăn mà được nghe hát thế này cũng sướng". Tớ bảo: "Chẳng đến nỗi phải nhịn ăn đâu bà chị ạ, tôi chỉ xin đổi lấy một gian nhà ngói này thôi!" Cười nhé, hồn nhiên ra phết, lúc ấy tớ mới bắt chuyện, hỏi xa hỏi gần, thì ra cái thằng chồng lại hóa hỏng, nó không thích vợ nó tiếp khách, sợ khách chê vợ nó xấu, vợ nó già... Cái thằng, rồi tớ sẽ có cách trị cho nó một mẻ...

Mão nói rất thơ ngây:

- Bây giờ tôi có tuổi nên người ngợm mới thế này, chứ xưa kia đẹp trai ra dáng, má lúm đồng tiền hẳn hoi, làng mở hội tôi đi hát ví có cô còn chạy theo cho cả tiền. Nhưng mê thì mê nhưng đến lúc hỏi nó làm vợ thì nó chối, vì mình chỉ là cái anh đi ở, chân trắng, rút lại cũng đến phải lấy một bà vợ già. Nhưng già thì già, đã là vợ chồng rồi ai lại sợ người khác cười.

Quang cười rất to:

- Được như ông thì còn nói gì!

Tuy Kiền le lé mắt nhìn Mão:

- Nói rạng, cưới cheo thì một vợ, nhưng thực ra cũng còn hai ba ả khác nữa.

Mão đỏ bừng mặt, cười gượng gạo:

- Ôi chào, cuộc sống trước cách mạng thì có kể gì.

Sĩ nói nhỏ với Quang:

- Anh cho họp.

Quang còn đang bị lôi cuốn bởi cái không khí vui vẻ:

- ừ, nhưng ngồi tán chuyện gẫu một lúc đã nào... Cái số dầu ở trạm bơm là vay hoặc là xin đấy, ý giả nếu họ đòi thì trả, bằng lờ đi thì coi như

xin của nhà nước chứ gì.

Sĩ đưa mắt nhìn Biền, Biền ngồi im lặng, đầu hơi cúi xuống, Tuy Kiền vội vàng nói:

- Báo cáo với anh là vay đấy ạ

- Vay gì, hôm nọ ông chủ nhiệm ra huyện duyệt phương án tôi có nghe thấy cái khoản vay dầu của nhà máy đâu. Làm ăn mập mờ thế có ngày chết cả lũ đấy.

Biền thở dài khe khẽ: "Thế là anh ấy đã biết cả, cũng may, mình khỏi phải nói cái sự thật ấy".

Tuy Kiền vẫn nói dối lem lém:

- Thực tình là vay, có giấy má hẳn hoi anh ạ, vay hai lần. Anh tính nếu họ không cho vay thì chẳng biết đào đâu ra, dầu ma-dút mà mua ngoài kế hoạch dự trù những bảy hào tư một cân kia. Tiền đâu. Đằng này anh em với nhau cũng là chỗ quen biết...

Quang nhìn bộ mặt nhăn nhó của Tuy Kiền, và thái độ im lặng, dò xét của mấy người khác, rồi nói với Sĩ:

- Ngay từ đầu năm tôi đã có lần bàn với anh Sĩ là các anh phải chấm dứt ngay cái lối mua bán với bên công trường đi. Nó sẽ sinh ra lắm chuyện lôi thôi đấy. Quan hệ với nhau bằng những mối lợi chẳng bền bao giờ mà còn rất nguy hiểm. Bên này mời bên kia ăn cơm, uống rượu, biếu xén vài cân thuốc lá, mươi bao chè. Bên kia lại mách mối giúp bên này những món bở, món hời, giấm giúi cho nhau vài trăm cân dầu, để rẻ một bộ bàn ghế. Rồi không những bán cho tập thể, mà còn bán cho cả cá nhân, chẳng hạn trong bữa cơm thân mật mà người chủ lại phàn nàn đang thiếu gỗ dựng nhà, thì làm gì ông khách chẳng hứa sẽ xin giúp đỡ. Cũng là cách trả nợ miệng đấy thôi. Theo tôi cái mối quan hệ của các anh rất vô nguyên tắc, vì vậy việc làm cũng không rành mạch được- Quang nhắc lại- Có rất nhiều việc không được rành mạch. Cái mua và cái xin lẫn lộn, của chung và của riêng lẫn lộn. Tớ nói thật: mọi chuyện tham ô đều có thể sinh ra từ những đống lẫn lộn ấy cả. Phải coi chừng!

Biền muốn nói to lên: "Đúng quá, thế là anh đã tìm ra được cái đầu mối rồi, vậy mà tôi cứ loanh quanh mãi".

Tuy Kiều xoay xoay người trên ghế, mặt cứ nghiêng đi không hẳn nhìn vào một ai.

Quang vẫn nói tiếp:

- Thời buổi này là thời buổi xã hội chủ nghĩa, cho nên chỉ cần những người tháo vát, khôn ngoan theo lối xã hội chủ nghĩa, nghĩa là phải tôn trọng nhà nước, tôn trọng tập thể, tôn trọng kế hoạch chung, và chí công vô tư. Đấy, anh cứ giữ được mấy cái yêu cầu đó, rồi tha hồ anh xoay xở, anh tính toán, anh phát huy sáng kiến, càng nhiều càng hay. Rất hoan nghênh. Còn nếu như anh khôn ngoan theo cái kiểu: có lợi cho tập thể, nhưng lại có hại cho nhà nước, được kế hoạch của anh nhưng hỏng kế hoạch chung, hoặc lợi cho tập thể một ít, lợi cho cá nhân một ít là không xong rồi. Trước hết nhà nước không để cho các anh làm mãi cái trò ấy, ngay đến cái tập thể mà anh làm lợi cho họ, họ cũng sẽ không thể tán thành. Rút lại anh hùng mà không có đất dụng võ, vì miếng đất tư bản chủ nghĩa không còn nữa thành thử anh hùng đâm lỗi thời.

Sĩ nói một câu, chắc cũng có ý tâng bốc đồng chí bí thư huyện ủy một chút, do đó mà giảm nhẹ được trách nhiệm của mình một chút:

- Nếu được anh chỉ cho từ trước thì chúng tôi cũng đỡ mắc nhiều sai lầm. Trình độ cái anh cán bộ xã có hạn, thành thử có việc làm tưởng là đúng mà hóa lại sai...

Quang nói đỡ:

- Và cũng có những việc biết sai mười mươi, nhưng vì có lợi nên cứ làm. Có phải không?

Cả bốn người đều ngồi im, mặt đỏ rừ vì xấu hổ.

Mão nói khẽ với Sĩ:

- Đã sai thì cứ ngồi mà nghe, còn chống chế làm gì.

Quang muốn gây lại cái không khí vui vẻ đã mất đi, những câu chuyện mỗi lúc một trở nên nghiêm trang do những vấn đề cốt tử của nó mà trong lúc hăng say anh đã đặt ra hết sức thẳng thắn:

- Tóm lại một điều có thể rút kinh nghiệm được với nhau: đã là người cán bộ của Đảng thì phải thức thời hơn mọi người, phải biết nhìn xa hơn mọi người, mỗi ngày cái xã hội của ta sẽ một trong trẻo hơn, thì một cái

vết dù rất nhỏ lập tức cũng bị mọi người nhìn thấy. Hôm đã lâu đồng chí Tuy Kiền có bảo tôi: "Cái thời anh Tiến còn làm bí thư chi bộ lấy cả gỗ đình, gỗ chùa về làm nhà, lấy công khai, có thấy ai nói gì đâu, bây giờ chỉ mua có mấy xe gỗ, tiền trả hẳn hoi mà bao nhiêu là thắc mắc". Là vì trước kia khác, hiện nay khác, sau này còn khác nữa. Người lãnh đạo tự cải tạo mình không chỉ theo cái yêu cầu hôm nay, mà còn phải theo cái yêu cầu của ngày mai, cho nên người nhìn hẹp họ tự phê bình theo cách khác, người nhìn rộng, nhìn xa họ tự phê bình theo cách khác. Một người thì xét mình để đối phó với tình hình hiện tại, còn một người thì xét mình để thích ứng được với xã hội tương lai. Chỉ riêng trong sự tự phê bình cũng biểu lộ những nhân cách khác nhau rồi.

*

* *

Lò ngói được xây dựng ở khu vực riêng, gần lối xuống bến phà. Từ xa đã thấy cái lò xây bằng gạch, lợp lá, lúp xúp như một đống rạ lớn. Lối đi vào ngổn ngang mấy cây gỗ thông bị cháy nham nhở ở một đầu, những chiếc quá giang bằng gỗ xoan đã bào trắng, những phiến ngói đúc xi măng và những đống thân ngô đã phơi héo. Tuy Kiền dựng xe vào một bụi chuối quay lại bảo Biền với cái vẻ tiếc rẻ:

- Đã kiểm điểm với nhau rồi thì chẳng nên nói cái chuyện đã qua nữa, nhưng mà, anh xem, hai mươi đồng sáu cây gỗ thông, nếu không mua của công trường thì còn mua đâu được.

Khu đất của lò ngói rất hẹp, lò đun và giàn phơi ngói chiếm một nửa, phần còn lại là những quả đất lớn nhỏ đang nhào, cắt cho lớp ngói sau. Một cái phản vừa mỏng, vừa mọt kê ở khoảng giữa lò đun và chỗ làm việc của mấy ông thợ đang đóng khuôn đỡ ngói. Trên phản có một cái điếu bát, một bộ ấm chén cao chè đã đóng đen lại, và một cây đèn vặn nhỏ để ăn thuốc.

Tuy Kiền ngồi lên một mé phản, co hai chân lên vuốt ống quần (khi đi xe đạp ông ta có thói quen xắn lên vài gấu, mặc dù vốn nó đã rất ngắn rồi), gọi to:

- Mời ông chủ ra tiếp khách nhé! Ông Sơn đâu?

Một tiếng đáp lại từ trong giàn phơi: "Xin mời ba bốn ông ngồi chơi, tôi ra ngay đây ạ!".

Một lát sau, một người mặc áo cộc xanh, quần nâu, chạy ra vẻ ngượng nghịu, hơi khúm núm. Anh ta đứng xoa tay nhắc lại:

- Các ông ra chơi. Mời các anh xơi nước.

Đó là người thợ cả, quê ở Hưng Yên, lên đây xây dựng lò ngói từ cuối năm ngoái. Sĩ chỉ mới gặp anh có vài lần, hỏi thăm:

- Bác gái ở nhà vẫn được khoẻ chứ?

Tuy Kiền cười:

- ấy, đối với ông này thì lại phải hỏi cho rõ ràng là bác gái nào, vì những ba bác gái kia.

Rồi ông ta vỗ đùi cười rất sảng khoái. Biền nhìn Tuy Kiền cũng mủm mỉm cười: "Lão này vô tư thật, lúc nãy thì rầu rĩ thế, bây giờ đã lại vui vẻ như thường rồi". Còn anh thợ cả thì hơi cúi đầu xuống, nói bẽn lẽn:

- Rõ ông...

Tuy Kiền châm đóm giới thiệu thêm:

- Ông anh tôi đây cũng là người tài hoa, cải lương, đàn bầu đều khá, thành thử làm ở Sơn Tây một năm thì cưới bà hai, làm ở Vĩnh Yên hai năm thì cưới bà ba, còn ở Đồng Tiến mới được nửa năm nên còn đang "tìm hiểu".

Sĩ nói vui:

- Đất chúng tôi cũng không đến nỗi hiếm "người coi được" đâu ông ạ.

- Chúng tôi đâu dám.

Rồi ông ta ngoảnh lại sai đứa con lớn đang ngồi xén đất ở trong nhà:

- Đứng dậy đun ấm nước con nhé!

Tuy Kiền hỏi người thợ cả:

- Còn chè ngon không?

- Vâng, hãy còn gói nguyên.

Anh ta ngượng ngập một tí rồi nói thêm, rất nhỏ:

- Nhờ ông mua giúp cho được một cân thì tốt, nay mai trông lò cả đêm không có chè cũng dễ buồn ngủ.

Tuy Kiền quay sang nhìn Biền và Sĩ:

- Hôm qua thì tôi gật đầu ngay, nhưng sáng nay kiểm điểm thấy lỗi lầm mình nhiều quá, bạ cái gì cũng gật thành mang vạ.

Sĩ nói khẽ: "Cái thằng..." Nhưng Tuy Kiền đã nói thêm:

- Được, cứ đưa tiền đây, nếu chưa có tôi ứng trước cũng được. Lấy vài cân nhé?

Trong ban quản trị chỉ có Tuy Kiền là biết cách nói chuyện với dân thợ làm nghề tự do. Ông ta vừa có vẻ chân thật lại vừa thớ lợ một chút, hết sức tin cẩn, rộng rãi, nhưng vẫn chặt chẽ, đòi hỏi; ngay những câu nói mà Tuy Kiền dùng với họ cũng đặc sắc: có cả sự lễ phép lẫn cái lõi đời, ngọt ngào lẫn sừng sỏ, bóng gió xa xôi lẫn trắng trợn, thô kệch. Đủ vẻ!

Anh thợ Hưng Yên ngồi một lát rồi xin phép ra nhóm lò. Biền nói với Tuy Kiền:

- Từ rày đến cuối năm tôi cũng cố lên cái mái ngói. Vợ chồng đi biền biệt suốt ngày, ở nhà còn một lũ trẻ con, nhà mái cọ, lắm lúc cũng giật mình. Kể ra nếu lên ngói được sớm thì cái số lá cọ dỡ ra còn bán được tiền, chứ để một, hai năm nữa mưa gió ăn cùn vào chỉ có vứt đi - Rồi Biền cười: - Chỉ còn e trong tình hình này làm thế đã được chưa thôi.

Mão bảo Biền bằng cái giọng kẻ cả và dạy đời. Nhưng người ta vẫn yêu và tin được vì cả cuộc đời gian truân của anh có thể chứng thực cho những lời nói ấy là chân thật và đúng đắn:

- Nhân dân họ rộng bụng chứ không nhỏ nhen như mình nghĩ đâu. Đấy, cái dạo tôi mới ở bộ đội về làm nhà, trong tay có chưa đầy hai trăm bạc. Bà con họ biết chuyện, nhà thì gọi đến giúp cho dăm cây xoan, nhà thì giúp một búi tre, có người còn đưa tiền đến tận tay mình mà bảo: "Ai cần trước tiêu trước, bao giờ ông có ông trả tôi sau". Nhưng nếu mình lại ăn ở quắt quéo, gian lận thì họ chỉ thiệt một nửa xu thôi cũng có thể kêu ca hàng tháng trời, cũng có thể gây thù gây oán. Cái dân mình là thế, mà ngay đến mình cũng nghĩ như vậy thôi.

Tuy Kiền ngồi nghiêng, chống một tay xuống phản, người hơi ngả ra sau, kéo một ống quần lên, khẽ xoa xoa lên lớp da khô mốc:

- Tôi thì chưa dám hứa với các anh là từ nay về sau sẽ không mắc phải sai lầm nào nữa. Cái tính tôi nó khổ lắm. Hôm nay thì thấm thía như vậy,

nhưng đến mai thì không chừng... Đấy, chẳng là ngựa quen dấu cũ mà lại, cho nên các anh phải chịu khó kiểm soát tôi, góp ý kiến với tôi, bất kì việc lớn việc nhỏ.

Biền nói đùa:

- Nhưng cái việc mua mấy bao chè thì tự ông cũng có thể giải quyết được rồi.

Tuy Kiền ngồi ngay lai, bắt đầu nói hăng lên:

- Thì tôi cũng phải có cái quyền của tôi chừng nào chứ. Nói có các anh, mà các anh ở trong thường vụ đảng ủy, dù thằng Tuy Kiền có phạm sai lầm nghiêm trọng đến đâu, nó cũng không bao giờ rời bỏ cái hợp tác xã này...

Sĩ liếc nhìn Tuy Kiền tủm tỉm cười:

- Cũng chỉ mới xin từ chức có vài ba lần thôi.

- ừ, tức thì nói thế chơi cho bõ tức, chứ dễ gì tôi bỏ được những công việc của tôi. Đấy, xây dựng cái lò ngói này cũng trải qua bao nhiêu gian truân, lận đận, chạy ngược chạy xuôi suốt mấy tháng trời, rồi lò gạch, rồi trạm bơm... Dù rằng những cơ sở ấy là của tập thể, nhưng tôi cũng coi như của cải của tôi, vì công lao của tôi, mồ hôi nước mắt của tôi, cái sướng cái khổ của tôi đều gói ghém vào đấy cả... Nào, xin mời các anh ra đốt lửa!

ở miệng cái bầu lò đã chất đầy những gốc tre tua tủa những sợi rễ khô cứng, phía dưới làm nòm là những thân ngô đã héo quắt, những bó đóm xếp chồng lên nhau rất đẹp. Tuy Kiền cầm một bó đóm dài lửa cháy rừng rực đưa cho Sĩ, vẻ mặt của ông ta bỗng chốc sáng rực lên vì vui sướng và kiêu hãnh:

- Xin mời đồng chí bí thư châm lò cho anh em gặp được may mắn!

Sĩ cầm bó đuốc liếc nhìn mọi người, tươi cười:

- Xin chúc mẻ ngói đầu của hợp tác xã ta thành công.

Rồi anh dúi bó lửa vào đống nòm. Những sợi khói nhạt phơ phất bay ra ở miệng lò.

Mão nhận xét:

- Cửa bầu hơi hẹp thì phải?

Người thợ cả đứng đằng sau Mão nói lên:

- Rộng hẹp không cần ông ạ, bầu lò làm giỏi thì hút lửa vào, làm dở thì hắt lửa ra.

Biền hỏi nhỏ Tuy Kiền:

- Ngói vào vạn rưởi phải không?

Tuy Kiền nói rất to, dõng dạc:

- Mẻ đầu tiên vào một vạn rưỡi năm trăm ngói lợp và ba trăm ngói úp nóc. Xin nói chắc rằng ngói của Đồng Tiến nhất định phải đẹp hơn ngói của Diên Hồng. Giá thị trường là một trăm hai chục một nghìn, nhưng nếu ngói ta đẹp hơn, bền hơn thì cũng có thể nâng lên chút ít.

Sĩ quay lại, mặt anh đỏ bừng vì hơi lửa:

- Lại giở cái giọng buôn bán!

Tuy Kiền cười xòa:

- ừ, thì vẫn trăm hai chục một nghìn vậy.

Mão hỏi:

-Tối nay có chén bác chén chú gì không đấy?

Tuy Kiền ra vẻ nghiêm trang, đứng đắn:

- Phải như mọi khi thì cũng làm một bữa chén ra trò, nhưng bây giờ thì nên tùng tiệm.

Biền cười ầm lên:

- Ông lại khắt khe hơn cả tôi rồi!

Tuy Kiền cũng cười:

- Thế vẫn làm cho nhé, nhưng để đến lúc ra ngói thì tốt hơn. Một nồi cháo gà ăn tối thôi. Hừ, không phải địa phương chủ nghĩa đâu chứ lượt ngói này nhất định đỏ roi rói, có trải lên sân mà chạy qua cũng không thể vỡ hòn nào. Tôi nói sai cứ đem đầu tôi mà chặt... Thật đấy, tôi cho chặt!

31-7-1963

Người Mơ Mộng

I

Cứ nghĩ đến anh Q. thương thì rất thương **nhưng vẫn giận. Thật ra thì thương nhiều hơn giận. Chúng tôi quen biết nhau từ năm 1947. Anh là trung đội trưởng, tôi là chiến sĩ trung đội tự vệ chiến đấu thị xã Hưng Yên. Năm ấy anh vừa tròn hai mươi tuổi, hăng hái, thông minh, học lực**

cũng hơn người. Lại là những năm đầu của cách mạng, nhân tài còn hiếm, công việc rất nhiều. Với một người có chí cao xa thì không thiếu gì cơ hội để bay nhẩy, để đạt tới cái sở nguyện của mình. Mà anh Q. lại là người rất có chí. Anh vẫn thường nói với bọn tôi rằng, anh muốn trở thành một người chỉ huy quân sự xuất sắc như Nã Phá Luân, hoặc ít ra cũng là một nhà văn có tên tuổi như những người trong nhóm Tự Lực văn đoàn. Đại khái là muốn trở thành một người có tiếng tăm, một nhân vật được xã hội tôn trọng hơn cả mọi người. Tôi chưa bao giờ tin anh Q. có thể trở thành một nhà chỉ huy quân sự xuất sắc nhưng tôi tin anh có thể trở thành một người viết văn. Vì anh có tấm lòng, có học vấn và cũng từng trải hơn bọn chúng tôi. Năm ấy sách báo đã rất ít lại khó kiếm nhưng anh vẫn đọc nhiều, anh đọc sách tiếng Pháp mượn được hoặc xin được của những gia đình trong thị xã. Và anh viết. Đêm nào anh cũng ngồi bên cây đèn hí hoáy viết rất khuya. Anh ghi nhật ký, anh viết các mẩu chuyện, đôi lúc anh cũng có đọc cho chúng tôi nghe. Tất nhiên là rất hay rồi. Đó là chuyện của chúng tôi được thuật lại bằng những câu văn hết sức bóng bẩy. Rồi trung đội tôi cũng có một tờ báo tường. Tôi là người nhận bài của anh em và trình bày lại trên một tờ giấy khổ rộng. Anh Q. là người hướng dẫn đề tài, dạy cách viết các thể văn và duyệt chữa các bài báo đó. Nhưng anh không viết. Anh khuyến khích chúng tôi viết nhưng chưa bao giờ anh viết cho tờ báo của trung đội. Ngay đến tòa soạn của tờ báo trên tỉnh đội yêu cầu anh viết bài, anh cũng từ chối. Anh còn đang viết dở một cuốn tiểu thuyết miêu tả những hoạt động bí mật của nhóm thanh niên cứu quốc trước ngày khởi nghĩa. Một cuốn tiểu thuyết dày khoảng hai trăm trang, anh nói thế. Giấy trắng chúng tôi thu được trong các hòm tủ của nhà đoan (*) tỉnh phải xếp nửa gian nhà, nhiệm vụ của trung đội là bảo vệ một thị xã đã tiêu thổ kháng chiến, không thể nói là khó nhọc, lại có vốn sống, lại biết cách viết, viết mãi cũng được chứ nói gì chỉ viết có hai trăm trang.

Dẫu rằng những quan niệm của anh ngày ấy về một cuốn tiểu thuyết hay vừa non nớt vừa buồn cười. Nhưng tước bỏ những cái non nớt và

buồn cười đó thì vẫn còn lại một ý định rất tốt đẹp: muốn làm một việc quan trọng mình chưa từng làm, muốn vươn tới một cái đích cao hơn, xa hơn tầm tay khi ấy. Không có một ý định táo bạo, lãng mạn, con người ta khó mà bắt đầu một công việc nào có ý nghĩa quyết định đối với đời mình.

II

Cuối năm 1947, tôi đi học lớp y tá rồi về công tác tại phòng thuốc của tỉnh đội. Anh Q. cũng được điều động về một đại đội khác hoạt động trong mấy **huyện bám theo quốc lộ 5. Mỗi lần anh về tỉnh họp đều có sang chơi với tôi bên phòng thuốc. Anh phải bỏ dở cuốn tiểu thuyết đang viết vì không có thời giờ, nhưng vẫn ghi chép rất đều đặn. Còn tôi đã là chủ bút của một tờ nội san, mỗi tháng ra một kỳ, chuyền tay cho các bệnh nhân đọc. Anh em chữa bệnh tuy có tham gia viết bài nhưng rất ít. Muốn đảm bảo số báo ra được đều kỳ tôi phải viết gần như hầu hết với các tên ký khác nhau. Từ bài giải đáp và hướng dẫn cách điều trị các loại bệnh thông thường, cách sơ cứu các vết thương đến truyện ngắn chiến đấu (do anh em bệnh nhân kể lại), mẩu chuyện sinh hoạt và cả mục vui cười. Đại loại trên báo Vui Sống có những mục gì, cách viết ra sao, tôi đều sao chép lại, tất nhiên là có thay đổi ít nhiều cho phù hợp với nội dung và khuôn khổ tờ báo chúng tôi. Rồi tôi viết bài cho tờ báo của tỉnh đội, cho báo của Ty Thông tin, thoạt đầu là tin tức, sau là các mẩu chuyện hoặc ngắn hoặc dài. Cũng có bài được đăng nhưng nhiều bài gửi đi đến thư của tòa soạn trả lời cũng không có. Nhưng tôi không nản, không xấu hổ mà cũng chẳng thất vọng. Vì tôi chưa từng đặt ra cho mình một dự định to tát nào. Có lần anh Q. vừa gặp tôi đã hỏi bài ấy bài nọ có phải do tôi viết không. Khi biết là do tôi viết thật, anh rất ngạc nhiên : "Cậu viết như thế mà người ta cũng in cho nhỉ ?" Theo sự nhận xét của anh, bài viết của tôi chưa thể gọi là văn chương được, đọc thì vui nhưng còn đơn giản quá. Rồi anh kết luận : "Kể ra đăng báo thì cũng được, chứ viết thành sách còn phải tốn công phu lắm".**

Năm 1949 tôi rời nghề y chuyển về Ban Chính trị của tỉnh đội làm báo.

Tôi đã được cấp trên và anh em trong tòa soạn công nhận là người có khả năng viết, dẫu còn non nớt nhưng rồi ra vẫn có thể viết được. Giữa năm đồng chí thư ký toà soạn và cũng **là người viết chủ chốt xin ra ngoài để được tiếp tục học văn hóa. Thế là tôi trở thành một cây bút quan trọng, tung hoành ngang dọc quá nửa số trang. Cuối năm tôi lại viết được ba truyện ngắn, in thành một tập, dẫu là in đá nhưng vẫn được in một tập riêng, có tên tôi ở ngoài bìa. Khi anh Q. gặp tôi, anh nói đùa ngay : "Thế là mày đã trở thành nhà văn rồi !" Tôi trả lời ngượng nghịu: "Nhà văn phải là anh chứ, tôi bì sao được". Anh cười rất hồn nhiên : "Còn thời gian, hả ? Đời còn dài, hả ? Rồi thì..."**

Năm ấy anh Q. mới hai mươi h**ai tuổi.**

III

Năm 1952, tình cờ thế nào anh Q. và tôi lại là học viên một khóa học chính trị do trường của Liên khu mở. Chúng tôi đều là cán bộ cấp đại đội, anh cũ tôi mới nhưng vẫn là cùng một cấp. Cán bộ quân sự ở dưới đơn vị chiến đấu mà ba năm chưa lên được một cấp là chậm, là không được xuất sắc, là bình thường, tôi nghĩ thế. Anh Q. vẫn rất trẻ, vẫn hăng hái, khi trò chuyện cùng nhau anh càng không khác trước là mấy. Chúng tôi lại nói chuyện văn chương. Năm này có khác với những năm trước, sách vở, báo chí của Trung ương, của Liên khu in ra rất nhiều. Anh Q. đọc cũng nhiều nhưng anh vẫn chê. Anh chê văn chương kém cỏi, không lôi cuốn người đọc như văn chương hồi trước cách mạng. Tất nhiên tôi không thể đồng ý với anh dễ dàng như xưa nữa. Tôi đã trưởng thành còn anh thì vẫn thơ ngây, vẫn nông nổi như ngày nào tôi mới gặp. Nói chuyện quân sự thì tôi chịu, biết là anh nói không đúng nhưng tôi không thể cãi. Còn bàn chuyện văn chương thì khác, tôi có thể tranh luận với anh đến cùng. Đến ngày chia tay, tôi có mời anh viết bài cho tờ báo của Liên khu. Anh ậm ừ chẳng ra nhận chẳng ra không, rồi anh bảo thẳng : "Các cậu viết lách bây giờ theo một kiểu cách khác, mình lại theo một kiểu cách khác, sợ rằng các cậu..." Tôi vội vàng nói để anh yên tâm : "Tôi vẫn biết thưởng thức văn của anh,

tôi sẽ biết đánh giá đúng".

Cách vài tháng, một cán bộ ở trung đoàn anh Q. lên họp, đưa tận tay tôi một phong bì lớn, nói là của anh Q. gửi. Tôi mừng rỡ bóc vội ra xem. Anh Q. đã giữ lời hứa, anh gửi cho chúng tôi một truyện vừa. Bản thảo viết trên giấy vở học trò, viết một mặt trang, chữ rất đều và rõ, đánh số đến trang bốn mươi sáu. Tôi đem truyện của anh đến ngồi nhờ một gian chùa rất tĩnh mịch, đốt một điếu thuốc, muốn tận hưởng một áng văn của một người bạn tôi vốn tin, tôi vẫn tin có một tài văn chắc cũng hơn người. Tôi đọc trang đầu, trang thứ hai, rồi trang thứ mười, rồi trang ba mươi, đọc liền một mạch đến tận dòng cuối của trang bốn mươi sáu. Sau đó tôi ngồi im lặng, ngồi rất lâu, đọc lại một lần nữa, đọc thật chậm, nhiều đoạn đọc đến hai ba lượt. Tôi muốn kêu một tiếng thật to, nhưng cuống họng đã nghẹn thắt vì bực dọc, vì đau đớn, vì xấu hổ, vì những gì gì nữa mà tôi chưa thể hiểu hết. Một hy vọng đã tan vỡ, một hình ảnh đã tan vỡ, một tình bạn đã tan vỡ. Rút lại anh Q. chỉ là một anh chàng rất cũ kỹ và tầm thường. Đọc văn anh tôi biết anh đã viết bằng tất cả những gì anh có thể có, chỉ vì những cái anh có vốn rất tầm thường nên hóa ra một áng văn chương quá tầm thường. Anh thuật lại một trận đánh của một đại đội với bao nhiêu tình tiết hồi hộp, rắc rối. Một trận đánh, dầu đọc cho kỹ cũng không thấy bóng dáng người cầm súng dưới tiểu đội, bởi người viết đã dồn hết tâm sức và chữ nghĩa vào sự miêu tả mối tình của một cặp trai gái. Trai là chàng đại đội trưởng. Gái là cô du kích nhưng cũng là em gái tên quận trưởng. Bên tình nhà, bên nợ nước. Rồi lại bên hiếu bên tình. Cuối trận đánh cô du kích chết. Chàng đại đội trưởng bế xác "nàng" chạy thẳng lên một ngọn đồi trồng đầy thông (xin nói thêm, cả tỉnh tôi không có một ngọn đồi nào, lại càng không thể có một quả đồi trồng đầy thông!) Hoàng hôn ! Vẳng xa có tiếng chuông chiều ! Chàng quỳ xuống bên xác "nàng", đặt đầu "nàng" vào lòng mình, ngước mắt nhìn một bầu trời còn đầy khói lửa và lâm râm cầu nguyện. Đành rằng là một câu chuyện được viết vào thời này, có bộ đội và du kích, có người yêu nước và kẻ bán nước, có súng bắn, có người chết nhưng sao mà giống hệt một cuốn tiểu thuyết nào đó của một thời xa xưa nào đó. Giống ở giọng văn, giống ở dáng dấp nhân vật, giống cả đến cách nghĩ, cách khóc, cách

cười. Anh xa cách chúng tôi nhiều quá, anh Q. ơi ! Anh là người cùng thời với bọn tôi mà sao đã xa xôi làm vậy ! Chỉ trong phạm vi văn chương mà nói, chỉ riêng trong cái phạm vi nhỏ hẹp đó thôi, cái thuở ban đầu của anh đã kéo quá dài, sự thơ ngây, sự lầm lẫn trong anh đã kéo quá dài. Bởi vì anh không hành động! Anh chỉ mơ mộng mà không chuẩn bị. Lại không chịu chuẩn bị từ những cái vặt vãnh, nhỏ nhoi và rất dễ buồn cười. Anh ôm ấp một giấc mộng quá lớn, lớn hơn anh nhiều nhưng lại không chịu lớn lên theo trong quá trình tập dượt. Nói cho đúng, anh vẫn chưa ý thức được rằng: dầu một việc dễ như là viết văn cũng vẫn cần có sự tập dượt.

IV

Sau cuộc kháng chiến chống Pháp tôi không được gặp anh Q. nữa. Anh đi đâu, làm gì tôi cũng không được biết. Có điều chắc chắn là anh đã từ giã cái mộng văn chương. Bởi nếu anh viết thì tôi đã được đọc. Năm 1973 tôi về công tác tại tỉnh N., đang đạp xe giữa phố bất chợt nghe có tiếng gọi: "K. !" Tôi xuống xe quay mặt lại, một người nào đó đứng sững ở hè đường chăm chú nhìn tôi. Có phải người này vừa gọi tôi không ? Ông ta là ai ? Tôi dắt xe bước lại thong thả, trong bụng càng hồ nghi, rồi bất chợt tôi hét lên: "Anh Q. !" Lúc ấy người kia mới nhếch mép cười. Đúng là nét mặt của anh Q. Anh Q. nắm lấy bàn tay tôi, nói nhỏ: "Tao nghĩ mày phải quên tao rồi". Tóc anh đã bạc cả, nhưng dáng dấp anh còn già hơn cả mớ tóc bạc. Phải hơn năm mươi rồi, tôi thoáng nghĩ. Làm gì đến ! Anh hơn tôi có ba tuổi, năm nay mới có bốn mươi sáu. Chao ôi ! mới bốn mươi sáu tuổi mà sao đã hom hem, mệt mỏi làm vậy ? Tối hôm ấy anh kéo tôi về nhà ăn cơm với vợ chồng anh. Anh chị lấy nhau từ năm 55, đều công tác trong nhà máy, có ba cháu, cô con gái lớn đã mười bảy. Tôi rất mê gian buồng nhỏ mà vợ con dành riêng cho anh đọc sách và làm việc. Trang nhã quá, thoáng mát quá, đến là dễ khêu gợi sự viết lách. Có khi anh vẫn đang viết một cái gì đó cũng nên ? Trong bữa cơm, nhân anh Q. giới thiệu tôi với các cháu, cô gái lớn liền bảo tôi :

- Thế thì chú phải giúp bố cháu với. Bố cháu viết rất nhiều nhưng chưa

bao giờ được in cả.

Tôi nhìn anh Q. cười :

- Nhưng bố cháu có chịu đưa cho ai đọc đâu.

Anh Q. cũng cười :

- Văn của tao khác, văn của chú mày khác. Chú mày không thích văn tao.

Tôi chỉ cười rồi hỏi lảng sang chuyện khác :

- Trong ba cháu có cháu nào thích theo đuổi sự nghiệp văn chương không ?

Anh Q. phàn nàn ngay :

- Chúng nó thì có biết nghĩ ngợi chuyện gì cho đúng đắn! Ham thích tất cả mà hóa ra chẳng ham thích một cái gì.

Bà mẹ bênh con :

- Chuyện ! Mới có tí tuổi đầu !

Anh Q. nói rất to :

- Tôi thì sao ? Mới lên chín lên mười tôi đã có cái chí của tôi rồi.

Cô con gái quay sang chất vấn bố :

- Thì bố đã làm được gì nào ?

Bà mẹ quát con gái :

- Mày không được nói hỗn !

Sau bữa cơm, anh Q. ngồi bần thần như bực tức chuyện gì đó. Chị Q liền phân trần với tôi :

- Anh ấy cứ bảo chúng nó là quân vô dụng, lớn lên rồi chẳng làm được trò nghề gì. Lớn lên thì chưa biết thế nào thật, nhưng trong cái nhà này không việc gì khỏi tay mấy đứa cả. Chú tính, giá sách, bàn học, chạn bát, ghế ngồi ăn cơm, một tay thằng thứ hai đóng lấy hết. Nó chỉ nhìn người ta làm có vài lượt là nó làm theo được ngay. Chẳng đẹp được bằng thợ đóng nhưng được cái không mất tiền mua. Thế cũng là sáng dạ khéo tay lắm, phải không chú ? Còn con chị, cơm nước, giặt giũ, khâu vá, việc này việc kia một mình nó quán xuyến cả. Tôi thì theo ca theo kíp trong nhà máy. Anh ấy tuy làm việc theo giờ hành chính nhưng về nhà có mó tay vào một việc gì! Đến bảo con cũng không biết đằng bảo. Nói chuyện trong nhà chú

đừng cười, chứ đâu lại có người vụng đến thế. Làm gì hỏng nấy, mó đâu đổ vỡ đấy, chỉ được cái chịu khó đọc sách, chịu khó viết. Viết những gì chẳng biết, viết từ cái thuở mới lấy nhau cho đến tận hôm nay vẫn chửa xong.

Anh Q. nhìn tôi cười ngượng nghịu :

- Bây giờ đến vợ con cũng chê mình là đần là vụng. Thế là hết cách rồi đấy !

Đời anh thế mà sướng, anh Q. ạ ! Người khác làm còn anh thì đứng ngoài chê trách. Họ không vì sự chê trách của anh mà không làm. Còn anh không vì biết chê người mà làm được hay hơn. Bây giờ anh đã ngót năm chục tuổi đầu rồi, nói một cách bi quan thì đã một chân trong mồ rồi, mà vẫn chưa làm được một việc nào để người khác khen. Vì anh vẫn vụng dại, vẫn thơ ngây như ngày còn non trẻ. Anh có định làm lại cuộc đời anh không ? Tôi tin rằng anh không thể làm lại. Bởi muốn làm lại thời phải biết bắt đầu từ những việc làm tầm thường nhất. Phải dám để mọi người cười mình một chút. Thì sự khởi đầu nào mà không gian truân, không khổ ải ? Không ! Anh không thể làm lại ! Anh không có gan phơi bày những chỗ yếu kém, non nớt của mình. Anh không chịu được sự chỉ trích. Thế thì anh cứ tiếp tục mơ mộng đi, anh Q. ạ. Bởi một người mơ mộng vẫn có quyền báo thù thiên hạ bằng sự tự hứa : "Ta mà ra tay thì phải biết ! Phải biết !".

1974

Một Trường Hợp Ly Dị

Khi nghe anh P. báo tin cho tôi biết vợ chồng anh đã ly dị tôi không dám tin ở tai **mình nữa. Cho nên tôi mới ngơ ngác hỏi lại : "Ai ? Vợ chồng nhà ai ?". Anh nhìn tôi, mỉm cười rất buồn : "Vợ chồng tôi. Chúng tôi đã sống xa nhau hai năm rồi". Tất nhiên là anh không nói đùa. Xưa nay anh vốn đã không biết nói đùa. Anh còn hay phóng đại những sự việc nhỏ nhặt nhất thành ra quan trọng. Vả lại nom anh cũng rất tiều tụy, với một người hay nghĩ ngợi nông sâu như anh nay lại rơi vào một hoàn cảnh đến người vô tâm nhất cũng không thể ngủ trọn mỗi đêm, nghĩ mà tội nghiệp cho anh quá. Tôi hỏi anh rất nhỏ :**

- Còn hai cháu ?

- Con Thu ở với mẹ, còn thằng Dũng thì ở với tôi.

Tôi suýt kêu lên : "Anh mà xa được cái Thu à ? Anh mà...", tôi không kêu nhưng nước mắt đã ứa ra. Tôi biết anh yêu con bé lắm. Có lần anh bảo tôi : "Con bé vẫn ăn vẫn chơi mà tôi đã **biết nó sắp ươn người rồi. Tôi không sờ trán nó mà tôi vẫn biết, tôi biết bằng da thịt của chính tôi". Anh chăm con bé còn hơn cả mẹ nó. Hơn tất cả những người bố trên đời này. Một tối tôi đến chơi nhà anh, lại đúng vào tối con bé đang ho. Thì cái trò trẻ con ngày vẫn ăn chơi, tối đến hu hi ấm đầu cũng là lẽ thường. Nó ho, nó sốt rồi nó quấy, có gì là quan trọng. Nhưng với anh P. thì con bé chốc chốc lại ho một tiếng là chuyện hoàn toàn không bình thường. Ngồi tiếp chuyện với tôi nhưng mắt anh vẫn đảo sang phía con bé, mà nó vẫn hò hét, vẫn cười đùa chứ đã sốt sắng gì đâu, chốc chốc lại bảo vợ : "Em sờ trán con xem !", "Em phải luồn tay vào lưng nó mới biết được là sốt hay không sốt". Cứ thế, cứ thế. Rồi anh đứng lên, anh ngồi xuống, rồi lấy thuốc ho, rồi hòa thuốc kháng sinh với mật ong để lau họng, rồi... rồi... như một người gàn dở. Vì tôi đã biết tính anh, biết là anh yêu con quá, yêu đến mụ mẫm, chứ người mới quen biết có thể nghĩ lầm là anh chàng muốn đuổi khéo khách.**

Mỗi lần lên Hà Nội họp, anh thường nghỉ đêm tại nhà tôi. Chỉ ngủ chú

không ăn. Mời được anh ăn một bữa cơm gia đình thật khó. Anh ngại vợ chồng bạn bận. Nhà ai chả thế, người lớn đi làm, trẻ con ở nhà nấu nướng nhăng nhít được sao ăn vậy **nhưng không thể mời khách. Có khách thì phải chợ búa, phải nấu nướng cho ra một bữa cơm. Cho nên anh ngại ăn cơm nhà bạn bè. Đêm nằm với nhau anh không nói chuyện gì khác ngoài chuyện các con anh. Theo sự nhận xét đã rất vô tư của anh, thì thằng Dũng nhà anh thông minh hơn tất cả đám trẻ con cùng lứa tuổi. Nó đọc rất nhiều, kể cả sách báo của người lớn và văn của nó bao giờ cũng được cô giáo cho điểm cao. Anh bảo tôi : "Tôi đọc các bài văn của nó tôi biết, nó có những nhận xét đến là bất ngờ. Thằng ấy có năng khiếu văn chương đấy !". Rồi anh phàn nàn một cách hãnh diện : "Tôi thì thích nó giỏi về khoa học tự nhiên, nghề nghiệp, cuộc sống sau này dễ ổn định. Chứ làm anh nhà văn thì vất vả, công phu lắm". Nhưng chỉ khi anh nói về em gái nó, về cái Thu, thì mới thật là một ông bố khác thường. Tôi cũng có con, trai có gái có, nhưng tôi chưa yêu một đứa nào đến say đắm, đến lo sợ như anh yêu đứa con gái của anh. Mỗi lần đi đâu xa anh lo cho con bé đủ thứ. Anh hình dung ra đủ mọi chuyện không may có thể đến với nó trong mấy ngày anh vắng mặt, toàn những trường hợp có thể chết người trong nháy mắt. Thế mà bây giờ anh phải xa nó, xa cái con bé mà anh yêu thương nhất mực ấy, không phải trong vài ngày, trong vài tháng mà là xa mãi mãi. Tôi hỏi anh, hỏi rất rụt rè, vì không thể không hỏi tin tức cái Thu mà chính tôi cũng rất yêu nó :**

- Con bé vẫn khỏe chứ ?

- Cháu vẫn khỏe - anh ngừng một lát rồi nói tiếp - đến hơn tháng nay tôi không nhận được tin của cháu, không gặp ai ở dưới ấy nên không hỏi được tin tức.

Từ sau ngày ly dị, anh vẫn công tác ở ủy ban hành chính tỉnh, còn **vợ anh đem con về quê, công tác tại phòng giáo dục huyện. Mỗi lần có người dưới huyện lên họp, anh đều chạy đến hỏi tin con. Người ta ngồi họp ở bên trong, anh cứ đi lại bồn chồn ở ngoài như một kẻ mất hồn. Người kia vừa bước ra khỏi phòng họp là anh chạy nhào tới, vừa thở**

vửa hỏi : "Cái Thu nó khỏe chứ, anh ?" Anh khoe con bé đã biết đọc báo, đọc được cả thư của bố, tức là nó đọc thạo cả chữ in lẫn chữ viết. "Con ấy rồi cũng thông minh lắm, mà đến là ngoan". Anh nói bằng cái giọng vừa khoe khoang vừa than tiếc. Nó vốn là của anh, là con của anh, là đứa con anh cưng nhất, nhưng nay đã thuộc về người khác, mai kia còn là của những người khác, một người mà anh đã biết là mẹ của nó, và một người nào nữa mà anh chưa được biết. Chắc chắn cái người đó rồi cũng sẽ tới, nhưng hiện nay thì mới là sự dò đoán phấp phỏng. Anh có dám thú nhận rằng trong lúc này hình như anh có ý tiếc cả hai không ?

- Thỉnh thoảng cũng phải cho anh em nó gặp nhau chứ? Tôi hỏi anh.

Mỗi năm vào dịp nghỉ hè và giáp Tết, bà mẹ lại dắt thằng **lớn xuống chỗ mẹ nó cho mẹ con anh em gặp nhau. Xưa nay nhà ấy mẹ chồng nàng dâu ăn ở với nhau hết sức hòa thuận. Bà cụ không có con gái nên coi con dâu như con đẻ. Con dâu đi làm, mẹ chồng ở nhà nấu nước gội đầu, trưa con về mẹ ngồi quạt cho con khô mồ hôi rồi mới cho ra gội. Dâu đẻ, thôi thì tã lót của con, quần áo của mẹ mỗi ngày giặt một chậu đầy, giặt cho con khỏi nhúng tay vào nước lạnh suốt hai tháng kiêng cữ. Mười năm ăn ở với nhau, con dâu chỉ phàn nàn về mẹ chồng có mấy chuyện : không chịu mặc áo mới, không chịu uống rượu thuốc mỗi tối trước khi đi nằm, không chịu xem hát, xem chiếu bóng để mở mang kiến thức. Viết ra cứ như người cố ý tô vẽ để cảnh li biệt về sau càng thêm vẻ lâm ly, nhưng quả thật là đúng như vậy. Lần nào đi thăm con dâu và cháu gái về mắt bà cụ cũng sưng đỏ vì khóc. Không dám khóc trước mặt con trai sợ con buồn mà cũng không dám khuyên chúng nó nên nghĩ lại mà về ở với nhau vì cách cư xử của bà cụ với các con hết sức mới mẻ.**

Theo như lời anh P. thì từ ngày vợ chồng anh xa nhau, an**h chưa lần nào được gặp lại con gái. Chuyện khó tin quá! Với anh P. lại càng khó tin ! Thế mới biết trong mỗi quyết định của con người ta cũng đến lắm điều bí ẩn. Theo luận lý thì không thể xảy ra, vậy mà vẫn cứ xảy ra. Nghĩ lại những buổi tối tôi đến chơi nhà anh, ai mà tin được rồi có ngày**

họ phải chia lìa, mà là tự họ cả, tự ở vợ chồng họ cả. tại sao tự họ lại nỡ gây ra chuyện thương tâm đó ? Anh P. không nói, anh không nói một câu nào hoặc xa hoặc gần để tôi có thể hiểu được, dẫu là mơ hồ, do đâu mà hai vợ chồng anh, cả hai người đều có đủ sự tàn nhẫn chôn sống lẫn nhau và chôn sống mỗi bên một đứa con của mình.

Vì anh P. không nói nên tôi không dám hỏi. Dầu không hỏi nhưng tôi cũng đoán biết chắc phải có những nguyên cớ quan trọng. Chắc chắn trong cái gia đình ấy đã có người phản bội, có người không trung thành. Nếu vậy thì trong cảnh chia biệt này chỉ có một bên đau khổ, một người đau khổ. Một người sẽ phải gánh lấy toàn bộ sự bất hạnh của một gia đình **phân ly. Cái con người khốn khổ ấy tất phải là anh P. Anh vốn là người khiêm tốn, khiêm tốn trong cách cư xử với bạn bè và khiêm tốn trong cả an hưởng hạnh phúc. ấy chỉ là sự phỏng đoán của tôi về cái trường hợp không may của anh, dựa theo tính cách của anh, chứ nào đã có bằng chứng gì.**

Sang đêm thứ hai thì anh đã không thể không nói về người đàn bà, về các bà vợ. Anh than thở về sự khó tính khó nết của họ, về sự tức giận bất thường, và nhất là cái tham vọng của họ muốn là người chủ duy nhất, người ra lệnh **duy nhất. Tuyệt nhiên anh không đả động gì đến sự phản bội, sự không trung thành của người này hay kẻ kia. Mà anh thâu góp được ở đâu đến là lắm chuyện kỳ quái về những người đàn ông "nô lệ". Toàn những chuyện có thật cả, anh thề với tôi như thế, chuyện của hàng xóm láng giềng, của bè bạn, của người trong họ, những chuyện mắt thấy tai nghe hẳn hoi. Anh dẫn giải : "Chẳng qua là do người đàn ông sợ sự phiền hà, sợ trong gia đình có người to tiếng, sợ hàng xóm đặt điều, sợ cả con cái sẽ hiểu nhầm cha mẹ, nên cứ nhịn đi. Nhịn một tí cho nhà cửa được yên ấm, nhịn một tí cho khỏi có những chuyện rầy rà. Nhịn mãi thành quen. Còn "cái người kia" khi đã thắng cuộc một lần rồi thời không thể chịu thua lần khác, cứ lấn mãi. Vẫn là chuyện của nhà khác, của người khác. Thì ra ở trên đời này cũng có lắm người bất hạnh, riêng một ai đâu, một trường hợp nào đâu, anh nghĩ như thế chăng ? Anh tự an ủi bằng những chuyện tương tự của những cặp vợ**

chồng khác chăng?

Rồi một đêm anh P. nói với tôi đầu đuôi câu chuyện đã khiến vợ chồng anh không thể chung sống với nhau được nữa. Tho**ạt nghe tôi không thể tin. Vì nó đơn giản quá. Chả nhẽ chỉ có thế mà họ nỡ xa nhau, làm khổ nhau và làm khổ cả con cái. Nhưng quả là thế. Chỉ có thế ! Vì là chỉ có thế nên tấn bi kịch của gia đình anh đã làm tôi sợ hãi. Tôi sợ hãi cho chính tôi, cho tất cả các bạn tôi, vì chúng tôi, thú thật, đã nhiều lúc đứng chênh vênh ở cái điểm nguy hiểm đó. Nếu cả hai người đều tỉnh táo thì chẳng có chuyện gì xảy ra hết, sẽ là một chuyện va chạm vặt như trăm ngàn lần khác. Sẽ là một ngày bình thường như những ngày qua, những tháng qua, những năm qua. Nhưng chỉ cần khác đi một chút thì sẽ là điểm mở đầu của mọi thứ tai họa. Anh nói về vợ chồng anh, những chuyện thường tình giữa vợ chồng anh mà tôi nghĩ ngay đến vợ chồng tôi, cuộc sống gia đình chúng tôi. Tôi rất tin ở câu chuyện anh đã kể, anh P. ạ. Tôi tin cả những chi tiết lặt vặt, những lời lẽ đối đáp vô nghĩa lý của những lần cãi cọ rất tủn mủn của một cặp vợ chồng mà ai cũng nghĩ là họ đang sống với nhau hết sức hạnh phúc. Thật ra là chẳng có gì cả. thật ra tất cả các cặp vợ chồng trên thế gian này đều đã có lúc nói với nhau đúng như thế. Anh đang có chuyện rất bực mình. Một chuyện bực mình với một người nào đó trong cơ quan anh chẳng hạn. Anh đã đem cái bộ mặt cau có của anh về nhà, phơi bày nó ra giữa những bộ mặt hồn nhiên vô tư khác. Tất nhiên những người khác cảm thấy có trách nhiệm hoặc xa hoặc gần với cái bộ mặt u ám của anh. Bà mẹ ra vào lặng lẽ. Các con ngồi đứng khép nép đưa mắt nhìn nhau. Còn anh, anh vẫn ngồi nghiêm nghị, chìm đắm trong một cuộc tranh cãi tưởng tượng nào đó. Anh thì không chú ý đến họ, nhưng họ lại phải chú ý đến anh. Vì cái vui cái buồn của nhóm người bé nhỏ này lại phụ thuộc vào chỉ có anh. Nếu anh không vui tức là họ có lỗi, một người nào đó trong bọn họ đã có lỗi. Rồi vợ anh đi làm về. Chị lại đang vui. Chị đang có một chuyện rất vui, hoặc chỉ là niềm vui tự nhiên của một người mẹ, người vợ sau giờ làm việc lại được trở về sum họp với gia đình. Chị bước vào nhà với bộ mặt rất tươi cười, với ý định sẽ**

hỏi chồng một câu này, hỏi các con một câu kia. Nhưng... kìa... bà mẹ lặng lẽ ngước mắt nhìn con dâu. Các con lặng lẽ đưa mắt nhìn mẹ rồi lại liếc trộm sang nhìn bố. Còn chồng chị ngồi tư lự, cau có như hiện thân của tai họa. Thế là chị thấy cần phải làm cho ra nhẽ ngay lập tức. Vì chị cũng là người chủ, có khi lại là người chủ duy nhất có quyền hành :

- Trong nhà có chuyện gì thế ?

Chị hỏi bâng quơ nhưng không ai trả lời cả. Chị liền quay sang hỏi mẹ :

- Có chuyện gì thế, mẹ ?

Bà mẹ nói nhỏ :

- Cũng chả biết nữa.

Chị quát các con :

- Chúng mày làm sao lại ngồi như bụt mọc thế, hử ?

Chúng nó nhìn nhau mếu máo. Thì chúng làm gì nên tội. Chỉ cần như thế thôi đã đủ cho chị tức điên lên rồi. à, ra thế ! Tôi róc xương sẻ thịt vì chồng con mà nào có dám đòi hỏi chồng con phải bù trả lại. Tôi chỉ xin **các người một bộ mặt tươi tỉnh, một lời nói ngọt ngào mỗi khi tôi đi làm về, để tôi được hởi lòng hởi dạ tí chút, rồi tôi lại tiếp tục hầu hạ các người. Tôi chỉ cần có thế thôi mà cũng không được. Cái thân tôi nó khốn nạn thế, nó vất vả thế ! Nào ! Các người còn muốn hành hạ tôi đến thế nào nữa ? Hả ? Hả? Hả ? Máu dồn lên mặt chị nóng bừng, chị ném nón, vứt làn, gầm gào như con thú bị thương. Chính lúc đó là cả gia đình nằm chênh vênh trên cái điểm nguy hiểm. Hoặc là thế này hoặc là thế kia. Nếu trong cái lần đó, anh quay mặt lại, nói một cách thản nhiên nhất : "Em tính, anh với cậu X.. chơi với nhau thân là thế mà bỗng dưng..." hoặc "Đầu óc mình dạo này nó thế nào ấy, tính toán cẩn thận thế mà vẫn..." Đại khái anh phải nói rõ cái nguyên do đã khiến anh có cái bộ mặt không vui cho vợ con cùng biết, là do anh với một người nào khác chứ không có liên quan gì tới những người mà anh vốn hết sức yêu chiều. Nói xong mà vợ anh nín lặng, tức là cơn giận đã dịu một nửa. Lúc ấy anh sẽ nói thêm : "Có thế mà mẹ chúng mày làm**

tao hết hồn". Rồi anh cười, một cái cười khô khan, gượng gạo cũng vẫn được. Thế là các con anh sẽ lập tức cười theo, mẹ anh cũng cười theo, có thể bà cụ sẽ nói thêm : "Có vậy mà anh không nói cho rõ ra để trẻ nó khỏi lo". Vợ anh tất nhiên đã hết giận rồi nhưng chị vẫn nói già : "Đi làm về đã mệt chết người, nhìn bộ mặt đưa đám sao mà nó khổ thế..." Lập tức anh phải đứng dậy xăng xở quát hét các con : "Chúng mày dọn cơm để bà với mẹ xơi rồi mẹ còn nghỉ !" Vợ anh sẽ lườm anh : "Nghỉ, từ ngày tôi về làm tôi tớ cho cái nhà này nào đã được ngả lưng nghỉ trưa một lần nào ?" Một đứa con nào đó khôn ngoan hơn những đứa khác, nịnh mẹ một câu : "Thì mẹ cứ nghỉ, mọi việc chúng con đã làm cả rồi..." Bà mẹ vẫn quát nhưng đã chứa chan bao nhiêu tự hào, bao nhiêu hy sinh : "Làm ! Làm thì ít bày biện thì nhiều. Tôi cứ làm rốn lại gọn". Sau đó là một bữa cơm ngon lành, một bữa cơm của một gia đình hạnh phúc. Bà mẹ kể chuyện hàng xóm, các con kể chuyện nhà trường, người vợ nói chuyện mua bán. Còn anh ? Anh lại ung dung nhai thong thả từng miếng cơm, trả lời với con, mỉm cười với vợ và đã quên phắt đi cái sự cãi cọ lặt vặt vừa rồi. Tôi cam đoan rằng có tới chín chục phần trăm gia đình chúng ta đã phải trải qua những cảnh tương tự như vậy. Thoạt tiên là những lý do rất vớ vẩn, rất vô lý, dẫn đến một tình huống căng thẳng đột ngột, những cặp mắt, những bộ mặt đầy giận dữ, căm hờn, những lời nói đau đớn, cay đắng, phụ bạc, rồi một người nào đó trong hai người buông ra một câu lơ lửng thú nhận sự lỗi lầm thuộc về mình, một nụ cười ngượng ngập dàn hòa, những cái lườm, những câu nói mát mẻ nhưng đã ngả sang giai đoạn kết thúc. Cuối cùng vẫn là sự đoàn tụ, là mọi sự vẫn như trước nhưng từng bên đều cảm thấy thấm thía hơn cái hạnh phúc vừa đắng vừa ngọt của cuộc sống gia đình.

Mối quan hệ vợ chồng anh P. nói cho đúng cũng có khác với nhiều gia đình tôi quen biết. Anh là người quí vợ thương con hơn ai hết, vợ con là niềm vui, nỗi lo từng giờ của anh. Còn vợ anh, ngoài công việc của cơ quan thì chỉ còn biết có hai con và chồng. Cái cung cách cư xử với chồng con của chị còn phần nào hơi cũ, tức là chị quên hẳn cuộc sống riêng của

chị, quên hoàn toàn, chỉ quan tâm có những người mình thương yêu nhất. Nhưng với một người vợ, người mẹ tình nguyện hy sinh tất cả cho chồng cho con thì chồng con phải coi chừng ! Bởi họ rất dễ tủi, rất dễ phẫn vì những chuyện chẳng đâu. Và anh P. lại rất hay sơ suất những chuyện chẳng đâu. Anh yêu con tới mức si dại, nhưng lại không hiểu được cái thường tình : vợ của anh, mẹ của hai đứa con, vẫn có thể ghen tị vì sự yêu thương quá đỗi ấy. Có một lần nào đó anh bảo tôi: trong gia đình thì con cái là tất cả, là kỷ niệm, là tình yêu, là tương lai, là hy vọng. Chúng nó là cái ruột còn cha mẹ chỉ là cái vỏ. Con anh ho một tiếng anh lo lắng băn khoăn ra mặt, nhưng vợ anh có kêu nhức đầu, kêu khó ngủ thì anh cũng chỉ hỏi lại rất thờ ơ : "Thế hả ? Em đã đi khám chưa ?" Tất cả cho con cái ! Con cái chúng bé bỏng mới cần sự chăm sóc. Còn người lớn, hơn nữa lại là vợ chồng cần gì phải chú ý tới nhau quá nhiều. Anh nghĩ thế, nghĩ một cách đơn giản và thật thà như thế, nhưng, như anh đã thú nhận với tôi, đó là điều lầm lẫn thứ nhất của anh, là nguồn gốc của những cơn giận dữ bất thường, của "cái tính nết khó chiều của các bà". Nhưng cái điều lầm lẫn quan trọng hơn, cũng vẫn anh nói, là anh tin rằng nếu không có những nguyên nhân quan trọng thì không thể có sự đổ vỡ, không thể có bi kịch trong gia đình. Anh thương vợ quí con, anh ăn tiêu dè sẻn, anh làm việc tốt và có tín nhiệm, anh có những đức tính tốt của mọi người đàn ông tốt. Vợ anh cũng thế, cũng như anh. Vậy thì có gì đáng phải lo ngại. Cũng có lúc nói nhau thế này thế nọ như vốn ghét bỏ nhau, cuối cùng vẫn là sự dàn hòa, sự làm lành, sự thông cảm. Vì, xét cho cùng họ vẫn thương nhau, họ vẫn vì cái hạnh phúc nhỏ bé của gia đình mà vun đắp. Vài ngày một lần va vấp, một tuần một lần va vấp, những sự va vấp hết sức thông thường của mọi cặp vợ chồng. Họ vẫn sống với nhau, vẫn âu yếm nhau, vẫn nuôi dạy con và bàn bạc một cách hãnh diện cái tương lai rất tốt đẹp của chúng nó. Chưa bao giờ anh nghĩ rằng sẽ có ngày anh phải đối mặt với tai họa, dẫu rằng anh là người rất dễ tưởng tượng ra mọi thứ tai họa. Còn vợ anh, như anh vẫn nói với tôi, cô ấy sống rất hồn nhiên, rất chân thật thì lại càng không thể nghĩ được rằng sẽ có lúc mình là một bên gây ra tai họa. Cho đến một hôm...

Cái hôm đó anh vừa đi công tác dưới huyện về. Mẹ anh đã đến ở với

chú em thứ hai từ tháng trước, vợ nó vừa sinh đứa con đầu lòng. Thằng Dũng đi học, cái Thu ra lớp mẫu giáo. Một cái khóa to tướng móc ở cửa phòng. Thế là anh đã bực. Ô hay, nhà ai chẳng thế ! Người lớn đi làm, trẻ con đi học, tất nhiên cửa phải khóa. Nhưng anh lại chưa thể quen với cái cảnh vắng vẻ mỗi lần anh đi công tác hay đi làm về. Vì nhà anh còn có mẹ. Có mẹ ở nhà thì con bé cũng ở nhà với bà nó. Bà đi trước cháu chạy theo sau, dắt xe vào đầu dãy đã thấy bóng bà bóng cháu rồi. Khác đi là bực là khó chịu. Vì sao mà khó chịu ? Vì nó không giống như mọi lần. Có vậy thôi ! Bởi không có chìa mở khóa nên anh cũng không muốn ra lớp đón con bé về, đành cứ tha thẩn ở hè, ở sân chào người này một tiếng, trả lời người kia một câu, mỗi lúc một bực bõ hơn lên. Chợt một người nào đó bảo anh: "Anh đi vắng mấy hôm ở nhà con bé rặt ốm thôi". Anh hỏi lại hoảng hốt : "Thế mẹ cháu đưa cháu đi khám bệnh, hả bác ?", "Mẹ nó đi làm, con bé vẫn đi mẫu giáo". Anh chạy té ra lớp đón con về, cầm tay con, lòng bàn tay cứ nóng rẫy, áp má lên trán con cũng rất nóng. Thế đấy ! Thế đấy ! Con vẫn sốt mà mẹ đã đi làm. Thì ra họ cố tình làm khổ anh, cố tình hành hạ anh. Con bé rất ngoan, nuôi dạy nó nào có gì là vất vả. Chỉ cần để mắt tới nó một chút, lo lắng cho nó một chút. Trời lạnh thì nhớ mặc áo ấm, đêm ngủ con có đạp chăn ra thì nhớ đắp đậy lại. Chỉ có thế mà cũng để cho con bé bị lạnh, con bé ho, con bé sốt. Con sốt mà mẹ vẫn đi làm ! Trời đất ! Đàn bà đâu mà vô tâm quá thế ! Càng nghĩ càng tức. Càng nghĩ càng thấy mình là phải. Lát nữa, được, lát nữa vác mặt về đây tôi sẽ bảo. Tôi sẽ bảo cho cô biết tôi không phải là cái thằng ở của cái nhà này. Đừng có ỷ lại ! Đừng có dựa dẫm ! Nếu không có tôi thì sao ? Không có tôi thì cô để mặc các con hả ? Tôi đã từng nói : con cái là tất cả, con cái...

Rồi vợ anh về. Chị cũng đang ốm. Người chị vốn gày yếu. Lại thức liền mấy đêm trông con nên mặt chị võ vàng hẳn. Chị tươi cười hỏi chồng :

- Anh đã về !

Anh cau mặt nói như gắt :

- Con bé vẫn sốt đấy !

Chị vẫn đon đả :

- Đỡ nhiều rồi anh ạ, giờ chỉ ấm ấm thôi.

Anh hỏi lạnh nhạt :

- Cô vẫn gửi con đi làm ?

- Thì mới có sáng nay, mãi tám, chín giờ em mới đi.

- Không xin nghỉ phép được hả ?

- Em đã nghỉ bốn hôm rồi, mà công việc cuối tháng ùn lên nhiều quá.

- Không có cô, không ai giải quyết được, hả ?

- Thì việc của mình, ai làm thay được.

- Quan trọng quá ! Quan trọng hơn cả tính mạng của con cái !

Chị vốn biết tính chồng nên vẫn nói nhẹ nhàng :

- Con nó có đỡ em mới dám đi. Cũng phải đảo mắt qua xem có việc gì gấp gáp còn nhờ chị em giúp cho chứ.

Chị nói thế là rất phải. Nhưng anh vẫn tức. Anh tức là bởi chị đã không theo đúng cái ý muốn tối cao của anh : Tất cả cho con cái! Con cái trên hết ! Chị không đến cơ quan thì việc của chị vẫn có người làm thay. Con bé nhỡ có thế nào thì ai đẻ đền cho họ. Lý của anh là thế nhưng anh không thể nói, vì nói ra chính anh cũng thấy ngượng. Dẫu chồng không nói nhưng vợ vẫn phải hiểu. Có nhiều điều không thể nói cho rõ ràng nhưng đã là vợ chồng thời phải hiểu ý nhau. Suốt bữa cơm anh không hé răng hỏi vợ một câu nào. Con bé ăn cơm vì mẹ về muộn không kịp nấu cháo. Nó ăn được một bát đầy ngon lành. Anh sờ trán con, trán mát. Nó không sốt. Đúng là nó hết sốt thật. Nếu lúc ấy (anh nói với cái vẻ hối tiếc thật sự), nếu lúc ấy anh cười với con bé và nói với nó một câu như anh vẫn thường nói : "Thế là con đã hết sốt rồi, bố đang lo", thì tình hình sẽ khác hẳn. Sẽ như mọi lần, như những lần khác. Vợ anh sẽ nói theo : "Anh đến là hay quan trọng. Trẻ con nó ho, nó sốt thì đã có chuyện gì". Nhưng anh không cười, không nói với con bé cái câu anh thường nói mỗi lần nó khỏi sốt. Anh đã xử sự khác với cái trật tự quen thuộc. Thế là tai họa đã xảy ra đúng vào lúc anh có khả năng thoát khỏi một cách dễ dàng nhất. Sau bữa cơm, anh ôm con bé vào lòng, làu bàu với vợ :

- Tôi mong rằng từ nay cô đừng có làm khổ tôi...

Vợ anh hỏi lại, nét mặt đã cứng, đã lạnh :

- Tôi làm khổ anh những gì ?

Anh rít giọng :

- Khổ nhiều ! Khổ nhiều ! Tôi ở nhà có đứa nào ốm đau gì đâu !

Vợ anh nói rất bình thản, có nghĩa là chị đã rất giận :

- Thì tôi làm thế nào được. Chẳng lẽ tôi làm cho nó ốm à?

Anh gầm lên :

- Ba chục tuổi đầu vẫn chưa biết nuôi con !

Chị cười nhạt, da mặt đã tím tái :

- Tôi nuôi con như mọi người, chứ còn biết nuôi như thế nào.

Chị càng nói dịu dàng và có lý thì anh càng tức giận và càng trở nên vô lý :

- Thế mà cũng đòi nuôi con ! Đã bảo phải chú ý cho nó mặc áo ấm, đừng để con nó phơi người chỗ có gió lạnh...

Chị nói đã to giọng :

- Tôi chăm con cái như mọi người. Tôi có phải là người đoảng đâu mà anh gằn hắt tôi !

Nhẽ ra anh nên nín lặng. Sự nín lặng đúng lúc vẫn có thể xóa bỏ một tai họa khi chỉ vừa mới xuất hiện. Nhưng anh đã không biết nín lặng. Anh còn dấn mình vào tai họa một **cách vui thích :**

- Cô mà không đoảng thì còn ai đoảng ?

Vợ anh nhìn anh ngỡ ngàng rồi chị hỏi lại. Chị đã nghe rõ mười mươi cái câu sỉ nhục của anh nhưng chị vẫn muốn cứu vãn sự đổ vỡ bằng cách hỏi lại :

- Có phải anh vừa nói tôi là người rất đoảng, phải không?

Anh hét lên :

- Tôi nói ! Tôi nói chứ còn ai nói !

Trong hai người thì chị P. là người nhìn thấy trước tai họa bằng linh tính, có lẽ thế. Chị đã xử sự bình tĩnh, đắn đo, vì rằng chị không muốn mình và con cái trở thành nạn nhân của một tai họa, nếu k**hôn khéo thời vẫn có thể tránh được. Bởi vậy chị mới giữ được giọng nói bình thản khi trả lời chồng :**

- Anh nhận xét không đúng. Anh quá giận nên đã nhận xét rất không công bằng về vợ anh.

Anh P. vẫn hò hét. Hò hét những gì anh không còn nhớ nữa. Anh hoàn **toàn bị mê muội, bị ám ảnh bởi một ý định rất kỳ quặc : Mình phải thắng ! Cô ta phải thua ! Mình phải là người có lý, duy nhất có lý ! Nhưng anh vẫn nhớ rất rõ những câu trả lời của vợ anh. Chưa bao giờ vợ anh nói năng tự chủ và có lý lẽ như trong cái lần ấy, anh nói với tôi thế.**

- Anh phải xin lỗi tôi, anh P. ạ. Anh xin lỗi vợ anh vì vợ anh không làm gì nên tội. Tôi cũng chẳng sung sướng gì khi được nhận lời xin lỗi của anh đâu, nhưng vợ chồng đã không tôn trọng nhau, đã coi thường nhau thì rất là khó sống **chung với nhau.**

Rồi chị khóc, khóc rất nhỏ :

- Tôi chỉ có một sai lầm là tôi đã quá yêu anh. Đã có lúc tôi muốn xin thôi việc để chỉ có làm vợ và làm mẹ. Để anh yên tâm. Để anh khỏi phải lo lắng. Tôi biết anh có nhiều tật xấu, song tôi lại nghĩ nó nhỏ bé **quá, nó chẳng có ý nghĩa gì. Với lại, tôi rất yêu anh nên tôi sẵn sàng tha thứ. Nhưng tôi càng nhân nhượng lại càng bị khinh rẻ. Tôi tha thứ thì tôi trở thành yếu mềm. Làm sao gìn giữ được hạnh phúc khi chỉ một mình anh nắm hết nó trong tay. Anh ban phát tùy theo ý thích, còn tôi chỉ là người thu nhận hết sức bị động... Chúng ta nên xa nhau một thời gian anh ạ. Xa nhau để mỗi người có đủ nghị lực thay đổi lại kiểu sống của mình.**

Hình như anh đã đứng vụt dậy, đã khoa chân múa tay, đã lảm nhảm nói rằng, anh đ**ang muốn thế, anh rất muốn thế, anh chịu đựng đến thế là hết mức rồi, anh muốn được làm người tự do...**

Chiều hôm đó chị P. gói ghém quần áo, chăn màn đưa con bé lên ở trên cơ quan. Đêm đầu tiên họ sống xa nhau. Đã gần bảy trăm ngày đêm cái gia đình nhỏ bé **ấy đã sống chia đôi với bao nhiêu là sầu não. Họ sẽ sống xa nhau mãi mãi ư ? Chẳng lẽ cặp vợ chồng ấy lại tình nguyện sống xa nhau mãi mãi ?**

Suốt hai năm, không có lúc nào anh không phải nghĩ tới một nửa gia đình hiện đã không còn là của anh nữa. Nghĩ lúc **ăn cơm, nghĩ lúc nằm ngủ, nghĩ lúc vui, nghĩ lúc buồn. Gần đây anh còn bắt thằng con anh**

mỗi bữa ăn phải mời cơm cả mẹ nó. Bà cụ mắng : "Mẹ nó còn sống sao lại mời vọng thế ?" Anh cãi : "Thì mẹ nó còn sống nên mới phải mời". Anh sợ con anh quên mẹ nó, quên cái nửa đã sẻ ra và hiện ở xa. Sẽ chẳng bao giờ anh dứt bỏ được những kỷ niệm, những năm tháng, một quãng đời, theo anh thật là tràn trề hạnh phúc. Chính anh đã thốt lên điều đó với tôi dầu rằng anh chưa dám nhận hẳn anh đã rất sai, một cách sống sai, những quan niệm sai. Anh chỉ hối tiếc. Nếu hôm ấy anh tỉnh táo hơn một chút thì tình hình sẽ khác hẳn. Nhưng, với những quan niệm của anh về gia đình, về hạnh phúc, về người vợ và cả cách nuôi dạy con cái thì trước sau cũng sẽ phải xảy ra một tình huống tương tự. Hôm ấy anh có thể nín nhịn nhưng e rằng hôm khác, lúc khác lại không thể nín nhịn. Vì rằng anh quan niệm sự nín nhịn gần như là sự đầu hàng. Khi người đàn ông đã đầu hàng một lần có nghĩa là anh ta đã sẵn sàng đầu hàng thêm nhiều lần! Anh than thở với tôi:

- Tôi chỉ hối hận là hôm ấy tôi đã nói hơi quá.

- Nếu anh chỉ nói vừa vừa thì chị ấy có thể nín nhịn, chứ gì ?

- Thì vẫn thế, có phải lần đầu đâu.

- Sẽ có lúc chị ấy không thể nín nhịn dầu anh chỉ nói vừa vừa.

Anh nín lặng rồi thở dài :

- Cái sảy nảy cái ung. Có gì quan trọng đâu, toàn những chuyện vụn vặt. Gia đình nào mà chẳng có những chuyện vụn vặt.

- Vẫn là do anh thôi. Tình hình còn cứu vãn được nhưng hoàn toàn phụ thuộc vào anh. Tôi là người đứng ngoài, có thể lời khuyên của tôi không được xác **thực, nhưng nếu anh muốn nghe...**

Anh nói vội vàng :

- Tôi nghe ! Tôi nghe đây !

Trong buổi tối hôm ấy, tôi chỉ khuyên anh P. có một điều: hãy đến xin lỗi chị ấy. Anh từ chối. Lý do từ chối rất đơn giản : anh không thể hạ mình trước vợ anh, dầu anh vẫn rất **yêu, rất thương. Tôi lý lẽ : vợ anh tức là anh, là phần nửa của người chồng, là hạnh phúc của gia đình, là tương lai của con cái. Một lời xin lỗi mà được cả từng ấy thứ, có gì là thiệt?**

- Không ! Tôi không xin lỗi ! Tôi không có lỗi ! Dầu có lỗi tôi vẫn là

người chồng. Người chồng đã hạ mình xin lỗi vợ thì không còn là chồng nữa. Anh nói thế.

- Vậy thì anh không nên nghĩ tới sự đoàn tụ nữa. Anh không nên hối tiếc một điều gì nữa. Về phần anh, anh đã quyết định rồi.

Anh hỏi rất ngớ ngẩn ;

- Tôi đã quyết định gì ?

- Anh đã quyết định : không xin lỗi, không hạ mình, vẫn sống như trước kia, với những quan niệm như trước kia.

Anh nín lặng. Tôi nói tiếp :

- Và vợ anh sẽ phải dắt con đến xin anh tha thứ, xin anh quên đi những chuyện đã qua, xin anh cho được tiếp tụ**c hầu hạ chồng và các con đến hết đời.**

Anh kêu lên :

- Anh bịa đặt ra những chuyện ấy để làm gì ? Chưa bao giờ tôi nghĩ như vậy cả !

Tôi nói thản nhiên :

- Vậy thì anh phải đến xin lỗi ! Nếu anh không mong đợi vợ anh đến xin lỗi thì anh hãy đến xin lỗi chị **ấy.**

Anh than vãn :

- Nhưng tôi không có lỗi !

Tôi hỏi :

- Tức là chị ấy có lỗi :

- Không ! Không ! Cô ấy cũng không có lỗi !

Tôi thở dài chán nản :

- Vì không ai có lỗi nên sẽ không có ai chịu bước lại phía bên kia cái bước đầu tiên. Tôi khuyên anh hãy qu**ên đi và nên nghĩ tới một người mẹ ghẻ cho thằng Dũng. Thế là anh không phải hạ mình, không phải xin lỗi mà vẫn có một gia đình. Chứ còn có cách nào nữa ?**

- Tôi sẽ ở vậy thôi, tôi sợ vợ con lắm rồi. Không sống được với mẹ thằng Dũng thì cũng sẽ khó sống vớ**i bất cứ người đàn bà nào khác.**

Tôi nín lặng rất lâu, nghĩ mà ngao ngán cho ông bạn cố tri. Hạnh phúc vẫn còn ở trong tầm tay nhưng anh ta đã nhất quyết không chịu đưa tay ra.

Thà chịu than khóc, vật vã suốt những năm còn lại nhưng hạ mình xin lỗi vợ thì k**hông, nhất quyết không, vì tôi là chồng mà, là người chủ được kính trọng của gia đình mà. Thì ra ở đời vẫn còn có kẻ ngu ngốc thích tự mình làm khổ mình đến thế!**

1974

Hai ông già ở Đồng Tháp Mười

Từ huyện Tân Thạnh chúng tôi xuống cái xuồng nhỏ có gắn máy đi vào Đồng Tháp Mười dọc theo con kinh lớn Dương Văn Dương. Anh Tư, một cán bộ của Ty Văn hóa và Thông tin cùng đi với chúng tôi, rất yêu giới nghệ sĩ, có làm thơ và viết văn, cho mình và cho bạn bè chứ chưa nghĩ tới cần phải ấn hành rộng rãi. Đã là cái gì đâu mà đòi được in ra, anh bảo thế, chuyện mình mình nói với mình, chỉ như thế thôi, các anh ạ.

Thời tiết đã sang mùa mưa, đêm mưa một chút, sáng chiều lát lát lại mưa ào ào một chút. Nước kinh rất xanh, màu xanh rất trong, vứt cái kim dòm xuống còn thấy, mà lại làm khổ người. Nước này thì cá chết, lúa chết, phải đợi nước ngọt của mùa mưa đè phèn xuống thì mới cày cấy được. Xuồng đã chạy được cả giờ mà mùi dầu tràm của các lò nấu tư nhân dọc theo tỉnh lộ vẫn còn thơm cay trong mũi. Cất tinh dầu tràm là một nghề phụ rất lắm tiền của bà con vùng Đồng Tháp. Những rừng tràm màu lá xanh đen, màu hoa trinh trắng ôm lấy hai bờ kinh, những bãi gỗ tràm vừa kéo từ dưới nước lên thịt gỗ đen bóng như sừng trâu, màu gỗ ấy phải được ngâm cả chục năm dưới nước rồi, làm cột, làm kèo, làm cừ còn bền hơn cả sắt thép. Ngồi trên xuồng tôi cứ đắm đuối ngắm nhìn những giống cây lạ, à, thì ra đất Nam bộ cũng có cả cây đa, mà sao bộ rễ trồi lên mặt nước lại trắng thế, nhỏ thế, dày sít đến thế, như cây cảnh. Cây gừa đó, anh Tư bảo, lá nó nhỏ hơn lá đa. Còn đám cây có bông trắng nhỏ như bông mai là cây cà na, quả chua chua ăn rất tuyệt. Có dạo nghe ai nói quả cà na ăn vào chống được bệnh nhiễm phóng xạ, dân buôn hoa quả Sài Gòn chạy về mua như điên, bán lại cho người thành phố với giá cắt cổ. Ai mà nghĩ được sẽ có ngày làm giàu trong phút chốc bằng quả cà na?

Hành trình đi xuồng không thể tính bằng cột số mà phải tính bằng giờ. Một giờ, hai giờ, nhìn lại bờ kinh vẫn là cây, là nhà, phía trước con kinh như leo qua dốc, mặt nước như vồng lên, dòng kinh như nhỏ lại hun hút thăm thẳm, với riêng tôi lần đầu ngồi trên xuồng, cái nhìn ấy quả rất lạ. Gặp một cái xuồng nhỏ như lá lúa, anh chồng đội mũ dạ rộng vành ngồi phía sau chèo, cô vợ ngồi đằng mũi bồng đứa nhỏ, tay cầm ô che màu rực

rỡ, còn thằng con lớn nằm ngang vắt chân ra ngoài nước, cũng lạ. Rồi thuyền bán hàng tạp hóa, bán chum vại ly chén, bán vải vóc. Thuyền neo các ngã ba kinh bán đồ giải khát và cà phê. Những nhà hàng lưu động trên kinh, đường phố đi lại trên kinh, lại càng lạ. Vẫn là đất nước mình mà một bước đi là một bước lạ. Vẫn là con người Việt Nam mình mà gặp thêm một người lại như buộc mình phải hiểu lại chút ít về con người.

Lúc còn ngồi ở huyện, anh Tư đã nói người đầu tiên chúng tôi nên gặp, phải gặp khi vào Đồng Tháp Mười là ông Ba Quốc Hội. Sao lại gọi là ông Ba Quốc Hội? Tên gì mà lạ thế! Nào ai rõ được xuất xứ, chỉ nghe mọi người đều kêu là ông Ba Quốc Hội, năm nay đã ngoài sáu chục, là trạm trưởng trạm máy kéo của các tập đoàn sản xuất xã Chiến Thắng. Tôi có tật hay ngờ những cảnh những người được giới thiệu trước một cách quá sốt sắng, quá hấp dẫn. Những trang viết gọi là được của tôi thường là những cảnh bất ngờ mà đến, những người bất ngờ mà gặp, những chuyện bất ngờ được nghe, những việc bất ngờ mà được tham dự. Vì mình sẽ không tính trước sẽ viết cái gì, hồn nhiên mà đến, mà nghe, mà trò chuyện, không ngờ cảnh ấy, người ấy, việc ấy cứ lưu luyến mãi, dứt ra không nổi, tìm mọi cách len lỏi vào được trang viết mới chịu thôi. Cho nên tôi không nghĩ sẽ viết được cái gì về ông Ba Quốc Hội. Cái tên người có thể nhớ mãi, vì nó lạ, nó khác thường, nhưng tên là của người này mà chuyện lại của người khác. Vẫn thường thế. Khoảng trưa thì xuồng ghé vào một chòm nhà kề sát bờ kinh. Mặt trước là ba gian nhà thoáng rộng, nhưng phía sau lại còn nhiều buồng nhỏ. Cách một khoảng sân, dựa vào gốc cây gáo là một dãy nhà ngang để năm cái đầu máy kéo, bánh cao ngang đầu, răng bánh thưa, có móc để cày ruộng lầy. Dưới bụi tre còn hai đầu máy nhỏ nữa, rồi khung bừa, bánh xe, thùng dầu, rõ ràng là một trạm máy kéo, cũng không nhỏ đâu, vào loại cỡ huyện ở miền Bắc. Chúng tôi đã đến nhà ông Ba Quốc Hội và ông già đã bước nhon nhón ra gặp chúng tôi, mặc quần lửng, cởi trần, tóc chưa bạc hết, các bắp thịt vẫn rất săn, một vóc người trời cho để sống cả trăm tuổi.

- Chú Tư lại dẫn mấy ông nhà báo tới thăm tập đoàn hả?

- Tới thăm bác thôi, chỉ lo bác đi vắng.

- Ngày mai thì không có nhà thật, phải đi dự đám cưới thằng con nuôi trên huyện.

- Thằng Hảo à? Nó lấy đứa nào?

- Người ấp ba, con gái Hai Tùng. Con bé ấy là đứa mới lớn, chú không biết đâu.

Một ông già Nam Bộ chính gốc nhưng lại có phong cách của người ở thành phố, có giao thiệp nhiều, nên cách đối xử với từng người hết sức nhã nhặn, tinh tế. Chẳng hạn khi nghe giới thiệu tôi thì ông Ba nói ngay : "Tôi chưa được đọc văn của chú. Nhưng nếu chú viết được cái gì về Đồng Tháp Mười thì nhất định tôi sẽ tìm mua để đọc". Nói thế cũng là người bặt thiệp lắm. Còn khi nghe tên Thu Bồn thì ông già mừng rỡ ra mặt : "Tôi thích thơ của chú lắm, nghe đọc trong rađiô chứ không có sách. Tóc chú cũng đã bạc nhiều nhỉ ? Hai cuộc kháng chiến làm gì mà tóc chẳng bạc". Trò chuyện được một lúc, tôi hỏi ngay :

- Thưa bác, tại sao anh em lại gọi bác là bác Ba Quốc Hội?

- Hồi chín năm đánh Pháp tôi còn làm ở công binh xưởng, đồng chí giám đốc là Lê Quốc Hùng, tôi là Lê Hội, hai người lại nhận nhau là anh em nên tôi đệm thêm một chữ Quốc cho càng thân.

Chúng tôi đã ăn cơm sáng ở huyện nhưng ông Ba vẫn đem ra một chai rượu và một dĩa khô cá.

- Tôi chỉ uống rượu khi có bạn, ông Ba nói - uống cả lít, còn ngồi uống một mình chỉ nửa ly cũng không cạn - Rồi ông chỉ bọn tôi, hỏi :

- Trong mấy chú, chú nào là con mẻ, chú nào là con dấm.

Anh Tư phải giải thích con mẻ là chỉ ăn mà không uống, còn con dấm chỉ uống mà không cần ăn. Tôi cười nói nhỏ :

- Thưa, tôi là con mẻ, bác Ba ạ.

- à, à, trong này bọn tôi gọi cái đám chuyên phá mồi là cá lòng tong, rỉa mồi, ăn trên mặt. Nói thiệt, chú nào không biết uống là khó nói chuyện với bọn tôi lắm, miệng đã ráo khô thì lời chỉ đến đầu lưỡi thôi.

Chuyện thời sự của huyện lúc này là điều chỉnh ruộng đất, nơi thừa san sẻ cho nơi thiếu, nhà có thì đưa sang chút ít cho nhà không. Cái lý là như vậy, là nên làm, nhưng ruộng đất là núm ruột, bom đạn mấy chục năm là

thế đã mấy ai có gan bỏ ruộng mà đi. Vì người mà còn đất, sống với đất, chết theo đất. Đất quí như con, còn hơn cả con. Nay bảo nên chia đều cho ai nấy cùng có, cùng làm, cùng no đủ, cái lý thật là đúng, thật nên làm mà vẫn xót xa quá.

- Bây giờ nhà mình còn mấy mẫu? - Anh Tư hỏi.

- Còn năm. Bớt năm còn năm, nhiều nhà chỉ hai ba mẫu vì ít nhân khẩu. Xưa kia, hồi chúng tôi mới đến đất này, cứ theo bờ kinh mà phát khoảng trăm mét, rồi phát lùi vào khoảng ngàn mét, trăm ngang ngàn dọc tính vừa đủ mười mẫu.

- Nghe ông nói chuyện mần ăn mà dễ quá là dễ, một chớp mắt là được mươi mẫu ruộng phải không các chú ?

Bà vợ từ buồng trong bước ra, người mập nhưng nhanh nhẹn, cái miệng thật tươi, dễ gần, dễ mến.

- Mấy chú về chơi vào dịp này cá cua đều hiếm, nước phèn xì lên có con nào mà sống nổi. Các chú làm báo hỏi chuyện về ruộng đất để viết sao? Nhiều chuyện hay ho lắm mấy chú ơi, tha hồ mà viết.

Rồi bà kéo ghế ngồi cạnh ông chồng, đưa mắt nhìn lần lượt mấy chúng tôi. Cái nhìn đến là quen thuộc, vẫn còn đọng lại nguyên vẹn một thời nuôi người, giấu người, dám hy sinh cho những người chỉ mới một lần quen biết. Tôi chưa thể quên được cái nhìn ấy, có điều đã lâu lâu không gặp, bữa nay mới lại được gặp.

- Cái năm vợ chồng bỏ miệt dưới lên đây mần ăn, chồng hai mươi, vợ mười tám, lăn cây cán cỏ, khổ sở trần ai. Rồi đẻ một bầy con, đứa lớn ẵm đứa nhỏ, té sông, té ao, ăn cứt gà cứt lợn, mờ sáng vợ chồng đã đội nón ra ruộng, tối mờ tối mịt mới mò về, muốn dòm mặt con phải soi đèn mới thấy. Một đời làm ruộng có bao giờ đi thong thả theo bờ, cứ dưới ruộng mà đi, bưng đám đất chỗ này lấp chỗ trũng nọ, nên ruộng mới vuông, đất mới bằng, chứ bỗng dưng mà được chục mẫu như ông già nói.

Ông chồng cười :

- Các chú đây cũng là con nhà làm ruộng, đã vật lộn với hòn đất để lấy ra vài chục giạ lúa có ai bảo là rảnh rang.

Bà vợ nói tiếp :

- Mấy ông ấy có gan còn dằn lòng được, chứ đàn bà chúng tôi không dám ngó lại cái miếng đất đã giao, nó xót mắt đau ruột lắm. Năm sáu đứa con đi rồi lại về, không thiếu đứa nào. Còn đã cắt đất cho người khác là coi như mất hẳn. Đêm nằm không dám nghĩ tới nữa, các chú ạ.

Ông chồng lại nói gạt đi :

- Cách mạng cần con thì giao con, cách mạng cần đất thì giao đất, bảo phải bỏ đất mà ra tỉnh hoạt động thì vợ chồng lại ra tỉnh. Mười lăm năm sống trong thành phố có đêm nào tôi với bà lại không nhớ đến hòn đất cây lúa, mà sao vẫn dằn lòng được.

Bà vợ cười :

- Là nói vậy thôi, chứ đã hy sinh gần trọn đời người đâu còn tiếc rẻ có mấy năm cuối.

Một cặp vợ chồng thật hạnh phúc, tôi nghĩ thầm thế, là người của thời này, đứng hàng đầu của thời này, một thời sóng to gió lớn mà vẫn toàn vẹn cả mọi bề, cũng là hiếm hoi, may mắn lắm. Tôi có hỏi những tình huống nguy hiểm của mười năm hoạt động bí mật trong thành phố thì bác Ba chỉ còn nhớ lại những chuyện để cười, cười nhiều hơn là lo. Cái lo thì quên rồi, còn cái để cười thì vẫn nhớ. Chẳng hạn, đi tìm nhà đồng chí để tá túc trong mấy buổi đầu vào Sài Gòn, tìm được đúng phố, đúng nhà, màu sơn đúng, khuôn cửa đúng, chậu kiểng để ngoài cửa cũng đúng nhưng số nhà thì lại không đúng. Anh em dặn là số nhà 69, nhưng nhà này lại mang biển 96. Lượn đi lượn lại cả buổi không tìm đâu ra cái số nhà 69 chỉ có một căn lầu, mà lại không dám hỏi, đành phải trở ra. Người bảo là có, người cãi là không có, cuối cùng một anh hỏi : "Bác đọc số nhà từ phía nào trước ?" - "Từ tay mặt qua tay trái, phải không ?". Thế là họ cười ầm lên, ai đời đọc chữ số lại theo cách đọc chữ Hán chữ Nôm bao giờ ! Từ bữa đó tôi mới rắp tâm học quốc ngữ.

Lại là một chuyện để cười khác. Xưa kia bà con quen biết trong Sài Gòn đều kêu tôi là ông Ba Mủ chứ không kêu ông Ba Quốc Hội, vì tôi chuyên môn buôn mủ cao su khô. Nhét thuốc nổ, vũ khí trong bành mủ chuyển qua các trạm gác vào thành phố là an toàn nhất, hợp lý nhất. Nhưng khi đem cao su ra cán thì thợ nó kêu có mùi khét như mùi thuốc nổ. Có bữa

hàng chuyển từ xe xuống, mũi súng thò ra qua các lá mủ chưa ghép kỹ, tôi không nhìn thấy nhưng bà nhà tôi lại nhìn thấy liền chạy ào tới vắt lá chiếu qua, rồi ngồi đè lên trên mà la hét tôi đã phản lại vợ con, nuôi vợ nhỏ, tải của cho nó, để mặc mẹ con bà chết đói. Mới bữa nọ thằng út còn hỏi tôi : "Hồi xưa ba có vợ nhỏ thiệt hả?". Tôi hét lên: "Tao có vợ nhỏ hồi nào ? Má mày mà mần thinh để tao có vợ nhỏ ?". Nó cười : "Thì đã có lần má la hét rầm rầm chuyện đó, ba quên sao ?".

Lại một chuyện vui khác, cách đây đã lâu lắm, cũng gần hai chục năm rồi, đang ngồi uống cà phê trước nhà thờ Tân Định thì chạm mặt một thằng mật vụ của Sở Nghiên cứu Chính trị có biết tôi từ trước. Năm đó còn là trào Ngô. Nó hỏi ngay : "Bác Ba vô Sài Gòn mần ăn hồi nào ? Không làm cách mạng nữa, hả ?". Tôi cười : "Vẫn làm chứ !". Nó tròn mắt : "Ông này lớn gan thiệt" - "Chú đứng ngoài sao ? Lãnh tụ của tao là ông Trần Chánh Thành mà" - "à, tôi hiểu, bác là thành viên của phong trào cách mạng quốc gia" - "Nói gọn hơn tao vẫn làm cách mạng" - "Cái xe kia là bác lái ?"- "Chú có biết xe của ông lớn nào không ?" - "Tôi biết, xe của ông bộ trưởng phủ Tổng thống" - "Tao là tài xế của ông Nguyễn Đình Thuần" - "Bữa nay bác đi rước ông Thuần ?"- "Không, bữa nay tao đi rước ông Dương Văn Hiếu, phó giám đốc công an Trung phần đó" - "Dạ, thưa tôi hiểu, bác cũng có làm việc cho các ông công an Trung phần ?" Tôi càng nói hách : "Tao đâu thèm làm ăn với mấy thằng công an mật vụ, mỗi lần ông cậu từ Huế vô biểu tao đi rước ai thì tao đi thôi" - "Dạ, dạ, ông cố vấn miền Trung cũng có biết bác ?"- "Tao là người trong nhà, ông cậu phải biết tao chớ". Chuyện tôi nói là thật cả chứ không bịa. Tôi làm ở phủ Tổng thống cho tới năm Khánh ra đi mới chuyển sang nghề buôn mủ cao su. Nhưng cái lai lịch của mình khi xin việc thì là bịa hoàn toàn nên không thể để sống cái thằng biết mình quá rõ, bữa nay nó chưa dám ngờ , nhưng bữa mai nó sẽ ngờ thì việc của mình hỏng hết. Chỉ vài ngày sau bọn tôi đã tìm cách bắt được hắn, rồi đưa ra ngoài cứ luôn, cho yên tâm.Nhưng vui nhất phải là câu chuyện tôi sắp kể cho các chú nghe đây...

Ông Ba cầm chai rượu chỉ còn lại một chút nhướng mắt nhìn đối thủ là Thu Bồn, nhưng Thu Bồn đã vội đưa tay bịt miệng ly lại. Ông già rót hế

vào ly của mình, da mặt đỏ gắt, cách nói chuyện càng duyên dáng, mặn mà:

- Miền Nam giải phóng được vài tháng, khoảng tháng chín thì tổ chức cho vợ chồng tôi trở về quê hương, theo nguyện vọng. Ngày ấy hãy còn ông già tôi, mấy lần đã tưởng chết nhưng ông không chịu chết, chết mà phải chôn nơi đất lạ chết không nổi. Về nhà chưa được hai tháng, đau có một ngày là ổng chết luôn, chôn ngay sau nhà, bà già tôi một bên, anh Hai tôi một bên, cũng là thỏa nguyện vọng. Hôm về tôi có lên trình xã, chẳng giấy má gì hết, mà tôi cũng không khai báo gì hết, chủ tịch xã mới hăm lăm hăm sáu tuổi cứ để mặc tôi đứng rồi hất hàm hỏi : "Mấy năm ở Sài Gòn bác làm nghề gì ?" - "Đủ mọi nghề, thưa chú" - "Có làm cho Mỹ không, cho ngụy không ?" - "Tôi buôn mủ cao su cũng có tiền lắm, đâu cần phải làm cho Mỹ ngụy" - "Tại sao không ở lại quê hương kháng chiến, lại chạy vô Sài Gòn sống với giặc ? Hồi xưa bác cũng là cán bộ nông hội phải không ?" - "Dạ, mỗi người mỗi cảnh, tôi có cái khó của tôi". Vài bữa sau ủy ban cho người lại mượn cái máy đuôi tôm, bảo là mượn vài ngày, rồi cả tuần, rồi cả tháng không nghe nói sao, lên hỏi chỉ bảo là đang phục vụ cho xã. Hỏi nữa mấy ông ủy ban hăm mình đã từng làm giàu với giặc nay về quê còn tính toán với cách mạng một cái máy đuôi tôm. Bà vợ tôi uất lắm, cứ bảo tôi trình giấy ra, nói thật công việc của tôi, cũng là người cách mạng cả mà hiếp nhau là không được. Nhưng tôi lại nghĩ khác, làm việc cho cách mạng là cái nghĩa vụ ở đời, nó buộc mình phải làm, làm theo cái lương tâm, chứ không cốt làm để mai này kể công hưởng lợi. Bây giờ tôi là anh dân thường, là người dân một nước đã độc lập, đã tự do không đủ để vinh hạnh sao ? Cần gì phải khai báo những việc đã làm, nó kỳ lắm, vả lại những công việc của tôi không thể khai báo với ai, tổ chức biết, rồi mình biết, vợ con cũng được biết là đủ, gặp các chú không phải ngượng nghịu, xấu hổ là đủ. Gần đây, thấy các chú trên tỉnh, trên huyện về thăm nhiều, xã cũng có hỏi nhưng tôi chỉ trả lời : "Mấy năm ở thành phố cũng có giúp các chú hoạt động nơi ăn chốn ở, nay các chú nhớ mà đến thăm". Cũng chỉ nói có vậy thôi.

Cái tiềm lực tinh thần của ông già lớn thật. Người mạnh như thế cứ rẽ sóng rẽ gió mà đi, có tai họa rủi ro nào dám bén mảng. Thoạt nghe tưởng

là có số may, nghe rồi ngẫm cho kỹ chỉ những người thật mạnh mới tạo được cho mình những may mắn đến hiếm có.

Trong lúc ông Ba ngồi tiếp rượu và trò chuyện với bọn tôi, tôi vẫn để ý một ông già khác, người gầy nhỏ, lưng hơi còng, mặc cái áo thun nâu rất chật, một cái quần âu mầu xám lại dài quá, rộng quá, như quần mượn, đi lại lom **khom, rồi trở về ngồi nép sau cái bàn giấy của ông là một góc phản bừa bộn giấy tờ sổ sách. Chắc là ông thư ký của trạm máy kéo, tôi đoán thế. Một ông già là trạm trưởng, một ông già là thư ký, hai ông bạn già bàn tính với nhau về chuyện làm ăn của một thời đang đổi mới về cách làm ăn, cũng là một chuyện rất hay và rất lạ, khác hẳn với những nơi tôi đã từng đến, từng viết. Chúng tôi trò chuyện được một lúc lâu rồi ai nấy nằm ngả lưng một lát, vừa mệt vừa hơi say, tỉnh dậy đã thấy ông già nhỏ bé cặm cụi ở một góc phản rồi. Tôi bước lại hỏi :**

- Một trạm máy kéo mà cũng lắm sổ sách bác nhỉ ?

Ông già bỏ kính, nhìn tôi, trả lời hồ hởi :

- Cũng nhiều sổ sách lắm, thưa ông. Vì có nhiều khoản tiền phải tính, tiền trả chủ máy, tiền công thợ, rồi tiền khấu hao, tiền mua dầu, mỗi máy mỗi khác, mỗi ruộng mỗi khác. Việc **nhiều, chúng tôi lại có tuổi nên phải làm tẩn mẩn cả ngày.**

- Bác không phải là người ở đây à ?

- Thưa, tôi là người Ninh Bình, nhưng đã vào đây sinh sống từ những năm ba mươi.

Cách nói, giọng nói không phải là người sống bằng nghề làm ruộng, còn xa lạ với **ruộng đất, là người có học, người có trí thức, là viên chức thì đúng nhất, hoặc giả đã có làm nghề dạy học. Thấy ông già vấn thuốc rê tôi bóc bao thuốc còn nguyên ra mời, ông nhón điếu thuốc rất trịnh trọng, châm hút cũng rất trịnh trọng, như đã lâu chưa được hút thuốc điếu có đầu lọc.**

- Chắc là bác với bác Ba quen biết nhau đã lâu? - Tôi dò dẫm hỏi chuyện, vì ở ông già này có cái gì không bình thường, nó tội nghiệp, nó gợi lòng thương cảm, cũng là đoán thế thôi.

- Thưa, tôi cũng mới được biết ông bà Ba có vài tháng nay. Tôi vốn ở

thị xã Cần Thơ, dạy trường đại học Cần Thơ, môn văn học Pháp. Nhưng tôi đã nghỉ hưu trên chục năm rồi, năm nay vừa tròn bẩy mươi, hơn ông Ba đâu có vài tuổi. Nhưng ông ấy còn mạnh **lắm, tôi thì yếu quá. Chưa biết trời cho được nghỉ ngơi lúc nào, chắc cũng đến nơi rồi phải không, thưa ông?**

Bữa cơm chiều, bà Ba dùng cơm với đứa con gái út ở buồng trong, chúng tôi với ông Ba và ông thư ký ngồi ăn ở gian ngoài. Chúng tôi đã ngồi vào bàn nhưng ông già vẫn quanh quẩn ra ra vào vào. Mãi tới **lúc ông chủ nhà nói : "Ông Hai ngồi ăn thôi, còn thiếu gì sẽ kêu con út". Lúc ấy ông mới rón rén ngồi xuống. Ông ngồi cạnh tôi, đợi mọi người cầm bát mới cầm theo, đợi người ta gắp món ăn trước mới gắp theo, là người lịch sự thì phải rồi, nhưng cứ e ngượng thế nào, là người ở nhờ và ăn nhờ, bữa nay sống yên lành dưới mái nhà này nhưng còn bữa mai bữa mốt rất có thể lại phải tới nhà khác, mà còn nhà khác để tới chứ. Chẳng là thuở nhỏ tôi đã từng đi ở nhờ, đi ăn nhờ, cũng là bà con họ hàng cả, có máu mủ với nhau cả, nhưng mẹ con không nuôi nổi nhau nên phải đem thân nhờ vả nhà khác, làm cật lực vẫn sợ là làm chưa đủ, tươi cười suốt ngày vẫn e bị chê là mặt súi, mặt hãm, họ chứa chấp mình rồi cũng có ngày bị lây cái khổ cái nghèo. Mà đã khổ đã nghèo lại mau đói quá, bát cơm chỉ rưới tí nước mắm cũng đủ ngon. Xới bát cơm đã cố lèn cho chặt mà sao vẫn mau hết. Xới đến bát thứ hai đã ngượng nghịu lắm, khổ sở lắm. Nhưng buông đũa thì không đành, cơm còn cả lưng nồi, thức ăn mới chỉ vơi một góc đĩa. Có lẽ chẳng ai chú ý cái miếng ăn đâu, người đã no đủ ai lại chú ý đến miếng ăn, đến bữa chẳng lẽ không ngồi vào ăn, ngồi ăn cho vui chứ đâu còn biết cái ngon, cái đói. Thôi, đành nhắm mắt xới thêm bát thứ ba, đánh một miếng cháy thật to ăn thêm coi như bát cuối cùng. Đứng dậy cũng được, mà ngồi ăn nữa cũng vẫn được. Nhục nhã là miếng ăn, nhưng niềm vui mỗi ngày cũng là lúc được ngồi vào bàn ăn, được bưng bát cơm lên mà ăn. Và mỗi lần người ta có điều gì không bằng lòng, lại xầm xì cho mình nghe thấy : "Cái thằng gầy guộc thế mà ăn đến khỏe, ăn bằng hai, ba người. Sao nó ăn ngon lành thế, nhanh gọn thế". Tôi rất đói, bữa ăn lại**

nấu rất ngon, nhưng không tài nào nuốt nổi, như có tuổi thơ mình trong đó, có nước mắt mình trong đó, thương mình một chút, thương đời còn nhiều hơn. A, sang cái tuổi năm mươi cũng có lẩn thẩn ra nhiều. Ăn cơm xong ông Ba lại chèo cái xuồng nhỏ xuống xã vì có việc cần, anh em kéo nhau đi thăm hỏi bà con chòm xóm xung quanh, riêng tôi pha một bình trà ngon mang theo, ngồi đối ẩm với ông thư ký trạm máy kéo.

- Đêm bác ngủ có được ngon không ? - Tôi hỏi.

- Ngủ rất say ông ạ, ăn rất khỏe ngủ rất say, còn lâu tôi mới chết được.

- Muốn sống mới khó chứ muốn chết có gì là khó.

- Ông nói rất đúng, nhưng với tôi thì sống cũng khó mà chết cũng khó. Đã mấy lần rậ**p rình định chết nhưng tới lúc quyết định lại có bao nhiêu lý lẽ để cần sống. Vả lại, một số phận dầu khốn khổ đến thế nào cũng chẳng thể kéo dài tới mãi mãi, cũng phải có lúc được kết thúc, phải không thưa ông?**

- Bác nghĩ được thế thì sống sẽ thanh thản lắm, trong hoàn cảnh nào cũng giữ được sự thanh thản...

- Thưa ông, bây giờ tôi sống cũng thanh thản, vợ chết rồi, con chết rồi, nhà cửa không còn, tiền nong cũng không còn, chẳng còn gì phải lo sợ, phải mất thêm, nên trong lòng lúc nào cũng nhẹ nhõm, thanh thản.

Ông già nhấp thong thả từng ngụm trà, rít thong thả từng hơi thuốc, nét mặt trầm lặng, cao quí, hoàn toàn khác với con người hồi chiều.

- Tôi không phải là người đầu tiên cũng không phải là người sau cùng chịu mọi điều bất hạnh, tôi biết thế, một kẻ **thất bại hoàn toàn, không được đền bù bất kể một phương diện nào. Cái còn lại của bẩy chục năm đã sống chỉ là cái thân xác đang có đây thôi, một mai nằm xuống, tan đi là coi như mất hết, như chưa từng có, chưa từng được sinh ra, chưa từng góp mặt với đời.**

Tôi nín lặng, đốt điếu thuốc mới nhìn chăm chú hai cái vành tai rất rộng của ông già. Mặt sáng, tai to mà tướng khổ ư ? Phải sống cô độc những năm về cuối ư ? Không có gì khổ hơn là phải sống cô độc, không được lo cho ai, mà cũng không còn ai để lo lắng c**ho mình.**

- Thưa ông, gia đình tôi xưa kia cũng vào loại khá giả, nên chúng tôi được học hành đến nơi đến chốn. Học hết cao đẳng tiểu học ở Nam Định là vô tuốt Sài Gòn, lên tàu sang Pháp học tiếp lấy mảnh bằng tú tài, rồi vào đại học Sorbonne. Khoảng năm 1939 tôi mới về nước, dạy học ở Sài Gòn rồi xuống Cần Thơ vẫn làm nghề dạy học. Tôi lấy vợ muộn, chỉ sinh được một mụn con gái, vợ hiền, con thảo, một mái nhà để sum họp, một nghề nghiệp để độ thân. Rồi tôi **nghỉ hưu, con gái lấy chồng, chồng nó không còn cha mẹ anh em nên chúng tôi coi như con trai. Thưa ông, tôi mãn nguyện với những cái đã có, không nhiều, nhưng đủ để an vui trong tuổi già. Nào ngờ đến tuổi già lại phải chịu đựng mọi nhọc nhằn, cay đắng. Tai họa đầu tiên đến với tôi thật bất ngờ, thật đơn giản, không ai có thể lường trước. Đứa con rể bị đụng xe vào nằm nhà thương được một đêm thì chết. Con gái tôi mang thai ba tháng đau buồn quá nên bị sẩy thai. Rồi nó mang bệnh, bệnh lại trọng, vợ chồng tôi đưa cháu lên Sài Gòn chạy chữa cả mấy năm, nhà phải bán, đồ đạc cũng bán, cuối cùng vẫn không cứu được con, năm cháu mất mới có ba mươi tuổi. Chúng tôi đem số tiền còn lại, theo người quen lên Bù Đóp mua đất trồng mì, mọi việc đều phải thuê cả, thuê vỡ đất, thuê đặt hom, thuê làm cỏ, đến ngày dỡ không được vài yến củ, vì bị chuột đào ăn gần hết. Con chết, tiền hết, làm ăn thất bại, lại vào lúc sức đã yếu, tuổi đã cao, cái nông nỗi ấy ai có qua cầu mới thấy hết cái hoang mang, cái đau đớn. Rồi bà vợ tôi ốm, nằm có mười ngày là đi luôn. Chôn vợ ngày trước, ngày sau tôi cho hết đồ đạc còn lại, cả bát đĩa, cả soong nồi. Có hai người mới cần đi chợ, cần nấu ăn cho đúng bữa, cần một nơi riêng biệt để tính toán, để than thở. Còn lại một người ăn ở đâu chẳng được, nằm giữa đám đông, ăn giữa đám đông, là người của đường chợ, của công cộng, đâu còn của một gia đình. Cái rủi ro vẫn chưa hết đâu ông nhá, dầu rằng tôi cũng chẳng còn gì. Buổi sáng hôm đó tôi đang vò quần áo thì có người tới rủ đi uống cà phê. Tôi đẩy chậu quần áo vào gậm giường, vơ vội cái áo ngoài rồi theo chân luôn. Lúc trở về nhìn lại chỉ còn cái giường trống, tất cả đã sạch nhẵn, kể cả manh chiếu trải. Lần này thì hết thật, hết nhẵn nhụi, chỉ còn một bộ quần áo đang mặc**

với bộ quần áo đang ngâm. Tôi bán bộ quần áo đang ngâm được trăm bạc, rồi cứ để cửa ngỏ xông thẳng ra đường. Đi đâu bây giờ ? Tôi định bụng sẽ về Sài Gòn, với trăm bạc vừa có, ăn uống tằn tiện cũng được vài ngày rồi sẽ tìm cách tự sát. Chết ở Sài Gòn là cái chết vô danh, còn chết ở nơi đã ở thì thiên hạ dễ đàm tiếu. Sống đã vô danh thì cũng nên chọn cái chết vô danh. Nó phải hơn. Tôi đi nhờ xe chở gỗ của bộ đội về đến Sài Gòn mới sẩm tối. Các anh bộ đội hỏi : "Bác ở phố nào, nếu tiện đường sẽ cho xe chạy qua". Tôi xuống đâu mà chẳng được, nhưng vẫn xin là xuống chợ Bến Thành. Ngày đầu tiên tiêu hết năm chục, rồi đứng thơ thẩn ở cầu Khánh Hội, đợi lúc vắng người sẽ nhào xuống. Cầu thì cao, sông thì sâu, nhìn xuống cũng đủ chóng mặt, mà sợ quá, lại sợ cả cái ý định gớm ghiếc muốn nhảy từ cầu xuống. Vụ ấy không xong, lại trở về chợ Bến Thành, nằm ngả người trên cái sạp trống, ngủ một mạch tới sáng. Ngày sau lại tiêu hết năm chục nữa, phải hết tiền mới chết được, còn tiền thì còn tiếc đời, còn chưa dám chết. Lần này không nhảy cầu nữa, mà sẽ lao vào đầu xe. Xe chạy rầm rầm trước mặt, nhưng đầu gối cứ nhũn ra, không nhấc lên nổi. Vẫn là sợ, lỡ không chết, chỉ bị vỡ đầu, gẫy chân, phải đưa vào bệnh viện mổ xẻ thì còn khổ hơn cả kiếp sống bây giờ. Lại trở về chỗ nằm đêm trước, ngủ thêm một đêm nữa rồi sẽ tính sau. Ngày thứ ba hoàn toàn nhịn đói, mồ hôi vã ra đầm đìa, đành phải ngửa tay xin tiền một người qua đường. Người đó cho tôi dăm đồng, lại còn đứng hỏi về gia cảnh. Tôi chỉ nói qua trước đây là ông giáo dạy tiếng Pháp tại các trường trung học, nay tuổi già không ai gọi đi dạy nên sống túng thiếu quá. Ông kia cũng là người nhân đức, rất thương cảm cho cái hoàn cảnh của tôi, mới bảo : "Tôi không phải là người ở đây mà tận ở trong Đồng Tháp Mười, có đứa con muốn học tiếng Pháp, nếu bác chịu về sống chỗ tôi thì sống tôi nuôi, chết tôi chôn, nhờ bác dạy giùm cho đám trẻ dưới đó". Tôi nhận lời ngay, ông ta lại cho thêm hai chục, đủ ăn một ngày mai, chiều sẽ tới đón. Nhưng về tới nơi lại phải lao vào dỡ nhà, chuyển nơi ở vì các xáng cạp bắt đầu múc đất trong kinh. Vẫn là cái số không may, có phải không ông ? Còn chưa biết đi đâu, làm nghề gì để sống thì ông Ba tới,

cũng là tình cờ, rồi trò chuyện, khi biết tôi là người biết đôi chút chữ nghĩa liền mời về nhà giúp ông tính toán sổ sách tiền nong. Những lúc anh em ngồi uống rượu, ông Ba thường nói : "Thật may phước cho tôi về già còn có bạn. Từ ngày có ông Hai về giúp, công việc của tôi bớt đi quá nửa". Với tôi cũng là trời phật run rủi làm sao lúc cùng đường lại đến mảnh đất này, được gặp những con người này. Đất đai thì phì nhiêu, lòng người thì rộng rãi...

Hai chúng tôi ngồi yên lặng hút thuốc, uống nước một lúc đã lâu, rồi ông già lại nói tiếp :

- Nói ông đừng cười, tiếng là sống tròn bảy chục năm, nhưng ngẫm lại như người đi bên cạnh. Tới lúc bị đẩy xuống vực mới biết thế nào là cái mặn chát của một kiếp người. Khắc nghiệt đến cùng nhưng không phải không có cái bao dung. Mỗi lần bưng bát cơm ăn nước mắt lại muốn ứa ra vì cái khắc nghiệt của đời cũng có, vì cái bao dung của đời cũng có.

Sáng hôm sau, chúng tôi xin phép bà Ba ra đi sớm. Ông Ba còn đi sớm **hơn chúng tôi. Gần sáng tôi tỉnh giấc đã thấy ông đứng giữa nhà đang ướm mặc quần áo, có mấy anh con trai chắc là cháu đang súm sít xung quanh ngắm vuốt, bình phẩm. Ông Ba cười ầm ầm :**

- Tao già rồi mặc sao cũng được, không ai cười đâu mà bọn bay phải làm k**hổ tao - Rồi lại nghe ông thì thào dặn vợ : - Nấu cơm cho mấy chú ấy ăn rồi hãy đi, tôi sợ bữa nay không có ai ở ủy ban đâu, rồi lại đói.**

Ông thư ký kế toán tiễn chúng tôi ra tận bờ kinh, nói với tôi :

- Bữa nào ông đi qua đây xin mời ông ghé lại, được nói **chuyện với các ông trong lòng tôi cũng vui thêm nhiều.**

Xuồng đã đẩy ra giữa kinh rồi nổ máy, ông già vẫn đứng nguyên trên tấm ván gỗ gần mép nước, hai tay buông xuôi, mặt hướng về chúng tôi, nhưng cái nhìn như xa hơn, thăm thẳm. Xuồng đã chạy được một quã**ng xa, tôi vẫn ngoái nhìn cái tàn cây gáo vượt cao hẳn lên đám rừng tràm, dưới cây gáo là trạm máy kéo của ông Ba Quốc Hội, đứng bên cạnh ông là ông già thư ký kế toán. Một gương mặt rạng rỡ, tự tin, một gương mặt nhẫn nhục, chịu đựng, hai gương mặt của một kiếp người,**

sao lại khéo gặp nhau để gợi lên một niềm vui, một niềm tin mà chỉ lúc đứng tuổi mới nhận ra cái ý nghĩa thâm trầm của nó.

1981

Những cô gái đòi tự sát

I

Đó là hai cô gái khăng khăng đòi tự sát khi bộ đội ta tiến vào giải phóng Sài Gòn. Cô chị tên là Phúc khoảng hăm ba hăm bốn tuổi, cô em tên là Hậu, mười chín đôi mươi gì đó. Cả hai chị em đều không thật được xinh nhưng ưa nhìn và rất có duyên, vốn là người Củ Chi, khi chiến tranh trở nên ác liệt mới tạm lánh vào Sài Gòn. Các cô làm công cho một tiệm may, rồi tiệm sửa sang sắc đẹp thường được gọi bốc là mỹ viện, cuối cùng thì đến giúp việc cho một gia đình tại đường Nguyễn Bỉnh Khiêm. Khi gia đình này đi Mỹ vào giữa tháng 4 năm 75 thì cả hai cô lại đến tá túc tại gia đình bà chị tôi là nhà kề cạnh. Tôi đến thăm chị tôi vào một buổi sáng tháng 5, phải hỏi người này người khác đến cả tuần mới tìm ra tông tích vì xưa kia, tức là đã cách ba chục năm, tôi chỉ được gặp chị có một lần. Thật không may, bữa ấy chị lại đi đâu vắng chỉ có ông anh rể ở nhà và hai cô gái nọ. Tôi chưa được gặp ông anh bao giờ, năm ấy đã bảy chục tuổi, còn khỏe mạnh nhưng đầu óc không được minh mẫn cho lắm, lại lần đầu được thấy một anh bộ đội, anh bộ đội lại nhận họ hàng với mình nên hết sức ngơ ngác. Nửa tin mà cũng nửa ngờ, có khi còn sợ là người ở đâu đến nhân lúc nhốn nháo mà làm chuyện xằng bậy gì chăng. Còn hai cô gái nọ thì rõ ràng là khiếp đảm. Tôi xin nói rõ, bữa tôi đến gặp họ là ngày 10 tháng 5 năm 75. Cô em có vẻ mạnh dạn hơn, rót nước mời tôi uống, đưa thuốc mời tôi hút (bà chị tôi vốn nghiện thuốc lào, thỉnh thoảng cũng có hút thuốc điếu), khi tôi cầm điếu thuốc thì cô ta lăng xăng tìm máy lửa đưa tận tay. Nhưng cô bé đã cố gắng quá, lên gân lên cốt nhiều quá nên gò má cứ tái lại và trong tròng con mắt như đã hoe hoe đỏ.

- Thưa ông, lát nữa xin mời ông lại, bà con phải khoảng trưa mới về, cô em nói với tôi thế.

- Các cô là người trong gia đình này ? Tôi phải hỏi vậy vì cũng chưa rõ hai cô có quan hệ gì với bà chị tôi, là con út hay cháu ngoại ? Con thì không phải, cháu thì lớn quá, cô cháu lớn của tôi nhiều lắm năm nay cũng chỉ trong ngoài bốn mươi thôi.

- Dạ, thưa, chị em con ở nhà kế bên.

- ở đây chỉ có hai ông bà già thôi sao ? Tôi vẫn hỏi tiếp.

Ông anh tôi bỗng quay phắt lại :

- Ông hỏi thế để làm gì ? Lát nữa bà nhà tôi về ông muốn hỏi gì thì hỏi. Ông là ai nhỉ ?

Tôi đành phải đứng dậy ra về, vì làm sao mà trò chuyện với một ông già đã hơi lẫn, lại hơi sợ và hai cô gái chỉ muốn kêu thét lên nếu gặp sự gì bất trắc.

II

Cái ý định tự sát hai cô gái không nói với tôi mà chỉ nói riêng với bà chị tôi. Tuy các anh bộ đội không còn là một mẫu người đáng sợ nhưng vẫn chưa thể tin được, lại càng chưa thể thương được. Là những người tốt, không có những lời nói hoặc hành động hung bạo như báo chí Sài Gòn miêu tả hay qua những lời đồn nhưng vẫn là những người xa lạ. Cách ăn mặc xa lạ, cách nói năng xa lạ, như người từ hành tinh khác tới. "Thế các cô không nhận ra trong bọn họ có nhiều chàng trai rất bảnh à ?", có lần tôi đã hỏi thẳng cô em như thế.

- Dạ, mấy anh bộ đội đâu có xấu trai, nhiều anh còn quá trẻ, nhưng... cô gái cười nhỏ, nhưng cũng không được đẹp.

Thì ra cái đẹp cũng chẳng thể đứng ngoài lòng yêu ghét, yêu và thân thì là đẹp, ghét và lạ tức là xấu, không ghét nhưng cũng chưa thân thì ở khoảng giữa, như người đi bên cạnh, việc mình mình làm, việc họ họ làm, có trò chuyện cũng chỉ trong cái khuôn khổ phải tỏ ra là lịch thiệp. Chỉ thế thôi. Tôi lại nói với Hậu :

- Cô mạnh dạn hơn cứ thử tiếp xúc với các anh bộ đội một lần xem sao. Họ biết cư xử đàng hoàng lắm, không ai ăn thịt cô đâu mà phải sợ.

Hậu cúi mặt cười nhỏ :

- Dạ, không phải sợ, mấy ảnh hiền khô có gì mà sợ, nhưng biết chuyện gì mà nói với mấy ảnh.

- Tôi hỏi thật, cô đã nói chuyện với mấy anh bộ đội lần nào chưa?

- Dạ, rồi, mấy anh bên trại Nguyễn Bỉnh Khiêm thường qua luôn. Bà cụ ở đây thương mấy ảnh lắm.

Tôi ở Sài Gòn đã hơn một tháng, vài ngày lại qua thăm anh chị tôi một lần, nhưng lần nào cũng chỉ có Hậu ra đón tôi, cùng ngồi nghe chuyện, thỉnh thoảng còn hỏi câu này câu kia, không sợ đã đành nhưng cũng không xem là người lạ. Duy chỉ có Phúc thì còn gìn giữ lắm, luôn luôn tìm cách lánh mặt, trong bữa cơm nếu buộc phải ngồi chung thì cũng hết sức ngượng nghịu, luôn luôn nhìn xuống, chỉ trả lời thật ngắn gọn nếu phải trả lời, còn thì cô ngồi im lặng, nghe và nghĩ. Nào ai biết được cô nghĩ ngợi những gì, nhưng chắc là buồn bã lắm, ngán ngẩm lắm. Một tối tôi đến chơi cũng đã khuya, người ra mở cửa lại là bà chị tôi. Tôi hỏi :

- Phúc với Hậu đâu ?

- Hai đứa kêu đau đầu nằm cả mấy ngày rồi.

Chị tôi kể lại một câu chuyện vui, hồi sáng có một bà đến chơi, là vợ một ông thượng nghị sĩ, mấy bữa trước ra đường gặp một anh bộ đội gánh rau muống, về nhà bà ta nôn ọe suốt buổi, cái sợ cái ghét đã gây thành phản ứng sinh lý thì quả là không ngờ được.

- ờ, thì mấy người đó họ ghét các cậu là phải, bà chị tôi nói tiếp, các cậu vào đây tức là họ ăn mày rồi. Nhưng hai cái con nỡm kia thì sướng gì thời trước, khổ gì thời này mà phải sầu muộn đến thế ?

Nhân nói đến hai cô gái tôi cũng rất băn khoăn :

- ý định các cô đó hiện giờ ra sao đây, về trong quê hay ở lại thành phố ? ở lại thì làm nghề gì để sinh sống ?

Lúc ấy bà chị tôi mới nói thật là cả hai chị em đều có ý định tự sát. Không phải chết ở đây, vì đã ở nhờ mà còn gây vạ thì tội nghiệp cho ông bà già quá, cô Phúc nói với bà chị tôi thế, mà sẽ tìm một nơi công cộng, không gây phiền cho ai, mướn một phòng trọ nào đó chẳng hạn. Các cô có dành dụm được một món tiền trong mấy năm đi làm muốn nhờ bà chị tôi

giữ giùm, nếu được tin gì thì nhờ bà đến nhận xác, chôn cất và đưa vong linh lên chùa. Một linh hồn không nơi nương tựa, bay lượn vật vờ là tội lắm. Không muốn làm người thì có thể tự sát, còn không muốn làm ma thì giải quyết cách nào ? Chẳng lẽ lại tự sát lần nữa ! Vì chưa nghe ai nói có cái chuyện đó nên không thể không lo.

III

Trong những tật xấu của người nô lệ có lẽ cái tật xấu nhất là ham thích bắt chước những kẻ mua mình. Thoạt mới gặp tôi không thể nhận biết được Phúc và Hậu thuộc loại người nào, ăn mặc sang trọng như cô tiểu thư, bộ điệu kiểu cách như cô tiểu thư, mà hình như lại không phải. Là người bắt chước thì đúng hơn, bắt chước cách ăn mặc, cách nói năng, cách đi đứng, cả cách cười vui và sầu muộn. Cái nhướng mắt, cái bĩu môi, cái nghẹo đầu đâu phải là của mấy cô đó. Là người sống nhờ hoàn toàn. Thấy những người sang trọng họ ghét cách mạng mấy cô cũng muốn ghét theo, nghe nói họ đòi tự sát để khỏi phải sống chung với Việt Cộng các cô cũng đòi tự sát. Chắc hẳn cái mưu tính phải tự tử vào lúc này, trong thời cuộc này đã làm các cô hãnh diện không ít, thì mình cũng là người quí phái mà, là dân sang trọng mà, là một phần tử của cái giới đã mất tất cả vì cách mạng. Khổ một nỗi những kẻ quyền quí một thời không ai có ý định tự tử cà mà còn cầm hoa cười nhỏn nhoẻn với người chiến thắng để chờ cơ hội mới. Còn các cô giúp việc thì lại sửa soạn một cuộc tự sát thật sự. Hoàn toàn giống tấn bi kịch của người Nhật hồi kết thúc thế chiến thứ hai. Dân Nhật thì mổ bụng phanh gan ngoài hoàng thành để bày tỏ lòng tận trung báo quốc nhưng trong cung điện thì Nhật Hoàng đã chấp nhận những điều kiện để đầu hàng. Nhục thì có nhục nhưng sống vẫn là hơn chứ !

Cho nên tôi có nói với bà chị tôi không nên khuyên nhủ một cách ve vuốt hai cô gái ấy mà phải bảo thực họ là ai, cái vụ tự sát của họ chẳng có dính líu gì tới cuộc cách mạng mà họ làm ra vẻ lạnh lùng, kinh hãi. Đó là chuyện của người khác, người khác không làm, họ lại xăm xăm đứng ra gánh lấy, không biết dơ ! Cứ nói đại thế đi, có tự ái, có giận hờn nhưng sẽ

không có chuyện chết chóc nữa đâu.

Rồi tôi ra Bắc nhưng trong bụng vẫn phấp phỏng về số phận hai cô gái ở nhà bà chị tôi. Có khi vì ngượng quá mà làm liều cũng nên, ai không dám chứ chúng tôi thì dám ! Sống không bằng người nhưng chết phải hơn người. Cái sự háo danh cũng có thể làm chết người lắm đấy! Nhưng không nghe có tin tức gì. Về sau có thư của bà chị tôi gửi ra, hỏi thăm đủ mọi người, kể lể đủ mọi chuyện, cuối thư chỉ viết vỏn vẹn có hai dòng rằng, Phúc với Hậu vẫn khỏe, có ý mong tôi có dịp lại vào chơi. Giữa năm 76, tức là một năm sau tôi mới vào thành phố Hồ Chí Minh để viết một thiên phóng sự. Người ra mở cửa không là Hậu mà là Phúc. Tôi hỏi thăm như thường lệ:

- Hai chị em vẫn mạnh cả chứ ?

- Dạ, cũng thường, thưa cậu. Cậu vào lần này có được lâu không ?

- Cũng lâu lâu, chị em đã đi làm chưa ?

- Dạ, vẫn ở nhà, có việc gì làm nhờ cậu mách giúp ?

Tôi vừa cười vừa nói :

- Nhiều lắm, vô ối việc nếu các cô không chê.

Nhận xét đầu tiên của tôi về hai cô sau một năm gặp lại: các cô không son phấn, cũng không sơn bôi móng chân móng tay, màu sắc quần áo rất dịu, rất nhã mà lại xinh hơn vì tự nhiên hơn. Buổi tối tôi ngồi nói chuyện với ông anh và bà chị ở gian trong lắng nghe có tiếng máy khâu đạp lạch xạch ở gian ngoài. Chị tôi bảo, tối nào các chú bộ đội đóng quân bên cạnh cũng mang quần áo sang nhờ hai cô vá giúp. Tôi kêu lên đầy ngạc nhiên :

- Hai tiểu thư đã dám nói chuyện với bộ đội rồi à ?

- Từ nửa năm rồi cậu ơi !

- Sao bảo không có chuyện gì để nói ?

- Bây giờ thì nói rì rầm cả tối cũng chưa hết chuyện.

Chuyện của thành phố này là thế đấy. Lắm người xô ra ôm lấy bộ đội ngay ngày đầu thì nay lại chẳng có gì để nói, hay đúng hơn là càng nói càng lạ. Còn rất nhiều người hôm đầu thì hãi sợ ngờ vực nhưng mỗi ngày một thân hơn, càng trò chuyện lại càng thấy gần gũi. Có một lần ngồi nói chuyện riêng với Phúc, dịp này cô chị đã dám trò chuyện với tôi, tôi hỏi vui :

- Các cô bắt đầu thấy thương anh bộ đội từ hồi nào ?

Phúc nghiêng mặt, trả lời nhõng nhẽo :

- Chưa thương được đâu, vẫn còn ghét lắm.

- Ghét mà bỏ công may vá cho người ta, vừa mất công lại mất cả tiền, mua từng xấp vải để vá mà không tốn tiền à?

Phúc nhìn tôi một thoáng rồi lại cúi xuống, miệng như hơi cười :

- Tụi nó còn trẻ quá cậu ơi. Lứa tuổi con Hậu cả, mà đã đi khắp nước, mà cực quá là cực.

- Nên các cô mới thương, hả ?

- Thương chớ, sao lại không thương, như em mình à.

- Phải có cái lúc bắt đầu chứ, rồi từ đó mới nhận ra họ rất gần mình, là em mình, là anh mình.

- Dạ, có chứ, cái bữa bọn cháu ra chợ Sài Gòn, con Hậu ngó thấy ảnh trước, ảnh rất giống anh Hai cháu nhưng trẻ hơn, ảnh đi trước, hai đứa lò dò theo sau, cả dáng đi cũng giống, như anh em sinh đôi. Rồi ảnh dừng lại, mua vòng mua hột gì đó, nhiều lắm, một vốc, lúc ảnh đếm tiền trả mà thấy tội, đếm đi đếm lại như ông già. Lính cộng hòa hồi trước đâu có thế, cái cách mua bán của bọn nó lạ hoắc à, như người Tây người Mỹ gì chứ không ra người mình. Người mình mỗi lần phải tiêu tiền là tính toán kỹ lắm. Từ đó mà thương mà gần.

Cũng trong dịp tôi ở Sài Gòn thì cô chị được phường gọi đi làm, là chân thư ký cho ủy ban, rồi lại được đi dự một lớp học hai tuần trên Thủ Đức. Ngày chủ nhật Phúc được về nhà, gặp tôi cô reo lên :

- Bữa nay cậu có rảnh không ?

- Rỗi rãi cả ngày, có việc gì thế ?

- Họ bắt tụi cháu phải viết báo, báo của lớp học ấy mà. Cháu có viết hồi nào mà bảo viết. Cậu giúp cháu nhá, viết ngắn thôi, chiều cháu mang nộp.

Tôi lắc đầu :

- Viết hộ sao được. Phải là lời lẽ của mình, tâm sự của mình thì bài báo mới hay.

Phúc xịu mặt, lo lắng :

- Nhưng cháu không biết viết. Có học bao giờ mà biết.

Tôi liền bày cho Phúc cách viết một bài báo nhỏ mà lại có thể hay được. Giảng cả giờ mà cô học trò xem chừng vẫn chưa chịu hiểu. Tôi phải tìm ra một ví dụ thật gần gũi, có liên quan tới thân phận hai chị em hồi thành phố mới được giải phóng. Chẳng hạn là một bài báo với đầu đề : "Chúng tôi đã có ý định tự sát". Là ví dụ thôi, là giả sử thôi, nhưng phải là chuyện của mình, có quan hệ tới cuộc sống của mình, thời nay cũng được mà thời xưa cũng được. Tôi còn đang thao thao thuyết giảng thì cô học trò đã đứng bật lên, nhìn tôi hằm hè :

- Cái gì tự sát, cậu nói ai có ý tự sát. Viết báo phải nói chuyện tử tế, đàng hoàng chứ ai lại đi kể chuyện ba xạo.

IV

Cô chị giận tôi thật, chuyện kín mật của chị em người ta lại bô bô nói lên ai mà không giận. Một anh nhà báo vô duyên, đã tò mò lại còn bép xép ! Cả một năm sau tôi không nhận được m**ột lá thư nào của cô chị cũng như của cô em, chỉ được biết tin tức của họ qua những lá thư viết rất ngắn của bà chị tôi. Đại để Hậu đã là công nhân một xí nghiệp dược phẩm của Trung Ương mãi tận bên Khánh Hội. Cô chị không làm ở Uóy ban nữa mà nhận chức cửa hàng phó cửa hàng rau quả của quận, lại là ủy viên hội đồng nhân dân phường. Nửa năm sau lại nhận được tin cô chị sắp sửa đi lấy chồng, anh chồng là đại úy trong quân đội đang làm nhiệm vụ ở biên giới Tây Nam. Tôi có đánh điện vào chúc mừng trước ngày cưới khoảng một tuần, dầu không nhận được thiếp báo. Giữa năm 78 tôi lại có việc vào thành phố Hồ Chí Minh, vừa đặt ba lô tại nhà khách của Bộ liền mượn xe phóng đến nhà riêng cặp vợ chồng mới (vẫn là bà chị tôi cho biết địa chỉ). Sau lời chào hỏi đầu tiên tôi nói ngay, vẫn là cái tật bép xép của anh nhà báo :**

- Ghét của nào trời trao của ấy nhé !

Phúc lườm tôi :

- Ăn nói dễ ghét ! Quà mừng của cậu đâu ?

Cách trả lời của tôi lại càng đáng ghét hơn :

- Mình không nhận được thiệp mời, chẳng ai báo tin vui của h**ai bạn**

cho mình biết cả, chẳng qua là đoán bậy mà đến thôi.

Thế là Phúc gục đầu vào vai chồng cười rũ ra, cười không thở được, sống trong hạnh phúc đến là dễ khóc dễ cười. Anh chồng ngơ ngác thật sự :

- Phúc nó không báo tin cho cậu mợ ngoài ấy biết à ? Th**ật bậy quá !**

Phúc vẫn nói ấm ớ sau lưng chồng :

- Cháu ghét mặt nên cháu không báo. Ai bảo cậu... Rồi lại cười. Tôi vẫn chưa chịu buông tha nên quay lại phân trần với anh chồng :

- Xưa kia cô ấy rất quí tôi, rất thương các anh bộ đội, gặp ai cũng muốn thươ**ng, bây giờ thương được một người hóa ra muốn ghét tất cả.**

Phúc chạy vụt vào buồng trong một lúc rất lâu, khi bước ra mặt mũi đỏ nhừ, nước mặt vẫn còn giàn giụa. Là cười đến chảy nước mắt chứ không phải khóc. Gương mặt tươi sáng, rạng rỡ thế kia thì khóc s**ao được. Bữa cơm tối quá sang trọng, những sáu bảy món, món nào cũng ngon lành, con gái miền Nam nấu ăn đến là khéo. Tôi chưa kịp khen thì Phúc đã bảo :**

- Cháu nói cậu đừng buồn, không phải vì cậu mà cháu nấu ngon đến thế đâu mà là vì ông xã, mỗi lần được **tạt về Sài Gòn là cháu phải ra sức bồi dưỡng.**

Tôi tủm tỉm cười, cô nàng biết dùng từ "bồi dưỡng" từ hồi nào vậy, chắc hẳn từ ngày được là vợ một anh bộ đội. Anh chồng nhắp một ngụm rượu lại nhướn người gắp thức ăn cho vợ rồi quay sang gắp cho tôi, hãnh diện **ra mặt. Một cặp vợ chồng rất đẹp đôi, nói cho thực thì anh chồng đẹp hơn, còn rất trẻ, trong ngoài ba mươi gì đó, dân Quảng Bình, đi bộ đội từ nhỏ mà cách cư xử lịch thiệp đáo để, biết nịnh vợ ra trò. Rồi chúng tôi, tôi và vợ anh, ngồi ngây mặt nghe anh kể chuyện chiến trường. Nhiều chuyện rất xúc động mà lắm chuyện cũng lạ lùng. Chẳng hạn mấy cô gái Campuchia trốn lính Pôn Pốt chạy sang đất Việt Nam xin cư trú, khi bộ đội ta tới đưa quần áo, chiếu màn và gạo muối thì các cô ngồi rúm lại với nhau không dám nhìn, còn như không dám thở nữa vì sợ quá. Phúc nhìn chồng đăm đắm, lúc ấy mới buông một câu bình luận :**

- Mấy con bé ấy nó sùng thế nào, người ta đã cứu mình khỏi chết lại

còn...

Rồi Phúc nín bặt ngay, gò má vành tai đỏ ửng. Cô giằng lấy bát của chồng v**ội vã xới cơm, miệng nói nhưng mắt không nhìn vào một ai :**

- Hai cậu cháu ăn cơm đi, chuyện trò mãi định ngồi cả đêm chắc ?

10/11/1982

Nắng chiều

I

Chị Bơ đã đe tôi :

- Nếu cậu lại đem chuyện của chị với anh ra viết văn viết báo thì đừng có vác mặt đến **đây chị chị, em em nữa nhá !**

Khốn nỗi, cái thằng viết văn lại vốn có tật thích lôi việc của nhà ra viết. Chuyện hay thì giấu đi, chuyện dở thì phóng đại lên, nên anh em họ hàng phải từ bỏ, vợ con phải giận hờn, bè bạn cũng gớm mặt. Nói tốt về mình là người **viết hồi ký. Là người bình thường với cái tâm lý thông thường mượn bút mực để tự khoe. Còn kể xấu mình, tự bới móc mọi thói tật của mình thì đích thực là anh nhà văn rồi. Tại sao thế ? Tôi cũng không biết nữa. Có thể là cái nghiệp dĩ của những người cầm bút chăng ? Nhưng lần này tôi viết về bà chị tôi với ông anh rể muộn mằn có khác với những chuyện trước. Lần này tôi chỉ có khoe thôi. Tôi khoe cái hay cái đẹp, cái phúc đức của dòng họ nhà tôi, nếu như đây đó thấp thoáng một nụ cười thì cũng là cái mỉm cười hiền lành, vui một chút, nghịch một chút cho câu chuyện được đậm đà.**

II

Tức là chị Bơ tôi bằng lòng đi lấy chồng. Lấy chồng lần thứ nhất và chỉ vừa mới năm nọ. Tôi năm nay đã xấp xỉ sáu mươi tức thì chị tôi không còn trẻ nữa. Năm chị tôi nhận lời xuất **giá là vừa tròn bảy chục tuổi. Chị Đại, cũng là một bà chị khác của tôi, là em dâu ông Nguyễn Thế Truyền, đứng ra mai mối. Trong họ nhà tôi, đàn ông thì hiền lành, nhút nhát, làm gì cũng sợ, chỉ cầu được yên thân, còn phần lớn các bà lại hết sức ghê gớm, ăn nói ghê gớm, hành động táo bạo, còn các trò chơi của mấy**

bà thì vô cùng quái đản. Chị Đại bảo tôi với cái giọng thản nhiên nhất :

- Chúng tao định gả chồng cho bà Bơ, mày thấy thế nào?

Tôi hét lên :

- Sắp xuống lỗ còn đi lấy chồng, các bà tính toán rõ ha**y!**

Chị Đại vẫn nói dửng dưng :

- Chúng mày đều là quân ích kỷ. Chỉ nghĩ tới mình mà không nghĩ đến người. Mày sợ xấu hổ à?

- Chứ lại không, thiên hạ họ biết chuyện phải cười đến vỡ bụng.

- Ai cười mặc kệ họ. Là chuyện hay chuyện tốt chứ có phải là chuyện x**ấu đâu mà sợ họ cười.**

Tôi vẫn vùng vằng :

- Chị tính lại đi, không phải chuyện đùa đâu. Vỡ lở ra là tai tiếng lắm.

Chị Đại đã hơi cười cười :

- Để tao tính lại nhá. Mấy chục năm nay chị Bơ chỉ ở với gia đình cô Hoàng. Nay gia đình cô ấy đi Pháp rồi thì chị **Bơ ở với ai ? Hay là xuống ở với vợ chồng mày.**

Tôi lắc đầu :

- Nhà tôi như trại lính, bà Bơ không chịu xuống đâu. ở nhà chị có được không ?

Chị Đại vẫn cười :

- ở thế nào được. Một bà già đã đủ để con cháu nó cằn nhằn rồi, hầu thế nào được cả hai.

Tôi bắt đầu phân vân :

- Cũng khó nhỉ, tuổi già ở chòm chõm một mình là nguy lắm, lúc đêm hôm...

Chị Đại thủng thẳng tính :

- ở một mình cũng vẫn được , nhưng đêm phải có người đến cùng ngủ. Mày hoặc vợ mày, hoặc con mày phải thay nhau mà đến, lúc khỏe không đến **cũng được, nhưng lúc ốm đau là phải đến.**

Sự phản đối của tôi đã bớt hăng hái tới già nửa vì cái viễn cảnh phải cắt phiên nhau xuống ở với bà Bơ. Là mẹ thì buộc phải đến rồi, không thích không vui cũng phải đến. Nhưng là chị, lại là chị họ, cũng phiền nhỉ...

à, thế mà khó giải quyết đây. Nói gì thì nói, cách tính toán của chị Đại là hết sức thiết thực. Nhân nghĩa hão, sĩ diện dởm, người khổ càng khổ hơn vì có ai chịu đưa tay cho kẻ bất hạnh víu lấy đâu. Tro**ng họ nhà tôi có nhiều bà đẹp đẽ hẳn hoi, có học hẳn hoi, làm phu nhân cũng còn được huống hồ làm vợ làm mẹ như mọi người mà đành chịu cảnh phòng không chỉ vì những tính toán chẳng đâu vào đâu của các bậc cha mẹ. Thời Mỹ lại chỉ đòi gả con cho những gia đình quan lại, môn đăng hộ đối, là dở hơi hết sức. Đi làm dâu những gia đình đã tàn lụi, với những bà mẹ chồng hút thuốc sâu kèn, nói năng đài các nhưng không một xu dính túi, những ông chồng quen thói ăn chơi nhưng chẳng có nghề ngỗng gì, ra thở vào than vì thời thế đã đổi thay, thì còn khổ cực, nhục nhã hơn con ở. Thà ở vậy mà hóa hay. Chị Bơ tôi sở dĩ muộn chồng vì cả một thời son trẻ chả ai để ý đến chị cả. Là con ông bác họ lên ở với chú thím với các em, tiếng là người trong gia đình nhà quan, nhưng cô cháu nghèo làm sao dám so bì với các bà em phú quý. Đã nghèo lại không được đẹp, lại ăn mặc xuềnh xoàng, nói năng rất ít, luôn luôn xuất hiện ở phía sau, là người rất cần thiết cho mọi người nhưng vẫn bị mọi người quên bỏ. Chị bị bỏ quên cũng vì chị không bao giờ đòi, chị cam phận, lại tự khép mình vào cái khuôn khổ lễ giáo đã không còn mấy ai theo nữa. Các bà chị con ông bác tôi vẫn chê chị Bơ là người cổ mà, trời đất ơi, đã nghèo lại còn cổ thì coi như số phận đã được an bài rồi.**

III

Cái chuyện vui nhất lúc tuổi đã xế chiều của bà chị tôi được bắt đầu như sau :

Cách đây khoảng bẩy tám năm, một bà chị khác lập nghiệp ở xứ Bờ Biển Ngà có làm giấy bảo lãnh cho chị Bơ sang ở bên đó. Hai bà vốn hợp tính nhau từ thời con gái, đều là những tín đồ rất nết na của đạo Phật, có ăn ở với nhau ít năm cuối chắc là cũng êm ấm. Đã nghĩ mọi việc xong xuôi chỉ còn đợi ngày đi thì bà bên kia lại viết thư về báo hoãn, vì nghe đâu chính phủ bên ấy sẽ thay đổi, sẽ đỏ hẳn nên vợ chồng phải di chuyển cơ

nghiệp sang Pháp. Nói vậy thì biết vậy, chứ còn cái gì sau đó thì ai mà biết. Chị Đại phàn nàn với tôi : "Bà Bơ tuổi Sửu, cái số ấy là vất vả lắm một đời hầu hạ các ông em bà em, rút lại tay trắng". Xưa nay chị Bơ chỉ biết sống cho các em, dựa dẫm vào các em, vui buồn hộ mọi người, nay các em kéo nhau đi tuốt tuột, còn trơ lại có một mình, ăn không ra bữa, ngủ không ra giấc, chẳng có cái gì riêng để mà lo mà buồn, đi lại như cái bóng, va vào góc này, đụng vào góc kia của hai căn buồng vừa ẩm vừa tối nghĩ thật tội. Ai cũng than thở là rất tội mà không một ai mở miệng mời bà chị nhất họ tới ở nhà mình để tiện bề chăm sóc, vợ chồng tôi cũng thế. Lúc khỏe đã vậy, lúc ốm thì sao, ốm một trận rồi chết cũng đã vất vả, lại ốm đến vài năm mới thật rầy rà. Cũng may trong họ còn có chị Đại. Chị có quyền la mắng tất cả mà không ai dám giận vì chị ăn ở rất thật lòng, lại rất thạo việc. Việc người sống và người chết của cả một họ mà không có chị dúng tay vào là y như bê bết. Nói cho đúng, chị cũng không dúng tay vào, một ngón tay cũng không động đậy, mà chỉ dùng miệng thôi. Tính giùm cho thôi. Cái việc này thì thủ tục phải như thế này, sự chi tiêu phải như thế này, và chị cắt đặt luôn, một lũ con cháu và kẻ ăn người làm cứ thế mà chạy. Và chị đã lặng lẽ đảo ngược cái vận số của chị Bơ bằng một bài toán đến thần tình. Số là, cách đây đã nửa thế kỷ, có một anh thanh niên con nhà nghèo nhưng rất đẹp trai và học cũng giỏi, vừa đỗ bằng thành chung xong, tới gia đình ông bác tôi làm người kèm học cho mấy ông anh còn nhỏ tuổi. Người ra mở cửa đóng cửa cho thầy giáo trẻ là chị Bơ, năm đó cũng khoảng mười tám đôi mươi. Đi lại được vài năm thì anh giáo trẻ ngỏ lời xin được cưới chị Bơ, vì anh đã tìm được việc làm ở một nhà thương nào đó. Vậy là cả nhà cười, cười lăn cười lộn. Là cười cái táo tợn của một thằng con trai chẳng biết trời cao đất dầy gì, mới dám mở mồm đòi làm rể cụ Thượng. Cháu cũng như con, phải tìm cửa tương xứng để gả bán chứ. Người con trai vì xấu hổ, vì giận thân không đến nữa. Vậy là thôi. Theo chị Đại, hình như chỉ có một lần ấy, cái lần duy nhất ấy, có một người đàn ông để ý đến chị Bơ, quý mến cái dịu dàng, cái lặng lẽ, cái đảm đang của chị và mong mỏi được mời chị về sống với nhà mình. Rồi anh ta lấy vợ, đẻ một bầy con, rồi góa vợ và lấy một đời vợ nữa, lại thêm mấy đứa con và góa vợ

lần thứ hai. Người đàn ông có cái số phận vất vả ấy là Phúc, cái năm bắt đầu câu chuyện cảm động này đã bẩy mươi mốt tuổi, hơn bà chị tôi một tuổi. Tôi cũng chưa rõ, do một tình cờ nào mà chị Đại được biết ông Phúc sắp đi Pháp theo giấy bảo lãnh của con. Cái kế hoạch đầy tính nhân đạo và thực tế của chị lập tức hình thành và lập tức chuyển động. Chị nhờ một cô cháu có quan hệ họ hàng với ông Phúc đến bàn với ông, bằng cách nào đó có thể đưa chị Bơ đi, sang tới Pháp các bà em sẽ tới đón chị về nhà họ, vì anh chị em không có quyền đứng ra bảo lãnh nhập cảnh. Ông Phúc bằng lòng ngay và nói thêm : "Nhưng tôi phải làm giấy giá thú mới hợp lệ !". Chị Đại trả lời liền, giá thú thì giá thú, sang tới Pháp là hết giá trị, mà cũng chả cần làm giấy ly hôn, còn lấy được ai nữa mà làm giấy ly hôn. Tôi hỏi chị Đại :

- Lần đầu chị bàn với chị Bơ cái chuyện này, chị Bơ bảo sao?

Chị Đại cười :

- Giẫy nẩy như đỉa phải vôi. Mặt mũi đỏ nhừ đỏ tử. Gái chưa chồng nói chuyện hôn nhân ai chả thế.

Tôi cũng phì cười :

- Cái bà này có những sáng kiến đến quái đản!

Chị Đại lườm nhẹ tôi, nói đay :

- Nếu mày không thích thì mày mời bà ấy về ở nhà mày. Cho tao được rảnh nợ.

Tôi nín lặng. Chị Đại nói tiếp :

- Bà ấy chửi tao một lúc rồi ngồi im. Tao chỉ hỏi lại có một câu : tùy bà, nếu bà không bằng lòng thì bảo tôi để tôi còn có lời nói lại.

- Chị Bơ bảo sao ?

- Còn bảo sao nữa ? Bảo là tùy cô, cô muốn làm gì thì làm chứ tôi không biết.

- Vậy là xong à ?

- Xong chứ, người ta vẫn còn vương vất cái tình cũ mới đưa vai ra gánh lấy, chứ vui vẻ quái gì.

IV

Vậy là chị tôi đi lấy chồng, nói cho đúng là giả đò lấy chồng, về danh nghĩa vẫn có giấy giá thú, nhưng ông ở nhà ông, bà ở nhà bà, cơm ai nấy ăn, giường ai nấy nằm, không có gì khác trước. Chị Đại với chị Hoàng là hai bà hay nói tục nhất họ, nói nhữ**ng chuyện đến các em và con cháu ngồi nghe cũng phải đỏ mặt, nên chị Đại cũng có lời bình luận về sự ở riêng này, chị nói tục lắm tôi không tiện viết ra đây. Tôi có nghe nói bữa hai ông bà dắt nhau ra phường đăng ký hôn thú, cô ủy viên thư ký phường hỏi bà cụ theo đúng thủ tục : "Thưa bác, bác kết hôn lần này là thứ mấy?". Bà cụ cúi gằm mặt không dám trả lời, ông cụ phải nói thay: "Lần thứ nhất". Lấy chồng lần thứ nhất mà không có chạm ngõ, không ăn hỏi, không cưới xin gì cả, đến bữa cơm thân mật trong gia đình cũng phải hai tháng sau mới dám làm, nghĩ cũng tội. Mà là con cháu nhà quan hẳn hoi. Tháng đầu chị tôi đi lấy chồng, tôi không dám lại thăm. Sợ chị tôi ngượng. Nhưng tôi vẫn thấp thỏm đợi cái bữa ăn mà bà chị và ông anh sẽ mời. Nói cho thật, không phải đến vì miếng ăn mà muốn đến "quan sát" một chút. Chắc là bà chị tôi cũng biết thế nên nhất định bà không mời cái thằng em mất nết, chuyện bố mẹ nó nó còn chẳng tha huống hồ chuyện của các bà chị. Chị Đại gọi bữa cơm đó là bữa cơm đoàn kết, cái từ cách mạng dùng vào trường hợp này thật là khéo quá. Chứ còn biết gọi gì khác. Sau bữa cơm hai họ chừng vài ngày, bà Bơ cũng làm một bữa cơm thân mật chỉ mời riêng có ông Phúc và mấy người con của ông lại ăn thôi. Bà lão nấu ngon quá, nghề riêng mà, nên chỉ mấy ngày sau ông lão lại mò đến xin ăn một bữa nữa. Rồi ngày nào cũng đến đòi ăn, ăn bữa trưa. Rồi ăn cả bữa tối. Rồi đòi ngủ lại, vì say quá, vì trời tối quá, thiếu gì lý do xin được ngủ lại của một ông già đang ngất ngây trước hạnh phúc mới. Tôi toét miệng cười. Chị Đại trợn mắt nhìn tôi, quát to : "Thằng mất dạy ! Mày nghĩ gì mà lại cười, hả !"**

V

Phải hơn hai tháng sau tôi mới được gặp cả hai vợ chồng bà Bơ. Là nhân ngày giỗ ông nội tôi, tức ông ngoại bà Đại, ông chú bà Bơ, tại nhà ông anh

trưởng họ. Bà đến trước đã cả giờ rồi mới thấy ông đến. Chả ai chào ai, cứ như người dưng. Tuy ông Phúc đã ngoài bảy chục tuổi nhưng còn đẹp lão lắm, vóc dáng cân đối, đi lại nhanh nhẹn, cái miệng và con mắt của ông già khi cười nói còn rất là lẳng. Đàn ông như thế nếu muốn lấy một bà trong ngoài bốn mươi chả có gì là khó. Lại có tiền nữa. Quả tình ông ấy đối với bà chị tôi vẫn còn vướng vất phần nào cái hương vị của mối tình đầu. Là vẫn không ngớt nghĩ về nhau, nghĩ về một cô gái nhút nhát, lặng lẽ, có thể làm người vợ hiền, người mẹ đảm không ngờ số phận lại hẩm hiu đến thế. Khi ông ấy chưa đến, chị Đại có hỏi bà Bơ : "Bà đã dặn kỹ địa chỉ chưa ? Nhà trong hẻm, lối đi lắt léo khó tìm lắm". Bà Bơ trả lời ngắn gọn : "Đã bảo rồi". Chị Đại lại nói : "Ông ấy vẫn đi xe đạp à ? Đừng có ỷ y vào sức khỏe, ngã chết có ngày". Vẫn trả lời rất ngắn gọn : "Nói mãi nhưng không nghe". Tôi nghiêm mặt cười mủm mỉm, vì chợt nghĩ cách xưng hô của những cặp vợ chồng trẻ mới cưới cái thời còn đánh Pháp. Vào bữa ăn, tôi được xếp ngồi cạnh bà Bơ và ông chồng. Bà Đại ngồi phía đối diện với ông trưởng họ. Ông trưởng họ là người hết sức thật thà, có nghề xem tử vi và tướng mặt, nghe ông ấy nói về vận số ai cũng vừa lòng, vì mọi cái xui xẻo đã thuộc về năm qua tháng qua, còn tháng tới và năm tới chỉ gặp toàn những may mắn. Ông trưởng họ ngắm nhìn bà Bơ rồi tán : "Khí sắc chị Bơ rất vượng, năm tới là nhiều chuyện vui lắm". Bà Đại buông một câu, nghe muốn nổi da gà : "Năm tới bà Bơ có tin vui, hả ?" Cả mọi người đều cúi mặt, không ai dám nhếch môi. Mặt bà Bơ tái đi, còn ông chồng thì quay lại nhòm vợ rồi cười hề hề. Cái giống đàn ông thật quá tệ ! Ông trưởng họ vẫn tiếp tục tán tụng bà chị hết sức hồn nhiên : "Chị dạo này trông đẹp hẳn ra!". Rõ nỡm ! Khen một bà lão đẹp ra, vậy mà cũng đòi làm thầy tướng số ! Lại bà Đại bình luận : "Cái đó đã hẳn, khỏi cần cậu phải nói". Tất nhiên tôi phải tế nhị hơn ông trưởng họ, nên tôi không nói gì cả, cũng không nhìn chăm chú vào một ai, chỉ lắng nghe và thoáng nhìn thôi. Tôi để ý thấy chị Bơ vẹo cổ tay cầm đôi đũa của ông chồng lấy giấy bản lau qua một lượt, rồi lại lau qua cái bát ăn. Chị không nói một lời và mắt vẫn nhìn thẳng. Lúc ăn cơm, chị gắp một miếng thịt gà, dùng tay lọc xương ra, lại xé miếng thịt cho nhỏ, rồi gắp vào bát của chồng. Cái ông chồng đến là nhõng nhẽo, chỉ

đợi vợ gắp thức ăn, cho gì ăn nấy, không tự đụng đũa vào bất cứ món nào khác. Chị Đại nhận thấy ngay, chị quát lên : "Cái ông này đại lãn nhỉ, mắt bà ấy đã lòa dở, không hầu vợ thì thôi lại bắt vợ phải hầu mình". Ông chồng lại há mồm ra cười, hàm răng giả thật đều và thật trắng. Cuối bữa ăn, nhà chủ đưa cho mỗi người một cái khăn tay dấp nước nóng. Ông Phúc mở khăn lau mặt rồi đưa cho vợ. Bà vợ cầm lấy cái khăn lau dở của chồng lau luôn mặt mình. Tôi cúi mặt xuống, sống mũi cay sè, chỉ muốn nhỏ ra mấy giọt nước mắt của yêu thương.

VI

Lấy chồng được nửa năm thì chị Bơ phải đi mổ mắt. Một mắt bên phải mờ hẳn đi như có màng kéo, bác sĩ bảo phải mổ. Chị đến nằm ở nhà thương Điện Biên Phủ, cô gái út của ông chồng xách hai túi to vừa quần áo vừa đồ dùng vặt vãnh theo mẹ kế cùng vào bệnh viện. Mẹ nằm trên giường, cô con chồng trải mảnh ni lông nằm dưới chân gường, mà là con gái nhà giàu, là tiểu thư. Anh trai và chị dâu thì phóng xe máy đưa cơm ngày hai buổi, rồi bón cơm cho mẹ, ép mẹ ăn từng thìa, tiền tiêu như nước. Bữa tôi tới thăm chị Bơ, chị đã được tháo băng mắt, nhưng phải mang kính, nhìn mọi thứ vẫn còn mờ mịt. Chị em trò chuyện được một lúc thì ông Phúc tới. Bà đi bệnh viện được vài ngày thì ông ở nhà bị vấp ngã. Ngã nhẹ thôi nhưng đi lại đã phải dựa vào cây gậy. Ông chống gậy lò dò bước vào, cô con gái vội kéo ghế mời bố ngồi cạnh giường mẹ. Ông kẹp cây gậy trong đùi, đưa tay nắm lấy bàn tay gầy guộc của bà vợ, hỏi nhỏ nhẹ : "Đêm qua bà có ngủ được không ? Con mắt mổ còn nhức không ?" Bà Bơ trả lời : "Thưa, đã đỡ nhiều ạ, đêm qua chỉ thức có một lần thôi". Con gái nói thêm : "Đêm qua mẹ ngủ say lắm, trưa nay mẹ dùng cơm cũng đã được trên lưng bát". Bà Bơ vẫn để ông lão nắm lấy tay mình, than thở : "Thưa, con mắt tuy đã lành, nhưng cái nhìn còn kém lắm, chỉ sợ nó kém mãi thì không làm gì được, ông lại vất vả". Một bà nằm giường bên, cũng ngồi gần đó, bắt chuyện: "Cụ bà cứ sợ con mắt bị hỏng, con cháu phải hầu, thêm bận họ ra". Ông Phúc nói

rất to : "Bà nhà tôi cứ hay nghĩ quẩn, mình hầu hạ chúng nó cả một đời, nay chúng nó phải hầu mình cũng chỉ vài năm chứ mấy. Chả là cái tuổi chúng tôi cũng sắp được về hầu hạ các cụ tôi rồi". Tôi nghe ông anh rể nói chỉ muốn bật kêu lên : "Anh ơi, anh là người đàn ông chung tình nhất. Ước gì bọn em được tốt như các anh".

VII

Bà Bơ ở bệnh viện về được vài tháng, con mắt bị mổ sáng lại dần, bà lại đi chợ, lại nấu cơm ngày ba bữa hầu ông, thì ông chồng lại bị ngã lần thứ hai. Là do ông vẫn đi xe đạp, cái chân đau vừa khỏi lại nhảy lên xe liền, rồi vấp té, tuổi già té xe đâu phải chuyện nhỏ, nhưng ông lão khỏe chỉ nằm bệnh viện có mấy ngày, các khớp xương đã hết sưng nhưng phải nằm, như người liệt. Tôi đến thăm thấy ông nằm đọc sách, chăn nệm trắng tinh, vẻ mặt thỏa mãn như rất bằng lòng với số phận. Chỗ ông nằm cực kỳ sạch sẽ nhưng cái chỗ của bà nằm bừa bộn như cái bếp. Đúng là một cái bếp thật với đủ thứ dụng cụ phức tạp để phục vụ cho cái ăn của người nằm ở phòng trong. Mà hầu hạ một cách tươi vui, như được dịp báo đáp một ân nghĩa rất khó trả. Lần nào tôi đến thăm, chị cũng bảo : "Anh vừa nhắc đến cậu, cứ thấp thỏm đã lâu không thấy cậu đến", rồi bắt ở lại dùng cơm với anh, "Anh ăn một mình buồn lắm". Bữa cơm hàng ngày do chị tôi nấu vẫn rất ngon, nấu ngon hơn nhiều bà vợ. Miếng bít tết thật mềm, bát canh cá dưa thật ngọt, đến đĩa dưa đĩa cà muối cũng thơm ngon lạ thường. Lần nào ngồi vào ăn tôi cũng hỏi : "Thế chúng nó đâu cả ?". "Chúng nó" không phải là người của gia đình nhà gái. Không có người nào bên họ nhà gái tới hầu hai ông bà những lần ốm đau, đến thăm thì có, mồm mép đỡ tay chân thì có. "Chúng nó" đây là chỉ mấy người con và cháu của ông anh rể tôi thôi, nhưng gọi thế cho nó thân, vừa thân lại vừa khéo, là không phân biệt con ông hay con bà, là con của cả ông và bà. Ông anh rể như có biết cái ý tứ ấy nên ông trả lời : "Cậu tính, bây giờ chỉ có hai vợ chồng già hầu nhau chứ trông cậy thế nào được bọn nó. Tôi đau thì bà hầu tôi, bà đau thì tôi hầu

bà. Nói dại, bây giờ bà nhà tôi cũng đau nốt, thì tôi phải tự bò ra bếp nấu cháo nấu cơm chứ còn biết gọi ai". Chắc không chỉ là một câu nói nịnh mà còn là cái tình thực. Bao giờ ông anh tôi nói tôi đều muốn ứa nước mắt cả.

VIII

Ông anh rể tôi hóa ra phải nằm thật, nằm ở nhà vợ vì ông đã quyết định về ở hẳn với bà. Có một lần tôi than thở với chị Đại về cái nghiệp báo nặng nề của chị Bơ một đời người vất vả, đã nghĩ **về già được thảnh thơi chút ít lại lẩm cẩm đi rước một người đàn ông xa lạ về hầu, cái số kiếp gì lại đen đủi đến thế. Chị Đại quắc mắt nạt nộ ngay, theo chị hai năm qua là quãng đời đẹp nhất của bà Bơ, được hai năm ấy rồi có phải chết cũng thỏa. Tôi vẫn nhăn răng ra cười, hơn bẩy chục tuổi đầu vẫn phải đi chợ, phải nấu ăn ngày ba bốn bữa, thi thoảng có tạt qua các em, ngồi chưa nóng chỗ đã láo liên đòi về "vì anh ở nhà có một mình", ngày không được nghỉ mà đêm ngủ cũng chẳng đẫy giấc, sống như thế lại bảo là rất thỏa, có mà điên. Chị Đại nhìn tôi một cách rất khinh bỉ rồi giảng giải :**

- Một đời bà Bơ có cái gì là của riêng mình đâu, đến một thằng đàn ông của riêng mình cũng không có. Bây giờ bà ấy đã có một ông chồng, là của riêng bà ấy, là mon homme, là ông **nhà tôi, ông xã nhà tôi, nó vui lắm, hãnh diện lắm, không nói ra nhưng cứ nhìn mặt là tao biết. Hầu hạ một ông già nửa liệt nửa què mà mặt tươi hơn hớn như người vừa bắt được của, mắt mày mù hay sao mà không nhận ra? Còn tao ấy à, tao lại khác, tao lấy chồng từ năm mới mười bẩy tuổi, ăn ở với nhau trên năm chục năm mới dứt được cái nợ đời. ở với nhau lâu quá tức là nợ, hầu một thằng đàn ông trên nửa thế kỷ lắm lúc muốn phát điên lên, nó chán quá, nhàm quá, ngày nào cũng làm từng ấy việc, nói từng ấy câu, giận hờn nhau cũng là trong bài bản đã quen thuộc. Chán muốn chết! Nên đã có lần tao đi mẹ nó sang Mỹ, ở cả năm với con gái và con rể, trông con cho chúng nó, để cho đời nó khỏi nhàm.**

ồ, lại ra là thế! Hình như là thế thật vì có thấy chị Bơ tôi phàn nàn gì **về những vất vả của chị đâu, mà lại còn vui lắm, lại chẳng ốm đau gì,**

cứ khỏe re, mắt như sáng dần, đi lại phăm phăm, nói năng cũng nhiều hơn và hoạt bát tinh tường hẳn. Cái sức mạnh thầm kín nào đã khiến một bà lão trẻ hẳn lại, vui hẳn lại, có vẻ ham sống hơn trước, còn dám tính toán cả những chuyện của tương lai ? Là tình yêu chăng ? Này, các bạn trẻ, các bạn chớ vội cười, các bạn chớ có nghĩ một cách tự phụ rằng chỉ ở lứa tuổi của các bạn mới biết mãnh lực của tình yêu. Không nên chủ quan như thế ! Các bà nội cũng vẫn có, nếu như cái ma lực ấy các cụ không tiêu xài quá phung phí lúc thiếu thời.

IX

Trong số các bà chị và ông anh còn đang sống ở thành phố, tôi rất thích đến thăm và tán chuyện với chị Bơ và ông chồng rất tốt bụng của chị. Cũng như trước đây tôi đã nghiền đến chơi với chị Hoàng, dầu rằng mỗi lần gặp, chị đều trêu chọc tôi, chửi thẳng chửi xéo tôi vì tôi là thằng cộng sản rắn mặt như lời đồn đại trong họ. Chị chửi tôi nhưng chị chửi có duyên **quá nên tôi vẫn năng đến. Đến với chị Bơ tôi lại có một nhu cầu khác. Tôi lặng lẽ ngắm nghía ông anh rể ngồi lom khom trên ghế, cây gậy kẹp trong đùi, vừa nhìn vợ làm cơm, vừa kể chuyện Đông Tây kim cổ, chuyện vui mà cả chuyện buồn, giọng kể ngọt ngào, âu yếm, còn bà vợ chạy lui chạy tới, quay trước quay sau, hai bàn tay không lúc nào ngưng nghỉ, chốc chốc lại quay mặt về phía chồng, hỏi một cách ngây thơ, một cách nũng nịu : "Lại ra thế hả ông ?", "Con người đẹp thế, tốt thế lại phận bạc ông nhỉ ?" Ăn cơm xong, ông ngồi hút thuốc lá, bà ngồi sát cạnh, đặt bàn tay gầy guộc nhăn nheo lên đùi chồng, ông chồng nắm chặt lấy bàn tay ấy, nắm bóp các ngón và trò chuyện với tôi, thỉnh thoảng lại hỏi vợ : "Ngón tay bà sao lạnh thế, lòng bàn tay cũng lạnh, bà đưa hộp dầu tôi xoa cho".**

Lạy trời cho anh chị tôi được sống thêm mươi năm nữa, cho đời thêm ấm áp, thêm đẹp. Và tôi thầm cảm ơn chị Đại, một bà chị hễ mở miệng nói là ai cũng ngán nhưng ai cũng thương vì khẩu xà mà tâm Phật. Chỉ có cái tâm tốt của con người mới l**àm nẩy nở được những cái mầm yêu thương đang bị thui héo ở đâu đó.**

Một Người Hà Nội

I

Chúng tôi gọi là cô, cô Hiền, là chị em đôi con dì ruột với mẹ già tôi. Năm 1955, tôi từ kháng chiến trở về một Hà Nội nhỏ hơn trước, vắng hơn trước, còn họ hàng chỉ còn lại có dăm gia đình, vì chồng và con đều đi theo cách mạng. Cô Hiền cũng ở lại, dầu cô chú vẫn sống ở Hà Nội suốt chín năm đánh Pháp, các con lại còn nhỏ, chả có dính líu gì đến chính phủ "ngoài kia" cả. Họ ở lại chỉ vì không thể rời xa Hà Nội, không thể sinh cơ lập nghiệp ở một vùng đất khác. Lại thêm, chú tôi làm nghề giáo học, một ông giáo dạy cấp tiểu học, là người cần thiết cho mọi chế độ, chế độ cộng sản cũng phải khuyến khích trẻ con đi học, học văn hóa và học làm người. Còn chính trị chính em là những lứa tuổi trên, học sinh tú tài và sinh viên đại học. Tính thế là đúng nhưng tôi vẫn lo, thật ra không có gì đáng để phải lo, nhưng tôi vẫn nghi ngại gia đình này rất khó gắn bó với chế độ mới và chế độ mới cũng không thể tin cậy được ở họ. Là vì họ ở rộng quá, một tòa nhà tọa lạc ngay tại một đường phố lớn, hướng nhà nhìn thẳng ra cây si cổ thụ và hậu cung của đền Ngọc Sơn. Với người vô sản, ở quá rộng là một cái tội, trong khi cán bộ và gia đình họ phải ở chen chúc trong những khu nhà tập thể, có khi phải ở ngay dưới gầm cầu thang của nhà bạn bè. Cái mặc cũng sang trọng quá. Mùa đông ông mặc áo ba-đờ-xuy, đi giày da, bà mặc áo măng-tô cổ lông, đi giày nhung đính hạt cườm. Lại cái ăn nữa cũng không giống với số đông. Bàn ăn trải khăn trắng, giữa bàn có một lọ hoa nhỏ, bát úp trên đĩa, đũa bọc trong giấy bản và từng người ngồi đúng chỗ đã quy định. Gia đình tôi thì ăn uống bình dân hơn, vợ chồng con cái ngồi súm sít quanh cái mâm nhôm, thức ăn có khi múc ra đĩa, có khi cứ để nguyên trong nồi, nồi lớn đặt giữa mâm, nồi nhỏ đặt cạnh mâm, cứ việc sục muôi vào, sục đũa vào, vừa ăn vừa quát con mắng cái, nhồm nhoàm, hả hê, không cần phải theo bó một quy tắc nào cả. Ăn cốt để sống, để làm việc, hay hớm gì cái thứ lễ nghi của... giai cấp tư sản. Tôi không dám thốt ra miệng nhưng vợ chồng vẫn bảo riêng nhau : "Cô Hiền đích thị là tư sản rồi. Đã là tư sản thì không thể tin cậy được. Việc mình mình biết, việc cô mặc cô, dính líu nhiều có ngày lại rắc rối".

II

Đã là người gốc Hà Nội thì không thể không nghe nói tới sự giàu có lương thiện của cụ Tú Dâu Hàng Bạc, là nhà ở cuối Hàng Bạc đầu Hàng Mắm Xưa kia đất ấy là bến sông, mành Nghệ An chở nước mắm ra đổ tại bến và bốc ngay lên nhà. Nước mắm đổ vào các kiệu chôn chìm trong đất, mỗi lần thay phải dùng khăn bông trắng lau chùi sạch. Một dãy nhà chôn kiệu nước mắm và một gian nhà để tiền, tiền kẽm, mang một quan tiền kẽm đã phải vác vai. Cụ Tú đậu tú tài khoa thi hương cuối cùng khi tuổi đã lớn, sau đó là bỏ hẳn bút lông để theo bút sắt. Cụ Tú ngâm thơ vịnh nguyệt, ăn ở giao tiếp theo kiểu cách nhà quan, dạy con cái cũng theo khuôn phép nhà quan là cái phần hào nhoáng của gia đình. Còn cái phần căn cốt, cái phần được người đời trọng thực nể thực, cái gian nhà tiền ấy đều do hai bàn tay đảm đang của vợ gây dựng nên. Bà chỉ buôn có nước mắm thôi. Thơ của cụ Tú được bạn bè khen nịnh chẳng qua là nhờ ở cái mùi nước mắm Nghệ, nhờ ở cái mùi tiền từ các kiệu nước mắm, con cháu sau này vẫn đùa vụng thế. Bà Tú Dâu là em ruột bà ngoại tôi và là chị ruột mẹ cô Hiền. Hình như cả ba chị em đều lớn lên ở Hà Nội cùng một thời, cái thời Pháp mới sang, phố phường còn là nhà lá, nhưng chỉ có bà Tú là tiếng tăm hơn cả. Nhìn những tấm ảnh các cụ chụp từ đầu thế kỷ mà cảm động. Các cụ đều không được đẹp, mặt vuông trán ngắn, mắt hẹp và dài, lại hơi xếch một chút, gò má thì cao. Cả ba cụ đều ăn mặc theo cái mốt của thời ấy : khăn vấn bỏ đuôi gà, áo tứ thân bằng hàng tơ dệt thưa gọi là xuyến, mặc quần lĩnh Bưởi và đi hài. Ba bà đặc nhà quê nhưng lại đẻ ra một loạt con gái rất tân thời. Khoảng cuối những năm ba mươi, mẹ già tôi vẫn để răng đen, nhưng đã vấn tóc trần, đeo kiềng cổ và vòng tay bằng vàng chạm vừa thô vừa nặng. Cô Hiền vào những năm ấy đã cạo răng trắng và uốn tóc, mặc quần áo đồng màu, hoặc đen hết, hoặc trắng hết. Còn nữ trang đã biết dùng đồ ngọc, bạch kim và hạt xoàn. Cũng vào những năm ấy có một số gia đình công chức cao cấp và quan lại, có cả mấy nhà buôn bán tơ lụa, thuốc bắc, kim hoàn, cho con gái lớn mở phòng tiếp khách văn chương, gọi là salon littéraire để mời gọi mấy anh văn sĩ, thi sĩ mới nổi và các cậu sinh viên

cao đẳng. Khách văn chương là cái khung phải có, còn đám công tử một mai sẽ thành quan đốc, quan trạng, quan huyện mới là những nhân vật chính của mọi mộng mơ theo kiểu Tự lực văn đoàn. Ngôi nhà của cô Hiền cũng là một salon nổi tiếng, không phải vì bố mẹ giàu hoặc sang mà vì có con gái lớn quá đẹp, vừa đẹp vừa thông minh, biết cách tự khoe bằng những mẩu chuyện rất duyên dáng của mình. Tôi sở dĩ biết vô ối chuyện vặt vãnh của mấy ông Lan Khai, Đái Đức Tuấn tức Tchya, Phùng Tất Đắc, Lê Văn Trương, Hồ Dzếnh... là do cô tôi kể lại cả. Ông Trương còn nhờ cô đọc giùm bản thảo của nhiều cây bút chưa thành danh, một phần vì tin ở tài thẩm định văn chương của cô, phần nữa cũng vì ông bận quá : bận viết, bận hút và bận cách làm giàu. Tôi hỏi đùa : "Vậy cái ông Nam Cao là do cô tìm được ra phải không ?" Cô trả lời rất nghiêm trang : "Ông Lê Văn Trương tìm ra. Là do ông nằm hút thuốc phiện ở nhà Trác Vỹ, tiện tay với lấy một chồng bản thảo để kê đầu, rồi tiện tay lôi ra một tập để đọc, cái tập ấy có tên "Cái lò gạch" do một cây bút hoàn toàn vô danh viết ra".

III

Được sống năm đầu ở Hà Nội vừa giải phóng với lứa tuổi chúng tôi ngày ấy mới hăm bốn hăm nhăm cái xuân xanh, là cực kỳ khoan khoái. Chín năm xa phố phường, xa ánh điện, không được vào rạp xem chiếu bóng hoặc cải lương**, không được vào một cái chợ đông người giữa ban ngày, bây giờ mỗi ngày đều ở Hà Nội, mỗi đêm đều ở Hà Nội, mãi mãi còn ở Hà Nội. Chúng tôi thì vui thế, tại sao những người vốn sống ở Hà Nội chưa thật vui nhỉ ? Họ đang tìm cách thích ứng với chế độ mới, cách sống, cách làm việc, cả cách nói năng nữa. Một lần tôi đến thăm cô chú, thằng em trai đã 14, 15 tuổi chạy ra mở cửa rồi kêu ầm lên : "Mẹ ơi ! Đồng chí Khải đến". Cô tôi cau mặt gắt : "Phải gọi là anh Khải, hiểu chưa ?" Bất đồ chú tôi cũng bước tới, nắm tay tôi rồi hỏi hồn nhiên : "Tại sao chủ nhật trước đồng chí không ra chơi, cả nhà chờ cơm mãi". Cô tôi thở dài, quay người đi. Tôi nói : "Nước được độc lập vui quá cô nhỉ ?" Cô trả lời : "Vui hơi nhiều, nói cũng hơi nhiều, phải nghĩ đến làm ăn chứ ?" Theo cô, chính phủ can thiệp vào nhiều việc của dân**

quá, nào phải tập thể dục mỗi sáng, phải sinh hoạt văn nghệ mỗi tối, vợ chồng phải sống ra sao, trai gái phải yêu nhau như thế nào, thậm chí cả tiền công xá cho kẻ ăn người ở. Về sau tổ dân phố lại vận động nhau không nên nuôi người ở. Nhà này trước đây có hai người ở, một anh bếp và một chị vú. Chị vú là vợ anh bếp, đẻ được đứa con nào lại đưa về quê cho bà ngoại nuôi. Sau ngày giải phóng cô tôi cho anh bếp về quê làm ruộng, còn chị vú vẫn ở lại, vì chủ tớ còn cần dựa vào nhau. Mỗi ngày chị đi chợ, đều có cán bộ bám theo, dò hỏi : "Chị có bị nhà chủ hành hạ không ? Tiền công có đưa đều đặn không ? Thái độ chính trị của họ là như thế nào ?" Chị vú gắt ầm lên : "Nếu họ không tử tế tôi đã xéo đi từ lâu rồi không cần anh phải xui". Chị ta kể lại chuyện đó cho cả nhà nghe, bình luận : "Cách mạng gì toàn để ý đến những chuyện lặt vặt!". Bây giờ thì chị vú đã mất rồi, về quê được bốn năm thì mất. Chị trông con cho bà cô tôi từ năm 19 tuổi đến năm 45 tuổi mới về quê, tình nghĩa như người trong họ. Anh chồng không lấy vợ khác vì các con đã trưởng thành, anh làm chủ nhiệm một cửa hàng mua bán của xã, ngày giỗ ông chú và ngày tết đều đem gạo, đậu xanh, miến và rượu, toàn của nhà làm cả, lên biếu cô và các em.

IV

Trong lý lịch cán bộ tôi không ghi tên cô Hiền. Họ thì xa, bắn súng đại bác chưa chắc đã tới, huống hồ còn là bà tư sản, dính líu vào thêm phiền. Tôi vẫn đinh ninh cô phải thuộc giai cấp tư sản vì cô có gương mặ**t đặc biệt là tư sản, càng già lại càng rõ. Tôi hỏi cô :**

- Tại sao cô không phải học tập cải tạo, cô giấu cũng tài nhỉ?

Cô Hiền cười rất tươi :

- Tao chưa đủ tiêu chuẩn.

Tôi cũng cười :

- Lại còn chưa đủ.

Cô nói thản nhiên :

- Tao có bộ mặt rất tư sản, một cách sống rất tư sản, nhưng lại không bóc lột ai cả **thì làm sao thành tư sản được.**

Tôi nín lặng vì đó là sự thật. Cửa hàng của cô chỉ bán có một thứ : hoa giấy, các loại hoa giấy và các lẵng hoa đan bằng tre, thêm ít bưu ảnh và sổ tay kỷ niệm. Hoa làm rất đẹp, bán rất đắt, nhưng chịu thuế rất nhẹ, chỉ có **một mình cô làm, các con thì chạy mua vật liệu, hoặc làm giúp phần cuống lá vào dịp Tết ta và Tết tây. Nhiều bà bạn cũng tỏ ý ngờ vực : "Trông bà như tư sản mà không bị học tập cũng lạ nhỉ?". Cô tôi trả lời thật nhẹ nhàng : "Các bà không biết nhưng nhà nước lại rất biết". Tất nhiên là cô khôn hơn các bà bạn của cô và cũng thức thời hơn ông chồng. Sau ngày Hà Nội giải phóng cô vẫn có hai dinh cơ, một nhà đang ở và một nhà ở Hàng Bún cho thuê. Ông làm nghề dạy học, con đông, đủ ăn là may, có tiền dư để tậu nhà là do ông viết sách giáo khoa cấp tiểu học, được Nha Học chính công nhận và cho in bán. Năm 56, cô bán ngôi nhà ở Hàng Bún cho một người bạn mới ở kháng chiến về. Một năm sau có một cán bộ đến hỏi về nhà cửa và có nhắc tới ngôi nhà ở Hàng Bún. Cô trả lời tỉnh khô : "Xin mời anh tới ngôi nhà anh vừa nói, hỏi thẳng chủ nhà xem họ trả lời ra sao. Nếu còn thắc mắc xin mời anh trở lại". Cũng trong năm 56, ông chú tôi muốn mua một cái máy in nhỏ để kinh doanh trong ngành in vì chế độ mới không cho phép ông mở trường tư thục. Bà vợ hỏi lại : "Ông có đứng máy được không ?" - Ông chồng trả lời : "Không" - "Ông có sắp chữ được không ?" - "Không"- "Ông sẽ phải thuê thợ chứ gì. Đã có thợ tất có chủ, ông muốn làm một ông chủ dưới chế độ này à ?" Ông chồng tính vốn nhát, rút lui ngay. Cô kết luận với tôi : "Chế độ này không thích cá nhân làm giàu, chỉ cần họ đủ ăn, thiếu ăn một chút càng hay, thiếu ăn là vinh chứ không là nhục, nên tao chỉ cần đủ ăn". Làm hoa giấy không thể làm giàu được nhưng rất đủ ăn, lại nhàn, lại không phải lo sợ gì. Tôi hỏi lại : "Còn chú, còn các em ?" - "Chú tuy chưa già nhưng đành để ngồi chơi, các em sẽ đi làm cán bộ, tao sẽ phải nuôi một lũ ăn bám, dầu họ có đủ tài để không phải sống bám".**

V

Cô Hiền bên ngoại, chị Đại bên nội là những người đàn **bà có đầu óc rất**

thực tế. Mọi sự mọi việc đều được các bà tính toán trước cả. Và luôn luôn tính đúng vì không có lòng tự ái, sự ganh đua, thói thời thượng chen vô. Không có cả sự lãng mạn hay mộng mơ vớ vẩn. Đã tính là làm, đã làm là không thèm để ý đến những đàm tiếu của thiên hạ. Cô tuyên bố thẳng thừng với tôi : "Một đời tao chưa từng bị ai cám dỗ, kể cả chế độ". Gần ba chục tuổi cô mới đi lấy chồng, không lấy một ông quan nào hết, cũng chẳng hứa hẹn gì với đám nghệ sĩ văn nhân, đùa vui một thời còn son trẻ thế là đủ, bây giờ phải làm vợ làm mẹ, cô chọn bạn trăm năm là một ông giáo cấp tiểu học hiền lành, chăm chỉ khiến cả Hà Nội phải kinh ngạc. Có gì mà kinh ngạc, cô đã tính trước cả. Sau khi sinh đứa con gái út, người con thứ năm, cô nói với chồng : "Từ nay là chấm dứt chuyện sinh đẻ, bốn mươi tuổi rồi, nếu ông và tôi sống đến sáu chục thì con út đã hai mươi, có thể tự lập, khỏi sống bám vào các anh chị". Là thôi hẳn. Cô bảo tôi : "Mày bắt nạt vợ mày quá, không để nó tự quyết định bất cứ việc gì, vậy là hỏng. Người đàn bà không là nội tướng thì cái gia đình ấy cũng chẳng ra sao". Khi các con còn nhỏ, ngồi vào bàn ăn cô thường chú ý sửa chữa cách ngồi, cách cầm bát cầm đũa, cách múc canh, cả cách nói chuyện trong bữa ăn. Cô vẫn răn lũ con tôi : "Chúng mày là người Hà Nội thì cách đi đứng nói năng phải có chuẩn, không được sống tùy tiện, buông tuồng". Có lần tôi cãi : "Chúng tôi là người của thời loạn, các cụ lại bắt dạy con cái theo thời bình là khó lắm". Cô ngồi ngẫn ra một lúc, rồi bảo : "Tao chỉ dạy chúng nó biết tự trọng, biết xấu hổ còn sau này muốn sống ra sao là tùy".

Đầu năm 1965, Hà Nội có đợt tuyển quân vào chiến đấu trong Nam, là đợt đầu tiên nên tuyển chọn rất kỹ càng, lứa tuổi từ 18 đến 25, diễn viên cải lương và kịch nói có, nhạc sĩ có, họa sĩ **có, giáo viên trung học rất đông, là những chàng trai ưu tú của Hà Nội. Nghe nói khoảng 660 người. Người con trai đầu của cô Hiền vừa tốt nghiệp trung học, tình nguyện đăng ký xin đi đánh Mỹ. Tháng 4 năm 1965, lên Thái Nguyên huấn luyện. Tháng 7 rời Thái Nguyên vào Nam. Họ dừng lại ở Hà Nội vài giờ vào lúc tối, nhưng không một ai biết. Tôi hỏi cô : "Cô bằng**

lòng cho em đi chiến đấu chứ ?" Cô trả lời : "Tao đau đớn mà bằng lòng, vì tao không muốn nó sống bám vào sự hy sinh của bạn bè. Nó dám đi cũng là biết tự trọng". Ba năm cô không nhận được tin tức gì về đứa con đã ra đi, lại đến thằng con kế làm đơn xin tòng quân, cũng đòi vào chiến trường phía trong để gặp anh, nếu anh đã hy sinh thì nối tiếp chí hướng của anh. Tôi hỏi lại cô : "Cô cũng đồng ý cho nó đi à ?" Cô trả lời buồn bã : "Tao không khuyến khích, cũng không ngăn cản, ngăn cản tức là bảo nó tìm đường sống để các bạn nó phải chết, cũng là một cách giết chết nó". Rồi cô chép miệng : "Tao cũng muốn được sống bình đẳng với các bà mẹ khác, hoặc sống cả hoặc chết cả, vui lẻ thì có hay hớm gì". Cũng may chú em tôi học rất giỏi, thi vào đại học với số điểm cao, nên nhà trường giữ lại. Tôi đến chúc mừng cô và em, cô nói : "Hiện tại thì nó may hơn anh nó, nhưng nếu anh nó còn sống thì cũng chưa biết đứa nào may hơn đứa nào". Cô tôi tính toán việc nhà việc nước đại khái là như thế.

VI

Tháng 12 năm 1975, cô Hiền cho con gái xuống nhà gọi vợ chồng tôi tới ăn liên hoan mừng em Dũng đã về. Cô nói: "Nó đeo ba lô bước vào đến giữa nhà tao còn hỏi, anh muốn mua gì ?" **Tôi cũng không thể nhận ra nếu được gặp đồng chí thượng úy này ở đâu đó. Gầy ốm quá, da đen quá, râu ria cũng nhiều quá, chẳng còn tí dấu vết gì là một chàng trai của Hà Nội. Trong mấy chục năm sống dưới chế độ ta, mỗi tháng cô đều tổ chức một bữa ăn bạn bè, gồm các cựu công dân Hà Nội, những tên tuổi đã thành danh của đất kinh kỳ. Khoảng mươi, mười lăm người gì đó. Cửa hàng đóng từ chiều, các bà lần lượt đến trước, xông ngay vào bếp cùng làm cơm, các ông đến sau, mũ dạ, áo ba-đờ-xuy, bỏ áo khoác ngoài bên trong còn mặc đồ bộ, thắt cà-vạt, nhưng đã sờn bạc cũ kỹ. Tiệc đã bày xong, vẫn chỉ có mấy ông ngồi tán suông chứ chưa thấy các bà. Rồi cửa trong mở, bà chủ xuất hiện trước như diễn viên trên sân khấu, lược giắt trâm cài hoa hột lấp lánh, rồi một loạt bảy tám bà tóc đã bạc hoặc nửa xanh nửa bạc, áo nhung, áo dạ, đeo ngọc đeo**

dây đi lại uyển chuyển. Ngày thường các bà mặc áo bông ngắn, quần thâm, đi dép hoặc đi guốc, vuông khăn len tơi tớp buộc quanh cổ hay bịt đầu, là các cô Lọ Lem của mỗi ngày, có phải nói chuyện mình cũng dễ ăn nói buông tuồng, thiếu ý tứ. Tất cả là bình dân, tất cả đều có quyền ăn nói thô tục. Còn lúc này, toàn là những người quí phái mình phải xử sự ra sao nhỉ? Cô hỏi tôi : "Xã hội nào cũng phải có một giai tầng thượng lưu của nó để làm chuẩn cho mọi giá trị. Theo anh, ở xã hội ta thì là tầng lớp nào ?". Tôi cười phá lên : "Thưa cô, là bọn lính chúng tôi, là giai cấp lính chúng tôi, chứ còn ai nữa". Cho nên cái mùi lính tráng thâm nhiễm vào mọi nơi mọi chỗ, quan hệ kiểu lính, vui chơi kiểu lính, ăn nói kiểu lính, văn chương cũng là một mùi lính. Là người lính vừa chiến thắng, người lính đang được cả xã hội trọng vọng. Còn bây giờ, sau bữa tiệc mừng đại thắng mười lăm năm, tầng lớp lính đã mất ngôi vị độc tôn của mình rồi. Bây giờ là thời của các giám đốc công ty, các tổng giám đốc công ty, các cố vấn, chuyên viên kinh tế thật giả đủ loại lên ngôi ban phát mọi tiêu chuẩn giá trị cho cả xã hội. Tôi xin trở lại cái bữa tiệc của buổi tối hôm ấy, bữa tiệc của mấy người thượng lưu của Hà Nội đã mất ngôi tiếp đãi, chiều nịnh hai anh bộ đội từ một thành phố lớn nhất nước trở về. Nói cho thật, Dũng là nhân vật chính, còn tôi chỉ là một loại nhân vật phụ, ghé gẩm vào cái vinh quang chung mà thôi. Trong bữa tiệc hình như tôi nói có hơi nhiều, nói về thành phố Sài Gòn rộng hơn, đông hơn, đẹp hơn cái Hà Nội của mình, về người dân Sài Gòn cũng lịch thiệp nhã nhặn hơn người dân Hà Nội. Những người ngồi nghe đều nín lặng, không một ai hỏi lại, không một ai bình phẩm gì thêm. Tôi đã nói điều gì thất thố ? Một ông già hướng mặt về phía Dũng bảo: "Đồng chí bộ đội có chuyện gì vui kể nghe nào?" Dũng nói : "Thưa các bác, chỉ có những chuyện không được vui lắm". Một bà nói : "Cứ nói, người ở xa về có quyền muốn nói gì thì nói" Dũng nói rằng trong nửa năm nay anh không ngớt nghĩ về những người từ Hà Nội ra đi cách đây đúng mười năm. Sáu trăm sáu mươi người, bây giờ còn lại khoảng trên dưới bốn chục. Anh kể về một người bạn cùng trung đoàn, cùng một cấp thượng úy, tên là Tuất. Khi

chuyến tàu từ Thái Nguyên tiến vào ga Hà Nội đã gần nửa đêm. Vừa mưa to xong, ánh điện lòe nhòe trên lá cây, trên những mặt đường vắng hun hút, trên sân ga Hà Nội. Tàu vừa dừng lại thì từ đâu đó bật lên tiếng loa rất sâu, rất vang : "Quí khách chú ý ! Quí khách chú ý ! Chuyến tàu từ Thái Nguyên...". Tuất ngồi cạnh Dũng chợt nhoài người qua mặt bạn, gần như đưa cả nửa thân người qua khuôn cửa sổ, hất mặt lên phía có tiếng loa kêu nho nhỏ: "Dũng ơi, Dũng, tiếng của mẹ mình đấy ! Tiếng của mẹ mình đấy !...". Không một ai được phép rời khỏi toa tầu, không một người thân nào được biết trước để chờ sẵn ở sân ga, để được nhìn nhau lần cuối, nói với nhau một lời cuối. Tất cả đều phải bí mật. Dũng kể tiếp:

- Thằng Tuất hy sinh ở trận đánh vào Xuân Lộc, trước ngày toàn thắng có mấy ngày. Cháu về Hà Nội **là muốn nhào ngay lại nhà ga, đến phòng phát thanh, gặp mẹ Tuất, nói với bà một lời, vì bọn cháu vẫn ở cạnh nhau trong suốt mười năm. Vậy mà phải mấy ngày sau cháu mới dám đến. Cháu biết nói thế nào với một bà mẹ có con hy sinh, mà bạn của con mình lại vẫn còn sống, sống đến bây giờ, đến hôm nay. Bà bước ra giữa một đám đông nhưng cháu vẫn nhận ngay được là mẹ của Tuất. Tuất vẫn nói là hắn giống mẹ hơn giống cha. Cháu chỉ vừa kịp nói : Thưa cô, cháu là Dũng... nước mắt đã đầm đìa, rồi cháu òa khóc y hệt một đứa trẻ. Bà níu chặt lấy một cánh tay của cháu nhưng không khóc. Và bà nói run rẩy : "Nín đi con, nín đi Dũng! Cô đã biết cả. Cô biết từ mấy tháng nay rồi".**

VII

Nhiều năm đã trôi qua. Tôi sống ở thành phố Hồ Chí Minh thỉnh thoảng có việc phải ra Hà Nội **đều ghé lại thăm cô Hiền. Chú tôi đã mất rồi. Các em đã có gia đình riêng. Chúng nó cũng đã bắt đầu già. Lớp các cụ trong họ chỉ còn vài người, cô Hiền là một. Cô đã yếu nhiều, đã già hẳn, ngoài bẩy mươi rồi còn gì, nhưng cô vẫn là người của hôm nay, thuần túy Hà Nội, không pha trộn. Nơi tiếp khách của cô sau tấm bình phong cao hơn đầu người bằng gỗ chạm suốt mấy chục năm không hề**

thay đổi. Một bộ sa lông gụ "cái khánh", cái sập gụ chân quì chạm rất đẹp nhưng không khảm, cái tủ chùa một cánh bên trong bày một cái lọ men Thúy Hồng, một cái lư đời Hán, một cái liễn hấp sâm Giang Tây và mấy thứ bình lọ màu men thì thường nhưng có dáng lạ, chả rõ từ đời nào. Cô đang lau đánh một cái bát thủy tiên men đỏ, hai cái đầu rồng gắn nổi bằng đồng, miệng chân cũng đều bịt đồng, thật đẹp. Bên ngoài trời rét, mưa rây lả lướt chỉ đủ làm ẩm áo chứ không làm ướt, lại nhìn một bà lão (nếu là một thiếu nữ thì phải hơn) lau đánh cái bát bày thủy tiên thấy tết quá, Hà Nội quá, muốn ở thêm ít ngày ăn một cái tết Hà Nội. Năm nay chắc chưa thể có thủy tiên. Dân Hà Nội nhảy tàu lên Lạng Sơn buôn bán đủ thứ mà lại không buôn được vài ngàn củ thủy tiên nhỉ ? Ví thử có thủy tiên liệu còn có người biết gọt tỉa thủy tiên? Lại thêm cái cách sống, cái tâm lý sống ồ ạt, xô bồ, vụ lợi của đám người vừa thoát khỏi cái chết cái khổ đã dễ gì có được sự bình tĩnh để thưởng thức vẻ đẹp trang trọng của một rò hoa thủy tiên. Cô Hiền hỏi :

- Anh ra Hà Nội lần này thấy phố xá thế nào, dân tình thế nào ?

Tôi vừa cười vừa nói :

- Chưa bao giờ Hà Nội vui như bây giờ. Phố xá vui, mặt người vui.

- Nhiều người nói Hà Nội đã sống lại.

Tôi nói :

- Có đúng một phần, phần xác thôi, còn phần hồn thì chưa. Cứ nhìn nghe những người Hà Nội buôn bán, ăn uống, nói năng, cư xử với nhau ở ngoài đường là đủ rõ.

Nói thế cũng hơi nghiệt. Vì có mấy việc vừa xảy ra làm tôi tức, tức và đau. Tôi đạp xe ở đường Phan Đình Phùng, tôi đạp chậm, vừa đạp vừa nghĩ ngợi. Một ông bạn trẻ đạp xe như gió thúc mạnh bánh xe vào đít xe tôi, may **mà gượng kịp. Tôi quay lại nói cũng nhẹ nhàng : "Cậu đi đâu mà vội thế ?". Hắn không trả lời, đạp vượt qua xe tôi, rồi quay mặt lại chửi một câu đến sững sờ : "Tiên sư cái anh già !". Lại một buổi sáng tôi đến thăm một người bạn ở quận Đống Đa, đã lâu không đến nên quên đường, lát lát phải hỏi thăm. Có người trả lời, là nói sõng hoặc**

hất cằm, có người cứ giương mắt nhìn mình như nhìn con thú lạ. Tôi có than phiền với vợ chồng bạn về sự thiếu lễ độ của người Hà Nội, cô con gái đang cho con bú góp lời liền : "Ông ăn mặc tẩm như thế lại đi xe đạp họ khinh là phải, thử đội mũ dạ, áo ba-đờ-xuy, cưỡi con cúp xem, thưa gửi tử tế ngay". Tôi cười nhăn nhó: "Lại ra thế !". Cô Hiền không bình luận một lời nào về những nhận xét không mấy vui vẻ của tôi về Hà Nội. Cô than thở với tôi rằng dạo này cô thường nghĩ ngợi mọi chuyện một cách duy tâm, y hệt một bà già nhà quê. Mùa hè năm nọ, bão vào Hà Nội gào rú một đêm, sáng ra mở cửa nhìn sang đền Ngọc Sơn mà hãi. Cây si cổ thụ đổ nghiêng tàn cây đè lên hậu cung, một phần bộ rễ bật gốc chỏng ngược lên trời. Lập tức cô nghĩ ngay tới sự khác thường, sự dời đổi, điềm xấu, là sự ra đi của một thời. Với người già, bất kể ai, cái thời đã qua luôn là thời vàng son. Mỗi thế hệ đều có thời vàng son của họ. Hà Nội thì không thế. Thời nào nó cũng đẹp, một vẻ đẹp riêng cho một lứa tuổi. Cô nói với tôi thế, đã biết nói thế đâu phải đã già. Mấy ngày sau, cô kể tiếp, thành phố cho máy cẩu tới đặt bên kia bờ, quàng dây tời vào thân cây si rồi kéo dần lên, mỗi ngày một tí. Sau một tháng, cây si lại sống, lại trổ ra lá non, vẫn là cây si của nhiều thế hệ Hà Nội, nghĩ cứ lạ, tưởng là chết đứt bổ ra làm củi, mà lại sống. Cô nói thêm : "Thiên địa tuần hoàn, cái vào ra của tạo vật không thể lường trước được". Cô muốn mở rộng sự tính toán vốn đã rất khôn ngoan của mình lên thêm một tầng nữa chăng, cái tầng vô hình, không thể biết, nhưng phải biết là trên đời này còn có nhiều lý sự không thể biết để khỏi bị bó vào những cái có thể biết. Bà già vẫn giỏi quá, bà khiêm tốn và rộng lượng quá. Một người như cô phải chết đi thật tiếc, lại một hạt bụi vàng của Hà Nội rơi xuống chìm sâu vào lớp đất cổ. Những hạt bụi vàng lấp lánh đâu đó ở mỗi góc phố Hà Nội hãy mượn gió mà bay lên cho đất kinh kỳ chói sáng những ánh vàng.

19-1-1990

Đời Khổ

I

Năm 1961, vợ chồng tôi được quân đội cấp cho một căn nhà hăm mốt mét vuông ở khu tập thể Phúc Xá, là một rẻo đất bãi phía ngoài đê sông Hồng. Tôi sinh ra ở Hà Nội, mãi đến năm mười sáu tuổi mới rời Hà Nộ đi kháng chiến, trong từng ấy năm chưa bao giờ tôi bén mảng xuống vùng đất bãi của Hà Nội gồm mấy xã Phúc Tân, Phúc Xá, Nghĩa Dũng An Dương. Đó là vùng đất của dân nghèo, của trộm cướp và những phần tử bất hảo. Nghe các ông bà sống trong phố đồn đại thế nên cũng sợ. Nào ngờ mình sẽ phải sống ở đó những mấy chục năm, đẻ cả loạt con, viết cả loạt sách, thành dân làng Phúc Xá chính cống. Cái năm tôi về Phúc Xá là hai vợ chồng còn rất trẻ, một bà mẹ chưa già lắm và đứa con trai đầu mới lên ba tuổi. Lối vào khu tập thể là con đường đất nhỏ, một bên là hồ, một bên trồng mía, trời mưa dầm phải tụt dép bấm chân mà đi. Những dãy nhà một tầng xây đối nhau, mười hai gian một dãy, như trại lính, là trại vợ lính. Mỗi nhà có hai cửa ra vào, hai cửa sổ, một cái bếp và một nhà tắm chung cho hai hộ, mùi vôi mùi xi măng còn nồng lên. Mỗi dãy nhà đã có vài bốn gia đình dọn đến ở, chồng xách nước giội, vợ gò người lấy chổi rễ cọ nền, vừa làm vừa cười, rồi gọi mời nhau sang uống nước, hút thuốc, hả hê, khoan khoái vì đã có một mái nhà, đã mất rất nhiều tâm sức để có được một gian nhà.

Buổi tối đầu tiên được về ở nhà mới lại không có điện, các nhà đều thắp đèn dầu, chúng tôi không có đèn vì không nghĩ rằng còn phải thắp đèn, dọn cơm ra đầu hè ăn nhờ ánh đèn nhà hàng xóm. Bữa cơm đầu tiên nấu bằng nồi của mình, củi của mình, bếp của mình và dọn ăn bằng mâm, mẹ ngồi giữa, vợ chồng ngồi hai bên, thằng con vác bát chạy ra chạy vô trong gian nhà của nó, đến vui. Chuyện thường thế mà cũng vui được nhỉ ? Một gian nhà trống không, túi quần túi áo rỗng tuếch. Mọi thứ còn là trong tính toán, trong dự định, trong hy vọng, mà lại vui ! Nhiều năm sau, cái niềm vui xốn xang, mơ hồ của chờ đợi và hy vọng cái thuở tay trắng không thể có nữa. Nó đã ở phía sau. Nó đã thuộc về một thời. Tôi còn nhớ rõ đúng vào cái tối ấy, cái tối ăn cơm không đèn, một gương mặt nhìn không rõ ghé vào song cửa, một giọng nói lanh lảnh hỏi với vào : "Cô chú nào vừa đến lại đi rồi à ?" Người

hàng xóm có tính tò mò ấy là chị Vách.

II

Chị Vách hơn tôi một con giáp, răng đen và vấn khăn. Chồng chị là thiếu tá ở một học viện chính trị, hơn tôi khoảng mươi mười lăm tuổi. Cấp thiếu tá ngày **ấy là to lắm, là ước mơ gần như viển vông của đám thượng úy lau nhau. Tên ông thiếu tá là gì tôi không rõ, mặt ông tôi cũng quên, chỉ nhớ mang máng một người đàn ông có bộ dạng rất đứng đắn, có thể rất tốt bụng, nhưng không làm một việc gì, nói một lời nào để dãy xóm được nhớ. Mỗi lần gặp tôi ở đường, một năm khoảng đôi ba lần, ông đều chào trước, thân thiện và nhạt nhẽo : "Đồng chí khỏe không ? Tốt chứ ?" Với gia đình ấy vợ chồng tôi chỉ biết có chị Vách, ông thiếu tá chồng chị là ông Vách, các con chị một lũ lôi thôi, lôi thốc là con bà Vách. Chị Vách rất hợp chuyện với vợ chồng tôi, chị là người dưới quê mới theo chồng lên sống ở tỉnh, vợ tôi cũng thế. Chị là một cán bộ xã vùng địch hậu thời đánh Pháp, vợ tôi là du kích, rồi dân công gùi gạo theo bộ đội suốt mấy chiến dịch. Hai chị em mỗi lần được ngồi với nhau là dứt không ra. Chuyện đàn bà không đầu không cuối nhưng chị Vách đã lên tiếng, mình lại chót dại để tai nghe là cứ phải nghe đến cùng. Hết cả đọc, hết cả viết. Vì nó vui lắm, buồn cười lắm, cười đến đau cả ruột, đến não lòng.**

Tôi nói :

- Có một bà vợ vui tính như chị chắc ông ấy được cười cả ngày.

Chị Vách nói :

- Quân tử ẩn hình, tiểu nhân lộ tướng. Ông ấy vẫn phê bình tôi nói năng vô chính trị, không được chín chắn như các bà cán bộ ở tỉnh. Ng**ười ta có trình độ cao lỡ lấy phải vợ dại cũng là khổ tâm lắm. Thời trước thì họ đuổi mình ra đường rồi.**

Giàu vì bạn, sang vì vợ, có một bà vợ như tôi ông chồng cũng hóa hèn, chị nói thế. Nên không bao giờ chị dám đi cùng chồng ra ngoài, đến thăm ai chồng **đạp xe tới trước, vợ đi bộ tới sau, không xem hát, không xem chiếu bóng, chưa bao giờ tôi thấy vợ chồng họ đi sóng đôi cả. Mà chị**

đâu có xấu, là một phụ nữ xinh đẹp của một thời, gương mặt tươi tắn, cái miệng với hàm răng đen đầu đặn khi nói khi cười duyên dáng lạ lùng. Tôi hỏi, làm thế nào mà ông ấy lại vớ được chị nhỉ ? Là cái duyên may chú ạ, chị nói, người ta là cán bộ trên tỉnh hoạt động cách mạng từ thời bóng tối, mình chỉ là cô du kích ở làng, cách nhau như trời với đất, lấy được là mừng, có với nhau đã hai mặt con nghĩ lại vẫn còn mừng. Chị nói thêm, huống hồ tôi còn là người có tội, phải người chồng có máu ghen thì họ gọt tóc bôi vôi. Chuyện như sau, làng chị thời đánh Pháp là làng tề, hai đầu hai bốt, lính Tây ít, lính dõng nhiều, đĩ điếm là gái làng lên ngủ với Tây còn nhiều hơn. Chị phải đi phu nhưng vì có chút ít nhan sắc nên được giữ lại quét dọn trong đồn. Lính dõng ra đùa một câu, vào ghẹo một câu, chúng nó hát:

"Mẹ già khắc khoải đêm ngày
Anh đi ai cấy ai cày ruộng hoang
Người ta vì nước vì làng
Anh đi theo VẹM, ai mang tội này"

Có một anh cai, người xã dưới, bụng dạ tử tế, biết chị là vợ cán bộ, con lại còn nhỏ liền xui chị giả cách ốm rồi cho về. Lại còn cho tiền và một cân thịt bò nữa. Anh ta đẹp trai, có học, lại mới góa vợ nên trong làng cứ xì xầm chắc anh chị đã có tình ý với nhau, mấy đêm ở lại trên đồn, rơm kề lửa lại bảo không bén là khó tin lắm. Người làng thì khó tin, ông chồng về chỉ cười xòa không nói gì. Chị phục nhất là ông chồn**g không nói gì, chỉ cười, ăn ở với vợ vẫn như xưa, người có trình độ cao cư xử cũng có khác dân thường thật, chị nói thế. Riêng tôi là người hàng xóm chỉ thấy thương chị thêm, và lấy làm sợ cái ông chồng của chị, bụng bảo dạ: "Phải tránh xa ông này ra, ở gần có ngày mất mạng!".**

III

Chị Vách không biết chữ, đã là cán bộ phụ nữ xã mà không biết chữ, chỉ vạch được một chữ V thay chữ ký thôi. Một mình chị suốt những năm đánh Pháp vừa nuôi hai con, vừa nuôi mẹ chồng, mẹ ốm một mình chị chăm sóc, lúc chết một m**ình chị chôn cất ma chay. Mà vẫn không dám coi là có**

công, làm dâu, làm vợ, làm mẹ ắt phải thế, từ thời xửa thời xưa đã vẫn là thế.

Chị đẻ hai đứa con gái đầu, ông chồng vắng nhà vì phải đi đánh giặc. Đẻ hai đứa con trai sau, ông chồng cũng vắng mặt nốt vì phải đi công tác. Chị sanh không được thuận vì đã l**ớn tuổi, lúc sát dau, lúc băng huyết, chỉ có bạn bè xóm giềng tới thăm hỏi giúp đỡ, nằm dăm bảy ngày lại bò dậy ôm con ra viện, vài ngày sau đã giặt giũ, cơm nước, da mặt vàng ủng nhưng nụ cười vẫn tươi tắn. Nghe chị nói thì nhà chị có sáu người nhưng ăn hai mâm. Chồng một mâm, năm mẹ con một mâm riêng. Tiền nong chia đôi, tiêu cho chồng một nửa, năm mẹ con một nửa. Chị bảo, anh ấy phải làm việc trí óc nhiều, lại cao tuổi, lại lắm thứ bệnh không bồi dưỡng là nguy ngay. Còn năm mẹ con chị ăn sao cũng được, nông dân vốn nuôi dễ. Tôi nói : "Bà cứ bày vẽ, ông ấy không là nông dân thì là cái gì, là trí thức hả ?" Chị cười rất tươi: "Ông ấy học cao lắm chú ạ, một rương vàng không bằng một nang chữ. Một đời chỉ biết đánh giặc với đọc sách thôi". Tôi hỏi : "Ông ấy cũng được đi học à ?". Chị có vẻ giận : "Con địa chủ không được đi học thì ai được học. May mà ông bố đã phá tán hết cơ nghiệp, nếu không cũng bị đấu hồi cải cách rồi". Tôi cũng phải phì cười, thì ra lấy con ông địa chủ để được hầu vẫn cứ vinh hạnh hơn là lấy con ông nông dân để được bình đẳng.**

Chị Vách không biết chữ nên chị làm cấp dưỡng một bếp ăn tập thể của quân đội. Chị đi làm rất sớm và về rất muộn. Khi đi gánh đôi thùng không, khi về một bên là nước vo gạo, một bên là cơm thừa của bếp ăn tập thể. Cơm **nước lợn gà, hầu bố và trông các em trong một ngày chị đều phó mặc cho đứa con gái đầu. Một người vác cày, bảy người vác muỗng như chị thường nói. Năm tôi về ở Phúc Xá thì đứa con gái lớn của chị đã mười bốn, mười lăm tuổi. Con bé không được xinh, da đen, tay chân lòng khòng, cả ngày không nghe nó nói một câu, cứ lầm lì làm, hết làm thì lầm lì đứng một góc giương mắt nhìn xung quanh. Giống tính ông bố như hệt, nhưng nó không được học như bố nó, biết đọc biết viết thì thôi vì đông em qúa. Tôi hỏi chị Vách : "Tại sao chị không cho cháu đi học ?". Chị nói : "Con gái cần gì học nhiều", "Ông ấy không bắt nó đi**

học à ?" Lại thêm một dịp để chị khoe chồng : "Về đến nhà là vùi đầu đọc sách đọc báo, không hỏi đến vợ con được một câu". Tôi cười to : "Ông ấy cũng sướng nhỉ, sướng nhất khu đấy". Chị cũng cười : "Người khôn nhọc lo, người dại ăn no lại nằm. Tôi mới là sướng chú chú".

Nói đến thế là hết.

IV

Năm 1965, Mỹ ném bom miền Bắc, dân Hà Nội phải sơ tán về nông thôn. Các con tôi và con chị Vách đều ở cùng một trại trẻ của quân đội. Chúng tôi mới có hai con, lại có mẹ tôi đi cùng, tiền tiêu cũng dư dật. Chị Vách những bốn con, mỗi con phải nộp một suất tiền cho trại, ông chồng lấy một phần lương để đi theo cơ quan**, chị ở Hà Nội cũng phải có phần chi tiêu của mình nên tốn quá. Và túng quá. Về sau chị phải xin với trại cho các con được ăn riêng, con chị thổi nấu cho các em ăn, gạo chị đưa lên, dầu đốt đưa lên, thức ăn khô làm sẵn đưa lên, lấy cái vất vả của mình để bù vào sự thiếu thốn. Và chị vẫn nuôi hai con lợn. Chỉ nhìn chị đi lại vợ chồng tôi cũng chóng cả mặt. Mỗi năm qua đi, người chị càng sắt lại, da xạm lại nhưng vẫn rất khỏe, suốt mười mấy năm ở cùng một dãy chưa bao giờ nghe nói chị đau mệt hay cảm cúm. Có điều chị ít nói hơn, thời giờ rỗi để trò chuyện với các cô em hầu như không có, vừa làm vừa nói, vừa chạy vừa nói. Trong một lần vừa chạy vừa nói chị báo tin cho tôi biết ông chồng chị phải nằm bệnh viện vì huyết áp lên cao. Bệnh huyết áp là bệnh của trí thức chứ mấy khi là bệnh của nông dân. Người ngoài nhìn vào gia đình chị đều lấy làm lo nhưng chị lại như không hề lo. Chồng thì như ông thánh ông thần, hai đứa con gái mỗi đứa mỗi tật, hai thằng con trai càng lớn càng lêu lổng, học đã không ra gì còn có tật hay ăn cắp vặt. Vậy mà người mẹ thản nhiên như không. Đàn bà gì lại vô lo vô nghĩ đến thế. Tôi hỏi chị : "Ông bà nuôi con như cỏ dại, cứ mặc nó tự ăn tự lớn, không dạy dỗ gì cả sao ?" Chị nói : "Làm có chúa, múa có trống, một mình tôi dạy con ở quê thì được, chứ dạy con ở tỉnh thì biết dạy những gì". Tôi nói : "Dạy con ở quê là dễ à ?" Chị nói : "Dễ lắm chú ạ, cổ lệ đã sẵn có, cứ theo thế mà làm".**

Chiến tranh ngày một gay gắt, các gia đình trong dãy tôi ở mỗi nhà mỗi phương, thi thoảng mới có người về quét dọn qua quít, ngủ lại một đêm, sáng hôm sau lại đạ**p xe đi sớm. Lần nào tôi về đi qua nhà chị Vách đều thấy sáng đèn, ngủ được một giấc dậy đi tiểu, nhìn ra cái sân chung phía sau vẫn thấy chị cầm cái đèn con bước ra bước vào như không hề ngủ. Với chị chẳng có chiến tranh, chẳng có bom đạn, mọi tâm trí đều hướng về ông chồng đau yếu ở một nơi, và sự chi tiêu cho lũ trẻ ở một nơi. Chị không có ý thức về sự tồn tại của chính mình, chị quen sống trong phục tùng, trong phụ thuộc. Chồng không tính được thì trời tính, còn chị chỉ làm thôi, làm không biết đến mệt nhọc, đến đau ốm, đến nguy hiểm. Có hai năm tôi dọn tạm về Lò Đúc ở nhờ nhà thằng em, không về Phúc Xá một lần nào. Đầu năm 73, đất nước tạm thời ngưng bom đạn, tôi lại trở về nơi ở cũ mới được biết ông trung tá chồng chị Vách đã mất. Ông bị tai biến mạch máu não phải nằm liệt tới một năm mới mất.**

V

Ông trung tá mất, gia đình chị Vách hầu như chẳng có gì thay đổi, tuy sự chi tiêu có bị thiếu hụt khoảng năm sáu chục bạc là cái phần lương ông chồng dành cho gia đình. Xưa nay nhà ấy chỉ có người làm người ăn mà không có người chỉ huy. Người chỉ huy luôn luôn là cái hoàn cảnh, cứ tùy thời mà ứng phó. Cái được cái mất hoàn toàn phụ thuộc vào phúc phận của gia đình chị, sự may rủi của từng người và mỗi ngày. Như cây cỏ phụ thuộc vào thời tiết. Chị khoe với tôi**: "Tôi vừa được món tiền lớn chú ạ, nhưng là ăn cắp của chính phủ". Tôi cười : "Đã ăn cắp lại còn khoe". Chị kể, cái bữa đến phòng Thương binh Xã hội của Hà Nội làm lương tử tuất thì anh cán bộ lại đưa luôn cả tiền truy lĩnh hai tháng lương của ông chồng sau khi mất. Số tiền đó chị đã cầm một lần rồi do cơ quan của chồng đưa. Là cầm hai lần tiền, những sáu trăm bạc. Chị nói : "Tự giác trả thì tôi không trả vì nhà túng quá, nhưng tiêu ngay cũng không dám, nhỡ họ nhớ ra đòi lại thì mình vẫn còn tiền". Đứa con gái lớn đã hăm nhăm tuổi, cao ngỏng cao ngòng, vừa gầy vừa đen, mặt mũi vẫn**

lầm lì. Nó xin được làm công nhân cho một tổ hợp dệt ở phố hàng Quạt. Con em nó mang tật từ nhỏ, đi một bước nhảy một bước, người lệch hẳn một bên như con chim sẻ xõa cánh, ở nhà cơm nước lợn gà. Thằng con trai đầu đã mười bảy tuổi, bỏ học nửa chừng, theo bạn đi buôn, vốn liếng của nhà, lúc trở về vốn mất đằng vốn lãi mất đằng lãi, lại nằm dài ăn bám mẹ. Trong bốn đứa con may ra được thằng út, nó giống với số đông, không giỏi không ngu, đi học mỗi năm một lớp. Năm 1975, cuộc chiến tranh dài ba mươi năm kết thúc, cả nước hòa bình, chị Vách thay áo cho chồng, đưa hài cốt về quê. Đúng một năm sau ngày cất mả bố thì thằng con trai lớn bị chứng động kinh. Đang khỏe mạnh hẳn hoi bỗng dưng nó ngã xoài ra giữa đường, mắt trợn trắng, miệng ngầu bọt. Rồi nó tỉnh lại, ăn uống đi lại như thường nhưng không nói nữa. Chỉ cười thôi. Mẹ nó khóc còn nó thì cười. Chỉ trong có một tháng người chị gầy rộc hẳn, già hẳn, chị nhìn nó khóc : "Con thằng da bụng mẹ trùng da mắt, nuôi con hai chục năm trời mà con trả công cha nghĩa mẹ thế này ư ?" Nó nhíu mày như chợt nhớ một điều gì rồi da mặt lại dãn ra như đã quên hết, và nó lại cười, mắt nó nhìn vẫn khôn, cái cười cũng khôn cứ như người giễu, thoạt gặp không thể tin thằng bé bị mất trí. Lại là đứa có gương mặt trí thức nhất nhà, vóc dáng cũng đẹp, hai bàn tay rất đẹp, bàn tay của anh trí thức chứ không phải của ông nông dân, mà lại điên, ông trời chơi khăm quá. Hai năm 76 và 77 các dãy nhà trong khu tập thể xôn xao những tính toán, những dự định để đổi đời, để thoát khỏi những thiếu thốn đã giày vò từng gia đình trong suốt mấy chục năm qua. Điện vẫn vàng vọt, nước vẫn nhỏ giọt nhưng mặt người đã rạng rỡ vì bao nhiêu hy vọng. Chỉ tội nghiệp chị Vách, chiến tranh hay hòa bình chẳng liên can gì đến số phận riêng của chị. Thằng con mà vợ chồng chị hy vọng sẽ nối được nghiệp nhà đã mất trí, đã hóa điên. Năm đầu thằng bé bị bệnh chị bán luôn đôi bông tai hai chỉ vàng để thuốc thang ở nhà. Năm sau bệnh vẫn không khỏi, chị phải đưa con đi trại điên ở Châu Quì. Nó ở có một tháng thì trốn về, về đúng nhà. Nó vẫn nhớ đường đi lối lại đâu có điên hoàn toàn. Suốt mấy năm hai mẹ con cứ vật lộn với nhau, con trốn về

mẹ lại đưa sang, khóc lên khóc xuống, rồi van lạy, rồi gào thét, nó vẫn mủm mỉm cười, bất thần trở về, bất thần lẻn đi, người mẹ tả tơi như nắm giẻ cứ quay tròn quanh thằng con dại, quay mãi không có cách gì dừng lại được.

VI

Đã nhiều năm trôi qua, gia đình tôi không còn ở bãi Phúc Xá nữa, đôi ba năm có dịp về Hà **Nội tôi lại xuống làng bãi thăm bạn bè và thăm chị Vách. Chị đã già nhiều, bảy chục tuổi còn gì, nhưng tóc vẫn đen, răng chưa rụng cái nào, đi lại nhon nhón. Người thế là khổ, các cụ vẫn nói thế. Thằng út đã lấy vợ, đã có một đứa con trai, vợ chồng nó lên một tầng lầu, còn nhà dưới dành cho mẹ và hai chị. Và một ông anh điên dại nữa. Tôi hỏi : "Chị chưa gả chồng cho cô nào à ?" Chị cười : "Một con sếu vườn, một con chích chòe có chó nó lấy. Làm bà cô thôi chú ạ, hai con bà cô, một thằng dở người, phúc phận nhà tôi to quá". Tôi ngồi trên giường, lưng quay ra cửa, cứ nhột nhột như có ai đang dòm mình, dòm đừ đỉnh đầu xuống. Tôi quay lại, ngước mắt lên, cách đã mươi năm không gặp nhưng tôi vẫn nhận ra nó. Nó nhìn tôi mỉm cười, nụ cười trắng ướt thật đẹp. Một chút ria hai bên mép. Tôi hỏi nó : "Còn nhớ chú Khải không ?" Nó cười nụ : "Nhớ!". Bà mẹ nói : "Lắm lúc nó ăn nói đến là khôn, được vài câu lại dại rồi !" Tôi lấy bao thuốc mời : "Cháu hút nhé ?" Nó cười, bước vào ngồi trên cái ghế thấp vừa hút thuốc vừa nhìn tôi đăm đắm, cái nhìn rất âu yếm làm tôi muốn chảy nước mắt. Tôi nói : "Bệnh tình của nó xem như đỡ nhiều, chị nhỉ ?" Chị thở dài sườn sượt : "Nặng hơn nhiều chú ạ, những năm trước chỉ ngớ ngẩn chứ không lên cơn, năm nay mỗi lần lên cơn xé cả quần cả áo, chạy nhông nhông ở ngoài đường. Thằng em nó phải lấy dây xích khóa chân khóa tay lại". Chị nói, cả nhà này nó chỉ sợ có thằng em, thằng em bảo sao thì nghe vậy, không nghe nó đánh, nó có võ mà.**

Đêm đó tôi ngủ lại đất bãi, làng quê thứ hai của tôi. Sáng **hôm sau tôi đạp xe đi từ rất sớm. Những ngày cuối chạp vừa mưa vừa rét, nhầy nhụa, tối đen. Tới khúc ngoặt một bên là hồ nước, một bên là rẻo đất**

trồng mía ven sông, gió lạnh quất vào mặt như roi đánh, thì có tiếng gọi giật : "Chú Khải đã đi sớm thế ?". Chị Vách ngồi bán xôi ngay ở rìa đường, dựa lưng vào tấm liếp che cửa của cái quán bán nước. Tôi dựng xe ngồi sụp xuống, nói : "Chị cho em một bát". Gạo rất thơm, hạt lạc tròn mẩy, vừng rang nhạt và ngậy, bát xôi năm trăm bạc đơm đầy thế thì lời lãi bao nhiêu. Chị nói : "Cũng có lời chút ít thì hai mẹ con mới nuôi nổi nhau. Lương hưu tôi một tháng chỉ có hai chục ngàn" Tôi hỏi : "Còn chúng nó ?" Chị nói : "Anh em kiến giả nhất phận, thân ai nấy lo chú ạ" Tôi lại hỏi : "Một mai chị đi theo anh thì ai nuôi nó ?" Chị lại thở dài : "Nếu cái nghiệp nó nhẹ thì nó chết trước tôi, tôi còn chôn cất ma chay được, còn nó chết sau tôi thì chiếu bó thây vùi thôi". Rồi chị khóc òa lên, chị gục đầu lên gối mà khóc, khóc tấm tức, khóc ai oán. Chị đã yếu thật rồi, đã nản thật rồi, đã muốn buông xuôi tất cả. Chị lấy gấu quần lau nước mắt, nói mếu máo: "Chung quy là tại tôi cả chú ạ, tôi ngu đần, vụng dại nên con cái mới ra nông nỗi này, nếu như ông ấy còn sống...". Vâng, tại chị cả, trăm tội, ngàn tội phải đổ lên đầu chị, nếu ông chồng siêu đẳng của chị còn sống thì chúng nó đâu đến nỗi... Tôi nôn thốc miếng xôi ra, cổ họng tắc nghẹn lại, chính tôi, tôi cũng muốn bật khóc.

Đã nhiều năm trôi qua, gia đình tôi không còn ở bãi Phúc Xá nữa, đôi ba năm có dịp về Hà Nội tôi lại xuống **làng bãi thăm bạn bè và thăm chị Vách. Chị đã già nhiều, bảy chục tuổi còn gì, nhưng tóc vẫn đen, răng chưa rụng cái nào, đi lại nhon nhón. Người thế là khổ, các cụ vẫn nói thế. Thằng út đã lấy vợ, đã có một đứa con trai, vợ chồng nó lên một tầng lầu, còn nhà dưới dành cho mẹ và hai chị. Và một ông anh điên dại nữa. Tôi hỏi : "Chị chưa gả chồng cho cô nào à ?" Chị cười : "Một con sếu vườn, một con chích chòe có chó nó lấy. Làm bà cô thôi chú ạ, hai con bà cô, một thằng dở người, phúc phận nhà tôi to quá". Tôi ngồi trên giường, lưng quay ra cửa, cứ nhột nhột như có ai đang dòm mình, dòm đừ đỉnh đầu xuống. Tôi quay lại, ngước mắt lên, cách đã mươi năm không gặp nhưng tôi vẫn nhận ra nó. Nó nhìn tôi mỉm cười, nụ cười trắng ướt thật đẹp. Một chút ria hai bên mép. Tôi hỏi nó : "Còn**

nhớ chú Khải không ?" Nó cười nụ : "Nhớ!". Bà mẹ nói : "Lắm lúc nó ăn nói đến là khôn, được vài câu lại dại rồi !" Tôi lấy bao thuốc mời : "Cháu hút nhé ?" Nó cười, bước vào ngồi trên cái ghế thấp vừa hút thuốc vừa nhìn tôi đăm đắm, cái nhìn rất âu yếm làm tôi muốn chảy nước mắt. Tôi nói : "Bệnh tình của nó xem như đỡ nhiều, chị nhỉ ?" Chị thở dài sườn sượt : "Nặng hơn nhiều chú ạ, những năm trước chỉ ngớ ngẩn chứ không lên cơn, năm nay mỗi lần lên cơn xé cả quần cả áo, chạy nhông nhông ở ngoài đường. Thằng em nó phải lấy dây xích khóa chân khóa tay lại". Chị nói, cả nhà này nó chỉ sợ có thằng em, thằng em bảo sao thì nghe vậy, không nghe nó đánh, nó có võ mà.

Đêm đó tôi ngủ lại đất bãi, làng quê thứ hai của tôi. Sáng hôm sau tôi đạp xe đi từ rất sớm. Những ngày cuối chạp vừa mưa vừa rét, nhầy nhụa, tối đen. Tới khúc ngoặt một bên là hồ nước, một bên là rẻo đất trồng mía ven sông, gió lạnh quất vào mặt như roi đánh, thì có tiếng gọi giật : **"Chú Khải đã đi sớm thế ?". Chị Vách ngồi bán xôi ngay ở rìa đường, dựa lưng vào tấm liếp che cửa của cái quán bán nước. Tôi dựng xe ngồi sụp xuống, nói : "Chị cho em một bát". Gạo rất thơm, hạt lạc tròn mẩy, vừng rang nhạt và ngậy, bát xôi năm trăm bạc đơm đầy thế thì lời lãi bao nhiêu. Chị nói : "Cũng có lời chút ít thì hai mẹ con mới nuôi nổi nhau. Lương hưu tôi một tháng chỉ có hai chục ngàn" Tôi hỏi : "Còn chúng nó ?" Chị nói : "Anh em kiến giả nhất phận, thân ai nấy lo chú ạ" Tôi lại hỏi : "Một mai chị đi theo anh thì ai nuôi nó ?" Chị lại thở dài : "Nếu cái nghiệp nó nhẹ thì nó chết trước tôi, tôi còn chôn cất ma chay được, còn nó chết sau tôi thì chiếu bó thây vùi thôi". Rồi chị khóc òa lên, chị gục đầu lên gối mà khóc, khóc tấm tức, khóc ai oán. Chị đã yếu thật rồi, đã nản thật rồi, đã muốn buông xuôi tất cả. Chị lấy gấu quần lau nước mắt, nói mếu máo: "Chung quy là tại tôi cả chú ạ, tôi ngu đần, vụng dại nên con cái mới ra nông nỗi này, nếu như ông ấy còn sống...". Vâng, tại chị cả, trăm tội, ngàn tội phải đổ lên đầu chị, nếu ông chồng siêu đẳng của chị còn sống thì chúng nó đâu đến nỗi... Tôi nôn thốc miếng xôi ra, cổ họng tắc nghẹn lại, chính tôi, tôi cũng muốn bật khóc.**

Tết Canh Ngọ

Người ngu

Cho đến tận bây giờ tôi vẫn còn ấm ức khi nghĩ lại cách xử sự của mình trong cái chuyện vớ vẩn đã xảy ra là đúng hay không đúng, là người rất biết điều hay là một kẻ hết sức ngu. Chắc là ngu thì đúng hơn vì tôi vốn là người nhút nhát, rất sợ người khác to tiếng vì họ phải chịu thua thiệt, chịu uất ức. Nhưng cũng chưa hẳn đã ngu đã dại vì cái mặt của ông ấy là mặt người lương thiện, cách nói năng cũng của người lương thiện. Ông ta lại còn nói : "Vì bác là người có tuổi nên tôi..." Quân lừa đảo, quân lưu manh làm sao có giọng nói nhỏ nhẹ ấy, hắn sẽ làm ầm lên để đám đông bu đến rồi lấy họ làm áp lực để phân xử phải trái. Nhưng các con tôi không đồng ý với nhận xét của tôi. Chúng nói như đanh đóng cột rằng tôi đã bị lừa, kẻ kia giăng bẫy một cách trắng trợn, một cách hiển nhiên mà con mồi vẫn lao đầu vào không một chút ngờ vực, không một chút phản ứng thì thật lạ. Phải là người ngớ ngẩn lắm, không có một tí thông minh nào mới làm cái việc như tôi đã làm. Người ấm ớ như bố mà còn viết văn viết báo được nhỉ ? Bọn trẻ còn nói thêm thế.

Buổi sáng hôm đó, vào khoảng 9 giờ, tôi nhận được điện thoại của một tờ báo lớn của thành phố mời tôi lại tòa soạn nhận tiền đọc bài và tiền nhuận bút. Tôi đạp xe đi ngay vì tôi cũng đang cần tiền. Tiền ăn và chi tiêu trong gia đình thì luôn luôn đủ vì mọi sự chi tiêu đã có lệ, có khoản, không bao giờ để thiếu nhưng cũng chả bao giờ có dư. Tôi cũng có một khoản tiền tiêu vặt nhưng cách tiêu thì vô chừng nên luôn luôn cảm thấy thiếu. Đã thiếu thì khó chịu lắm. Nhiều thứ lúc có tiền thì dửng dưng, chưa thấy cần mua nhưng hễ thiếu là lập tức khao khát được có, mong đợi được có. Người phát tiền nhuận bút đưa tôi một triệu, hai tệp tiền năm chục ngàn còn mới toanh. Nhận được tiền là về ngay. Có tiền trong túi, với người khác chả là bao, với tôi cũng là nhiều, nhìn thành phố quả nhiên có vui hơn mọi khi thật, vừa đạp xe tôi vừa tính toán những thứ cần mua và sẽ mua trong ngày mai để khỏi thất hứa với con cái. Chỉ tiêu có một triệu mà có thêm một niềm vui mới trong sinh hoạt gia đình, không chỉ một tuần, một tháng mà cái vui này có thể kéo dài thêm nhiều tháng. Cái vui của nhà

nghèo cũng rẻ nhỉ ? Xem chừng những anh chàng tỷ phú khó có được cái vui thơ ngây, hồn nhiên của một người chỉ có một triệu, sẽ được chi tiêu trong vòng một triệu. Những người giàu quá và những người no quá làm sao biết vui khi cầm tiền, biết vui khi được ăn một miếng ngon. Họ còn bận lo cái cách tiêu hóa và luôn luôn sợ rằng không thể tiêu hóa nổi. Giàu quá cũng như nghèo quá đều có nỗi khổ riêng của nó. Chỉ có anh thỉnh thoảng có được một chút tiền cầm tay như tôi là sướng, biết ngẫm nghĩ, biết thưởng thức cái sung sướng của mình. Vậy tôi là người đang sung sướng và sẽ còn sung sướng. Lúc đi lãnh tiền tôi đạp hơi nhanh vì có nhiều sự phấp phỏng lắm. Chẳng hạn lúc mình đến nơi thì gần hết giờ làm việc và người phát tiền đã về nhà. Hoặc cô ta lại vừa đi đâu đó không chừng đến giờ làm chiều mới quay lại. Hoặc người báo thì bảo đã có tiền rồi nhưng người phát tiền lại chưa nhận được cái lệnh ấy, hoặc giả số tiền hơi ít không như mình mong đợi, tiêu món lớn thì không đủ, đem tiêu vặt thì hơi phí. Đã trên bốn chục năm tới các nhà xuất bản, tới các tòa soạn báo để nhận đủ thứ tiền mà vẫn cứ phấp phỏng, lo sợ như cái thuở mới vào nghề, mới nhận được những món tiền nhuận bút đầu tiên. Nhưng mọi sự đã diễn ra rất suôn sẻ và số tiền nhận được cũng không ít, những một triệu. Nên lúc đạp xe về tôi đạp rất thong thả, có gì mà phải vội nhỉ ? Một đời người lâu lâu lại có một hai giờ nhàn rỗi, thong thả, không làm gì hết, không nghĩ gì hết, đầu óc trống rỗng một cách khoan khoái cũng có thể xem là một đời đáng sống. Tôi đạp xe đã gần về đến nhà, khoảng non một cây nữa là về đến nhà, vẫn đạp rất thong thả, vẫn trong tâm trạng rất nhẹ nhõm, rất khoan khoái thì có ai đó đạp lướt qua. Rồi nghe tiếng rơi của một vật, tiếng rơi rất nhẹ. Cũng chả để ý nữa, vẫn đạp tiếp, vẫn nghĩ ngợi vẩn vơ tiếp. Rồi chợt có tiếng người nói sát bên cạnh : "Ông đụng vào tôi mà ông vẫn bỏ đi à ?" Cái gì thế nhỉ ? Tôi quay mặt lại. Một ông già khoảng ngoài năm mươi hay hơn một chút, mặt hốc hác, đầu để trần, đạp cái xe Trung Quốc, nhìn tôi và nói nhẹ nhàng như thế. Tôi dừng xe lại, ông ta cũng dừng xe lại. Tôi hỏi ngơ ngác : "Ông vừa nói cái gì ?" Ông ta bảo : "Ta đứng vào trong hè nói chuyện". Tôi dắt xe vào hè ngay, vẫn thắc mắc : "Mình đụng xe vào ông ta à ? Đụng lúc nào ? Mình có thấy gì đâu". Người kia gạt

chân chống xe, nhìn tôi rồi nói, giọng vẫn nhẹ nhõm : "Tôi nể ông là người có tuổi nên tôi..." Tôi hỏi lại, giọng hơi gắt : "Thì tôi đã làm gì ông ? Tôi đụng vào xe ông à ?" - "Ông đụng vào xe tôi, đã làm bể hai chai rượu của tôi chứ còn sao nữa !" Tôi càng hoang mang : "Tôi làm đổ xe của ông bao giờ, làm bể rượu của ông bao giờ ?" Ông ta lặng lẽ mở hé cái bị cói rất nhem nhuốc vẫn quàng một bên tay xe để tôi nhìn vào trong. Hai chai rượu hình vuông, hơi lùn với cái nhãn màu vàng nhạt. Hai chai Hennessy ! Ông kia nói tiếp : "Bây giờ tôi yêu cầu ông đi cùng tôi vào Chợ Lớn mua đền tôi hai chai rượu ông vừa làm bể. Đây là rượu tôi mua để mừng cưới thằng cháu". Hình như tôi đã chịu thua ngay thì phải, chịu là người có lỗi ngay thì phải, bởi vậy tôi mới hỏi giá tiền của hai chai rượu. Người kia nói : "Bảy trăm tám chục ngàn, hai chai". Chết cha tôi ! Tôi lấy tiền đâu để đền một cú đụng xe, mà chưa hẳn tôi đã đụng, những gần tám trăm ngàn đồng, ngót nghét một triệu đồng ? Vô lý nhỉ ! Hết sức vô lý ! Tôi vẫn nói rất yếu ớt : "Nhưng tôi lấy tiền đâu để mua đền ông hai chai rượu ?" Người kia nói như vững tin hơn, như dứt khoát hơn : "Tôi không biết, nhưng ông phải đền tôi, ông muốn làm sao thì làm !" Tôi cũng không biết phải làm sao, đầu óc cứ rối mù vì sự việc vừa xảy ra, hết sức bất ngờ, hết sức vô lý. Tôi không thể chấp nhận cái sự vô lý ấy, nhưng cái thái độ không chấp nhận của tôi lại có những biểu hiện của người có lỗi, của người đầu hàng và đang tính toán sẽ phải đền bù như thế nào đây. Là chấp nhận, là bằng lòng nhận đền chứ không phản đối. Mà nào tôi đã làm gì nên lỗi, tôi không có lỗi, tôi không có một chút cảm giác nào tôi đã đụng phải xe người khác, đã làm rơi bể cái gì đó của người khác. Đã tin là thế tại sao tôi không phản đối, không to tiếng, không quát thét ầm ĩ lên để có nhiều người xúm đến rồi nhờ họ phân xử giùm. ít nhất cũng có người biết hai chai Hennessy để trong cái bị cà khổ kia là rượu tây thật hay rượu giả. Nếu là rượu thật thì vỏ hộp nó đâu ? Rượu mua đàng hoàng tại các cửa hàng phải có vỏ hộp chứ ! Nhưng tôi đã không nói gì cả chỉ vì cái mặt của người kia là mặt người lương thiện. Hình như ông ta cũng đang bàng hoàng vì đã làm bể vỡ hai chai rượu đắt tiền mua tặng thằng cháu nhân đám cưới. Cái mặt nhẫn nhục, chịu đựng và hoang mang. áo sơ mi dài tay bỏ ngoài quần, đi dép nhựa và cái xe đạp

Trung Quốc là những dấu hiệu hiển nhiên của một ông cán bộ đã nghỉ hưu, lại nói giọng Bắc, chắc là mới vào Nam sống với con cái. Tiền mua rượu là tiền của con cái chứ ông ấy làm gì có tiền. Nên sắc mặt có ý sợ, xem ra đã cầm chắc cái sự mất tiền rồi. Nói thì cứ nói chứ cái ông già kia lấy tiền đâu ra đền. Chả lẽ đưa ông ta ra công an, nhờ anh em công an phân xử ? Ông ta cũng đi xe đạp, chắc cũng là người ăn lương hưu, ăn nhờ con, tiền tiêu còn thiếu lấy đâu ra tiền đền? Lại phải đền những non một triệu! Chắc là đã tính toán tuyệt vọng như vậy nên ông ta mới nói : "Vậy hiện giờ ông có bao nhiêu tiền ?" Tôi có thể nói tôi không có tiền, không có một đồng nào cả, muốn làm gì tôi thì làm chứ tôi không có tiền đền, nếu tôi nói thế chắc ông ta cũng phải chịu, có thể chửi ầm lên vài câu rồi cũng phải chịu. Nếu ông ấy làm to chuyện, có nhiều người ùa đến cùng tham gia xét xử rồi cũng đến xử hòa vì cả bên nguyên lẫn bên bị đều là những người già, lại cùng đi xe đạp, nếu có va chạm nhau là do sơ ý, do vô tình, bảo ai là người có lỗi cũng không phải. Cái lý là như thế. Lý đã là thế thì người bị bể hai chai rượu bị thua thiệt nhiều quá. Nếu ông ta còn làm được ra tiền thì con cái biết chuyện cũng chỉ trách nhẹ, tiếc tiền mà trách. Còn nếu ông ta ăn bám vào con cái thì vụ mất mát này là một tai họa thật sự, khó mà ăn ngon ngủ yên với chúng nó, chúng sẽ dằn vặt, đay nghiến ông không chừng đến hết đời. Nghĩ một thoáng như thế, ngẫm thân mình mà nghĩ liền như thế. Vì nghĩ như thế nên tôi trả lời ngay: "Tôi vừa mới lãnh lương hưu của cả vợ lẫn chồng được triệu bạc. Tôi đền ông một nửa số tiền bảy trăm tám chục ngàn, có được không ?" Hỏi có được không, tức là đã sẵn sàng trả đủ nếu ông kia không chấp nhận. Bởi vậy người kia mới trả lời, giọng hơi lạ một chút, hơi gắt một chút : "Ông cứ sang Chợ Lớn với tôi, mua trả lại tôi hai chai rượu này là xong". Tức là ông già này không chịu bớt cho tôi một đồng nào cả, bắt bí nhau như thế cũng là không biết điều. Ví thử tôi không chịu trả ông một đồng nào thì ông đã làm gì được tôi chửa ? Ví như tôi nói tôi chỉ có vài chục ngàn thì ông cũng phải chịu nhận số tiền tôi đang có chứ còn biết làm gì hơn. Đằng này tôi đã chịu đền đến một nửa, tức là bỗng dưng tôi chịu mất gần bốn trăm ngàn, mất rất vô duyên, rất ngớ ngẩn mà còn chưa lấy làm vừa lòng là nghĩa làm sao ? Chẳng lẽ ông ấy cố tình bắt

chẹt tôi, chẳng lẽ ông không phải là người như tôi đã nghĩ một cách thông cảm? Vâng, tôi đã trả đúng bảy trăm ngàn, tức là còn thiếu tám chục ngàn, rất gọn ghẽ, rất nhanh chóng, nhanh chóng đến chính tôi cũng lấy làm ngạc nhiên, cứ như tôi là người rất giàu có. Người giàu có, người có bạc tỷ cũng chưa hẳn họ đã chịu chi một cách hào phóng như thế, một cách vô lý như thế. Ông ta cầm tiền rất cẩn thận, vẻ mặt dửng dưng, không có một chút ái ngại nào với một anh cán bộ già phải chi gần hết đồng lương hưu của hai vợ chồng, như tôi đã nói, cho một cuộc va chạm hết sức mơ hồ. Khi tôi nói, rồi vợ chồng tôi biết lấy gì mà tiêu trong tháng đây, thì ông ta cũng chỉ đưa mắt nhìn tôi một cách lạnh lẽo rồi lại cúi xuống đếm tiền ngoăn ngoắt. Đếm xong ông ta nhét tiền vào túi, dắt xe xuống đường, đạp lộn lại, tức là khi nãy ông ta còn mắc lỗi đi trái đường. Tôi cứ đứng ngẩn tại chỗ mất một lúc, bàng hoàng vì bỗng dưng mất một món tiền to quá. Như bị mất cắp. Mất cắp là một nhẽ. Còn tình nguyện móc tiền cho người khác lấy một cách ngớ ngẩn lại là một nhẽ. Mất tiền đã đau, về kể lại chuyện mất tiền rồi bị vợ con chê là quá ngu mới thật là đau, đau đến gan đến ruột. Đau vì ấm ức, vì không thể trả lời tại sao lại có thể ngu đến thế. Mà nào có phải là người đã quá ngu. Tôi thường vẫn có những việc làm rất ngu, nhưng là người ngu thì chưa hẳn. Nói cho ngay cái cách xử sự ngu ngốc của tôi trong chuyện vừa rồi không phải là lần thứ nhất. Tôi đã từng ngu nhiều lần, bị lừa nhiều lần, chẳng qua là do mình cả tin quá, cứ ngỡ những điều người ta nói là thật, không hề có ẩn ý nào, âm mưu nào. Tới lúc nhận biết đã bị mắc vào cạm bẫy cũng không biết phản ứng một cách gay gắt, một cách quyết liệt, mình đã bị tổn thương thì kẻ kia cũng khó có thể giữ được nguyên vẹn. Muốn tránh bị coi là người ngu, người dễ bị lừa cũng dễ thôi. Chỉ có một cách, phải chơi rắn và không được phép tin một ai cả, phải giữ vững một nguyên tắc sống, thà để kẻ khác chịu thiệt chứ nhất quyết không chịu để mình thiệt, là danh cũng thế, là lợi cũng thế, phải tự bảo vệ tới cùng, có trường hợp mình phải, có trường hợp mình trái, trái thì trái nhưng cứ to tiếng, cứ lấn tới thì trái sẽ thành phải. Thiếu gì người đã từng làm thế để tồn tại, để ngoi lên, để phủ bóng lên người khác mà rồi vẫn được xã hội trọng vọng. Có điều đã dám sống như thế thì phải bỏ nghề viết. Bởi nghề

văn đòi hỏi các tín đồ của nó sống theo một nguyên tắc khác. Thà bị thua thiệt đến chín lần để khỏi có một lần xúc phạm tới nhân cách một người lương thiện. Đã là thế thì không chừng ngày mai, tháng tới, năm sau tôi vẫn có một cách xử sự hết sức ngu. Nghề ấy thì sinh ra nghiệp ấy, tránh sao được !

Nếp nhà

"Theo bà cụ, thời bây giờ có được vài trăm cây vàng không phải là khó, cũng không phải là lâu, nhưng có được một gia đình hạnh phúc phải mất vài đời người, phải được giáo dục vài đời. Hạnh phúc không bao giờ là món quà tặng bất ngờ, không thể đi tìm, mà cũng không nên cầu xin".

1

Mỗi lần ra Hà Nội việc đầu tiên là tôi phải tới thăm bà cô tôi. Chẳng có quà cáp gì cả, đến tay không, nhưng vẫn cứ phải đến. Vì bà là cái túi khôn của tôi mà. Năm nay các con bà sẽ làm lễ mừng thọ mẹ tám mươi tuổi. Các cụ nói: Năm mươi tuổi hiểu được mệnh trời. Người tám mươi tuổi lại vẫn minh mẫn, khôn ngoan, không chừng hiểu được cả then máy của Tạo hóa. Nói chuyện với bà tôi vẫn chờn chợn như ngày nào được hầu chuyện cụ Nguyễn. Nghĩa là vẫn phải uốn lưỡi trước khi hỏi, trước khi trả lời. Một ngôi nhà đẹp, một cửa hàng tuyệt vời ngay giữa một đại lộ trung tâm trông thẳng ra hồ Hoàn Kiếm mà chỉ bày bán lèo tèo mấy mặt hàng sơn mài, tượng gỗ thì uổng quá, coi khinh thiên hạ quá. Bà cụ cười: "Anh đã bắt đầu có con mắt thương mại rồi đấy nhỉ?" Con mắt thương mại thì chả dám nhưng với con mắt của người bây giờ thì ngôi nhà, nói cho chính xác hơn là miếng đất, của bà cô tôi cũng phải đáng giá một triệu..., tất nhiên là triệu đô. Cũng chả phải do mình đặt giá mà là đại diện các công ty nước ngoài tới trả giá. Ngày nào cũng có vài nhóm người tới hỏi nhưng bà cụ chỉ nhã nhặn trả lời: "Tôi không có ý định bán hoặc cho thuê cái nhà này." Cho thuê cũng nhiều tiền lắm. Đã có người hỏi thuê chỉ mấy chục mét vuông của gian ngoài thôi, mỗi tháng trả năm ngàn đô, trên mười cây vàng. Vẫn là không, không bán mà cũng không cho thuê. Tại sao cụ lại gàn thế? Vì các em anh không muốn thế, cho đến hôm nay chúng nó vẫn đi làm cho nhà nước, không buôn bán gì cả, không mánh mung gì cả. Lương tiêu không đủ thì tôi bù. Bán các mặt hàng vớ vẩn như anh nói nhưng mỗi tháng cũng kiếm được khoảng trên dưới dăm triệu. Này, dăm triệu không phải là ít đâu anh nhá! Theo tôi được biết, từ trẻ đến già cô tôi sống theo một số nguyên tắc, thời thế có thể thay đổi nhưng cách sống của bà dứt khoát không thay

đổi. Đó là: sống thẳng thắn, sống lương thiện và sống theo pháp luật hiện hành. Những năm Pháp tạm chiếm Hà Nội, chú tôi vẫn mở trường dạy học tư như thời trước, còn cô tôi ấn hành sách giáo khoa cấp tiểu học do chú tôi soạn. Có một tác giả đưa tập thơ "Đồi thông hai mộ" bán cho bà. In tập thơ đó chắc chắn sẽ thu lãi nhiều, bà biết thế nhưng vẫn từ chối. Vì Nhà xuất bản Nguyễn Du do bà chủ trương chỉ in có sách giáo khoa, đúng như trong giấy phép. Năm 56, cán bộ thuế tới kiểm tra kho giấy của bà để đánh thuế tồn kho, khoảng hai chục triệu. Chú tôi tính vốn nhát, vui vẻ bằng lòng ngay. Cho đỡ phiền. Nhưng bà vợ không chịu vì giấy in sách giáo khoa xưa nay không phải đóng thuế. Đã được miễn thuế thì làm gì có thuế tồn kho. Bà bướng bỉnh đến nguy hiểm, ai cũng sợ nhưng bà vẫn thản nhiên: "Lý của mình đúng, việc gì phải sợ". Quả nhiên bà đúng thật. Bà luôn luôn đúng vì bà rất tỉnh táo trong mọi mối quan hệ, chỉ nhận những gì đáng có, có quyền được có, tuyệt đối không để bị dụ hoặc về tiền bạc cũng như về tình cảm. Một cái đầu hơi lạnh, lắm lúc tôi đã nghĩ về bà như thế. Nói cho ngay, nếu không có cái đầu lạnh làm sao bà giữ nổi một ngôi nhà quá ngon lành, quá quyến rũ trong bấy nhiêu năm, không gặp một chuyện rắc rối nào. Cho đến bây giờ đã sang tuổi tám mươi bà vẫn biết từ chối những đồng tiền rất hợp pháp ắt hẳn phải có một tính toán khôn ngoan nào đó. Cái khôn ngoan cao siêu chứ không phải là khôn vặt.

2

Mùa xuân ở Hà Nội bao giờ cũng đẹp. Với tôi đã nhiều năm không được sống ở Hà Nội vào mùa xuân lại càng thấy đẹp. Một chút lạnh trong hơi gió tạt qua mặt. Một chút mưa bụi bay lây rây như có như không. Trời hơi tối, mặt đường hơi sẫm nhưng mặt người và quần áo rét họ mặc cứ sáng bừng lên những mầu sắc tươi tắn. Đã có mùi son phấn và nước hoa bất chợt thoảng qua ở một góc phố, trong một đám đông. Nói nhỏ đi, cười nhỏ hơn, ít nghe những câu chửi tục, những tiếng đệm tục. Giàu hơn trước nhiều, sang hơn trước nhiều, cứ cho là bề ngoài thì cũng vẫn rất đáng mừng. Chỉ có nhà bà cô tôi là ít thay đổi, hầu như không thay đổi. Vẫn mấy chiếc xe máy đã cũ, và vẫn còn nhiều xe đạp, loại xe đạp cà tàng từ những năm nào. Trời nắng các em đi xe máy, trời mưa đi xe đạp, đỡ phải rửa xe.

Ăn mặc của bà cụ, của các em cũng chả có gì sang hơn, như trước đây, ngày trước với Hà Nội đã là sang, bây giờ là quá thường. Bây giờ con gái Hà Nội mặc quần chẽn đen, gót xẻ, có dải buộc dưới bàn chân, mặc măng tô lửng, hoặc đi bít tất đen dài, quần cộc, áo vét trùm qua mông. Đàn ông cũng diện lắm, áo vét tông các kiểu, thắt cà vạt đủ mầu, giầy đen, cứ như họ từ các đại sảnh bước ra. Không phải đâu, chỉ là quần áo thường ngày thôi, cũng giống như trước kia họ mặc áo bông xanh, quần ka ki vàng và đi dép nhựa. Chưa bao giờ tôi thấy người Hà Nội ăn mặc sang trọng như bây giờ. Chưa bao giờ tôi thấy phố xá chói lòa những tủ kính, những bảng hiệu và ánh sáng như bây giờ. Vậy mà một nhà giàu của Hà Nội có dư điều kiện để thay đổi lại không chịu thay đổi. Một đại gia đình gồm hai con trai, hai con dâu, một gái, một rể và những đứa con của họ vẫn sống chung dưới một mái nhà, ăn chung một bếp ăn. Thiên hạ thì chia ra, bà cụ lại gom vào. Vẫn rất êm thấm mới lạ chứ. Nếp nhà đã thắng được tự do của cá nhân sao? Phải nói thêm, cái nếp nhà này cũng ít ai theo kịp. Người con dâu cả vốn là con gái Hàng Bồ, đỗ đại học, là một cô gái kiêu hãnh, tự tin, không dễ nhân nhượng. Ai cũng nghĩ hai người đàn bà, một già một trẻ, cùng sắc sảo sẽ rất khó chấp nhận nhau. Vậy mà họ ăn ở với nhau đã mười lăm năm chả có điều tiếng gì. Người chị của cô con dâu đến nói với bà cô tôi: "Bác chịu được tính nó thì con cũng phục thật đấy". Bà cải chính: "Đúng là tôi có phần phải chịu nó nhưng nó cũng có phần phải chịu tôi, mỗi bên chịu một nửa". Bà bảo, con dâu là vàng trời cho, mình không có công đẻ ra nó, cũng không nuôi nó ăn học ngày nào, bỗng dưng nó về nhận mình là mẹ, sinh con đẻ cái cho dòng họ, cáng đáng mọi việc từ trẻ đến già, không lẽ sống nó thì thôi còn hoạnh họe nỗi gì. Bà chiều quý, và tôn trọng các con dâu thật lòng nên cả hai nàng dâu đều tâm sự với mẹ chồng: "Con ở với mẹ còn thoải mái hơn ở nhà với mẹ con". Con rể và con gái được nhận nhà ở một khu tập thể, nhà chật, lại xa, con còn nhỏ. Nhưng anh con rể không muốn nhờ vả mẹ vợ, tự mình cũng thấy không tiện mà người ngoài nhìn vào càng không tiện. Bà biết thế nên bảo con rể: "Trong cái nhà của tôi có một phòng dành cho vợ anh. Của vợ anh tức là của anh. Cũng như mọi thứ của anh tức là của vợ anh. Chẳng lẽ anh bảo không phải". Năm ngoái khu phố

có yêu cầu bà cụ báo cáo về nếp sống gia đình cho hàng phố học tập. Bà từ chối, khi tôi lại thăm, bà nói riêng: "Cái chuyện ấy ai cũng biết cả, chỉ khó học thôi". Tôi cười: "Lại khó đến thế sao?" Bà cụ nói: "Trong nhà này, ba đời nay, không một ai biết tới câu mày, câu tao. Anh có học được không?" À, thế thì khó thật. Theo bà cụ, thời bây giờ có được vài trăm cây vàng không phải là khó, cũng không phải là lâu, nhưng có được một gia đình hạnh phúc phải mất vài đời người, phải được giáo dục vài đời. Hạnh phúc không bao giờ là món quà tặng bất ngờ, không thể đi tìm, mà cũng không nên cầu xin. Nó là cách sống, một quan niệm sống, là nếp nhà, ở trong tay mình, nhưng nhận được ra nó, có ý thức vun trồng nó, lại hoàn toàn không dễ.

3

Trở lại câu chuyện cũ, tại sao bà cụ không chịu bán nhà, chia tiền cho các con để họ lập cơ nghiệp riêng? Lớn rồi thì phải ở riêng, nó thuận lợi với sự phát triển. Con cái đã trưởng thành, vẫn bắt ở chung, ăn chung như trại lính, đâu có phải chuyện tính toán khôn ngoan. Bà cụ nghe tôi nói cười tít cả mắt, ra cái vẻ mọi sự bà đã tính cả rồi, đâu có đợi một thằng nhà văn ngây ngô mách nước. Bà nói, hiện nay các con bà vẫn thích đi làm cho nhà nước bằng cái nghề chuyên môn đã được đào tạo của mình. Ngoài giờ đi làm thì bọn nó đọc sách, dạy con học, bù khú với bạn bè. Họ thích sống như thế và có điều kiện để sống nhàn nhã như thế. Họ không có óc kinh doanh, không có nhu cầu phải kinh doanh. Không cần đến tiền thì không nên một lúc cầm quá nhiều tiền. Đồng tiền do may mắn mà có, do thời thế đổi thay mà có rất dễ là mầm mống của nhiều tai họa. Vì người có tiền chưa kịp học cách tôn trọng đồng tiền, sai khiến đồng tiền. Ở cái nhà này, theo tôi biết, chưa bao giờ họ mua vé số. Cũng không thờ cúng ông thần bà thánh nào, ngoại trừ ngày giỗ để anh em con cháu có dịp gặp gỡ nhau. Họ không cầu gặp may mắn, không săn đón may mắn. Họ chỉ nhận những cái đáng nhận. Bà cụ vẫn đi lễ các chùa miếu đền phủ với bạn bè nhưng bà không khấn. Bà cũng chưa từng xem tướng, xem bói, xin xăm. Ngày chú tôi mất mọi việc hậu sự chỉ một mình cô tôi lo liệu, không hỏi han bất cứ ai, không xem giờ xem ngày gì cả. Việc cưới xin của các con cũng thế. Đưa

con gái đi, đón con dâu về tuyệt đối không có xem tháng xem ngày. Trong một lần trò chuyện, bà hỏi tôi: "Anh có phân biệt được người giàu lương thiện và kẻ giàu bất lương không?" "Trong bao lâu?" "Trong một lần tiếp xúc" "Thế thì khó!" Bà bảo, bà vẫn phân biệt được. Những đứa giàu lên do cướp đoạt, lừa đảo nói chuyện một lúc là biết. Bọn họ khinh người rẻ của lắm. Họ không tin một ai cả, càng không tin còn có lòng tốt ở đời. Họ chỉ tin có tiền. Tiền là quân của họ. Một đội quân giặc cướp, sẵn sàng tàn phá tất cả, tiêu diệt tất cả để đạt được những cái đích phù phiếm của chủ nó. Bà nói, bà là người biết quý trọng đồng tiền từ trẻ tới già, nhưng mấy năm gần đây bà lại sợ tiền. Nghe chuyện của thiên hạ mà sợ. Càng ít sờ mó tới tiền càng tốt. Nó có độc đấy! Bàn tay thương vợ, bàn tay yêu con, bàn tay nắm bàn tay của bạn bè đếm mãi tiền nhiễm độc lúc nào không hay, sẽ không còn là bàn tay của người nữa. Vì lẽ đó mà bà chưa muốn bán nhà. Các con bà cũng không ỷ eo, nài ép bà phải bán nhà. Thế là may. Nhưng cái may này còn kéo dài được bao lâu? Bà vốn không tin vào sự may rủi. Bà chỉ tin vào sự chuẩn bị của mình, chuẩn bị trong cái khả năng có thể, chứ liệu hết thế nào được những việc của chục năm sau.

4

Bữa tôi sắp trở vào thành phố Hồ Chí Minh, tôi có lại chào bà. Cũng như mọi lần tôi nói nửa vui nửa buồn: "Mong cô khỏe mạnh mãi để mỗi lần ra, cô cháu mình có dịp bàn chuyện thế sự, văn chương". Bà cụ cười rất hồn nhiên! "Nếu được sống thêm mươi năm nữa thì vui lắm đấy. Nhưng mà khó". Vì biết là khó nên ngay từ năm ngoái bà đã làm chúc thư, phòng khi đột nhiên phải ra đi thì các con đã có cẩm nang hành động. Làm chúc thư là khó lắm, sống làm sao chia của làm vậy. Chia khéo thì trai gái dâu rể mãi mãi là con của mình, mãi mãi là anh em ruột thịt của nhau. Chia vụng thì xẻ đàn tan nghé ngay tức khắc, càng đông con cháu càng lắm mối họa. Trước hết bà gặp riêng năm người con của mình vào một buổi, con dâu con rể không được tham dự. Nguyên tắc làm chúc thư của bà là công khai và công bằng, không phân biệt trai gái, trưởng thứ. Tài sản chia làm sáu phần bằng nhau, năm con năm phần, mẹ một phần. Phần của mẹ hoặc gửi ngân hàng, hoặc đem kinh doanh, tùy, số lãi hàng năm lại chia làm sáu.

Con trai đầu phải giữ việc hương khói được nhận hai phần. Bốn phần còn lại sẽ bỏ vào một quỹ riêng để chi các việc: Tu bổ nhà thờ, sửa sang phần mộ, góp giỗ tết với các chi khác và cấp đỡ cho bà con nghèo của hai họ nội ngoại. Đồ gỗ và đồ sứ trong nhà thì cho hai con trai. Đồ trang sức của mẹ thì cho ba con gái. Sau buổi họp bà cụ phân công cho con gái lớn viết lại chúc thư làm sáu bản, viết tay không đánh máy, cả sáu người đều ký, mỗi người giữ một bản, có giá trị trước pháp luật. Từ nay bán nhà hay cho thuê nhà bà cụ coi như không biết, đám thừa kế cứ theo nguyên tắc chia sáu mà xử sự. Bà cụ nói xong, nhìn tôi một lúc lâu rồi bà cười rất ý nhị:- Con người ta ai ai cũng có phần thiện phần ác. Muốn dưỡng thiện diệt ác thì trong nhà phải có gia pháp, ngoài xã hội phải có luật pháp. Trong gia pháp có phần truyền thống và danh dự của dòng họ, có phần đạo đức của người trên và nghĩa vụ của kẻ dưới. Gia pháp cũng phải theo thời mà điều chỉnh, quá ngược với thời thế thì con cháu khó theo, quá xu mị thời thế thì bỏ mất gốc rễ. Theo chỗ tôi biết gia pháp của nhiều danh gia vọng tộc ở Hà Nội đang gặp hồi khủng hoảng. Suốt mấy chục năm anh dạy các con anh khinh miệt đồng tiền, lên án tư hữu và những người giàu có đều là phần tử bất hảo. Bây giờ anh tính sao? Bây giờ các con anh đều lao vào kiếm tiền, đều nuôi mộng làm triệu phú tỷ phú trong chớp mắt. Khốn một nỗi chúng lại chưa từng được ai dạy bảo cái cách ăn ở với đồng tiền. Đồng tiền vừa là đày tớ vừa là ông chủ, vừa là bạn đường vừa là giặc cướp, các con anh biết chọn cách nào? Chúng chỉ biết lựa chọn theo trực giác, theo kinh nghiệm tức thì, theo lợi ích trước mắt. Anh nghĩ xem, đã đến thế thì con người và nền văn minh của con người đã bị chúng gạt khỏi mọi sự tính toán rồi.

5

Mấy hôm trước trời ấm nhưng hơi nồm, chỗ nào cũng lép nhép nhầy nhụa đến khó chịu. Đêm như có mưa, hơi nặng hạt thì phải, hạt mưa gõ trên mái ngói nghe rất rõ. Sáng ra tất cả đã ráo khô, mảnh sân trắng toát, hè nhà trắng toát, trời khô và lạnh. Cái lạnh của mùa xuân thật dịu dàng, thở rất dễ, người rất nhẹ, mặc một cái áo len mỏng, khoác thêm một cái áo ngoài, đạp xe ra đường nhìn vào cái gì cũng đẹp. Huống hồ bây giờ Hà Nội lại

đang đẹp, mỗi ngày một đẹp ra, trẻ ra. Lắm lúc nghĩ cũng tiếc đã trót đưa vợ con vào sống trong Sài Gòn. Tiếc thì tiếc chứ không thể làm lại được. Một chân đã thõng vào cõi hư vô rồi thì không nên bắt đầu bất cứ việc gì nữa. Không còn cả thì giờ để ganh ghét, để hờn giận. Chỉ còn đủ thời gian để làm lành, có thua thiệt vẫn cứ nên làm lành. Văn chương làm lành cố nhiên là không hay rồi, thôi kệ, vì cũng chả còn hơi sức đâu gây sự, dầu chỉ là gây sự vặt. Tôi đạp xe thong thả dọc đường Phan Đình Phùng bất chợt gặp một ông già khoảng tuổi tôi chạy bộ buổi sáng từ đường Cổ Ngư về. Ông chạy bên kia đường, tôi đạp xe bên này đường, lại có một thằng cha cưỡi xe Dream chạy chậm cùng chiều với tôi. Bỗng thấy hắn hét lên: "Chạy lộn đường rồi! Văn Điển đi lối kia cụ ơi!" Ông già đứng sững lại, thằng cha vừa hét quay mặt lại nhìn tôi nhăn răng cười. Chớ có ngạc nhiên! Rác của Hà Nội đấy! Hàng hóa nhiều tất nhiên rác rưởi phải nhiều chứ nghèo quá, đói quá lấy đâu ra rác.

Má hồng

1. Trong số họ hàng bên ngoại tôi yêu nhất cô Dịu. Ông ngoại tôi và cụ thân sinh ra cô là anh em ruột. Mẹ tôi và cô Dịu thân nhau từ thời con gái cho mãi tới năm mẹ tôi mất, một tình bạn kéo dài hơn sáu chục năm. Vì họ có cùng một cảnh ngộ. "Cô Dịu nổi tiếng thế mà cũng khổ như tao", ấy là niềm an ủi lớn nhất của mẹ tôi, vì bà thua kém cô em họ về đủ mọi phương diện. Cô tôi rất đẹp, là cái nhan sắc lộng lẫy của thời bấy giờ nên hơi lạ trong những chục năm đầu thế kỷ. Những người con cái đẹp của thời ấy mặt phải tròn, mắt phải dài, răng đen hạt na, lông mày kẻ nhỏ. Và phải có da có thịt. Lại phải đi đứng khoan thai, nói cười ý tứ, có tướng bà, lợi chồng, lợi con. Cái đẹp của cô Dịu hoàn toàn khác hẳn. Cô đẹp như đầm lai. Mắt hơi sâu với hàng mi dài, mũi cao, miệng nhỏ. Cô lại để răng trắng, búi tóc chứ không vấn khăn. Tóc của cô rất dài, mềm óng như tơ chuốt và quăn tự nhiên như người uốn. Mẹ tôi bảo, đàn bà mà tóc như sóng lượn là vất vả lắm, nằm trên tiền vẫn cứ là vất vả. Tất nhiên là vất vả về đường chồng con. Cô Dịu không chỉ có sắc mà còn có tài. Tài nấu ăn và may vá thì khỏi nói, cô còn có tài kiếm ra tiền bằng nghề nặn con giống và làm hoa giấy. Mỗi dịp tết Trung thu cô lại từ Hưng Yên lên Hà Nội mang theo những bó hoa giấy và con giống bán cho các cửa hàng quen. Mãi về sau này, khi cô đã già cô vẫn làm hoa bằng vải, cánh lá màu săc phải sờ tay mới biết là giả, bán cho các cơ quan trong tỉnh đã đặt trước. Con gái tỉnh lẻ nhưng mỗi lần lên Hà Nội cô ăn mặc rực rỡ như bà hoàng, quần áo đồng màu, phấn son của Pháp và đeo nhiều đồ nữ trang kiểu dáng rất lạ nhưng cô lại bảo, đồ giả cả, là vàng Mỹ ký cả. Mỗi lần cô Dịu lên Hà Nội đưa hàng, tối nào cả mấy mẹ con tôi cũng phải thức tới quá nửa đêm để nghe cô kể chuyện. Cô kể chuyện rất có duyên và chuyện của cô bao giờ cũng buồn cười. Cười đến tắc thở. Ở thị xã Hưng Yên ngày ấy có bốn anh nhà giàu. Gọi là tứ kiệt: Tín Mỹ, Sùng Long, Đức Phong, Đức Hợp. Một người bán thuốc lào hai người bán tạp hoá, một người nữa bán và sửa đồng hồ. Cửa hàng vặt ở Hà Nội, vốn liếng dăm bảy ngàn đồng mà cũng thành những nhân vật tai mắt của Hưng Yên, vì cái thị xã ấy giống như một phố huyện, lại không

sầm uất bằng phố huyện vì nó ở cuối một con đường cụt, một phía sông Hồng, một phía sông Luộc thì còn đi đâu được nữa. Lại còn có ngũ hung: Phán Tường, Phán Thịnh, Nghị Định, Đình Ba, Lãnh Sáu. Phán Tường m sòng bạc, Phán Thịnh làm ở dinh quan tuần chuyên ăn của đút, có môn bài mở ti rượu và thuốc phiện, treo bảng RA và RO. Nghị định là nghị viện hàng tỉnh, có cổ phần ở sòng bạc, bàn làm ăn với cẩm Tây Aréttô, sòng bạc có cẩm Tây đỡ đầu là an toàn nhất. Đình Ba là đốc-tờ, con bệnh sẵn sàng chịu mất nhiều tiền để được cái danh đã đến phòng khám của đốc-tờ Ba. Và Lãnh Sáu vừa là lãnh binh vừa là mật thám. Một thị xã bé bằng cái bàn tay, có những chín hung tinh nhưng chỉ có một Hằng Nga là cô dịu nên cô quen biết cả chín gia đình và đều được họ chiều chuộng. Một bàn tiệc, dẫu là bàn tiệc còm ở tỉnh lẻ cũng rất cần có một người đẹp cùng ngồi. Hơn nữa là một người đẹp biết nói chuyện, biết gây cười. Nhưng bà ngoại tôi là bác dâu của cô Dịu thì có ý chê. Mẹ tôi cười thì cười nhưng trong bụng cũng không thích lắm. Cách sống của cô hình như đã vượt ra khỏi khuôn khổ của một gia đình gia giáo. Con gái ngày ấy không được ra đường một mình, đi đâu phải có bố mẹ hoặc anh chị cùng đi. Nhà có cửa hàng, người con gái đứng bán hàng chỉ được phép trả lời những câu khách hỏi về thứ hàng họ muốn mua. Không được nói thêm, không được nói nhiều và nhất là không được cười với cái nhìn lúng liếng. Có một lần cô kể một câu chuyện vui có cả bà ngoại tôi cùng ngồi nghe. Ở thị xã có một địa điểm đẹp và rất nổi tiếng là hồ Bán Nguyệt. Một bên hồ là con đê bao sông Hồng, có dinh quan tuần và dinh quan công sứ Tây, còn một bên là đền Mẫu, đền Đức Thánh Trần và khu biệt thự nguy nga của Phủ Ích. Một con đường chạy giữa rợp bóng cây, vắng lặng, nghe rõ tiếng lá cọ trên mặt đường vào mùa đông và tiếng kêu inh ỏi của những ngày hè. Mới đây, cô Dịu kể, thị xã xây một cái cầu bắc qua một góc hồ, từ dinh quan tuần đến cổng sau dinh quan sứ, nghe nói, để bà tuần còn trẻ và đẹp tiện sang thăm người có quyền nhất trong một tỉnh. Ông Sứ tên là Vanh-trơ-be goá vợ, lại nghiện, trước làm công sứ ở Bắc Ninh thì ông Lê Đình Chân là tuần phủ Bắc Ninh. Khi ông Sứ được đổi về Hưng Yên liền kéo theo ông quan Nam Triều, bạn nối khố, cùng về một tỉnh. Người Pháp rất quý những ông quan

ta biết làm việc nhưng dân chúng lại đồn là bà tuần gần như là vợ không chính thức của quan công sứ. Tất nhiên là chồng phải biết. Biết thì biết nhưng người vợ làm thế cũng là vì công việc của chồng, không tính công thì thôi chứ kể tội sao được! Bà tôi nghe xong nói ngay: "Chuyện trai gái nghe đâu bỏ đó, đừng có nói lại. Mình là con gái phải biết giữ ý". Cô tôi quay mặt về phía mẹ tôi, thè lưỡi ra rồi nói lảng sang chuyện khác.

2. Cô Dịu người đẹp của một thị xã nhỏ, lại là con nhà tử tế nên những gia đình con trai lớn từ lâu đã có ý ngấp nghé. Ngấp nghé chứ chưa nhà nào dám ngỏ lời. Vì cô Dịu đẹp quá, tài hoa quá, lại sắc sảo nữa. Xưa kia các cụ chọn vợ cho con trai thường lấy đức làm dầu, sau mới đến tài đến sắc. Mà tài sắc cũng có tiêu chuẩn rõ ràng: Phúc hậu và đảm đang. Thích Thuý Vân hơn Thuý Kiều. Người đàn bà đẹp từ cổ chí kim thường hay gây hoạ cho chồng và gia đình nhà chồng. Bởi vậy, cô Dịu đã hăm mốt hăm hai vẫn chưa có nhà nào nhờ mối tới đánh tiếng chính thức. Còn cô, cô cũng có cách chọn người tình riêng mình. Năm ấy, tức là những năm Ba mươi, những cô gái tân tiến đã biết ghét, coi thường những anh chàng công tử bột, những thư sinh mặt trắng, những con ông cháu cha. Các cô mơ mộng những chàng trai có học nhưng từng trải và có gương mặt phong trần. Lại có nụ cười buồn và biết nói bóng gió, úp mở về non sông về nòi giống. Là người có lý tưởng, là lý tưởng gì thì các cô không biết, đại khái lá có ấp ủ một cái gì cao hơn, xa hơn cuộc đời một anh viên chức, sáng vác ô đi tối vác về. Cô tôi đã chọn được người đàn ông trong mộng năm cô hăm ba tuổi. Ông này là thông phán toà sứ, bạn của anh trai, đã có vợ và một con đang sống ở Hà Nội, chưa tới ba mươi tuổi. Khi mẹ tôi hỏi vì sao cô lại chọn yêu một người đàn ông đã có vợ, cô trả lời với lối nghĩ hài hước vốn có: "Chị ơi, cỗ lớn đâu đến phần mình, đành ăn thừa thôi". Một cô gái mới lớn sống ở Hà Nội đã khó, còn lại sống ở một thị xã đìu hiu, quanh năm chả có chuyện gì quan trọng để người hàng phố được dịp bàn tán, bình luận cho khỏi buồn thì cái khó gấp trăm lần. Thời ấy con gái chỉ mới thư từ cho bạn trai nếu người ngoài biết chuyện cũng đã tai tiếng lắm, bố mẹ đã khó nhìn thẳng mặt người hàng phố. Huống chi cô tôi còn có mang với người tình và cùng người tình trốn về Hà Nội để sinh con. Cô có vốn liếng riêng, lại có

nghề làm hoa giấy và con giống, sống tự lập vẫn được, không gặp khó khăn gì nhiều. Nhưng còn dư luận thì sao? Cô là con mồi mong đợi mà những cái mồm rỗi chuyện tỉnh lẻ muốn cắn xé từ lâu rồi. Tha hồ mà bịa đặt, và sự bịa đặt dẫu vô lý đến đâu vẫn được dư luận ồn ào chấp nhận. Vì con người ấy là rất đáng ghét. "Nó" rất đáng ghét vì "nó" dám coi thường những điều cấm kỵ mà trong thâm tâm họ cũng cho là khắc nghiệt, họ không dám làm chỉ vì họ nhát. Cái táo bạo của kẻ khác khiến họ phải thèm muốn và vì thế mà kẻ kia lại càng đáng ghét, càng đáng giận. Mặc dầu cô Dịu sống ở Hà Nội nhưng phải một năm sau cô mới tới thăm mẹ tôi. Cô mập ra và đẹp rực rỡ. Trời đã cuối thu nên cô mặc áo nhung tím, đi hài cũng bằng nhung tím, cổ tay đeo cái vòng chạm và nơi cổ quấn hai vòng hạt trai nhỏ. Cô vừa cười vừa nói: "Hạt trai là giả nhưng vòng vàng là thật". Cô khoe đã sinh con trai, nặng trên ba ký. Cô làm hoa giấy và thêu khăn chầu áo ngự nên rất có tiền. Vẫn đẹp như xưa, vui như xưa và cô kể lại những chuyện người ta thêu dệt về cô ở tỉnh nhà như chuyện của một người đàn bà bất hạnh nào khác. Chả buồn một tí nào, vì cô đã được sống theo sự lựa chọn của chính mình chứ không giống theo sự lựa chọn của người hàng phố.

3. Cô Dịu sống trong hạnh phúc của mối tình đầu được hai năm thì phải chia tay với người tình. Không phải cái dư luận độc ác đã làm cô nản chí, mà, tội nghiệp thay, lại chính người đàn ông cô yêu đã tỏ ra quá yếu đuối, quá mệt mỏi khi phải đa mang một mối tình thêm và một đứa con thêm. Cô chia tay với ông chồng hờ rất nhẹ nhõm, rất dịu dàng, không đòi hỏi gì, không trách móc gì. Anh mệt quá thì anh nên nghỉ, còn tôi vẫn đủ sức nuôi tôi và con tới ngày nó khôn lớn. Khi trò chuyện với mẹ tôi về sự chia tay của hai người cô đã không hối tiếc một chút nào. Cô đã dám yêu, đã được yêu và có con với người đàn ông mình yêu. Thế là quá đủ! Tất nhiên mẹ tôi không thể hiểu được lý lẽ của cô. Vì cụ chưa từng biết mùi vị của tình yêu. Mẹ tôi có hai đời chồng, nhưng cả hai lần đều do bà ngoại và bác trai tôi quyết định. Là con gái đến thời phải đi lấy chồng. Lấy lần đầu không thành, mình lại còn trẻ thì lấy lần thứ hai. Gia đình bảo thế, phố phường nói thế, xưa nay là thế, thì làm theo thế. Khi con trai cô Dịu đã lên năm cô mới đi

bước nữa. Năm ấy cô mới hăm tám tuổi. Vẫn rất đẹp, vẫn mặn mà, ấm áp của một người đẹp đã có một đứa con. Ông này goá vợ, có ba con riêng xấp xỉ tuổi tôi, là nhà kinh doanh có tên tuổi và cũng là tay ăn chơi khét tiếng đất kinh kỳ. Ông giống một chàng Từ Hải tân thời, còn cô Dịu như nàng Kiều muốn nương mình nơi bóng cả. Một ông Từ Hải không đánh nàng Kiều còn ông chú tôi lại hay đánh vợ. Vì ông vẫn không bỏ được cái tật trai gái mà cô tôi thì cả ghen. Có lần hai mẹ con tôi lại thăm cô. Cô từ trong giường vén mùng bước ra hai mắt và một bên má tím bầm vì đòn chồng. Cả hai người đàn ông đều do cô tự chọn, có nhờ ai chọn hộ đâu mà than vãn. Nhiều năm về sau này, mỗi lần nói về cô mẹ tôi lại than thở. Rằng cô tôi tài sắc rực rỡ một thời, lấy những hai đời chồng mà không một lần được mặc áo cưới, được ngồi xe cưới, họ hàng cũng không được ăn miếng trầu mừng. Toàn lấy theo thôi. Mà cả hai người đàn ông nào có ra gì. Chỉ được cái mẽ ngoài. Ông trước là bột nặn, ông sau là giấy bồi. Vỏ cả! Một ông thì sợ đàm tiếu của thiên hạ đành phải bỏ người mình yêu. Một ông thì đúc ra một bầy con, rồi để các con cho vợ nuôi vợ dạy, còn ông thì đi công tác, lúc ở Bộ, lúc ở tỉnh, quen đủ mọi cấp nhưng thực ra ông đang làm việc gì đến vợ cũng không thể biết.

Năm 1950 tôi từ Khu Ba vào Thanh Hoá thăm cô và các em ở thị trấn Hậu Hiền. Cô không già đi bao nhiêu, vẫn vui vẻ, duyên dáng như ngày còn trẻ. Cô nuôi các con bằng nghề làm thuốc viên chữa các bệnh đường ruột. Nhiều người bệnh viện đã bỏ về uống thuốc của cô lại khỏi. Thuốc gia truyền mà, vì ông chú tôi là một cụ lang rất nổi tiếng của thị xã ngày xưa. Rồi thêu cờ thi đua và làm hoa thi đua. Rồi dạy Bình dân học vụ và hoạt động văn nghệ ở thị trấn. Hỏi bà lang Dịu, cô giáo Dịu, bà Dịu văn nghệ, cả thị trấn ai cũng biết. Tôi hỏi thăm chú tôi, cô nói, chú vẫn công tác trên Việt Bắc, lâu lâu về thăm vợ con một lần, ở nhà lại khoảng dăm ngày để vợ con hầu hạ nuôi nấng, vá quần áo cũ, may thêm bộ mới và lúc đi lại cầm theo một gói tiền. Cô nói: "Chú anh vẫn thế, ông ấy chả chịu khổ một ngày nào". Đàn ông lắm người cũng tốt số nhỉ?

4. Cô tôi hiện vẫn còn khoẻ, mặc dầu đã sang tuổi bảy mươi chín. Nếu mẹ tôi còn sống thì cụ đã ở tuổi chín mươi mốt. Chị em hơn nhau một giáp,

chị ở Mão trên, em ở Mão dưới. Đàn bà tuổi Mão thường vất vả về đường chồng con, nếu lấy chồng sớm không mấy ai thoát khỏi qua hai lần đò. Nhưng cô Dịu không bao giờ tự xem là người đàn bà bất hạnh. Cô đã được lấy những người đàn ông cô yêu, tự nguyện hy sinh vì dầu họ chỉ là những ông chồng tầm thường, có nhiều khuyết tật. Năm 1970, chú tôi mất, con cháu về đông đủ, đám ma rất to vì chú là một nhân vật được kính trọng ở xã. Cô lên Hà Nội ở với con trai làm giáo viên trường nghệ thuật sân khấu, sống trong một căn hộ tập thể. Con trai chưa vợ nên người mẹ phải làm mọi việc tạp vặt của một gia đình. Cô vẫn làm thuốc gia truyền và làm hoa giấy, bán cũng có, cho cũng có, làm cho vui, làm cho có bạn. Cô luôn luôn có nhiều bạn đủ mọi lứa tuổi và họ đều mê say được nghe cô nói chuyện. Đủ thứ chuyện, chuyện thời xưa, chuyện bây giờ, toàn chuyện vui thôi, chuyện để cười thôi. Cô không chỉ nói chuyện mà còn dạy nữa. Dạy các cô giáo, các bà chủ gia đình cách nấu một bữa cỗ, may thêu quần áo, cả cách ăn ở với chồng, với họ hàng nhà chồng và với chồng. Châm ngôn của cô, không nên đòi hỏi gì ở người đàn ông cả, mình cứ làm cho hết bổn phận. Nếu là người biết nghĩ thì họ sẽ tự sửa đổi, do họ muốn sửa đổi chứ không do người đàn bà đã buộc họ phải sửa đổi. Đàn ông họ sợ nhất sự bắt buộc. Với những người chồng có tính phóng đãng, cô khuyên các bà vợ nếu muốn buộc chân họ thì nên dùng sợi dây dài, chớ dùng sợi dây ngắn mà hỏng. Cô lại nói thêm, tốt nhất là đừng trói buộc gì cả, cho họ tự do hoàn toàn, còn mình phải tạo ra một gia đình thật ấm áp, là nơi trú ngụ tin cậy nhất của những ông chồng. Về nhà là về với sự yên tĩnh, sự tin cậy, để lấy lại những thứ mà họ đã đánh mất ở nơi này hay nơi kia. Cô khuyên người những điều cô đã một đời làm theo, còn kết quả ra sao thì không dám chắc. Với cô thì hết sức buồn. Chồng buồn đằng chồng, con buồn đằng con. Năm người con của hai đời chồng đều là những người tử tế, hiền lành nhưng vất cả. Vì họ quá vất vả nên họ không còn thì giờ và tiền bạc để quan tâm tới mẹ. Họ chỉ nghĩ tới mẹ khi họ cần có bà ở cạnh để dựa cậy. Một con trai bị lao phổi phải nằm bệnh viện, vợ lại bỏ, không có người hầu hạ liền nghĩ đến mẹ. Một con trai khác hí húi làm giàu quên mất mẹ, tới lúc bị ung thư gan nằm chờ chết bỗng thấy sợ hãi đủ thứ lại gọi mẹ tới để có chỗ nương dựa. Con

gái bỏ chồng chưa biết đi đâu, về đâu, làm gì lại kêu cứu mẹ. Và mỗi lần con cái gọi là bà mẹ lập tức lao đến. Sự có mặt của bà có làm chúng dễ thở hơn, bình tâm hơn. Phép lạ của bà rất đơn giản: Không một ai tránh được những bất hạnh này nọ ở đời. Nhưng cách nhận nó như thế nào lại thuộc cái quyền của mình. Nhận nó bằng nụ cười vẫn nhẹ nhõm hơn bằng tiếng rên la.

Cách đây hai năm cô tôi đã bảy mươi bảy tuổi, bất đồ bị bà ném từ trên võng mắc cao xuống nền nhà vì dây cột võng bị tuột. Trai tráng bị cái ném ấy cũng ê ẩm người huống hồ một bà già. Rất có thể bà cụ sẽ bị liệt cho đến chết. Tôi đến thăm cô, bà nằm trên giường mặt mũi lợt lạt nhưng vẫn móm mém cười, bảo tôi: "Từ trẻ đến già chả có cái khổ nào mà tôi không được nếm qua. Đã nghĩ ông trời tha thứ cho lúc tuổi già nào ngờ ông vẫn nhớ". Nói xong lại cười, cười lào phào. Cái khổ lúc còn con gái, lúc đi lấy chồng, lúc có con cái, mỗi đoạn đời có bao nhiêu cái khổ có tên và không tên cô tôi đều có phần của mình cả. Mười ngày sau chú em tôi đến báo bà cụ đã ngồi dậy được. Mấy ngày sau tôi lại thăm bà cụ đã vịn giường, vịn ghế ngồi được vào bàn ăn cháo. Bà bảo: "Tuổi già không để con gái phải hầu những việc bẩn thỉu đã là phúc to rồi. Tôi không dám mong khoẻ lại như ngày xưa". Một tháng sau bà đã đi lại được không phải chống gậy, rồi lại đi chợ, rồi bảo con đèo xe sang nhà tôi chơi. Lại trò chuyện, lại cười đùa với các cháu và dự tính giáp Tết sẽ ra Hà Nội, ăn lại một cái Tết ngoài Bắc dối già. Như chả có chuyện gì đã xảy ra cả. Nghe vợ tôi nhăn nhó, than thở về những bệnh nửa thật nửa giả vào tuổi chớm già, cô tôi vừa cười vừa bảo: "Ai mà chả phải chết, đừng có chết vặt bằng những lo lắng lẩm cẩm mà thiệt". Nói xong lại cười. Vợ chồng tôi cũng phì cười. Cái cười không mất tiền mua mà sao con người ta lại khắt khe với mình đến thế!

Bảy đô một đêm

Đêm đầu tiên

Anh rút từ trong túi du lịch ra cái màn và hai cái chăn len, một để trải thay chiếu, một để đắp. Thoảng một mùi nắng thoáng trong trụ sở đóng kín.
Vừa loay hoay tìm cách mắc màn anh vừa cố nhớ xem lần cuối cùng anh phải tự chuẩn bị chỗ ngủ cho mình là hôm nào.
Nhưng anh không nhớ.
Còn từ đêm nay, anh sẽ phải tự lo chỗ ngủ, lo cho những giấc ngủ không bình thường của mình. Không bình thường vì...
Anh nhớ mãi hôm ấy, khi người ta đề nghị với anh: ngủ trực tối tại trụ sở với giá bảy đô một đêm.
Trước cái giá ấy mẹ anh bảo: "Mẹ có thể ngủ ở đó cả đời". Bà đã từng gần trọn đời tần tảo kiếm từng hào nuôi các con.
Còn bố anh thì định nói gì nhưng lại thôi, chừng như không muốn phật lòng mẹ.
Thằng em buông lơ lửng: "Ngủ ở đâu chẳng là ngủ. Một đô em cũng cân".
Vợ anh là dâu nên chọn sự im lặng. Đêm, anh gặng hỏi mãi, cô mới thì thào: "Em thấy ngài ngại thế nào ấy".

Đêm tiếp theo

Đêm thì đen mà sao cái nhà riêng tương lai của anh lại hiện ra rõ thế. Nó vừa to vừa đẹp... vừa đầy đủ tiện nghi loại "xịn".
Anh nhẩm tính xem bao giờ thì cái biệt thự ấy đậu xuống được đến đất.
Năm nay anh hai bẩy, cộng...

Đêm thứ m

Anh những tưởng sẽ chỉ được lặp đi lặp lại một câu chuyện của hai vợ chồng qua điện thoại từ lâu đã trở thành nhàm chán:
"Anh vẫn thế". Em vẫn lau chùi nhà cửa, đồ đạc cả ngày và đưa đón con đi học".
Nhưng hôm nay câu chuyện qua điện thoại của vợ chồng anh bỗng thay đổi

hẳn đề tài: “Em thấy mình như con chó trông nhà. Anh về”. “Gắng thêm một thời gian nữa em ạ. Nghỉ là mất suất ngay. Anh cũng thèm ở nhà lắm chứ. Nhưng ta phải tận dụng cơ hội”. “Lỡ cơ hội ấy kéo dài cả đời thì sao? Em nghĩ nhà mình thế là đủ lắm rồi. Em sẽ đi làm”.
Đủ.
Biết thế nào là đủ? Vớ vẩn.

Tối thứ n

“Cô thật vô ơn, sướng không biết đường sướng”. “Hai mẹ con em sẽ về bà ngoại. Em bàn giao luôn đồ đạc cho anh”. “Cô đừng doạ tôi. Cô có biết tôi phải mua cái buổi tối cãi nhau này giá bao nhiêu không? Tôi phải thuê thằng bạn mười lăm đô đấy”, “Em không quan tâm đến bảng giá của anh”, “Còn cô, cô tưởng cô cao giá lắm sao? Không phải đi làm, quần áo muốn gì có nấy, chưa biết thế nào là hết tiền, cô còn muốn gì nữa?”, “Em muốn, em muốn...”, người phụ nữ bật khóc. “Đàn bà đúng là khó hiểu và không biết điều!”.
Đêm đầu tiên ở lại nhà
Ở nhà mình mà anh thấy lạ nhà, khó ngủ quá.
Đệm mút, màn căng chu đáo mà giấc ngủ vẫn không chịu đến. Anh nhỏm dậy, bật đèn tất cả các phòng lên. Rồi anh đi hết phòng này sang phòng khác, hy vọng sau khi tham quan xong sẽ ngủ được.
Kia là chiếc tivi màu đời mới Stereo giá gần sau mươi đêm, cạnh nó là cái đầu video đa hệ ngót nghét bốn mươi đêm, và bao nhiêu thứ nữa... Một con số đêm khổng lồ.
Gần sáng anh thiếp đi trên chiếc đi-văng, theo tư thế nửa nằm nửa ngồi quen thuộc. Anh thấy mình lang thang trong toà lâu đài sang trọng nhưng hoang vắng. Một lâu đài chết như trong cổ tích... giá lúc này có vợ anh ở đây thì tuyệt biết mấy. Đàn bà thật khó hiểu.
Ao ước mãi ra ở riêng, đến lúc có nhà lại đùng đùng bế con về nhà ngoại.

Đêm x+1

Anh đã sắm được một tặng phẩm hết ý. Anh cũng đã chuẩn bị những lời

còn hơn hợp tình hợp lý để tạ lỗi cô ấy...
Anh đã huy động hết can đảm... Chắc vợ anh còn giận lắm... mặt cô siêu lầm lì. Anh khẩn khoản, khổ sở đến thất vọng.
Rồi cô ấy bỗng phì cười...
Họ nằm bên nhau ấm áp, an toàn. Mắt vợ anh bỗng ánh lên tinh nghịch: "Chúng mình tiêu một đêm theo cách này thì sang quá phải không anh?"
Anh buột miệng: "Anh không quan tâm đến bảng giá của em."

Đàn ông

Nữ nghệ sĩ Xuân Nội tuổi đã lớn nhưng giọng hát của chị vẫn còn được giới trẻ hâm mộ. Một giọng hát quý hiếm, không thay đổi với thời gian, vẫn rất ngọt, rất ấm và hơi lẳng. Chị vốn là cô gái đặc quê, nhờ thanh sắc lại sinh ở một làng chèo nổi tiếng nên được lấy lên đoàn văn công tỉnh từ năm mới 17 tuổi. Ngày còn trẻ, các anh chị trong đoàn gọi chị là "cái Nội", "Cái Nội đâu rồi, sắp đến lượt mày ra hát đấy!" Khi chị đã là một diễn viên hát được quan tỉnh quen mặt, dân chúng thuộc tên thì mọi người đều gọi chị là Xuân Nội. Cũng không rõ ai đã đặt cho nhưng nghe có vẻ tỉnh thành, có vẻ văn nghệ nên chị vui vẻ chấp nhận. Dăm năm gần đây mặc dầu chị đã nghỉ hưu nhưng các liên hoan ca nhạc ở tỉnh nhà hoặc ở các thành phố lớn đều có mời chị với lời lẽ hết sức trân trọng của ban tổ chức chương trình và trên quảng cáo: nữ nghệ sĩ Xuân Nội... Về đường công danh chị thành đạt hơn bạn bè, hơn cả lòng mong muốn. Nhưng về đường tình duyên thì hết sức hẩm hiu. Chị về đoàn mới được nửa năm đã có một anh chàng bên văn phòng ủy ban tỉnh để ý, muốn làm quen. Tối thứ bảy hoặc sáng chủ nhật tuần nào anh cũng đến đoàn tìm cách trò chuyện với Nội. Anh không già cũng không trẻ, khó đoán tuổi nhưng sạch sẽ, nghiêm trang. Nói chuyện với bạn gái nhưng anh ta lại sợ bị hiểu lầm là không đứng đắn nên chỉ ngồi ở chỗ đông người, ngồi có khoảng cách, nói cười đều mực thước. Các chị trong đoàn hỏi Nội: "Thằng cha ấy nó muốn chim mày à?" Nội đáp: "Làm gì có !" - "Vậy nó nói những gì với mày cả buổi thế?" - "Chỉ nói em phải phấn đấu vào Đoàn. Rồi những gỉ những gì. Nói rặt chính trị thôi". Mấy bà chị cười nghiêng ngả rồi phán: "Tội nghiệp cho mày, lần đầu gặp đàn ông lại vớ phải thằng lại cái". Lại một nửa năm nữa cô bé ngây ngô mới gặp người chồng sau này, là đội trưởng đội kịch, cũng là một cán bộ của đoàn. Anh tên là Minh. Lấy vợ từ năm còn chưa mọc lông nách, vợ hơn chồng những mười mấy tuổi, cưới con dâu để có người làm, mà rồi cũng có một mặt con với nhau, bắt đầu đi văn công thì anh bỏ lửng vợ, rồi tuyên bố bỏ hẳn. Mấy năm nay anh đã tán tỉnh nhiều cô chưa chồng trong đoàn và trong đội kịch nhưng hỏng cả, cuối cùng lại vớ được

Nội. Những lần đoàn đi biểu diễn luôn luôn Minh tìm được những chỗ kín đáo để rủ Nội đi chơi và tâm sự. Người đàn ông này hoàn toàn khác hẳn với người đàn ông trước. Miệng chưa nói tay chân đã quờ quạng, nắm tay, ôm lưng, vuốt mông. Quen nhau chưa được một tháng hắn đã nói với bạn gái những chuyện nhảm nhí, tục tĩu, mắt long lanh, răng trắng nhởn, lưỡi đỏ chót, hơi thở nồng và hôi như loài thú. Thoạt đầu cô cũng sợ, nhưng càng sợ lại càng thích gặp, vì mỗi lần gặp như đang dấn mình vào một cuộc phiêu lưu đầy nguy hiểm. Rồi hắn đòi cưới. Cô không đồng ý thì hắn bảo luôn: "Cưới bây giờ là đẹp mặt cả đôi. Còn khi bụng đã to mới cưới thì anh em làng nước họ sẽ chửi cho". Cô phản đối: "Em không đồng ý thì làm sao có chuyện đó được". Hắn cười nhăn nhở: "Tính em hiền, lại cả nể mà cũng dâm nữa. Anh tấn công vài lần là em đổ ngay". Nghĩ đi nghĩ lại thấy cái thằng nửa quỉ nửa người ấy nói cũng phải nên cô bằng lòng cưới. Năm 19 tuổi cô sinh đứa con trai đầu lòng. Năm sau lại có chửa, chồng bắt phá thai. Cô quỳ khóc, van lạy nhưng hắn vẫn không lay chuyển. Hắn lý lẽ: "Có một con cho vợ chồng gắn bó, có hai con mất cả nghề nghiệp, mất cả tuổi thanh xuân, có mà điên". Cô phải nghe lời. Thai đã lớn, bác sĩ mới ra trường, thuốc men vớ vẩn, đã tưởng chết. Cô không chết nhưng cơ quan sinh nở vĩnh viễn hỏng. Ông chồng tuyên bố: "Từ nay em là một nghệ sĩ hoàn toàn tự do" Chả hiểu ý tứ của hắn ra sao. Sinh đứa đầu được hai tháng thì Minh được về Hà Nội học lớp đạo diễn sân khấu ba năm. Con được bốn tháng, Nội đã phải ôm con theo đoàn đi biểu diễn. Một tay bế con, một tay xách cái túi đựng bếp dầu, bột và đường. Ba lô trên vai nhét toàn tã lót, võng gối của thằng nhỏ. Đêm diễn chả biết gửi con cho ai, mắc võng vào khung sắt gầm sàn diễn, lại che mảnh vải dù lên mặt võng để bụi khỏi rơi vào mặt con. Đến tiết mục kịch, quân ta và quân Mỹ đánh nhau, ném lựu đạn gỗ lăn trên sàn diễn rầm rầm. Thằng nhỏ nằm dưới giật mình khóc thét lên, tiếng khóc bắt vào máy phóng thanh, người xem được một mẻ cười còn người mẹ thì bị phạt suất tiền bồi dưỡng đêm diễn. Tiền là mấy đồng hay mấy hào thì quên rồi, đại khái mua được cái bánh chưng mỏng như lưỡi mèo hoặc nửa bát phở. Ông chồng đi học đạo diễn ba năm chỉ về nhà khoảng bốn lần, có hai lần vào dịp Tết. Về tay không, tiền không

có, quà Tết cho vợ con cũng không có, bảo là đã mua sách nghiên cứu hết. Nội chưa bao giờ tin chồng cô có tài làm đạo diễn. Anh sống như kịch, mồm mép như kịch sĩ nhưng chưa có vai diễn nào thành công trong suốt mười năm ở đoàn. Không ai dám giao anh nhận vai chính phái. Nghĩ rằng con người có dáng dấp tà phái sẽ dễ dàng nhập vai Việt gian, mật thám, ma cô, quân gian lận, lừa đảo hoặc cán bộ đã mất phẩm chất. Nào ngờ anh diễn vẫn hỏng. Vai quân tử thất bại, vai tiểu nhân cũng thất bại. Cứ giả giả thế nào. Cũng chả hiểu vì sao ?

Sống trong một đoàn văn công tỉnh, biết gì nhiều những chuyện trên trời dưới biển nhưng có lúc anh lại phàn nàn với vợ bị cấp tỉnh trù ếm vì họ đã xem anh là phần tử xét lại. Có lúc lại bảo bị đám văn nghệ sĩ ở tỉnh thù ghét vì anh thuộc phái bảo thủ, giáo điều. Hình như cũng chả phải, cô vợ nghĩ thế. Cũng là giả cả, anh chả là cái gì, chỉ là chính anh thôi. Mà cái con người thực ấy chỉ sau vài năm lấy nhau là chị biết liền, biết anh lúc đếm tiền, biết anh lúc ái ân với vợ và lúc ghen tuông, và biết anh lúc tính chuyện tương lai với vợ nhân có chuyện vui nào đó. Cái biết ấy buồn lắm. Vì anh chỉ là một thằng đàn ông rất tầm thường. Tầm thường thì đã sao? Cái tầm thường vốn nó không phải là một cái tội để người ta khinh, người ta ghét. Có điều đã tầm thường lại còn thích nổi danh, thích đánh đu với những người nổi danh, thích học đòi cách sống đài các, quái dị của những kẻ nổi danh, muốn đứng lẫn với họ để tự coi là một phần tử trong đám họ. Sống với nhau được mười năm thì anh bỏ đoàn lên một tỉnh mạn ngược làm cán bộ sáng tác kịch của Hội Văn nghệ trên đó. Vì anh được nghe ai đó trong giới sân khấu nói rằng anh có khả năng sáng tác hơn khả năng biểu diễn. Rồi anh lấy một bà góa vào loại giàu có vì bà ta có nghề nuôi ong rừng. Đi là đi, một đi không trở lại, chả nói sao cả, đến một lời nói dối cũng không có. Hơn hai chục năm nghệ sĩ Xuân Nội vừa là gái có chồng vừa là gái không chồng, lại đang thời cả tài lẫn sắc đều vừa độ chín, quyến rũ cả trăm người, trai tân có, trai có vợ có, cả mấy ông quan chức hàng tỉnh cũng muốn bỏ vợ quê để được làm chủ một cái tài sản vừa thơm vừa ngọt, nhưng đêm về người đàn bà nổi danh kia vẫn ngủ rất yên giấc bên cạnh đứa con trai đã lên mười. Vì cô sợ đàn ông quá, thực sự là đã rất sợ

đàn ông. Cuối năm 1994 nhân một buổi gặp mặt vui chơi với anh chị em văn nghệ tỉnh H. tôi lại được gặp Xuân Nội sau nhiều chục năm xa cách. Đến tin tức về nhau cũng không có. Chị vẫn rất đẹp, rất đàn bà và hơi lẳng. Cặp mắt dài, hàm răng hơi hô nhưng đều và tròn, cái cằm lẹm một chút là những nét quyến rũ từ thời còn con gái. Chị không được học nhiều nhưng nhạy cảm, thông minh, biết nói chuyện, càng có tuổi xem ra càng đằm thắm. Tôi hỏi:

- Người đàn ông của bà em dạo này ra sao rồi?

Chị nhướn mày, hỏi lại :

- Đàn ông nào?Thấy vẻ mặt ngơ ngác của tôi, chị vừa cười vừa dí ngón tay trỏ vào trán tôi, như ngày xưa, bảo:- Ông này lại nghĩ bậy rồi, phải không? Xưa nay em chỉ có một thằng chồng mà anh đã biết. Hắn bỏ em từ lâu lắm rồi.

Tôi lại hỏi :- Cô sống một mình à?- Một mình thế nào, em đang sống với thằng đàn ông khác. Rồi lại cười, lại ngấm nguýt, lại bảo tôi đừng có nghĩ vớ vẩn vì cái thằng đàn ông này là con trai chị. Nó đã 32 tuổi, trưởng phòng kỹ thuật của Sở Công nghiệp, chưa vợ con gì, là một thằng đàn ông quá đổi tử tế.

Chị kể, thằng con tên là Mẫn, thương mẹ và tháo vát từ ngày còn nhỏ. Năm 12 tuổi nó đã biết đi chợ, nấu cơm, giặt quần áo, đảm đang như con gái. Lớn lên một chút nó là ông chủ nhỏ của gia đình. Nó không có sự thơ ngây, tính ỷ lại, thói làm nũng của trẻ con. Nó đã già sớm, làm người lớn sớm như để chuộc lỗi cho bố nó. Nó không thể nghĩ được thế nhưng người mẹ đã tưởng tượng ra thế để được hy sinh cho nó nhiều hơn nữa. Là một nghệ sĩ có tên tuổi nhưng chị không hề may sắm quần áo và giày dép mới, chưa hề sắm đồ nữ trang. Toàn mua đồ cũ của bạn bè thải ra, về may cắt lại. Đêm biểu diễn chị thường quấn quanh cổ một vòng hạt cực đẹp, lấp lánh nhiều màu như kim cương. Bạn bè hỏi, chị chỉ mỉm cười rất bí mật. Hỏi giá tiền, chị trả lời: "Năm ngàn!" Nói thế là thật chứ không đùa. Các hạt có nhiều cạnh sáng chỉ là những hạt cườm nhỏ của mọi gánh hàng xén, tẩm qua cồn pha loãng để hơi khô rồi lăn tròn trên tay. Chị nói với tôi: "Váy áo và đồ trang sức của em rất hợp thời trang nhưng giá trị chỉ trong vòng trăm

ngàn".
Tôi có hỏi, vì sao con trai đã 32 tuổi mà chưa lấy vợ? Nó xấu trai hay bà mẹ nghệ sĩ khó tính không muốn chia xẻ tình yêu của mình với một người đàn bà khác. Chị nói rất buồn bã rằng, chị cũng đã nghĩ thế, chị rất sợ bạn bè chị cũng nghĩ thế. Con trai chị có đầy đủ tiêu chuẩn một người đàn ông được đàn bà thèm muốn. Nó có nhiều bạn gái, thân mật với nhiều người nhưng chưa gắn bó với một ai cả. Chỉ vì nó sợ các cô gái của thời bây giờ sẽ làm mẹ nó buồn vì cách sống phóng túng và ích kỷ của họ. Đã có hai người con gái thường đến với chị gần như người thân mà rồi hỏng cả. Cô đầu tiên tuổi ngoài đôi mươi, không đẹp nhưng hiền. Chị hỏi cô gái: "Cháu có thích nghe ca nhạc không ?" - "Cháu cũng thích nhưng chỉ nghe qua đài" - "Cháu thích bài hát nào và ca sĩ nào?" Con bé cười: "Cháu toàn nghe nửa chừng nên cũng không biết tên bài hát và người hát". Sau lần ấy không thấy cô gái đến chơi nữa. Chị hỏi con trai, nó trả lời: "Mẹ chồng là ca sĩ, con dâu lại điếc đặc âm nhạc, sống với nhau thế nào được". Thế là thôi. Cô thứ hai lớn tuổi hơn, từng trải, sắc sảo, nói chuyện với mẹ chồng tương lai toàn hỏi tiền thu mỗi đêm biểu diễn, tiền thu bài hát qua băng, tiền may gia công mỗi ngày, rồi cô tính toán luôn một chương trình làm ăn rất kinh tế nhờ vào cái giọng vàng trời cho của bà ca sĩ già. Con trai nói với mẹ: "Con lấy nó thì gia đình mình sẽ thành xí nghiệp in tiền, nó là giám đốc còn mẹ con mình thành kẻ làm công. Mẹ chịu chứ?" Cũng lại thôi luôn. Chị đã nói thẳng với con trai: "Con lấy vợ hay chưa muốn lấy vợ là việc riêng của con, việc một đời của con đừng có tính đến mẹ, đừng có hy sinh vì mẹ". Chị thở dài, gương mặt nhìn nghiêng, hơi cúi xuống, trong thoáng chốc như già đi hẳn. Năm tháng chả buông tha cho ai cả, lại là những năm tháng có bao nhiêu lo nghĩ:
- Một đời em chỉ có hai người đàn ông thân thiết, cả hai đều cho em uống mật đắng. Một ông chồng làm khổ em một đời vì những cái mộng hão huyền của ông ta. Một thằng con thì bắt em phải ân hận những năm tháng còn lại vì sự hy sinh vô lý của nó. Nói anh đừng cười, phụ nữ chúng em không thể sống chung với ma quỉ nhưng cũng không thích sống chung với thần thánh. Đằng nào cũng là mất tự do, mà cái phần tự do của bọn em đâu

có bao nhiêu. Chị ngồi co chân ôm gối trên cái kỷ dài, vạt váy buông trùm kín bàn chân, vẫn hơi nghiêng đầu để một bên mái tóc cắt ngắn che nửa mặt, một dáng ngồi nũng nịu và quen thuộc từ ngày còn rất trẻ, rồi hát khe khẽ một trổ trèo cũng rất quen thuộc, hình như tôi đã được nghe nó một lần từ mấy chục năm về trước thì phải: Một mình thiếp tôi trằn trọc a...a...á...a ới...ới...a Như bình nấu nung Lửa tiêm kinh càng giập sao thiếp tôi í... ì... i càng nồng Thu phong bát ngát, giấc mòng cô đợi ai Gió thoảng đưa phảng phất ở cửa ngoài...

Tháng 11 năm 1995.

Đàn bà

Lưu là đội trưởng đội cảnh sát hình sự tuyến, tức là cảnh sát chống tội phạm hình sự trên các tuyến giao thông. Năm 1982, Lưu 22 tuổi, anh lấy vợ. Vợ chồng bằng tuổi nhau, cùng học với nhau ba năm trung học. Chồng làm công an, vợ làm ở khách sạn, được công ty du lịch phân cho một căn nhà ở trung tâm thành phố. Về đời riêng, bắt đầu như thế cũng là hơn nhiều người. Lưu rất đẹp trai, dáng vóc cao lớn, hao hao giống các diễn viên Hồng Kông trong phim hình sự. Vợ cũng rất xinh gái, đẻ một con lại càng xinh. Vợ chồng bế con đi chơi phố ai cũng phải ngoái cổ lại nhìn. Một cặp vợ chồng thời bình quả nhiên có khác với những cặp vợ chồng thời chiến. Họ là những người may mắn khiến các thế hệ sinh trước phải ghen tị. Chỉ có một trục trặc rất nhỏ không đáng để ý, ấy là lương một trung sĩ công an hơi ít, chỉ có 51 đồng, đóng tiền ăn đã mất 18 đồng. Lương vợ bao nhiêu chồng cũng không hỏi vì biết lương của vợ chỉ là hình thức, còn "bổng" mới là nguồn thu chính. Vì là "bổng" nên số tiền không cố định nhưng trong tủ lúc nào cũng có sẵn từng xấp tiền. Đẻ con, nuôi con, nuôi mẹ từ quê ra trông cháu đều là tiền của vợ. Lưu đi bắt cướp, có khi phải đi vài ngày, tiền công tác rất ít cũng phải ngửa tay xin vợ. Xin mãi cũng ngượng, vợ lại để sẵn tiền trong tủ nên về sau Lưu cứ tự tiện lấy, không mấy khi hỏi. Của vợ như của chồng, đã là vợ chồng ai còn phân bì của tôi với của anh. Nghĩ ngợi lẩm cẩm quá có khi vợ lại ngờ rằng tình yêu của anh với cô không trọn vẹn.

Một tối Lưu về nhà đã rất khuya nhưng vợ anh vẫn chưa về. Bà mẹ ra mở cửa mặt buồn rười rượi, hỏi câu nào trả lời câu ấy, mắt cứ nhìn xuống. Lưu đã vào giường nằm mới nghe bà cụ nói: "Anh thử hỏi vợ anh xem nó có muốn gửi con bé đi nhà trẻ không? Hàng xóm họ đều gửi con ở nhà trẻ cả, nghe nói các cô trông cháu cũng cẩn thận lắm". Lưu hỏi: "Mẹ không thích ở đây nữa à?". Bà cụ nói: "Tôi muốn về quê ít tháng, ở mãi đây cũng nóng ruột ở nhà". Chuyện ở hay về là chuyện thường nhưng giọng nói bà cụ lại không bình thường, cứ như người muốn khóc. Lưu lại hỏi: "Mẹ chồng nàng dâu lại có chuyện gì không vui, phải không mẹ?"." Không, chả có chuyện

gì. Bỏ nhà đi cả năm, còn các em anh..." Mấy ngày sau Lưu nói chuyện với chị ở phòng kế bên mới hay, dạo này vợ anh nói hỗn với mẹ chồng nhiều lắm. "Chắc là nó mới đổi tính, trước kia đâu có thế". Chị kia nói: "Lâu lắm rồi chú ơi. Bà cụ rất hiền, cứ bế cháu sang đây khóc lén khóc lút, lại còn dặn tôi phải giấu chú". Lưu lại hỏi: "Cách đây mấy ngày chị có biết đã xảy ra chuyện gì không?". "Mọi ngày giờ trưa cô ấy không về, trưa hôm ấy bỗng nhiên lại xồng xộc về thấy bà cụ ôm cháu ngủ, bát đũa chưa rửa, thế là cô ấy làm ầm lên. Bảo là lấy chồng chứ ai lấy thằng ăn cắp.
Chả biết lấy tiền cho gái hay cho anh cho em mà để tiền bao nhiêu cũng hết bấy nhiêu". Lúc ấy Lưu mới ngớ người ra. Vợ lấy tiền của chồng là chuyện tự nhiên, nhưng chồng không làm ra tiền lại lấy của vợ tiêu lại là chuyện không bình thường. Lấy tiền mà không nói tức là ăn cắp, chứ còn gì nữa.
Bà mẹ chồng về quê. Con gái gửi nhà trẻ rồi gửi mẫu giáo, thỉnh thoảng vợ chồng Lưu vẫn mời bạn bè tới nhà dùng cơm. Thỉnh thoảng họ vẫn cùng nhau đi xem kịch, xem chiếu bóng, đi và cùng uống nước giải khát ở các quán quen.
Họ dắt con đi chơi vẫn có nhiều người ngoái lại nhìn, vẫn là một cặp vợ chồng đẹp đôi và có vẻ thỏa mãn. Người ngoài tưởng thế, bạn bè cũng nghĩ thế nhưng hàng xóm thì biết giữa họ không khéo đã có chuyện to rồi. Vì căn hộ của cặp vợ chồng trẻ ấy không có tiếng cười, không có cả tiếng nói. Chồng về rất khuya cũng chỉ nghe có tiếng mở cửa rồi tiếng giội nước, không thấy bật đèn cũng không nghe có ai hỏi ai. Vợ về muộn cũng thế. Họ chỉ nói với nhau khi có bạn bè tới thăm hoặc trước mặt hàng xóm. Con bé đã lên năm, đi mẫu giáo rất ngoan, đến giờ đón con mà bố mẹ chưa về thì bác hàng xóm đón, thường là ăn cơm tối với các con của bác, nũng nịu với các anh chị, hỏi han, cười đùa như mọi đứa trẻ khỏe mạnh. Nhưng ở với bố mẹ những ngày nghỉ thì cả ngày con bé không nói, cười cũng không, mắt nhìn lấm lét như là sợ.
Lưu cũng biết vợ không còn yêu anh nữa, anh khỏe mạnh, đẹp trai, đàn bà con gái đủ mọi lứa tuổi rất thích được nói chuyện với anh, chọc ghẹo anh và cũng rất muốn được anh nắm tay, nắm chân ghẹo lại. Anh chỉ thiếu có tiền thôi. Chả lẽ một thằng đàn ông thiếu tiền nằm cạnh vợ mà không gây

được một xúc động nào ở người đàn bà, dẫu rằng họ không còn là tình nhân nữa? Vô lý!
Nhưng là chuyện có thật. Họ vẫn nằm chung giường, con gái ngủ giường con kê liền cạnh, nhưng rất nhiều đêm họ không hề biết đến nhau. Lưu luôn luôn về muộn và đôi khi mệt mỏi, chán chường, không phải lúc nào cũng chán vợ, mà là chán cái nghề truy lùng, bắt, khám xét. Tới đâu cũng chỉ vấp phải những bộ mặt sợ hãi, dối trá, oán hận. Bất cứ lúc nào cũng có thể nhận một nhát dao đâm từ lưng hoặc một gậy bổ xuống đầu. Cứ hẳn thế anh lại dễ ăn, dễ nói, dễ xử sự. Còn vợ anh thì sao? Từ mấy năm nay chị có một gương mặt rất lạ, không vui, không buồn, cũng không giận, như gương mặt tượng. Vừa là vợ lại vừa là người lạ, vừa là người thân nhất, vừa là người có thể căm ghét anh nhất. Không có mũi dao nào ló ra nhưng đứng cạnh nhau là đau nhói, sau đó là rã rời như đã bị chảy máu từ bên trong. Anh phải xử sự như thế nào, phải nói năng ra sao? Anh không biết, anh lúng túng, vụng về, cau có và càng trở nên đáng ghét hơn.
Cũng có đêm Lưu rất muốn được yêu vợ. Anh nằm cạnh vợ, cười nịnh nọt và đưa tay khẽ vuốt ve một cánh tay của vợ. Chị hất tay anh ra như người ghê tởm, càu nhàu nói: "Ông ngủ đi, tôi mệt quá". Có lần anh nhẫn nại năn nỉ thì chị quay mặt về phía anh, một gương mặt trắng xanh dưới ánh điện đường chiếu vào, nói dửng dưng: "Ông muốn làm gì thì làm nhanh lên". Anh thở dài, nằm lùi lại, nói nhỏ: "Em ngủ đi, anh cũng thấy mệt rồi!". Ai mà tin được một cặp vợ chồng đẹp đôi như thế, nằm cạnh nhau cả năm mà không ai đụng chạm vào da thịt của ai.
Thời gian đầu chỉ có vợ chồng Lưu là biết cái gia đình nhỏ bé của họ có nguy cơ tan vỡ, còn bạn bè và họ hàng vẫn không hay biết gì. Thời gian sau, mọi người đều biết vợ Lưu có ngoại tình, biết rõ cả địa chỉ của người tình nhưng Lưu lại không hề biết. Có thể anh cũng đã lờ mờ biết nhưng anh không muốn tin vì người tình của vợ lại là ông trưởng phòng vật tư của một công ty du lịch. Ông ta đã năm chục tuổi, xấu trai và thô lỗ, chỉ được cái khỏe mạnh và rất lắm tiền. Người như thế làm sao quyến rũ nổi vợ anh. Vợ anh còn trẻ, vẫn đẹp và cũng có tiền. Anh cũng còn rất trẻ, mới ngoài ba mươi, là một sĩ quan cảnh sát có triển vọng, đã được báo Hải Phòng nêu

tên và đăng ảnh. Anh chỉ có một khuyết điểm nhỏ là không nghĩ ra được những cử chỉ âu yếm lặt vặt của mỗi ngày để chiều vợ, không luôn luôn có mặt bên cạnh vợ những lúc cô ấy cần. Và đã rất nhiều đêm anh nằm vật bên cạnh vợ như một khúc gỗ sau một ngày bám theo những chiếc xe ca chật như nêm cối để phục bắt bọn cướp giật.

Nhưng Lưu vẫn tin mối quan hệ bất chính kia nếu có thì cũng để trêu anh thôi, cảnh cáo cho biết chứ chưa hẳn đã muốn dứt bỏ thật. Cơ quan vật tư của công ty du lịch gần ngay khu nhà tập thể của công nhân viên. Gia đình trưởng phòng vật tư ở Kiến An nên ông ta chỉ về nhà tối thứ bảy và ngày chủ nhật, còn các ngày làm việc ông ta ăn ở ngay tại cơ quan. Các buổi trưa vợ Lưu cũng không về nhà, đi chợ nấu ăn tại nơi làm việc, cùng ăn với trưởng phòng và ngủ trưa tại phòng ông ta như một cặp vợ chồng. Không ai dám nói đã đành, người vợ ngoại tình cũng không thích giấu giếm nữa, kể cả với ông chồng cảnh sát. Cho tới một buổi trưa, Lưu đã bí mật leo ống máng như cách vây bắt một tội phạm hình sự, đột nhập từ cửa sổ khép hờ vào phòng riêng của trưởng phòng vật tư và bắt gặp vợ mình cùng người nhân tình lớn tuổi chỉ vừa kịp quơ chăn phủ lên người...

Họ đã đưa nhau ra tòa để ly hôn. Lưu thì xấu hổ và đau đớn nhưng vợ anh rất thản nhiên như đang thay mặt ai đó để làm cái việc nghiêm trọng ấy. Khi tòa hỏi ai sẽ nuôi đứa con gái, theo luật thì đứa con duy nhất sẽ theo mẹ, trừ phi... Người đàn bà nói luôn: "Để bố cháu nuôi, lương tôi thấp không đủ khả năng nuôi cháu". Nói rất tự nhiên, không đắn đo, nghĩ ngợi gì cả. Vài tháng sau, Lưu được tin cô vợ cũ đang ăn sáng thì bị bà vợ chính thức của người tình đưa con trai lớn tới đánh ghen, mẹ thì chửi, con thì đánh. Một năm sau, tay trưởng phòng chuyển công tác đi nơi khác và bỏ luôn người đàn bà còn trẻ và đẹp đã vì hắn chịu mất hết những gì cô ta có từ mười năm nay. Rồi có tin cô đi cặp với một người khác, thanh niên mới lớn, kém cô ta cả chục tuổi. Lúc thì cô ta sống với người trẻ tuổi hơn, lúc thì với người bằng tuổi, có lúc lại chạy theo một ông già tóc đã muối tiêu, đạo mạo như một ông bố. Chả hiểu ra sao cả. Như một con điếm. Mà cô ấy vẫn có tiền.

...Lưu gửi con về quê nhờ mẹ nuôi, làm việc vẫn hăng say nhưng cứ nghĩ

tới đàn bà là đau nhói. Đàn bà thật khó hiểu mãi mãi anh không thể hiểu. Theo cách đánh giá của anh, họ đều tham tiền, ham vui và cạn nghĩ như nhau cả.

Sau cuộc chia tay với vợ, đưa con gái về quê gửi mẹ và các em. Lưu đã là người hoàn toàn tự do, như thời anh mới đi làm. Anh xin nghỉ hẳn hai ngày để ngủ. Anh ngủ từ sáng đến tối, ra phố ăn cơm bụi rồi lại về ngủ tiếp. Tới trưa ngày hôm sau, anh dậy tắm rửa, cạo râu, lấy xe chạy một vòng quanh thành phố rồi chui vào một quán cà phê tồi tàn gần bến xe Niệm Nghĩa ngồi cho đến tối. Chưa bao giờ Lưu mệt mỏi đến thế và buồn đến thế. Thất bại về gia đình là thất bại đau đớn nhất vì lòng kiêu hãnh của thằng đàn ông bị tổn thương đến tột cùng.

Cũng trong khoảng thời gian ấy Lưu còn phải chịu đựng thêm một thất bại khác là đơn vị anh sau nhiều tháng truy lùng vẫn không thể bắt được tên tội phạm thuộc loại đặc biệt nguy hiểm của thành phố. Tên đó là Tích. Tích "híp", là sói độc, không thuộc một băng nhóm nào, không có lãnh địa riêng, gặp cơ hội là làm, đã làm là chuẩn bị kỹ lưỡng và luôn luôn giữ được sự bất ngờ. Đến vợ con nó cũng sống rất bí mật, khi ở Kiến An, khi ở Thủy Nguyên, có khi lại sống ngay giữa Hải Phòng, không ai biết mặt mũi thị, cũng không ai biết vỏ bọc của thị. Sự thách thức ấy khiến mọi người phát điên lên. Trong đơn vị chỉ có hai người biết rõ mặt Tích "híp" là Đội trưởng Lưu và một chiến sĩ trinh sát. Nó có một gương mặt không có đặc điểm riêng, rất dễ trộn lẫn vào đám đông, ngoại trừ đôi mắt híp. Cách đây đã dăm năm, Tích "híp" còn làm thư ký đội bốc vác của một bến xe khách, đã vài lần Lưu đứng trò chuyện với nó, chuyện bâng quơ thôi, nhưng anh chợt gai người, cũng chỉ một thoáng, vì cái đảo mắt và cái cười không thành tiếng của nó. Vài tháng sau nó biến mất, không để lại một dấu vết nào vì vẫn còn là một tên tuổi vô danh. Sau đó hai năm trong giới giang hồ bắt đầu xì xào cái tên Tích "híp" sau nhiều vụ làm ăn rất mạo hiểm: buôn thuốc phiện, buôn xe hơi, xe máy qua biên giới, buôn người. Rồi cũng vẫn là Tích "híp" đụng độ bằng dao, bằng súng với Công an Móng Cái, Công an Cẩm Phả, Công an thành phố Hạ Long. Đội trưởng Lưu là người đa mưu chân tay trong giới giang hồ cũng nhiều, xử trí nhanh, đã từng bày nhiều thế

trận rất lắt léo để nhử con mồi, nhưng Tích "híp" vẫn lọt qua hết sức ngoạn mục hoặc nhởn nhơ múa nhảy ở vòng ngoài. Một lần, qua một hệ thống truyền tin rất công phu, Lưu biết được Tích "híp" đang náu thân tại nhà người bạn của ông anh nuôi cách Kiến An dăm cây số. Ông này vừa mở quán vừa chăn vịt, quán nhà quê, bán bánh đúc riêu cua, chè xanh, rượu và lạc rang. Lưu và một chiến sĩ trinh sát vào quán uống rượu từ trưa đến ba giờ chiều, rồi Lưu giả vờ đau bụng xin nằm nhờ gian trong của chủ quán. Vẫn không có ai ra vào hoặc thăm hỏi, không có dấu vết nào có người lạ trong nhà. Khoảng 4 giờ chiều Lưu hỏi lối đi đại tiện, nhìn ra cánh đồng thấy một bóng người đội nón đang cất vó tép. Một cái lưng rất quen thuộc. Là nó chăng? Lưu đứng ngắm nghía một lúc rồi xăm xăm bước lại, tới gần lưng người kia anh rút súng quát to: "Tích "híp" mày đã bị bắt!".

Người kia quay từ từ gỡ nón, một gương mặt lạ hoắc, râu quai nón, tóc muối tiêu, một bên mặt có vết nám to bằng nửa bàn tay bầm đỏ. Lưu lúng túng nhét lại súng vào bụng, tự giới thiệu là công an thành phố đi bắt cướp nhưng đã nhận lầm người. Người kia giương mắt nhìn không nói gì lại quay lưng nhấc tiếp các vó tép. Trên đường trở lại thành phố, Lưu mới thoáng ngờ cái bộ mặt râu quai nón của người cất vó tép. Rất ít người ở nông thôn để râu quai nón. Người buôn bán thì có, người đi cất vó tép thì không. Ông ta lại không nói, không hỏi thêm câu nào về cái chuyện bắt cướp, là ông nông dân mà không có tính tò mò sao?

Một gương mặt muốn giấu đi, một giọng nói muốn giấu đi, thì là ai nhỉ? Là "nó" chứ còn ai nữa! Lúc này có quay lại cũng quá muộn. Nó đã cao chạy xa bay từ lâu rồi. Nó biến mất nhưng ông chủ quán, kẻ chứa chấp nó nhiều ngày, nhất định vẫn còn đó. Từ đó...

Sáng hôm sau. Lưu quay trở lại từ rất sớm, ông chủ quán vẫn bán bánh đúc riêu cua cho đám thợ làm đường, nhìn thấy anh vẫn mời chào vồn vã. Nhưng Lưu không cười, anh bước vào kéo ghế ngồi rồi hỏi ngay: "Cái ông cất vó tép còn ở đây không?". Người kia mặt không đổi sắc, hỏi lại rất tự nhiên: "Anh hỏi ông cất vó tép nào? Ông ta ở đâu?". Lưu nói gằn giọng: "Nó ở đây, ở ngay cái nhà này, nó là tội phạm, ông hiểu chưa?". Ông chủ quán quay sang hỏi đám thợ đang ăn: "Các chú có nhìn thấy ông cất vó tép

nào lảng vảng quanh đây không?". Một người nói: "Vào trong làng mà hỏi, chứ ở đây làm sao biết". Ông chủ quán nói thêm: "Xin lỗi anh, từ ngày bán đi lứa vịt, tôi chỉ ngồi suốt ngày ở đây, không mấy khi bước chân ra đồng. Anh vào trong làng hỏi công an xã xem". Lưu cười cay đắng, anh vẫn khờ quá, khờ như thế làm sao bắt được một kẻ rất ranh ma là Tích "híp".
Sau ngày li dị vợ được nửa năm, Lưu nhận được tin Tích "híp" đã trở lại Thủy Nguyên, lần này nghe nói có cả vợ con. Cuối cùng Lưu đã mò được ra hang ổ của nó ở một hẻm núi, cách làng chừng nửa cây số. Anh đi một mình, giả làm nhân viên thu mua cây thuốc nam của viện dược liệu. Anh đã nhìn thấy nó một lần đi cùng với vợ và đứa con trai khoảng 13, 14 tuổi. Nó để râu quai nón, mang kính râm nhưng vẫn là cái dáng đi lòng khòng của thằng thư ký đội bốc vác năm nào, rất may nó chưa mập ra, chưa có bụng mặc dầu tuổi cũng đã ngoài bốn chục rồi. Chỉ cần thêm dăm năm sống ngoài vòng pháp luật là nó có thể xóa hẳn hình bóng cái thằng Tích "híp" năm xưa để trở thành một kẻ chỉ có tên chứ không có con người thật.
Một buổi chiều, khoảng năm giờ. Tích "híp" về nhà được hơn nửa tiếng thì Lưu đạp cửa ngoài nhảy vào. Người vợ đang cầm siêu nước bước xuống bếp vội quẳng ấm nước ra sân rồi quay nhanh vào nhà trong. Lưu vẫn bám theo một bóng người đang nằm trên giường nhảy xuống, cúi người lủi dọc vách tường vào sâu trong nữa. "Có cửa sau lên núi chắc?". Lưu vừa thoáng nghĩ, sải chân định bước vọt lên thì bị vấp ngã chúi xuống. Không phải vấp mà bị con vợ Tích quỳ xuống ôm chặt lấy chân của Lưu kéo lại. Lưu thúc thẳng bàn chân bị ôm vào chét ngực teo tóp của người đàn bà, một tay vơ lấy chiếc ghế đẩu ném mạnh vào lưng Tích đang loay hoay trước khuôn cửa gỗ ăn thông lên núi, rồi anh rút súng nhằm vào Tích hét to: "Tích đứng lại! Mày mở cửa là tao bắn!". Thằng Tích hình như cũng sợ quá, hắn không quay người lại, vẫn loay hoay với cái then cửa. Con vợ liền buông chân của Lưu nhảy chồm lên kéo cánh tay cầm súng về phía thị, dồn hết sức mạnh ghì chặt khẩu súng đạn đã lên nòng ép vào ngực thị, nếu súng nổ thì sẽ được chết thay chồng, chồng thị sẽ có cơ hội chạy thoát vì sự lúng túng của kẻ bắt giữ. Cánh cửa phía hông nhà đã mở, Tích lao vào khoảng trống có rất nhiều bụi cây dại ở sườn núi mặc cho Lưu hò hét, chửi rủa cả vợ lẫn

chồng. Mấy phút sau vợ Tích mới buông tay, nhìn kẻ thù với ánh mắt mừng rỡ và biết ơn: "Chúng em biết anh đã thương nên không nỡ bắn chết cả hai vợ chồng. Xin anh yên tâm, nhà em đã muốn ra đầu thú từ lâu rồi nhưng đang sợ". Lưu buông người xuống ghế, giắt súng vào người, nhìn chằm chằm người đàn bà nhỏ, ốm yếu vừa giận vừa phục. Chị ta lấy đâu ra cái sức mạnh đến kinh ngạc ấy nhỉ? Một cái thúc của anh vào ngực đến thằng thanh niên cũng phải há miệng buông tay, huống hồ...

Có tiếng gọi cửa của đứa con trai ở phía ngoài, mẹ nó búi vội cuộn tóc vừa bị xổ, nói bằng giọng rất nhẹ nhàng:

- Nhà có khách vào chào chú đi con.

Một thằng bé cao lớn, rất khôi ngô, cầm cặp sách bước vào:

- Thưa chú, thưa mẹ con đi học về.

Mẹ nó quay lại nhìn Lưu, nói to cho cả con nghe:

- Mời chú ở lại ăn cơm với mẹ con tôi rồi chờ anh ấy về luôn thể.

Lưu biết ý tứ của người mẹ trước con cái, anh mỉm cười nói theo:

- Xin chị cho bữa khác. Nhờ chị nói lại với anh, nếu anh tới gặp tôi sớm mai thì mọi chuyện sẽ không xấu lắm đâu.

Vợ Tích với đứa con trai tiễn Lưu ra cổng. Có mấy bà hàng xóm đứng ở đường chào Lưu rồi hỏi vợ Tích:

- Vừa rồi nghe ầm ầm như có đánh nhau to ở đâu thì phải?

Vợ Tích liếc mắt nhìn Lưu trả lời thản nhiên:

- Tôi mải nói chuyện với chú cháu từ thành phố sang chơi nên chả nghe thấy gì.

Rồi chị ta giục con: "Con chào chú đi" và nói với Lưu: "Xin mời chú lại nhà.

Chỉ vài bữa nữa nhà tôi sẽ xin sang gặp chú ngay, mong chú giúp cho". Lời nói dịu dàng, cung cách con nhà gia giáo mà chịu làm vợ một thằng tướng cướp ư? Vợ con như thế, trời ưu đãi đến thế mà không chịu làm người đàng hoàng thật là uổng quá, là một thằng đàn ông ngu quá. Cũng như đã có những con đàn bà hết sức ngu...

Chị Mai

1.

Đầu năm 1957, tạp chí Văn nghệ quân đội được dọn ra ở ngoài phố, tức là nhà số 4 phố Lý Nam Đế bây giờ. Cái mặt hè rất rộng góc đường Phùng Hưng - Phan Đình Phùng năm ấy có một dãy quán hàng bán nước giải khát. Quán ngoài trời nhưng có căng bạt che, bàn ghế tươm tất, bán cũng rẻ nên đã thành một thứ câu lạc bộ của đám văn nghệ sĩ quân đội sống dọc phố Lý Nam Đế. Các bà chị bán hàng là dân tiểu thương chính cống của đất Hà nội, răng đen, khăn vấn, áo cánh trắng, cư xử với khách hàng bộ đội thật thà, thân thiết như chị em trong nhà chứ không ra kẻ mua người bán. Có nghĩa là tình cảm quân dân trên hết, lỗ lãi tính sau, có vẻ như là thế nhưng chúng tôi đâu dễ tin là thế. Với cặp mắt ngờ vực, dò xét tôi đã quan sát chị Mai, một bà chủ quán, không chỉ vài tháng mà suốt cả nhiều năm dài, cả chục năm chứ không ít. Chị Mai là vợ một cán bộ hoạt động bí mật ở Hà nội trong những năm ta đánh Pháp. Anh là y tá của nhà máy điện Yên Phụ, bị mật thám Pháp bắt khoảng tháng 5 năm 54, bị tra tấn rất dã man nên anh chỉ sống thêm được có vài tháng sau ngày bộ đội ta vào tiếp quản Hà nội. Họ lấy nhau sớm nên anh chị mới ở tuổi ngoài ba mươi đã có bốn mặt con, hai trai đầu, hai gái sau, thằng con lớn năm tôi biết đã lên mười. Chị có cái nhan sắc đặc tiểu thương Hà nội, người hơi mập, mặt tròn, mắt dài, hàm răng nhuộm đen nhỏ và đều, cười nói dịu dàng, duyên dáng, trò chuyện với chị lần đầu đã muốn thân, đã muốn tin. Chính là anh Thanh Tịnh đã dẫn bọn tôi ra quán hàng của chị. Cũng chỉ một mình anh được chị gọi khi là bác khi là anh, còn lũ chúng tôi hăm lăm hăm sáu tuổi đều được chị gọi là cậu tuốt. Năm ấy tôi chưa biết hút thuốc lá, chưa biết uống cà phê, ngồi vào quán chỉ gọi có bột đậu xanh, thạch trắng hoặc chè sen, chè đỗ đãi, loại giải khát của trẻ con chứ chưa dám nếm các vị đắng cay của mấy ông anh lớn tuổi. Tôi tuy là người Hà nội nhưng đi kháng chiến từ nhỏ, trong tám năm lúc ở rừng lúc ở làng, bao nhiêu thói quen của người thành phố hầu như đã quên hết. Chỉ được cái mặt, cái dáng thì vẫn là người của thành

phố. Tuy tôi đã trở lại đất kinh kỳ được hơn một năm nhưng sống với đồng đội là chính, sống trong Thành, ra đụng vào chạm chỉ có lính với lính, nói ngôn ngữ của lính, vui đùa lính, tối tối và các ngày nghỉ kéo nhau đi bộ khắp các phố phường ngắm cảnh, ngắm người, biết được cái bên ngoài còn phía trong những căn nhà, những toà nhà người Hà nội bây giờ sống ra sao, vui buồn ra sao thì tuyệt nhiên không được biết một chút gì. Đi mua hàng thì không biết mặc cả, thăm hỏi họ hàng và bạn bè thuở nhỏ vừa nói vừa dò dẫm, mình nói thế họ có vui không, có lo không, có buồn không? Hoan hô cách mạng từ xa thì dễ nhưng giáp mặt với cách mạng mỗi ngày xem chừng khó. Bởi phải thay đổi nhiều thứ quá, ngày nào cũng có một cái gì đó vừa thay đổi hoặc sẽ thay đổi, những thay đổi lớn ngoài xã hội và cả những thay đổi nhỏ trong các mối quan hệ vốn bất di bất dịch từ nhiều đời người. Trong những thay đổi lớn và nhỏ ấy chị Mai vẫn sống tự nhiên, chân thành, không che đậy, gắng gượng chút nào cả. Có buổi trưa tôi ra ngồi ở hàng của chị chỉ để được uống một tách trà ngon thôi, được ngồi nhìn và nghe mọi hoạt động của chung quanh thôi vì tôi vẫn còn lạ lắm, còn ham được biết lắm, nhìn vào cái cà mèn cơm trưa của chị chỉ thấy có mấy gắp rau muống xào và mấy quả cà pháo. Tôi nói:

- Người thành phố mà ăn uống cũng khem khổ nhỉ?

Chị cười:

- Ngày anh còn sống cả nhà cũng chỉ ăn có thế. Đông con là túng lắm cậu ơi! Các cậu thì sao?

Tôi cũng cười:

- Chị không nên ví với cái khổ của anh bộ đội. Chúng tôi là vô địch.

2.

Tôi đã sống ở Hà nội gần hai năm, đã ra khỏi rừng mà vẫn chưa dứt được bệnh sốt rét. Thỉnh thoảng lại có một cơn sốt kéo dài vài ngày rồi khỏi. Sốt rét nhẹ, nằm ở Hà nội, trong toà nhà lớn phố Lý Nam Đế, thuốc men đủ quả thật là sướng. Đầu hơi váng vất một chút, người hơi gây gấy một chút, nằm uốn éo trong tấm chăn mỏng, lúc ngủ lúc thức xem chừng còn khoái hơn lúc hoàn toàn khỏe. Dứt cơn sốt, miệng nhạt thếch, nhìn ra ngoài trời

vừa tối, khoác áo ra đầu đường Phan Đình Phùng làm bát phở bò gánh, lại uống một ly cà phê sữa nóng, cũng là cà phê gánh, loại cà phê ô - lê (café au lait) nổi tiếng ở các góc phố Hà nội thuở ấy, nghĩ lại những trận sốt rét ở Chi Nê, ở Đầm Đa, sau này là ở Thung Voi mà kinh. Cò lần tôi bị sốt rét phải nằm bẹp đã mấy ngày, không ăn uống được gì thì chị Mai đột ngột bước vào phòng tôi, tay xách một cạp lồng lớn, bảo:

- Bữa nay tôi nấu bún bung, chua chua, ngọt ngọt, dễ ăn lắm!

Tôi hỏi:

- Chị nấu cho riêng em à?

Chị cười:

- Nấu cho cả nhà. Phần của cậu có hậu hĩ hơn.

Nhìn thì thèm nhưng cũng chỉ ăn được hai lưng bát nhỏ vì miệng còn nhạt quá. Chị giũ tung đống quần áo đẫm mồ hôi vứt ở đầu giường đã thay nhưng chưa kịp giặt, buộc thành một bọc cầm về, ngăn không được. Tôi không phải là người duy nhất của cơ quan được chị nuông chiều. Nhiều anh khác cũng thế vì chúng tôi đều chưa có gia đình riêng, chưa có người đàn bà nào chăm sóc những việc vặt vãnh của cuộc sống thời bình, cuộc sống giữa một thành phố lớn. Những việc ấy chúng tôi đều nhờ chị Mai cả, chị nhận giúp rất dễ dàng, rất vui vẻ. Tôi chỉ thắc mắc chị làm giúp chúng tôi vào những lúc nào nhỉ, vì có thấy chị vắng mặt ở quán hàng giờ nào đâu? Khi tôi hỏi, chị nói:

- Các cậu nhờ tôi, tôi lại nhờ người khác, ở Hà nội tôi thiếu gì bạn.

Chị rất ít nhắc tới công việc của chồng thời Hà nội bị tạm chiếm. Chỉ có một lần chị buột nói:

- Một nửa số công việc của tổ chức giao cho anh ấy đều do tôi làm cả, vì tôi đi đâu cũng lọt, không bị chúng nó nghi. Việc nào khó quá lại nhờ bạn bè.

Việc sống chết mà vẫn có nhiều người giúp thì chị cũng tốt bạn thật, tôi đồ chừng, cho tới lúc này chị vẫn phải nhờ sự giúp đỡ của bạn bè, họ giúp nhau ra sao trong cái giới buôn bán nhỏ thì tôi không thể biết, nếu không làm sao chị nuôi nổi bốn đứa con vào lúc thời thế đang đổi thay.

Trong số bạn bè ở phố Lý Nam Đế hay ra quán chị Mai có anh Tiến, một cán bộ làm công tác quản lý của một cơ quan văn hoá. Anh hơn tôi gần mười tuổi, khoảng băm lăm băm sáu gì đó, người thấp, da ngăm đen, nói chuyện rất có duyên, lại hay nói hài. Chúng tôi thích nghe anh nói chuyện đã đành mà bà chủ quán cũng có ý thắc thỏm chờ cái giờ anh ra ngồi quán. Anh mới ngoài ba mươi mà đã có con trai đầu mười chín, hai mươi tuổi, đã đi bộ đội hải quân được một năm, vậy anh lấy vợ năm nào, sinh con năm nào? Anh kể, vợ anh hơn anh năm tuổi, anh mới mười hai vợ đã mười bảy. Anh đi chăn trâu mải chơi để trâu xổng mất. Vợ tìm được trâu, gọi chồng lại lấy thừng trâu quất vào mông chồng một trận nên thân. Chồng ôm đít, vừa khóc vừa chạy về nhà mách mẹ. Con dâu dắt trâu về đến ngõ, mẹ chồng chạy ra mắng:

- Nó có điều gì không hay không phải thì mày lấy lời bảo nó sao lại đánh nó đau thế?

Con dâu cãi:

- Phải đánh cho nó chừa cái tính ham chơi!

Anh bảo, vợ chồng anh chỉ có ba cách xưng hô với nhau, thoạt đầu là mày tao, lớn lên một chút là ấy ơi, khi có con thì gọi theo con: mẹ mày, bố mày, chưa từng biết có cách gọi nào khác. Anh nói tiếp:

- Chưa biết làm chồng đã nhảy lên làm cha rồi. Với tôi, cái hạnh phúc gia đình như người ta hay nói bây giờ, chỉ có mùi nước đái trẻ con, mùi ngải cứu với cái mặt bà đẻ xoa nghệ vàng khè.

Trong đám chúng tôi chỉ có Tiến là biết cách nói chuyện với phụ nữ. Chúng tôi chỉ là những thằng con trai ích kỷ và vụ lợi, bụng dạ thì tốt nhưng đã cất lời là hết sức vô duyên vì thiếu sự từng trải. Tiến thường kiểm tra bài vở học ở trường của hai đứa con lớn chị Mai, rồi gọi từng đứa lại thì thầm dặn bảo cả giờ. Lúc cười lúc gắt thành thử bọn chúng cũng quấn quít với anh hơn bọn tôi. Ngày chủ nhật anh đi họp phụ huynh học sinh thay cho mẹ chúng nó. Thằng lớn bị xe đụng trật khớp chân, đứa nhỏ bị bệnh quai bị, con bé út lên sởi anh đều đưa chúng về căn buồng riêng của anh trong cơ quan, ăn ở với anh cả mấy tuần để anh tiện chăm sóc cho

mẹ chúng khỏi phải bỏ hàng. Mỗi lần đi công tác các quân khu khi về anh đều có quà, những món quà rất thiết thực, vài cân cá khô, tôm khô, vải may quần cho con, lụa may áo cho mẹ, thậm chí còn ôm được cả một vò mắm tôm của đất Hải Hậu để mấy mẹ con ăn dần. Chu đáo, âu yếm như người chồng như người cha của cái gia đình đã từ lâu vắng bóng đàn ông. Nếu anh Tiến còn sống độc thân chắc chắn anh sẽ về ở hẳn với mấy mẹ con chị Mai. Họ gặp nhau cũng muộn nhưng sẽ đối đãi với nhau như người tình như người bạn đến mãn đời, tôi tin thế.

4.

Những năm đầu của thập niên 60 đối với tôi ngày nào cũng vui. Tôi đã lấy vợ, đã có một con rồi hai con, lại có tiền nhuận bút in sách, mỗi năm một cuốn. Tiền lương tiêu cũng không hết nên tiền in sách là tiền để dành. Hàng xóm hỏi vay một đồng, hai đồng nài nỉ nhau tới kỳ lương sẽ trả. Còn một cuốn sách in tiền nhuận bút được từ tám trăm đến một ngàn đồng là nhiều lắm, là rất nhiều. Tôi trở thành người giàu có trong khu tập thể. Nhưng vẫn ăn ở như mọi người vì mua sắm cái gì cũng khó. Vào mậu dịch hàng bày thì đẹp, hàng bán thì xấu hoặc thiếu, có sao mua vậy, không được chê, không được chọn, ăn cũng thế. Các hàng ăn ngon cứ thưa dần, tiều tuỵ, nhem nhuốc dần. Mấy quán cà phê nổi tiếng còn tồn tại được là nhờ cái vẻ tiều tuỵ, nhem nhuốc của nó. Lại thêm cái tâm lý, bạn bè, hàng xóm đều sống vất vả, thiếu thốn, mình sống dư đủ quá cũng khó coi. Người ta không nói nhưng cái nhìn của họ cũng đủ làm mình áy náy, ngượng nghịu. Nên ăn cơm hàng ngày vẫn rau dưa là chính, cái mặc hàng ngày vẫn là dép nhựa, dép cao su, quần đen áo cộc. Chỉ hơn người là có nhiều tiền dư vì chả biết dùng nó để làm gì. Dẫu sao chúng tôi cũng vẫn là những người đang được sống rất sung sướng. Cái khổ của dân đi đây đi đó vẫn có biết nhưng kẻ đứng ngoài với người trong cuộc là khác nhau lắm. Thông cảm nhau hoàn toàn thế nào được. Mấy cái quán giải khát quen thuộc của chúng tôi qua mỗi năm lại tàn lụi đi một chút. Hàng bán ít đi, khách đến thưa dần, rồi thuế má, rồi dư luận xã hội, đại để là một cái nghề không được tôn trọng, không được khuyến khích, lại thêm nhiều thứ phiền nhiễu lặt vặt. Nên chị

Tân nghỉ bán hàng, rồi chị Phượng cũng nghỉ. Chỉ còn cái quán của chị Mai, buổi sáng ra hàng cũng giống như buổi chiều sắp dọn, cứ lẻ loi, lạc lõng thế nào. Chị cũng đã chớm già, da mặt như khô đi, có những chấm xám nhỏ như lên mồi mà mới ngoài bốn mươi chứ mấy. Anh Tiến vẫn ra chơi nhưng mối quan hệ giữa họ cứ lửng lơ, chả ra đâu vào đâu cả. vì không thể thay đổi được. Có lần tôi ra quán chị Mai mua mấy điếu thuốc, tình cờ gặp anh Tiến cũng ngồi đó. Cả hai người nhìn tôi rất lúng túng vì mắt họ đều đỏ hoe. Tôi cầm vội thuốc đi ngay, cũng thấy tội nghiệp nhưng vẫn thầm mong họ chớ có phá luật. Phá luật thì rắc rối to. Rồi chị Mai cũng phải dẹp quán, đi làm nhân viên của một cửa hàng ăn của mậu dịch. Các con chị, đứa đi làm công nhân, đứa đi làm phụ lái xe, con gái lớn cũng vào ngành thương nghiệp, chỉ có con út là được đi học. Cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ bắt đầu thì anh Tiến dọn về khu văn công Mai Dịch. Ở đó anh có một căn hộ, anh đã đón đứa con gái út lên học đại học ở Hà nội. Rồi cơ quan chúng tôi phải sơ tán về vùng quê Hà Tây. Các con tôi đứa đi theo trại trẻ của quân đội, đứa theo cơ quan của mẹ. Bọn tôi lúc đi công tác, lúc ở Hà nội, lúc về nơi sơ tán. Mười năm được sống yên vui giữa đất kinh kỳ đã có bao nhiêu ràng buộc và kỷ niệm và dãy quán bán giải khát đầu đường Phùng Hưng của các bà chị tiểu thương thấp thoáng trong nỗi nhớ như một vệt nắng rất dịu dàng.

5.

Đầu năm 1973 Hiệp định Paris được ký kết, cơ quan và gia đình tôi trở lại Hà nội sống đoàn tụ dưới một mái nhà sau tám năm sống phân tán. Lại những vất vả mới để thu xếp cho cuộc sống tạm gọi là thời bình. Tìm nơi học cho con lớn và con nhỏ, mua sắm thứ này và thứ kia. Việc nào cũng cần phải có người quen và tiền. Nên phải chạy đôn chạy đáo, không viết được một dòng nào nhưng rất vui, tất nhiên cái vui không hoàn toàn như những năm đầu mới về Hà nội. Chính trong những ngày ấy tôi đã gặp lại chị Mai, gặp giữa đường và chị mời tôi lại nhà chơi. Biết chị mười mấy năm nhưng tôi chưa lại nhà thăm chị và các cháu bao giờ, kể cả ngày Tết. Còn chị thì năm nào cũng đến với vợ con tôi vài lần. Nhà chị vẫn ở một

căn gác phố Hàng Bún. Nhà rất dễ tìm vì căn gác chỉ có một cửa sổ trông ra đường. Chị đã già nhiều, tóc hai bên thái dương đã bạc, vào tuổi năm mươi rồi còn gì. Nhưng chị vẫn đẹp, cái đẹp hiền hậu, trang nghiêm của tuổi về già. Khi tôi hỏi chị về anh Tiến, chị kể rất thật thà, rất tự nhiên xem như một chuyện đã qua hẳn của một thời đã qua hẳn. Những năm có chiến tranh phá hoại các con chị đứa đi công tác xa, đứa theo trường đi sơ tán, chị thường ở nhà một mình. Cũng trong dịp ấy anh Tiến hay lại chơi, họ cùng nấu cơm ăn bữa tối và anh ở lại qua đêm. Chị nói:

- Mấy năm ấy chúng tôi sống với nhau như vợ chồng. Tôi cũng không giấu giếm chuyện đó với các cháu. Chúng thương cả hai người, chỉ hiềm người ta đã có vợ cái con cột rồi.

Chị thú nhận với tôi, vì chị đã coi tôi như em, rằng chị đã phải nạo thai hai lần. Người đưa chị đi bệnh viện và làm mọi thủ tục là cậu em rể, làm nghề đạp xích lô. Không một ai biết chuyện này ngoài vợ chồng người em gái. Tôi hỏi:

- Ông Tiến có biết không?

Chị cười:

- Tôi không nói gì vì anh ấy đang vui. Nói thật người ta sợ.

Tôi lại hỏi:

- Hiện nay thì thế nào?

Chị lại cười nhỏ, cái cười thật buồn nhưng đã tha thứ:

- Mấy đứa con anh ấy có lại đây gặp tôi. Chúng nó lễ phép lắm, là người có học cả. Tôi biết anh ấy có ý muốn chia tay với tôi nhưng không dám nói trước, sợ mang tiếng là kẻ bội nghĩa bạc tình. Nên tôi phải chủ động nói trước cái chuyện khó nói ấy. dẫu sao thì chúng ta cũng đã có được mấy năm sống rất hạnh phúc, tôi có nói với anh ấy như thế.

6.

Nhiều năm tháng đã trôi qua. Anh Tiến đã mất vì bệnh hiểm nghèo. Chị Mai theo vợ chồng thằng con lớn vào sống ở Đà Nẵng trông con cho chúng nó. Tôi đã nghỉ hưu, không còn ở Hà nội, thỉnh thoảng có việc ra thủ đô lại đến nằm nhờ cơ quan cũ ở phố Lý Nam Đế. Sáng tối tha thẩn ra góc đường

Phùng Hưng - Phan Đình Phùng, uống một chút, ăn một chút, sống lại với cái thời đã qua trong giây lát. Góc đường có dãy quán giải khát bốn chục năm về trước nay là một khách sạn ba sao, bốn sao gì đó, thảm đỏ trải ra tận vỉa hè và những cậu thanh niên đội mũ đỏ, mặc quần áo đỏ khom mình mở cửa xe, xách va ly cho đám khách trọ già có trẻ có từ Châu Âu, từ Bắc Mỹ tới. Chị Phượng, một bà chủ quán năm xưa, đã ngoài bảy mươi, vẫn ngồi bán trà chén ở ngách nhà bên khách sạn. Tủ kính bày thuốc lá, chai lọ đựng kẹo tây kẹo tầu, cả bia lon, rượu ngoại, ly tách sáng choang. Bà lão chỉ ngồi bán có buổi sáng, trưa chiều con gái bán. Các cô con gái áo len áo lông, môi son má phấn, vòng nhẫn hoa hột, trả lời khách hàng uốn éo, nhõng nhẽo:

- Yét, sơ, ô kê.

Chị Tân cũng là một bà chủ quán của ngày xưa, mỗi sáng ngồi bán xôi lạc cũng liền đó. Tóc bà lão bạc phơ, răng chưa rụng cái nào, nói năng vẫn nhẹ nhàng, lịch thiệp như năm còn trẻ. Không ai thổi xôi rang vừng ngon bằng bà, cũng chỉ bán một thoáng vào lúc sáng sớm trước giờ mọi người đi làm, rồi nghỉ. Con trai con gái cưỡi xe Dream lướt qua, người gửi chìa khoá, người lấy nắm xôi rồi lại vọt đi. Bà Tân bán xôi cũng là bán cho vui, cho đỡ nhớ cái nghề bán hàng từ thời con gái, bán một ngày nghỉ vài ngày cùng bạn bè đi lễ, đi hầu bóng đền này phủ kia, tiền tiêu bạc trăm, bạc triệu.

Bên gốc cây sấu cổ thụ, cây sấu của bốn chục năm trước, của trăm năm trước, có một cái bàn nhỏ xíu bày bán trà chén và thuốc lá. Người bán là một chị trạc tuổi chị Mai ngày xưa, to béo, tóc uốn, răng trắng, mặc áo giắc két đỏ, quần len đen may chẽn, đi giày cao gót. Người bán nói cười luôn miệng, nói rất to, nói rất tục, câu nào cũng văng tục, văng tục bất chấp, văng tục đến vô lý, tục tĩu còn hơn đàn ông, mặt mũi thì dễ coi mà ăn nói quá quân trộm cướp. Chị ta kể với tôi rằng, từ ngày mai chị sẽ dẹp bán nước, đi buôn hoa vì cũng giáp tết rồi. Một vụ hoa năm ngoái chị kiếm lời khoảng mười triệu. Mua ở Nghi Tàm một cây đào hai trăm ngàn, xe chở đến đầu vườn hoa Hàng Đậu đã bán được năm trăm ngàn. Đi một ngày về vứt đống tiền lên bàn rồi lăn ra ngủ, chồng hỏi con hỏi chỉ gật với lắc vì cổ

đã khản đặc. Chị nói:
- Đ.m, cái nghề này phải biết ăn nói có nghệ thuật, có tâm lý thì mới kiếm được. Người bán đầy đường mà người ta chỉ mua của mình, lại dám mua đắt là mình phải tâm lý thế nào chứ!
Tôi hỏi:
- Sao bảo dầu là đi buôn vẫn cứ phải thật thà thì làm ăn mới bền?
Chị ta trừng mắt nhìn tôi, má môi thây lẩy, nói ráo hoảnh:
- Nói vô phép bác, đ.m chúng nó, mình thật thà thì thiên hạ nó nhét cứt vào mồm ngay. Nói như rồng như phượng còn chả ăn ai nữa là thật thà!
Tôi thích cái thời này lắm, tôi khoan khoái được sống với cái thời này, chỉ hơi kinh, chỉ không thích cái lối sống bặm trợn, gian trá, tục tằn của hôm nay thôi.

Tháng 3 năm 1997

Buổi sớm mai

Tháng tư năm 96.

1. Viết về những năm tháng đã lùi xa vào dĩ vãng là nhớ lắm, buồn lắm. Nhớ một thời trai trẻ đã qua, những bồn chồn lo lắng, những thắc thỏm mong đợi, nhiều hy vọng và cũng nhiều e ngại nay đã thuộc về một quá khứ đã bắt đầu nhòe lẫn. Ông Tạo cũng trớ trêu, rất nhiều chục năm cứ tưởng ngày vui nhất còn ở phía trước nào ngờ ngày vui luôn luôn là ngày hôm nay, vào đúng lúc mà ta đang ruồng bỏ nó không chút nuối tiếc. Những năm tháng vui, có ý nghĩa tích cực của một đời người, là cái cõi, cái hồn của một đời người bao giờ cũng là những năm tháng tìm kiếm một lối đi cho riêng mình với bao nhiêu là thơ dại, lầm lẫn, đau đớn. Là những năm tháng đang leo lên, trượt ngã lại lập tức bám víu trèo lên tiếp, ăn rất ít, ngủ cũng rất ít, nước mắt chứa chan nhưng vẫn không tắt nụ cười vì thời gian còn dài sức lực còn nhiều, đầu óc chất chứa bao nhiêu là dự kiến, thật có hư có, hư nhiều hơn thật nhưng chính nó là những sợi vàng sợi bạc dệt nên những mộng ảo lấp lánh của lứa tuổi hoa niên. Còn khi cái đích nhắm tới đã đạt thì trước mắt lại là một con đường lớn hơn, nơi đang đứng chỉ là đoạn cuối của một con hẻm hẹp. Nhưng than ôi, thời gian để bước tiếp không còn bao lâu nữa, cái vực hư vô đã thấp thoáng dưới chân rồi.

2. Năm 1949 tôi mới 19 tuổi, là phóng viên tờ báo Dân Quân Hưng Yên mỗi lần có được tờ báo Quân Bạch Đằng của Liên khu 3 tôi đọc không sót một dòng, chữ nghĩa như có phép thiêng, ám ảnh mình từ cái chấm cái phẩy. Tôi đọc thơ Yên Thao từ ngày ấy. Mấy năm được làm náo Quân khu mỗi lần chúng tôi được tiếp các phóng viên của báo Quân đội nhân dân về đồng bằng công tác, vừa mừng vừa sợ giống hệt các tiểu quỉ ở gò ở đống được thưa chuyện với các bậc thượng tiên từ rừng núi Việt Bắc hạ phàm. Và đêm ngày mong đợi cái cơ hội may mắn được gọi nhập vào cái thế giới vừa sang trọng vừa vui vẻ, từ sáng đến tối chỉ bàn có mỗi chuyện văn chương.

Thoạt đầu báo của Quân khu có mười người, có thư ký toà soạn, có phóng viên, có hoạ sĩ và một cậu khắc gỗ. Về sau người cứ thưa dần, tới thời tôi

làm thư ký toà soạn thì báo chỉ còn lại vài người, báo ra tháng có tháng không, một mình tôi viết xã luận, viết tin tức, viết mẫu chuyện, thỉnh thoảng mới nhận được bài của anh Bùi Biên Thuỳ, anh Hoài Giao mừng rở như bắt được vàng, còn thì vắng lặng quá, buồn tẻ quá. Trời rét cả toà soạn nằm ông lấy nhau mới được một phần ba cái sạp nứa của cái lán hẹp. Rồi sốt rét, dứt cơn sốt, miệng đắng ngắt, người hôi sì, nghĩ thèm đủ thứ, nhưng thèm nhất vẫn là được làm nghề, được sống với những người cùng nghề, chỉ bàn có chuyện nghệ. Và luôn luôn ao ước có ngày được khoác bị chân đất hành hương lên Việt Bắc. Mãi đến giữa tháng 8 năm 55, sau ngày đình chiến, kết thúc cuộc chiến chống Pháp đúng một năm, tôi mới được Phòng Văn nghệ gọi về Hà nội viết truyện anh hùng. Đây là đi công tác, đi rồi về chứ không phải là thuyên chuyển công tác, đi rồi ở hẳn. Thôi được, cứ biết là được về Tổng cục mấy tháng, lên đó sẽ tính, biết đâu được trên yêu mà cho ở lại.

Tôi được về Tổng cục Chính trị, được về Hà nội như đang ở ao ngòi được ra sông cái, đầm lớn, việc gì cũng lạ, chuyện nào cũng vui. Hàng ngày tôi đều được cùng ngồi ăn, cùng trò chuyện với anh các Thanh Tịnh, Đỗ Nhuận, Lương Ngọc Trác, Xuân Miễn, Bích Lâm, Vũ Tú Nam, Từ Bíc Hoàng, Vũ Cao, Mai Văn Hiến, Doãn Trung, Hà Mậu Nhai, Nguyễn Thư ứng, Ngọc Tự... Cùng lên Tổng cục với tôi đợt ấy có các anh: Hồ Phương Nguyên Ngọc, Nguyễn Khắc Thứ, Trần Cẩn, Mạc Phi, Vũ Sắc, Xuâ Thiêm, Nguyễn Trọng Oánh, Lý Đăng Cao, Xuân Vũ, Minh Giang, Phá Văn. Ít lâu sau có thêm các anh: Hữu Mai, Hải Hồ, Ngô Thông, Nguyễ Ngọc Tấn. Rồi các anh Hoàng Cầm, Hoàng yến, Phùng Quán, Tạ Hữ Thiện. Và ông Trần Dần. Ngày ấy hình như chỉ có tôi và anh Nguyên Ngọc là ngơ ngác hơn cả, vì chúng tôi là lính quân khu, lính địa phương. Còn các anh khác là lính chủ lực, lính các đại đoàn, họ thường gặp nhau, cùng làm việc với nhau mỗi lần Bộ Tổng mở chiến dịch lớn. Họ là bạn của nhau, xưng hô với nhau là ông tôi, cậu tớ, gọi nhau là thằng này thằng nọ. Còn tôi thì khác. Ai cũng đáng mặt đàn anh mình cả. Kể cả Phùng Quán tuy kém tuổi tôi nhưng là người đang nổi tiếng, người thành đạt, văn thơ nức tiếng đất kinh kỳ vừa được giải phóng. Cũng là lính viết văn thơ, nhưng lính

dưới đơn vị khác, lính trên Tổng cục Chính trị khác. Các anh trên Tổng cục đọc nhiều, biết rộng, nói năng viết lách thuộc tầm cỡ quốc gia. Còn mình? thôi chả cần phải nói, chỉ là anh bộ đội hồn nhiên, thơ ngây, nghĩ ngắn, viết hẹp, có nói đủa cũng không biết cách. Nên gặp nhau vẫn chào hỏi nhưng không ngồi lâu với nhau được vì chả có gì để nói. Hình như những người nổi tiếng đã từng ăn ở với nhau suốt thời đánh Pháp cũng không được vui vẻ với nhau cho lắm thì phải. Có nhóm này và nhóm kia và những người chạy qua chạy lại cả hai nhóm vì cộc tranh luận các quan điểm trong văn nghệ đã bắt đầu. Anh Văn Phác và anh Vũ Tú Nam là trưởng phòng và phó phòng Văn nghệ quân đội đã tổ chức nói chuyện mấy lần với anh em mới lên công tác. Nghe thì nghe nhưng tôi chả quan tâm bao nhiêu. Đảng lãnh đạo văn nghệ là tất nhiên rồi. Văn nghệ trong quân đội phải phục vụ các nhiệm vụ chính trị của quân đội, của nhà nước cũng là rất tự nhiên. Chả lẽ lại có thể nghĩ khác, làm khác sao? Với tôi được lên Tổng cục, được về Hà nội đã là toại nguyện lắm, chả còn gì phải thắc mắc. Họ thì ưu tư, buồn bã, mình thì hò hét, cười cợt, xem ra các ông anh cũng có ý khinh bọn tôi ít nhiều thì phải. Một đám trẻ con nhốn nháo, vô tư như thế thì viết văn làm thơ thế nào được! Việc gì cũng có thời có lúc của nó, cái phải đến rồi sẽ đến bao giờ là việc của mình, mình sẽ có cách ứng xử thích hợp, lo trước, tính trước, tranh luận làm gì, mất công. Bây giờ nghĩ lại tôi vẫm thèm vẫn tiếc mấy năm vô tư, hồn nhiên của buổi đầu vào nghề, buổi đầu được chính thức làm nghề. Sau ba tháng trại viết truyện anh hùng các lực lượng vũ trang kết thúc. Tôi cũng đã viết xong truyện nữ anh hùng Mạc Thị Bưởi. Bây giờ nhiều anh có ý trách tôi hay tâng bốc những cây bút trẻ, hô hoán rầm rĩ cứ như đã phát hiện được thiên tài. Sự tâng tốc ấy có cái lý riêng của nó. Chả là lúc bắt đầu tôi viết quá dở. Bây giờ những cây bút trẻ không ai viết dở như tôi cả. Lấy mình so với người lúa bắt đầu thế là tôi hô hoán ầm lên vì mừng quá, lạ quá, tài quá. Năm tôi viết Mạc Thị Bưởi, tuổi tôi đã 26, còn trẻ gì nữa. Trần Đăng Khoa viết trường ca Mạc Thị Bưởi năm cậu ta mới mười mấy tuổi hãy còn trẻ con. Một người đã trưởng thành mà văn chương như trẻ con, còn một cậu bé con văn chương đã mênh mông bay lượn. Cho nên tôi luôn luôn sửng sốt, kinh ngạc và thích hô hoán trước

những cái tài, dầu là tài nhõ và chỉ lóe lên trong bất chợt vì mình thiếu nó, ngày đêm thèm khát nó.
Sau trại viết tôi là một trong mấy người được Phòng Văn nghệ giữ lại làm phóng viên cho tờ Sinh hoạt Văn nghệ. Tôi được giữ lại không phải vì tôi có tài mà vì tôi sống đúng điều lệnh, là một sĩ quan quân đội trăm phần trăm, chưa bị nhiễm những chứng tật của giới nghệ sĩ. Khốn nỗi một người tốt nhưng bất tài cũng khiến cơ quan rất khó xử, nhất là một cơ quan báo chí. Đuổi anh ta đi thì không nỡ mà giữ lại thì biết dùng vào việc gì? Hai lần tôi đi công tác để viết bài đều hỏng. Anh Từ Bích Hoàng sợ tôi buồn, ai ủi tôi không nên nản chí. Tôi trả lời là tôi không buồn, cũng không nản chí, tôi sẽ cố gắng hết sức mình. Viết văn mà lại hứa "sẽ cố gắng" thì còn biết nói sao? Lại không biết buồn, vẫn hăng hái đi tiếp, viết tiếp khiến cả mọi người đâm bối rối. Các anh ở toà soạn nhìn tôi rất ngượng, như người có lỗi. Nhưng tôi chả ngượng một tí nào vì tôi đã xem những năm này là tôi đang học nghề. Được học nghề với các bậc đàn anh của nghề còn gì may mắn hơn. Nên vẫn rất vui. Nhưng toà soạn thì không thể vui. Họ đang cần người làm báo chứ không cần người học việc. Nên khi các anh phụ trách yêu cầu tôi về tổ bạn đọc tôi nhận lời ngay. Làm gì cũng được miễn là không phải trở về quân khu. Về quân khu thì tôi mất nghề. Tổ bạn đọc năm ấy kiêm cả đọc loại vòng đầu. Không may cho tôi, tôi đã loại một truyện ngắn của Vinh Tú không đưa ban biên tập đọc vì tôi chưa biết anh ấy là ai. Có biết đâu Vinh Tú ngày ấy được báo trân trọng, nâng niu như Phạm Tiến Duật, như Đỗ Chu mười năm sau này. Rồi tôi lại viết thư trả lời nhiều bạn viết khác, góp ý này ý nọ tưởng đâu như tôi vẫn là thư ký toà soạn một tờ báo của quân khu góp ý với bạn viết của báo mình. Nên các anh ấy phải hỏi lại toà soạn tôi là ai, đã viết được những gì, sự góp ý ấy là của tập thể toà soạn hay của cá nhân? Chắc là anh Từ Bích Hoàng phải viết thư xin lỗi hoặc có lời nói lại nhiều lần nhưng anh không nói với ai về chuyện này nên tôi không biết. Là người trong biên chế của báo mà làm biên tập không được, làm phóng viên không được, làm tổ bạn đọc cũng không xong thì còn biết làm gì? Tôi đã tự nguyện xin giúp việc hành chính củabáo một thời gian, để có dịp ngẫm nghĩ về mình, hoặc là vẫn ở lại Hà nội tiếp tục học

nghề, hoặc xin trở lại quân khu vừa làm báo làm tuyên huấn, thỉnh thoảng gửi bài lên trung ương, như thế chả hay hơn ư? Ban ngày tôi làm việc hành chính, tối đến tôi không đi chơi đâu cả, không đàn đúm với ai cả, đến phòng làm việc của cơ quan mượn cả đống sách, chủ yếu là sách Pháp, rồi tuần báo Văn học Pháp so Aragon chủ biên và tạp chí hàng tháng Văn học Xô-viết, đọc thì đọc chứ cũng chả hiểu gì mấy. Chữ khó thì tra từ điển, ý tưởng khó thì hỏi lại các ông anh, rồi cứ vỡ vạc dần, những bí mật của sáng tạo nghệ thuật cũng hé lộ dần và tôi đã lờ mờ nhận ra những cách thẩm thấu khác nhau từ cuộc đời, có khi rất nhạt của nhà văn, thành những trang viết say đắm của họ. Rồi tôi tìm đọc lại nhiều tiểu thuyết, truyện ngắn, phóng sự của các tác giả Việt nam trước cách mạng với con mắt xoi mói của người học nghề, đã có biết chút ít cái then máy của nghề, nhận ra cái mạnh và cái yếu từng tác giả, cái hay và cái dở của từng câu văn, của từng chương sách. Non chục năm về trước tôi đã viết theo bản năng, cái bản năng của người không có văn tài bẩm sinh nên rất tầm thường, ngô nghê, nông nổi. Tôi tự hứa từ nay tôi sẽ viết bằng sự chuẩn bị, trời không cho mình thì phải tự cho lấy mình. Không phải chuẩn bị lúc thai nghén tác phẩm mà phải chuẩn bị từ trước đó, từ rất lâu trước khi đặt bút lên trang giấy, chuẩn bị từ gốc. Trước hết phải thay đổi cách sống, thay đổi cảm nghĩ, thay đổi tư duy, triệt phá mọi ngăn cách để cái thế giới đầy màu sắc của xã hội và thiên nhiên thấm thẳng vào mình không bị lọc qua bất cứ một khuôn nhìn nào, một định kiến nào. Nói thế chứ khó. Con người ta chỉ là một thành viên của một cộng đồng, chịu sự chi phối của những tiêu chuẩn giá trị và đạo đức của cộng đồng. Những tiêu chuẩn ấy đều có tính lịch sử, tính thời gian của nó, không thể là vĩnh viễn. Nhưng viết ngược lại sẽ rất khó được những người cùng thời gian tán thưởng. Thôi, đó là chuyện sau, chứ ngày ấy được biết đến thế cũng là hơn thời còn đánh Pháp nhiều lắm.

Tháng 10 năm 56 tôi xin phép toà soạn được "hạ sơn" một chuyến, có thể là chuyến sau cùng, thử xem với pháp thuật mới có thể chế ngự được các đối tượng phản ánh thành những trang văn đọc được không? Tôi về hai huyện Kiến Xương và Tiền Hải của Thái Bình, trong ba lô ngoài quần áo chăn màn còn mang theo Tuyển tập truyện ngắn của Gorki bằng tiếng Pháp.

Tôi về thôn Nam Huân thuộc Kiến Xương, viết một loạt truyện nhắn, mỗi truyện khoảng 2.000 chữ. Rồi tôi về Hữu Vi là ột thôn công giáo thuộc Tiền Hải. Và viết một truyện ngắn, truyện đầu tiên được đăng ở tạp chí Văn nghệ quân đội, bộ mới, được phát hành rộng rãi chứ không chỉ lưu hành nội bộ như ờ Sinh hoạt Văn nghệ. Truyện đó có tên là:

- Nằm vạ.

Anh Thanh Tịnh bảo tôi:

- Truyện đó Khải viết được đấy, đã có giọng riêng rồi đấy.

Mới viết có một truyện mà đã có được giọng riêng rồi sao? Tôi chưa biết nhưng đàn anh trong nghề đã nhận ra và có lời khuyến khích. Một lời khuyên, một lời khen hoặc chê đúng lúc quả thật có ý nghĩa sống chết đối với một đời văn.

3. Năm 92, tức 36 năm sau, tôi mới trở về Tiền Hải lần thứ hai. Hỏi anh em có phải thôn Hữu Vi nằm sát mép biển không? Nhiều anh khoảng tuổi bốn mươi bảo không biết, hình như xưa kia là thế chứ từ năm lớn lên thì Hữu Vi đã nằm sâu trong đất liền rồi. Cây đèn biển còn nằm sâu ở một xã phía trong đồng huống hồ thôn Hữu Vi! Nghe mà bâng khuâng quá, buồn bã quá. Chả lẽ mình đã thành đất ruộng, đất cũ với những tên xã thôn mới, với trụ sở Uỷ ban, trường học, trạm xá, các sân phơi của hợp tác xã nông nghiệp. Và tất cả đang sắp sửa đập phá hết vì nó đã cũ quá, xấu quá để xây dựng những công trình mới đẹp hơn, văn minh hơn phù hợp với các cơ cấu kinh tế và xã hội của hôm nay. Mỗi lần Hà nội nằm lại ít ngày ở cơ quan cũ đường Lý Nam Đế, gặp lại bạn bè thân thiết một đời, cười thì cười, đùa thì đùa nhưng trong lòng hết sức thương cảm. Bạn cũng đã già quá, tóc bạc cả, răng rụng cả, đi đứng lòng khòng, là ông nội ông ngoại của những gia đình đông đảo. Mà hồi tôi mới về cái nhà này đến quá nửa trong bọn tôi đều chưa có vợ. Những người được già đi cùng với tờ báo đã trở thành một diễn đàn văn học có uy tín của cả nước, là những người hết sức may mắn. Nói gì thì nói, mỗi chúng tôi ít nhiều đều đã hoàn tất được phần việc của mình, vượt quá những mong đợi khi còn là đám lính tráng làm báo nghiệp dư ở quân khu, ở đại đoàn. Chỉ tiếc cho những anh đi trước, tài năng lớn hơn, được chuẩn bị vào nghề tốt hơn nhưng lại hy sinh khi còn trẻ như

Thâm Tân, như Trần Đăng. Và những bạn cùng lứa tuổi, tài lực đều hơn mình đã hy sinh ở chiến trường hoặc mất vì bệnh hiểm nghèo vào lúc tuổi nghề vừa chín như Nguyễn Thi, Nguyễn Minh Châu. Nên văn học hiện đại Việt nam thiếu vắng những trang viết của bọn họ những năm này và lạ để làm nên những kiệt tác. Nhưng ở đời không có sự mất mát nào không được đền bù, mọi khoảng trống sẽ được lấp bằng bởi sự phát triển tự nhiên của đời sống. Đời sống văn học cũng thế. Tất nhiên sẽ chậm hơn một chút, sẽ vòng vèo hơn một chút. Không phải nói suông đâu. Thử đọc lại những truyện ngắn được giải thưởng của Tạp chí Văn nghệ quân đội năm 94 mà xem, tài nghệ của những cây bút trẻ hôm nay đã đem lại cho bạn đọc rất nhiều hy vọng, rất nhiều tin tưởng. Mình là người của một thời, một thời rất oanh liệt nhưng còn thơ ngây lắm, còn non dại lắm. Họ lại là người của một thời, rất bề bộn, rất ngổn ngang nhưng những người gánh vác dầu còn nhỏ tuổi đã có cái phong độ của kẻ lịch lãm, từng trải. Thời nào cũng có cái đạo của nó, có văn có nhạc của nó phù hợp với từng giai đoạn phát triển của quốc gia, của dân tộc. Nên tôi rất tin tạp chí Văn nghệ quân đội vào những năm cuối thế kỷ sẽ lại có một thời hoạt động sôi nổi với những văn tài mới. Và văn thơ của anh em ở số 4 Lý Nam Đế vẫn sẽ tiếp tục được thiên hạ yêu mến và nể trọng.

Bạn viết cũ

Khi ông già đó tới toà báo lần thứ ba thì các nhân viên ở Ban Trị sự của báo đưa mắt nhìn nhau, có ý hỏi: nên nói với ông ấy như thế nào để ông khỏi đến nữa. Nhìn tướng ngoài ai cũng biết ông là một cán bộ Nhà nước đã nghỉ hưu, mặt mũi hiền lành, nhẫn nhục, nhìn ai cũng như hơi mỉm cười, cái cười làm quen, cầu thân của nhiều người già. Tất nhiên không phải là một người già của Hà nội. Ông mặc cái áo dạ đen dài gần chấm gối, đã bạc đã cũ, quần ka-ki mầu xám và đi đôi giầy vải, đế cao su đen, luôn ôm bên người một cái cặp da căng phồng. Lần đầu hỏi, ông đến có việc gì, ông trả lời ấp úng:

- Tôi chờ một người bạn.

Những người như thế đến toà báo chờ một ai đó cũng là thường, ngày nào chả có. Nên không ai hỏi thêm. Ông ta ngồi khoảng chừng một tiếng, nhìn ai cũng như có hơi quen biết, khẽ nghiêng đầu và cười mỉm, những người kia cũng gật đầu chào lại, vẻ mặt thản nhiên vì họ đâu có biết ông là ai. Lần thứ hai cách đó vài ngày, ông cũng vẫn chào mọi người rất lễ phép rồi ngồi vào cái ghế đẩu kê ở góc phòng khách. Nhân viên toà báo tới mời ông ngồi ghế có lót bọc và rót một tách trà mới pha. Ông chỉ hơi nhổm người cảm ơn rồi vẫn ngồi nguyên chỗ cũ, vẫn nhìn chăm chú tất cả, những bức tranh treo trên tường và những nhân viên mặc sang trọng đang làm việc ở phòng bên qua lớp kính, nhìn chăm chú lắm, nếu không có nụ cười hiền lành thì cái sự chăm chú ấy là rất đáng ngờ. Lần này là lần thứ ba, mấy người của báo còn chưa biết xử trí ra sao thì một anh trong Ban Biên tập đi ngang qua biết chuyện liền bước vào nói với ông già rất lễ phép:

- Thưa bác, bác đến báo đưa bài, hỏi bài hoặc cần gặp ai để cháu giúp?

Ông lão nhìn người hỏi rất thân thiết, nói nhỏ nhẹ:

- Tôi chờ gặp mấy người quen cũ.

- Thưa bác, là những anh nào ạ?

- Anh Vũ Tú Nam còn làm ở đây không?

- Chắc đã lâu lắm bác không đến báo, chú Vũ Tú Nam từ lâu không làm ở báo nữa ạ.

- Thế anh Nguyễn Văn Bổng?
- Bác Bổng cũng về hưu lâu rồi ạ.
Quả thật ông này chả hề biết một tí gì về Hội nhà văn những năm gần đây. Là hội viên thì không phải rồi mà cũng không thể là người Hà nội. Người Hà nội đã là trí thức như gương mặt ông này, dẫu làm những nghề chả liên quan gì đến viết lách vẫn biết mọi sự đã xảy ra ở Hội nhà văn, nhiều người con biết rành rẽ hơn các hội viên ở xa nữa. Ông này là ai nhỉ? Chưa kịp hỏi gì thêm thì người kia đã nói tiếp, thì thào, thủ thỉ, lại như có chút xúc động trong giọng nói thì phải. Anh nhà báo vừa nghe vừa đưa mắt nhìn qua cánh cửa sắt, hình như anh cũng đang chờ ai tới, lỡ bước vào hỏi một câu, không chừng phải ngồi với ông này cả giờ.
- Cách đây đã mấy chục năm tôi còn là cộng tác viên của báo, thỉnh thoảng cũng có một truyện ngắn được đăng. Mỗi lần đến toà soạn các anh ở báo coi như người trong nhà.
Anh nhà báo cười gượng gạo, mắt vẫn đảo nhìn ra ngoài:
- Cái năm ấy chắc bọn cháu còn đang học tiểu học.
Ông già lại nói:
- Một đời người nghĩ cũng nhanh, anh nhỉ? Chỉ mới đây thôi mà đã là một kiếp khác rồi.
Người tiếp chuyện vẫn cười gượng ép, trả lời lấy lệ, mắt vẫn nhìn nhớn nhác nơi khác:
- Vâng, vâng đúng thế.
Người kia lại nói:
- Cũng còn may đường phố này, cái nhà này tuy thay đổi nhưng vẫn là nó, nhìn từ xa tôi vẫn nhận được ra nó. Có điều cái nhà cũ thì thấp và tối, bây giờ thì cao hơn nhiều, nhìn vào đâu cũng sáng.
Anh nhà báo đứng vội lên, cáo lỗi:
- Cháu có việc phải ra ngoài, bác cứ ngồi đây chơi, có ai hỏi bác cứ bảo đợi cháu có việc, cháu là Nhật Vinh.
Ông già cũng đứng lên theo, nắm lấy tay anh nhà báo, chắc cũng là nhà văn, nhà thơ gì đây, đã hiểu rõ nỗi lòng của ông, đã đưa tay ra để ông có cớ trả lời, có cớ ngồi lại, có cớ đến nữa.

2
Truyện ngắn đầu tiên anh viết năm anh mới 35 tuổi. Năm ấy anh là cán bộ tuyên huấn của nông trường Mộc Châu sau 15 năm là lính. Vợ anh là cô giáo dạy văn cấp 3 ở Hà nội. Vợ chồng anh đã có hai con, một trai một gái, trai lên bảy, gái lên năm. Anh về Hà nội học Nghị quyết của Trung ương và dự một số cuộc họp của Bộ Nông trường khoảng nửa tháng. Trong nửa tháng, ngày đi họp, tối về trông con gái đang lên sởi để bà ngoại được nghỉ, vừa đặt bút viết thử một truyện ngắn về một cặp vợ chồng ở nông trường. Mối tình của họ cũng gần giống như mối tình của vợ chồng anh hồi mới quen nhau thời còn đánh Pháp. Họ sống với nhau, thương yêu nhau, cãi cọ nhau, nuôi dạy con cái cũng giống hệt gia đình anh nhưng vui hơn, lắm chuyện hơn và có nhiều chuyện buồn hơn. Viết về người như viết về mình, lại có khoảng cách vừa phải để ngẫm nghĩ, để ngắm nghía nên anh viết rất nhanh, hơi văn tự nhiên, chân thật, có đoạn tự mình bật cười thành tiếng, có đoạn cũng muốn ứa nước mắt. Đêm viết mấy trang cuối thì con bé đã hết sốt, mụn sởi đã mọc xuống chân, đòi ăn cháo và đêm ngủ rất ngoan nên cái mừng của người cha trông con đau sắp khỏi cộng với cái mừng của người viết đã lia bút tới phần kết khiến ngòi bút như bay trên trang giấy, nhìn không còn rõ nét chữ nữa. Vợ anh nằm ôm con trong chăn, lát lát lại mở choàng mắt, hỏi bằng cái giọng ngái ngủ:
- Anh định viết hết đêm à?
- Ừ, viết cho xong để lây nhây sốt ruột lắm.
Vợ cười khẽ sau lưng con:
- Nói cứ như ông nhà văn thực thụ.
Chồng cười nhưng vẫn không ngừng tay:
- Biết đâu đấy! Cô đừng có cười mà rồi hối!
Giọng của vợ đã tỉnh hẳn nhưng vẫn là giọng đùa:
- Thì bố em đã nói em có số lấy chồng là văn nhân mà.
Trước ngày về nông trường anh đèo con trai đến toà báo Văn nghệ để gửi bài. Trong thư ghĩ rõ địa chỉ mà cả tháng sau vẫn chưa nhận được thư trả lời được hay chưa được. Tết được về Hà nội một tuần ăn tết với vợ con, trời rất rét vẫn đèo con trai phía sau lượn lại trước toà báo mà chưa quyết

định được dứt khoát là nên vào hỏi hay không nên vào. Vì cũng sợ nếu nhà báo trả lời là chưa đăng được có phải mất vui cả mấy ngày tết không. Hy vọng thêm một ngày vẫn tốt hơn là thất vọng hoàn toàn. Thằng bé lên bảy, học lớp hai nhưng đã rất khôn, nó ngồi phía sau hỏi:
- Tại sao bố không vào hỏi bài của bố? Bố sợ các bác ấy mắng à?
Anh không trả lời, nó lại hỏi:
- Bố buồn à.
Anh phì cười:
- Hai con khỏe và ngoan là bố vui lắm.
Rồi anh nói thêm, chắc thằng bé chưa thể hiểu:
- Bố vui buồn vì các con chứ ai lại buồn vui vì cái chuyện văn chương vớ vẩn.
Truyện ngắn ấy được toà soạn xếp vào loạt truyện dự thi truyện ngắn hay của báo năm 60, khi kết thúc nó được Ban giám khảo tặng giải Nhì. Cô vợ bảo chồng:
- Đọc trên báo hay hơn đọc trên bản viết tay nhiều. Các bạn em phục anh lắm, không chừng anh thành nhà văn thật cũng nên.
Anh chồng vênh bộ mặt đầy râu, nói tỉnh bơ:
- Chồng nói không tin lại thích tin người ngoài.
Trong mười năm hầu như năm nào anh cũng có một hoặc hai truyện ngắn đăng trên báo. Tên anh đã được chờ đợi trong giới văn của Hà nội và những người yêu thích văn học trong ngành giáo dục. Các con lớn dần lên, nghĩ là đã đến lúc nhàn nào ngờ vợ anh mỗi năm một yếu đi vì chứng bệnh nan y của phụ nữ. Dẫu đau yếu chị vẫn không bỏ dạy, vẫn chăm lo mọi việc để người chồng đỡ phải đi về nhiều lần Mộc Châu - Hà nội. Anh đã ngoài bốn chục tuổi, thuở trẻ anh có đủ thứ bệnh, toàn là những bệnh do chiến tranh để lại. Càng có tuổi các bệnh cũ như mất dần, mười năm không ốm một ngày nào, không đi bệnh viện một lần nào, vào bệnh viện chỉ để trông vợ ốm với con đau. Ở nông trường thì việc Nhà nước, việc nhiều người ít, làm đủ mọi việc, không còn thì giờ ngồi ăn ngồi thở. Về nhà thì việc gia đình, vợ vừa bận vừa ốm đau, những công việc lớn trong nhà đều phải đợi người đàn ông về thu xếp. Giọi nhà, quét vôi, làm lại đường dây

điện, làm gác xép cho con lớn có chỗ ngồi học, khách đến có chỗ ngủ qua đêm. Đường từ Mộc Châu về Hà nội có lần đi xe của nông trường, nhiều lần chỉ đi xe đạp, cái xe không chắn bùn, không chắn xích, không chuông, không cả phanh, trần trụi, gày guộc như ông già cởi truồng, đèo lặc lè phía sau nào gạo, nào ngô, đỗ, khoai đã xắt mỏng phơi khô, phía trước thì các bị cói lớn nhỏ nhét đầy cà mèn đựng mỡ, thịt rừng đã sấy khô, măng khô và cả ớt đã nghiền thành bột phơi khô. Phần của anh có một ít, phần mua lại của anh em một ít, Hà nội cái gì chả có nhưng đắt; đặc sản của rừng lại càng đắt. Tất cả những nông nỗi ấy, những tính toán ấy đều vào truyện của anh cả. Những nhân vật của anh người nào cũng vất vả, cũng có bao nhiêu lo nghĩ, toàn những lo vặt vãnh của đời thường nhưng không ai buồn, không có ai mất lòng tin vào ngày mai, cái buồn cái khổ và bao nhiêu hy vọng hư có thực có như chảy vào, thấm vào mỗi trang giấy viết, thấp thoáng giữa những dòng chữ, trong từng con chữ nên câu văn, chữ dùng chả có gì là đặc sắc, là hiếm quý mà vẫn quyễn rũ người đọc. Đọc chuyện của người mà như được nhìn lại đời mình, lại là một cái nhìn đã tỉnh táo, đã vượt khỏi cái bề bộn, vật vã của mỗi ngày để nhìn được xa hơn, cao hơn, nhẹ nhõm hơn.

4

Trong 17 năm anh viết được khoảng hai chục truyện ngắn và bút ký. Truyện đầu tiên anh viết trong một đêm có tiếng nói mê của con lớn, tiếng khóc u ơ của đứa nhỏ và cái giọng ngái ngủ của vợ lát lát lại giục anh ngừng viết để vào nằm với hai con. Mười tám năm sau, năm 78 anh viết truyện ngắn "Tiễn con đi xa", chưa nghĩ tới chuyện gác bút không dè lại là cái truyện ngắn cuối cùng. Anh vẫn ngồi viết trong gian nhà cũ, trên cái bàn mộc kê giữa hai cái giường đôi. Cái bàn đã trở lại mặt mộc của tấm ván ép hai góc bàn mép ván đã bật khỏi đinh đóng vênh cong lên. Vẫn là đồ đạc cũ, không thêm một cái gì. Chỉ có thêm cái bàn thờ đóng ở phía trên bàn viết, đặt ba tấm hình lồng trong khung kính, hình giữa là mẹ vợ, hình bên trái là vợ, hình bên phải là con trai. Ba thế hệ đều buồn bã chứng kiến người đàn ông tóc đã bạc sớm sống lủi thủi trong gian nhà trở nên quá rộng, nấu một soong cơm nhỏ, kho một niêu cá nhỏ và ngồi ăn một mình,

ngủ một mình và đêm viết một mình. Anh vẫn ngồi viết tới khuya bên cái giường trống vẫn chưa buông màn, không có tiếng động nào ngoài tiếng ngòi bút sắt cạo soàn soạt lên mặt trang giấy xấu.

Năm 70 con trai anh 17 tuổi, vừa tốt nghiệp trung học phổ thông nhưng không thi vào đại học mà muốn tòng quân làm nghĩa vụ người trai thời chiến. Nhà con trai một, thằng bé lại tháo vát và học giỏi, đã có thể thay bố làm ông chủ nhỏ của gia đình. Đi rồi về lại học cũng chả sao. Chỉ sợ có đi mà không thể về thì cái phần còn lại của gia đình sẽ phải sống như thế nào? Mẹ nó nói thế rồi khóc. Người bố cũng nghĩ thế nhưng anh đã là người lính thời đánh Pháp, anh lại còn là người viết, anh sẽ còn dám viết gì tiếp nếu anh không ủng hộ một nguyện vọng rất đẹp của lứa tuổi nó khi đất nước còn chưa dứt tiếng súng? Nên anh đã nói, hãy để con tự quyết định, nó có danh dự của nó, của thế hệ nó, không một ai có quyền ngăn cản, kể cả bố mẹ. Thằng bé lên đường đầu năm 71, qua thư gửi nó đã có mặt ở nhiều chiến trường, tới tháng 3 năm 1975 thì nó hy sinh ở Plây Cu. Tin thằng bé hy sinh mãi cuối năm 1975 gia đình mới biết. Mẹ nó đã không còn đủ nghị lực để chống chọi với bệnh tật của mình, nằm liệt khoảng hai tháng rồi mất giữa năm 1976. Bà ngoại nó mất vào cuối năm mới 70 tuổi. Cuối năm 1977 con gái đi lấy chồng. Hai đứa yêu nhau từ những năm còn học ở trường trung cấp sư phạm. Khi chúng nó xin với anh được làm hôn lễ vào cuối năm, cũng là cưới chạy vì mẹ chồng đang đau nặng, khó mà sống qua được vụ rét, anh cũng giận. Nhà đang có bao nhiêu là chuyện buồn mà con gái chỉ nghĩ đến cái vui riêng của nó sao? Nghĩ thoáng thế rồi lại tự nhủ, mình là người viết văn, dẫu viết nghiệp dư vẫn là người viết, thì không thể nghĩ nông cạn như mọi ông bố khác được. Mỗi lứa tuổi đều có cái vui cái buồn riêng, không hoàn toàn giống nhau. Những buồn vui của tuổi trẻ đều hướng về tương lai, hướng về đoạn đời còn lại của chúng nó. Con gái chọn chồng còn quan trọng hơn đứa trẻ chọn cửa để sinh ra. Chọn cửa sinh là ông giời chọn, hay giở cũng chỉ trong khoảng mươi lăm năm. Còn chọn chồng là tự mình chọn, hay dở phải chịu suốt một đời người. Mình buồn rồi mình chết, không sao cả. Buộc con gái phải buồn theo mình để lỡ mất vận may, ai sẽ san sẻ với nó những cái đau khổ sau này? Lúc đầu cả hai

đứa đều có vẻ sợ vì mặt bố trở nên ngỡ ngàng, căng thẳng. Tự chúng cũng cảm thấy có lỗi vì đã nói cái chuyện riêng của chúng nó vào cái lúc rất không nên nói. Nhưng chỉ một lúc sau các nếp nhăn trên mặt người bố như dãn dần ra, ông nhìn hai đứa rất âu yếm rồi nói nhỏ:
- Bố bằng lòng. Còn một tháng nữa, phải không? Chỉ tiếc nếu mẹ còn sống thì chúng mày cũng đỡ vất vả.
Anh đã viết đúng như thế, không thêm bớt một tí gì, nghĩ là một chuyện buồn nhưng lại không hẳn là buồn, một nhà phê bình đã viết thế. Người sống vẫn phải tiếp tục sống với những công việc của hôm nay, của ngày mai. Trong cái vui lấp ló nhiều cái buồn vì chiến tranh vừa kết thúc, vết thương chưa kịp kín miệng nhưng những người còn sống buộc phải cười, phải vui với cái đang tới.
5
Khoảng vài ngày sau, ông già mang cặp, bạn viết lâu năm của báo, lại lò dò đến. Lần này không đợi ai hỏi, ông đến trước một nhân viên của báo nói thầm thì:
- Xin chị tha lỗi, tôi muốn được gặp anh Nhật Vinh.
Một lát sau Nhật Vinh từ trên lầu chạy xuống, thấy ông già đang ngồi chờ ở phòng khách, anh hỏi mừng rỡ như họ đã quen nhau từ lâu:
- Bác chờ cháu đã lâu chưa?
Ông lão đứng dậy:
- Thưa, tôi cũng vừa tới, tôi đến để chào anh, ngày mai tôi về dưới tỉnh.
Nhật Vinh nói:
- Sáng nay cháu rỗi, hai bác cháu ta ra quán uống ly rượu chia tay.
Nhật Vinh gọi hai ly cô nhắc Pháp và một đĩa gỏi ngó sen. Ông già hớp một chút rượu vẫn cầm ly trên tay, lòng mắt đã bạc nhìn mông lung ra phía đường. Nhà báo trẻ hỏi:
- Lần này bác có gửi cho báo truyện mới nào không?
Ông già đặt ly rượu nói ngậm ngùi:
- Tôi viết không được nữa anh ạ. Xưa kia tôi sống vội vã, căng thẳng với rất nhiều dự tính, nhiều hy vọng, chả là mọi sự mới chỉ bắt đầu. Có ý tưởng gì hay là viết được ra liền, câu chữ đuổi nhau ở đầu ngòi bút, ngăn không

nổi, chữ nào cũng tươi, cũng xanh như mới được dùng lần đầu... Còn bây giờ, tôi hoàn toàn tự thả lỏng, dập dềnh nửa thức nửa ngủ, trôi theo con theo cháu, không phải lo bất cứ việc gì, cũng không hy vọng cho riêng mình bất cứ cái gì. Đã nghĩ người không còn gì để lo, không còn việc gì để làm, rỗi rãi cả ngày cả tháng thì ngồi viết bao lâu cũng được, ngồi viết cả năm, cả nhiều năm cũng vẫn được. Nào ngờ không còn chữ để viết, chúng đã trốn đâu mất sạch. Chỉ viết được đoạn mở đầu, chuyện nào cũng chỉ viết được vài dòng mở đầu. Sao thế nhỉ? Mãi lâu về sau tôi mới hiểu, khi mình không còn gì để buồn, để lo, để hy vọng nữa thì chữ nghĩa cũng héo dần, chết dần. Bây giờ thì chúng đã chết cả loạt rồi, chúng chết trước tôi mới đau chứ!

Khi Nhật Vinh hỏi, hai bác cháu còn cơ hội gặp nhau lần nữa không, thì ông già nhấp nháy nhìn anh, trong mắt như có ngấn nước:

- Chắc là không bao giờ. Tôi đã ngoài bẩy chục rồi, dẫu còn sống cũng khó có việc buộc được tôi lên Hà nội lần nữa. Tờ báo của các anh ấy mà, nó gói ghém nhiều đời người nhiều đời văn lắm đấy. Những đời văn thăng trầm, vất vả của một cái nghiệp làm người. Không có những cuộc đời ấy đổ vào cho báo làm sao nó sống được tới tận hôm nay.

Ông lão đã đi được một lúc nhà báo trẻ mới chợt nhớ anh chưa từng hỏi tên ông ta. Ông ta tên gì nhỉ, có bút danh là gì nhỉ, đã viết những truyện ngắn nào nhỉ? Vì anh không hỏi nên ông già cũng không nói. Một bạn viết có một lai lịch hơi đặc biệt đã chạm vào tay nhưng anh đã không nắm giữ lấy nên ông ta lại lặng lẽ chuồi đi vào cõi vô danh.

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 2-1998

Ước gì tôi được trẻ lại

Chả cứ gì riêng tôi mà mọi người già ở trên đời này đều có lúc ước thầm như thế dầu biết rằng lời ước ấy vừa tham lam vừa vô lý. Mọi niềm vui ở đời chỉ nhằm phục vụ cho người trẻ. Thấy nhiều bạn trẻ mới có tí tuổi đầu đã làm ra vẻ đau khổ, sầu nảo hoặc tự giam mình trong cảnh tuyệt vọng muốn điên cái đầu. Có tuổi trẻ là có tất cả, nó có thể sửa chữa mọi lầm mỗi, hàn gắn mọi vết thương và cho phép làm lại, bắt đầu lại một đôi lần. Giàu có đến thế, quyền lực đến thế không chịu dùng cho hết lại ngồi chờ đợi, than vãn có phải là rất... ngu không?

Dạo đầu một chút để nói về những bạn viết trẻ. Tất nhiên là họ có những điều kiện mà những thế hệ viết văn trước họ không thể có. Điều quan trọng hơn cả là họ được sống một thời thông thoáng hơn ngày xưa nhiều, dân chủ hơn ngày xưa nhiều. Chỉ riêng một việc quản lý xã hội bằng pháp luật đã bớt đi bao nhiêu trói buộc phi lý, tuỳ tiện làm bản lòng người, bào mòn con người. Con người với những nhu cầu của nó, những ước mơ của nó đã được tôn trọng. Cái môi trường dân chủ tự do và tôn trọng cá nhân là điều kiện trước hết để những tài năng sáng tạo được đua nở. Mới trong khoảng mươi lăm năm nay nhiều tài năng trẻ trong nghệ thuật, trong khoa học kỹ thuật, trong quản lý kinh doanh đã lần lượt xuất hiện, mới lạ, táo bạo là một bằng chứng về sự thành công của sự nghiệp đổi mới. Tuy nhiên...

Tuy nhiên một nghịch lý mới đã xuất hiện, điều kiện làm việc tốt hơn, môi trường sáng tạo thuận lợi hơn nhưng những thành phẩm của sáng tạo văn chương lại vặt vãnh, thiếu tầm cao, không tạo được những ấn tượng đẹp có sức ám ảnh lâu dài. Có thể tầm nhìn, tầm nghĩ của các tác giả còn hạn hẹp quá, ngắn quá, nông nổi và vội vã, thiếu hẳn sự khao khát cái hoàn mỹ trong nghệ thuật. Tính cách nhân vật đa dạng, phong phú, chuyện đời chân thật, nóng bỏng, hơi văn tự nhiên, mềm mại, nhưng đọc xong cứ như bị ngạt, thiếu hẳn một khoảng trời để mơ mộng, để hy vọng, để bay tới. Văn chương thời chiến tranh và sau chiến trang thì mênh mông, lãng mạn, làm náo nức lòng người nhưng nhân vật đơn điệu, chuyện đời bị câu thúc bởi nhiều quan niệm thủ cựu, hẹp hòi, hơi văn khô khan, giáo huấn. Nói nôm na

đọc văn thời trước thừa lý tưởng, thừa lòng tin nhưng thiếu sự từng trải, lúc trẻ đọc thấy hay vì mình với nhân vật là một, về già đọc thấy việc đời không giống mấy với văn chương, nó phức tạp hơn nhiều, khó hiểu hơn nhiều. Niềm tin mạnh nhưng thiếu những số phận sóng gió, từng trải để minh chứng cũng không thể viết được một tác phẩm để đời. Chỉ miêu tả những số phận nghiệt ngã mà thiếu hơi nóng bỏng của niềm tin thì văn chương cũng mất đi lý do để tồn tại. Những người cầm bút từ thời chống Pháp rất biết cái thiếu sót của mỗi thời, rất muốn dung hoà với những cái mạnh của mỗi thời để co được một chất liệu hoàn hảo, vững bền dựng đài tưởng niệm một thế kỷ có nhiều bóng tối nhưng cũng tràn ngập ánh sáng, thơ ngây cũng nhiều mà từng tải, trưởng thành lại càng nhanh. Nhưng, hỡi ôi, đã già rồi, sức viết và sức nghĩ đều yếu nói chi đến việc nhào nặn một sự nghiệp đã định hình.

Ước gì tôi được trẻ lại vài chục năm nhỉ? Cao vọng nghệ thuật của tô sẽ cao xa hơn ngày xưa. Tôi đã có thể nhìn ra thế giới để nhận biết, để so sánh những tiêu chuẩn của một tác phẩm nghệ thuật có sức sống lâu bền. Phương pháp sáng tác hiện thực đã không còn là duy nhất, không còn là đủ với những từng trải, những mơ mộng của hôm nay. Nhưng tôi là người hay lo xa nên phải tự hỏi, nếu trong cuộc phiêu lưu mới mình lại không thành công như đã mong đợi thì sao? Những bằng chứng thất bại của người này người kia buộc mình phải ngờ vực điều đó. Phàm đã viết hoặc vẽ có mẫu thật thì hay hoặc dở biết ngay, có tài hoặc bất tài cũng biết ngay. Còn viết ảo, vẽ ảo thì khó biết lắm, có thể là tuyệt hay, tuyệt đẹp, là siêu nghệ thuật mà cũng có thể là một cách đánh lừa mình, đánh lừa thiên hạ. Mình thì thành thật nhưng tài chưa tới nên hoá ra người đi lừa. Cãi nhau quanh chuyện thật còn dễ phân biệt phải trái chứ cãi nhau quanh chuyện ảo thì càng vuất càng rối, càng viết nhiều chữ nghĩa, chữ nghĩa cũng ảo cả. Cái chuyện này phải đợi thời gian và phải đợi cả công chúng. Có những câu thơ:

- Đáy đĩa mùi đi nhịp hải hà - Nhàn đàn rót nguyệt vú đôi thơm" sau nhiều chục năm vẫn còn nhiều người làm thơ khen là những câu thơ hay dẫu rằng cũng không mấy ai hiểu được nó hay như thế nào. Cái hay của văn thơ là

mênh mông lắm, rất khó quy vào những tiêu chuẩn cụ thể. Lý sự quá thì hoá ra người nghiệt, nông nổi quá hoá ra người... ngu. Nếu trong hội hoạ, có nhiều danh hoạ đã chia sự nghiệp sáng tạo của mình làm nhiều thời kỳ, thời xanh, thời hồng, vân vân, thì tại sao người viết văn lại không thể có nhiều thời kỳ trong quá trình sáng tạo của mình: thời hiện thực, thời ấn tượng, thời siêu thực hoặc ngược lại. Thoạt đầu ta nhìn cái nhà là một cái nhà. Rồi tới lúc nhìn cái nhà mà như thấu hiểu cả số phận những người ở trong nhà, số phận một góc phố, một đoạn đường, một thời thế. Màu tím của thời gian, màu đỏ của sương mù là những cái ảo phải trải qua sự từng trải nhiều khi cả một đời người mới có. Với tôi, theo cách nghĩ của tôi, khi chưa vươn tới cõi ảo thì tôi đặt hết mình vào cõi thực. Thời này được viết đúng như thực tế đang diễn ra cũng là đủ mãn nguyện với một tài năng ở mức trung bình. Cứ viết đúng như sự vật vốn có, những điều cấm kỵ đã thành văn bản, thành luật lệ, công khai, đoàng hoàng chứ không còn qua sự thì thầm tuỳ tiện của người này hay người kia, tức lá đã được viết trong tự do một cách nhìn, một cách nghĩ của riêng mình, của một lớp người, dẫu chưa là một tác phẩm nghệ thuật như mình mong đợi thì vẫn cứ là những bằng chứng chả kém giá trị một tí nào về một thời đã sống. Chả hơn cao thì với chưa tới, thấp thì không thèm quan tâm, về già rút lại tay trắng, là một kẻ vô danh với những mộng mơ hão huyền, có hối tiếc cũng đã muộn. Vì tuổi trẻ chỉ có chừng ấy năm. Qua tuổi năm mươi mọi sự coi như đã an bài. Chẳng phải số phận gì, chẳng qua chưa biết dùng cái tài của mình cho đúng mà thôi.